

Hành Hương Tâm Linh



Minh Đức Triều Tâm Ảnh

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 11-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phapthihoi.org>

Mục Lục

ĐỊNH MỆNH
NGƯỜI XIN LỬA
SỰ RÀNG BUỘC CỦA SỢI CỎ XANH
KẼ NẮM CẨM NANG THƯỢNG ĐẾ
THOÁT LY
GẤP LẠI SA-MÔN ĐÀU ĐÀ
BÊN BỜ SUỐI
CẠM BÃY THÂN XÁC
CẠM BÃY TINH THẦN
PHÁP MÔN TRI NGÃ
CHUYỆN KẼ CỦA QUÁI-ĐÀU-ĐÀ
ĐI VÀO HUYỀN NGHĨA

---o0o---

ĐỊNH MỆNH

Triết Hựu sinh ra và lớn lên trong một gia đình quý tộc, nhưng là một gia đình quý tộc bất hạnh, sự có mặt của chúng chỉ làm cho những người trong thân tộc hổ thẹn, không dám ngẩng mặt nhìn mọi người, không dám nói to tiếng trước đám đông. Điều này Hựu biết rõ hơn ai hết qua thái độ lạnh nhạt của mọi người, cái nhìn nghiêm khắc của cha và tình cảm giấu giếm của mẹ.

Một hoàn cảnh như vậy bắt Hựu phải thu rút lại, như một con ốc sên chỉ tìm được sự an toàn trong lớp vỏ của mình - lớp vỏ bao giờ cũng lạnh lùng ngăn cách nó với thế giới bên kia - bên kia của ánh sáng và sự sống. Tuổi xuân mòn mỏi, héo úa, hình như chỉ chờ ngày để rụng xuống; nằm yên lặng, vô danh trong đám rừng già hoang nguyên quên lãng của cuộc đời. Hoàn cảnh ấy, phải chăng là một định mệnh? Một định mệnh tiền khiên mà chàng chưa hề tham dự, biết tới? Nó phủ vây như một màn lưới trên thân phận chàng từ bao giờ. Và khi mở mắt ra, chàng đã là như vậy, không thể là khác hơn? Một vài niềm vui hiếm muộn đến với chàng là những giây phút ngồi một mình, ngồi rất lâu trong thế giới cách biệt, riêng đơn, cắt đứt mọi tương quan với đồng chủng. Chàng với thế giới vô tình hình như có một mối dây liên hệ sâu xa hơn, cảm thông chan chứa và thù thắng hơn. Đây là một đám mây lang thang bên kia đầu núi pha loãng ánh mặt trời hồng. Kia là dòng sông bình lặng với mấy chiếc thuyền con nổi trôi bập bênh trên sóng nước. Chúng tĩnh nhưng chúng lại chảy trôi nhịp nhàng, đồng điệu, khởi phát từ một yên nguyên xưa - một yên nguyên tròn đầy, hoan lạc và vô nhiễm? Chàng thường để dành suốt buổi chỉ để nhìn một nụ hoa dại hay một lá cỏ xanh. Thỉnh thoảng chàng bị chìm ngập hoặc hòa tan mơ hồ vào các đối tượng ngoại giới; và không còn một ý thức nào về sự hiện hữu của mình nữa. Chàng như mất đi, vong ngã. Nếu gọi được là vong ngã, thì đây là một vong - ngã - tuyệt - vời. Trong các sinh hoạt với gia đình, học đường, xã hội; nếu càng sống với ý thức thường nghiệm, khôn ngoan, đầy kiến thức của mình bao nhiêu thì khổ đau lại hoàn trả về chàng bấy nhiêu. Chỉ có cái được gọi là vong ngã ấy, chàng mới thực sự tìm ra được mình, sự lạc phúc và thế quân bình nội tại. Đây là “một quê hương bất đắc dĩ”? Một chạy trốn bi tráng? Một nương trú tạm bợ, phù du? Bạn chàng - Vọng Việt, con một giáo chủ bà-la-môn thông thái đã luận về cái vong ngã ấy như sau:

- Sự ly tính của một tự hữu, tự thể khởi nguyên từ một vô thức quá thâm sâu - thâm sâu đến nỗi hầu như chưa bao giờ ý thức ta với tới được. Thật ra, cái thâm sâu đó không thể hiện tồn nếu thế giới khách thể không tấn công ồ ạt, xâm lăng tự thể. Cái định mệnh gọi là bất mãn của bạn nó lập căn từ một ý thức về bản ngã. Có bản ngã là có xung đột, đấu tranh. Mọi nỗ lực nhằm tự vệ đều là dấu hiệu đầu hàng, thua cuộc. Khi mà thế lực bên ngoài càng gia

tăng ảnh hưởng thì ta thường rút lui để bảo toàn thực lực, nghĩa là tìm kiếm sự an toàn giai đoạn. Sự an toàn giai đoạn đó là một trạng thái lạc thú cần thiết, là thực phẩm dưỡng sinh cho cuộc lên đường dài, là một cơn gió mát cho kẻ lữ hành giữa sa mạc. Nhưng thiện hữu ơi! Nói theo minh triết, thì nó cũng là mảy mà nó chẳng phải là cái đời đời, cái chân phúc!

- Tôi cũng biết vậy hồi bạn yêu quý - chàng nói - nhưng nó là chất nước, là giọt sương, là tia nắng ấm bình minh cho những cuộc đời hiu hắt và bé mọn!
Vọng Việt cau mặt lại:

- Hãy kham nhẫn. Và hãy lên đường, này thiện hữu. Đừng dễ dãi và yếu đuối. Đừng nằm ngủ quên trong vòng tay ngọc của mảy. Rồi bạn sẽ khổ đau.

Giọng nói của Triết Hựu chợt chảy ra như nhựa:

- Giây phút vong ngã ấy tôi không khổ đau.

Vọng Việt kêu lên:

- Như loài khỉ khôn ngoan, biết là cành cây khô gãy thì chẳng dại gì mà nhón nhơ leo chuyền trên ấy. Như những nhà thám hiểm giữa đại dương, biết rằng đã lạc đường thì hãy chuyển hướng. Bão tố và tử vong sẽ đến với bạn, thiện hữu! Phía dưới những lớp cỏ mượt là cạm bẫy, là bóng tối và địa ngục, thiện hữu!

- Tôi thản nhiên chờ đợi chúng.

Lâu lắm, Vọng Việt thở dài:

- Hãy nên đến với một vị chân sư, thiện hữu, kẻ có đầy đủ thẩm quyền về Thượng đế, nghĩa là minh triết và chân phúc - rồi bạn sẽ biết đâu là con đường để bước ra khỏi cái gọi là định mệnh tiền khiên của mình.

Vọng Việt nói không sai, Triết Hựu nghĩ. Nhưng dù sao thì cái giây phút vong ngã ấy nó đã nâng đỡ, dưỡng nuôi chàng bấy lâu. Mỗi người mỗi hoàn cảnh chủ quan riêng biệt. Mỗi một hạt trần vi chúng cũng có một quá trình tự sinh, tự hóa khác nhau. Cường độ khổ đau trong chàng âm ỉ như thế nào, cương mãnh như thế nào, Vọng Việt làm sao biết? Y đã lần nào chưa cảm nghiệm cái vong ngã ấy như chàng? Vọng Việt sinh ra và lớn lên trong một định mệnh khác, thế giới khác, hoàn cảnh khác, truyền thống và sự di truyền khác; ở đây - cái gì cũng như là trật tự, là an toàn, là dễ dãi, là tiện nghi, là thích hợp, là vừa lòng... Là tất cả những gì đối nghịch với chàng; là bóng tối và ánh sáng. Muốn giải quyết bóng tối, phải chăng là dùng thẩm quyền của ánh sáng và ngược lại?

Cảm ân bạn yêu quý - Triết Hựu trầm nghĩ, nếu có sự ganh tỵ nào đó đến trong tôi thì cũng do điều kiện phát sinh thôi. Tôi đau khổ quá.

Có những giây phút bất quân bình như vậy, rồi cũng qua đi, trả lại chàng với ý thức bình thường của đời sống - cái đời sống quá mệt mỏi, úa vàng, khiếm diện những màu xanh, tiếng cười và hoa cỏ mùa xuân. Đôi khi chàng cũng

ghê sợ cho cái xấu xa và tầm thường của mình khi chột so sánh với Vọng Việt. Nhưng chẳng bao giờ chàng lại như Vọng Việt được. Phải thú nhận rằng, Vọng Việt là một người bạn tốt, rộng lượng, đôi khi lại như là minh đức và thánh thiện nữa. Ở y là sự tỏa sáng của một ngôi sao điểm phúc: vùng trán thẳng và mịn, đôi mắt xanh và to, ẩn chứa sự thông minh và trung hậu mà ít người có được. Có lẽ Vọng Việt là một danh sĩ bà-la-môn trong tương lai gần, một giáo chủ vô đối thủ nếu y trọn vẹn với con đường. Con đường, con đường! Nghĩ đến con đường là chàng lại liên tưởng đến hai hình ảnh đối nghịch: một con đường đầy ánh sáng nơi đó bạn chàng đang đi lên, và một con đường đầy bóng tối nơi đó chàng đang vẫy vùng không lối thoát. Có một bức tường thành lạnh lùng và kiên cố dựng đứng ở đây, ngăn cách chàng và ngoại giới. Một dòng sông, chỉ một ngõ nguồn duy nhất là ồ ạt tuôn đổ vào phía bên trong, bức phá vùng bình nguyên thâm mật nội tâm. Sự câm nín bấy lâu của vô thức bị sự xâm phá này đã trở nên tan hoang - bật thành những vang động thống thiết. Sự gọi kêu này quả thật là cấp bách và cường liệt mà chàng chẳng đủ khả năng xoa dịu hoặc đáp ứng. Nhưng mâu thuẫn thay, nhờ vậy mà chàng có được một đời sống nội tâm sung mãn.

- Thượng đế vì thương yêu con cái ngài nên chẳng bao giờ ngài để cho sự khổ đau quá sức người chịu đựng. Vì là hơi thở của ngài nên linh hồn kia cũng hưởng được một vài ánh sáng của chân phúc.

Quả thật vậy, trong chiếc vỏ đầy tối tăm của ta cũng có được một chút ánh sáng, sự an lành hiếm hoi, đủ để nương tựa sau những khổ đau dài hạn. Và đây là nơi ẩn núp thường khi của chàng. Nhưng cha chàng đã không cho chàng ở yên trong một lần đối thoại:

- Có hai sự tệ hại trong đời sống - cha chàng nói - một là sự hưởng thụ và hai là sự trợ lực về sự hưởng thụ ấy. Com bánh trần gian chẳng phải để dành phần cho những kẻ thiếu đức tin.

Triết Hựu cúi đầu xuống, giọng ôn hòa nhưng chắc nịch:

- Nếu không phải vì thiên ý mà con hiện hữu, thì làm gì con có được com bánh trần gian, thừa cha? Phải chăng vì mặc khải của Thượng đế mà con phải gánh chịu căn phần này? Định mệnh nghiệt ngã này? Tác ý và nỗ lực đơn bạc của cá nhân không thể hoàn thiện vẹn toàn một nhân cách, một đời sống. Dù sao thì con cũng đã có một nhân cách, một đời sống, dù tối tăm, do Thượng đế sáng hóa. Nói cách khác, thân xác và tư tưởng của con cũng được tách ra từ Đấng vô hạn. Com bánh trần gian là những ân sủng dĩ nhiên cho cháu con lưu lạc của ngài. Do vậy, thừa cha, con chẳng thể vong bản đến nỗi quên mất cội nguồn. Vì là thân xác cùng tư tưởng, nên bản phận và sứ mạng thiêng liêng trong đời để tạ ân Thượng đế, không phải chỉ đơn thuần ở ngoài bề mặt của biểu hiện hình thức, vật chất, thân xác. Nó còn có cái bên trong: cái nội dung, cái thần thể, cái tư tưởng. Phải rồi, hình như chỉ

có cái bên trong ấy mới là cái sáng hóa của linh hồn, cái của Đấng vô hạn, cái tối thượng, thừa cha!

Người cha cau mặt lại, giận dữ:

- Mẹ mày là một người đàn bà thiếu đức hạnh. Danh giá của tổ tiên một sớm một chiều đã do tay mẹ mày mà trôi theo dòng nước. Sự ngoại tình của mẹ mày - từ đó mày hiện hữu - cái giây phút ấy nó không tương ứng với tư tưởng của mày sao? Dù không là tác ý cá nhân nhưng là một vận hành đồng lõa, phải thế? Lý suy, sự hiện hữu của mày đã là đồng lõa với tội ác, vô hạnh, đê hạ, kéo theo sự xuống dốc và phủ hất bóng tối lằng nhục lên gia tộc. Ôi! Không thể khác hơn, vì đây là chân lý. Dù mày có học thói lý luận “con lươn”, cũng không thể phủ nhận chân lý để tồn tại ngoài chân lý!

Triết Hựu đánh mặt lại:

- Thế thì cha cũng đồng lõa với tội ác, vô hạnh, đê hạ - nghĩa là đồng lõa với sự ngoại tình của mẹ. Minh triết hơn, cả vũ trụ này đều phạm tội, đều ngoại tình, thừa cha! Cái bài học vỡ lòng thuở thơ ấu về duyên khởi, do cha dạy, con đã được hiểu rằng, vũ trụ là sự tương quan trùng trùng và tất yếu. Vũ trụ đã không là sợi dây xích vĩ đại vô thủy, vô chung? Con người, gia đình, xã hội đã được gắn bó thiết cốt trong một định mệnh không rời - những bộ phận hỗ trợ trong chiếc máy vĩ đại thiên diễn của tạo hóa. Vậy thì - con - một hiện hữu quyết định cho sự vận hành của pháp giới, không thể không có mặt ngay giây phút ấy - giây phút ngoại tình của mẹ! Nói khác hơn, trong bối cảnh vừa chủ quan lẫn khách quan của nó, thì con đã là như vậy. Con như vậy, hiện hữu như vậy trong giây phút như vậy và hoàn cảnh như vậy - chứ không thể khác hơn!

- Mày lại có ý đồ lỗi cho Thượng đế phải không? Đồ ngoại đạo.

Triết Hựu trầm thần, lạnh lùng:

- Thượng đế đui mù - chàng nhân mạnh - ít nhất là đáng Thượng đế trong nghĩa truyền thống và kinh viện. Thượng đế, theo nghĩa ấy là sáng tạo phẩm của mọi tội ác con người, thừa cha - trong đó, dĩ nhiên có cả sự ngoại tình của mẹ. Mẹ không phạm tội mà Thượng đế phạm tội!

Triết Hựu đang còn muốn nói nữa thì chợt thấy tối tăm mặt mũi bởi một đồ vật rơi đổ loảng xoảng. Một cảm giác âm ảm bò từ trán xuống mũi, qua miệng... Hình như đâu từ xa xăm có tiếng khóc âm ức của mẹ chàng vọng lại. Giây phút ấy Hựu thấy mình bình tĩnh và sáng suốt hơn bao giờ. Hai chân chàng chôn cứng xuống đất như một trụ đồng. Tất cả đang im lặng trong chàng. Triết Hựu có thể nghe được, trong một lúc mười muôn triệu thế giới đang dừng lại, chỉ còn một hơi thở và một trái tim. Nghĩa là chỉ còn một sự sống duy nhất, là của chàng, đồng thời là sự sống của vũ trụ, là một, chẳng còn biên giới nào ở đây, giữa tiểu ngã và đại ngã, khi ta trú vào miền tịch lặng thâm sâu này. Tiếng khóc, nụ cười, nước mắt, niềm đau, nỗi buồn

chỉ còn là những con gió phù du xôn xao thoảng qua vô hình, vô ảnh. Thân xác cũng ngủ quên, có phải? Mọi ý thức về mình cũng vong bật khi ta trở lại với cái một, nhập thể với cái một, với cái Nhất-thể-kiên-cố-bất-động. Chỉ còn nó là tồn tại. Nhưng sự tồn tại ấy không lâu bền, Hựu biết. Nó chẳng phải là Thực-tại-nhất-thể-vĩnh-cửu, tuy là cái Nhất-thể-không-thời-gian. Nó tử sinh.

Quên mình là vong ngã. Thấy mình kiên cố, bất động với cái một là đại ngã. Hai trạng thái tuy đồng tướng, đồng dạng nhưng khác nhau, Hựu cũng biết rõ ràng như vậy.

---o0o---

NGƯỜI XIN LỬA

Sau lần đụng chạm với cha, Hựu chớm có ý định thoát ly gia đình, chạy trốn gia đình càng xa càng hay. Tình cảm đeo níu yếu ớt của người mẹ không thể cưỡng lại, làm dịu lại nỗi thúc hối thâm sâu đã trở nên dai dẳng và cường liệt.

Trình bày ý ấy với Vọng Việt, chàng chỉ nhận được một lời lý luận của đầu óc, sách vở và từ chương:

- Đào tâu định mệnh cũng là vong ngã ở hình thức khác. Nó cũng là mây â đây, thiện hữu!

Đây có lẽ là lần thứ nhất Triết Hựu thấy mình ghét bạn thậm tệ. Hình ảnh thiêu cân đối của một người què quặt chột hiện ra trong trí chàng. Hấn là một thanh niên bà-la-môn tinh thông phạm điển. Là một học giả uyên bác, được trưởng thành trong khí hậu tiện nghi và dễ dãi, có biết gì về đời sống? Hấn là một động vật chỉ có đầu óc mà không có tứ chi, thân thể. Hấn đi một đầu xuống đất mà vào cuộc đời. Hấn chỉ biết suy tưởng chứ biết gì về hành động?

Hựu không muốn hỏi han gì nơi Vọng Việt nữa.

Chàng biết rằng đây là định mệnh của mình, sự bết tắc này phải tự chàng giải quyết lấy, không bởi từ đâu và do ai. Hạnh phúc hay đau khổ cũng do ta, có phải? Nhưng khi mà đặt niềm tin tuyệt đối vào nơi ta, thì chính ta đã là Thượng đế. Sự tôn sùng cái-ta-cực-đoan, có phải là thẩm quyền tuyệt đối của trí năng, lại là một hình thức đại ngã khác?

Triết Hựu bắt lực và bối rối ở điểm này, và chàng lại đi thơ thần đến các đại tự, thánh đường, bờ sông, công viên... Ở thánh miếu, thánh đường, chàng chiêm ngưỡng những hình tượng, những ngẫu tượng cùng những tư thế kỳ bí của chư thần. Ở đại tự, thiền viện chàng chiêm ngưỡng dung sắc cùng nụ cười huyền nhiệm của đức Phật. Ở bờ sông, chàng nhìn những chiếc thuyền xuôi ngược khứ lai của khách thương. Ở công viên, chàng ngồi trầm lặng

nhìn bộ hành qua lại, từng nụ cười, từng dáng đi, từng khuôn mặt. Chàng chẳng biết có sự mâu thuẫn nào từ trong đời sống mà nó vẫn tỏa ra trên bề mặt của mọi sinh hoạt cái sinh khí tràn trề và đa lực. Cái sinh khí ấy, cái hơi thở ấy, cái linh hồn của sự sống ấy, nó có ở đây nhưng không biết ở đâu?! Nó có ở đây làm cho vũ trụ chuyển động, tuy đa diện, đa tạp, đa phức, nhưng mà vẫn ở trong một trật tự cùng quy củ thật là kinh khiếp. Hình như chẳng có một cái gì thừa thãi cả trong cái vườn chơi của Thượng đế. Ôi, cái lão tặc – thiên – xích - tử bắt - khả - tư - nghị đáng ghét và đáng yêu, cái gì cũng toàn bích và tuyệt mỹ hết sao? Một ngọn lá vàng bên đường, một tiếng cười trên sông, một viên gạch vụn trong khu vườn hoang, một hạt bụi dính trên gót chân của ngôi tượng cô, một đứa trẻ mồ côi nằm co ro trên sạp hàng của khu chợ chiều, một giọt mồ hôi của người mẹ già bên bếp lửa trưa, một cái nhìn ân tình vụng trộm của thiếu phụ, một tên hoạt đầu chính trị, một lão gian thương, một kẻ sát nhân, một người đói khổ. Trong tất cả những hiện hữu không thừa, không thiếu ấy, cũng có chàng. Có chàng đang ngồi đây để nhìn ngắm cuộc đời và nhìn ngắm sự vận hành. Chàng ở bên trong hay bên ngoài cuộc đời? Nếu là bên ngoài thì làm sao chàng lại có được đời sống tư duy, cơm ăn, áo mặc? Nếu là bên trong thì sao chàng chẳng có được sự nhiệt tình, sinh thái trẻ trung để bước vào, nhập cuộc? Vậy thì rõ ràng chàng đang ở đâu đó, xa lạ với mọi sinh hoạt. Rõ ràng chàng đang bị đẩy bật ra khỏi sức quay, bị tước đoạt mất linh hồn của sự sống. Chàng bị tách lìa khỏi đồng chủng. Chàng cô độc giữa mọi hiện hữu.

Một lần kia, ngồi một mình giữa công viên đến chín rục thân xác, chàng lững thững ra về. Sương đêm xuống lạnh, từng bước một rã rời trên con đường tối tăm. Hựu chợt thấy mình thích con đường tối tăm và ước mong con đường tối tăm này kéo dài vô tận. Ánh sáng được chiếu hắt ra từ những căn nhà làm chàng nhức nhối và khó chịu vô cùng. Cái ánh sáng ấy, nó là cái biểu tượng cho thế giới thực, thế giới mà chàng đang bị bắt buộc phải đối diện, đã bóc trần trường sự cô đơn của chàng ra. Nơi cái thế giới ánh sáng ấy chàng có quen biết, thân thiện với ai nữa không? Với bóng đêm, chàng trọn vẹn với mình và không bị ai dòm ngó, chiếm hữu. Với bóng đêm, chàng được nguyên vẹn trong ý thức tự quy mà không sợ bị tha thê hóa. Cái thế giới ánh sáng đầy kênh kiệu và khả ô, hình như chỉ biết soi rọi hoặc tước đoạt những cái thâm mật của mỗi tự hữu. Chúng muốn sử dụng chàng, làm mất chàng, đồng hóa chàng, để biến chàng thành những công cụ cho xã hội, cho các giá trị phạm trù, các công thức và quy củ ước lệ, những khuôn mẫu hình thức cho tập quán và luân lý cưỡng chế. Chúng muốn nô lệ hóa hết thảy. Bởi chỉ muốn tự do nên chàng đã bị chúng bao vây, nhốt kín. Bao ngày, bao đêm chàng đã tự lực vùng vẫy một cách vô vọng. Vòng đai càng

lúc càng được siết chặt lại, vòng đai được kết dệt bằng máu, hơi thở, cay đắng và tư duy không lối thoát.

Cuộc chiến đấu tuy đơn điệu, thâm lặng nhưng cường liệt này - đúng như Vọng Việt nói - là thái độ tự kháng bắt buộc trên lộ trình tự sinh, tự hóa. Đôi lúc quá tuyệt vọng, chàng nghĩ là chàng không còn ngồi dậy được nữa, đã vĩnh viễn nằm xuống, còn thực tại kia - cái ánh sáng kia - vẫn lạnh lùng kiên cố ngàn đời. Thế hệ, lịch sử, thời đại, kỷ nguyên, thành quách, vàng son dù qua đi, dù thành hoại, tử vong thì nó vẫn tồn tại vô tri, vô đạo ngoài dòng chuyển dịch của không thời. Chàng có thể là một con vật hy sinh trong cuộc tế lễ lớn không? Nếu không thì có sinh lộ nào, lối thoát nào để nhảy vọt ra ngoài định mệnh?

- Thỏa hiệp là đồng lõa, cam phận với cái thông tục là nô lệ, xuẩn ngốc. Mà chạy trốn ra ngoài là mây. Bạn ơi, có một lối thoát nào không ngoài hai phạm trù ở và đi, ly và trụ, khi một ý nghĩ vượt thoát như vậy đã là một tiền đề bất khả tri nhận của lý trí? Vượt thoát là cái nghịch lý của mọi nghịch lý, mâu thuẫn của mọi mâu thuẫn.

Triết Hựu hỏi như vậy và đăm đăm nhìn Vọng Việt, bạn chàng. Có nhiệm màu nào ở phía bên trong vàng trán cao rộng mệnh mông kia? Có ánh sáng huyền bí nào sẽ được tuôn ra từ cái tâm linh vốn được dưỡng nuôi từ suối nguồn của Vệ-đà, của minh triết?

Hôm đó, Vọng Việt không trả lời, y đưa tay ngắt những đọt lá non. Triết Hựu ngồi trên tấm thạch bàn, kiết già phụ tọa nhìn mông mông vào dòng sông bát ngát chiều hôm. Từ chiếc lá này đến chiếc lá khác được Vọng Việt nhồi nát, vo tròn, rỉ nhựa rồi thả trôi theo lạch nước. Hựu thấy cái hành động của Vọng Việt chừng như là vô tâm, nhưng thật ra là do cái “vô thức hủy diệt” ở phía bên trong ngấm ngấm thúc đẩy. Là một môn sinh mẫn tuệ, trí thức, một giáo chủ của tương lai, một con người tự hào là có giáo dục và văn hóa; và nhất là một kẻ tự nhận là một hành giả đang lên đường - lại ngấm chứa bên trong cái năng lực tàn bạo, vô nhân tính, là cái vô-thức-hủy-diệt, là cái từ đó, bóp nát những sự sống! Kẻ không biết kính trọng và yêu thương một sự sống thì không thể biết kính trọng hoặc yêu thương ai. Nếu có chỉ là nhãn hiệu trá ngụy. Hựu chợt nghĩ rằng mình chẳng nên tin cậy lắm ở một nhân cách như vậy.

Khi Triết Hựu lặng lẽ định quay đi thì Vọng Việt gọi giật lại:

- Đấng sáng hóa là đấng ở ngoài ngôn và lời. Tôi thâm hiểu và cảm thông bát ngát niềm đau định mệnh khôn nguôi của thiện hữu. Cái biết của bạn không khác cái biết của tôi, thì làm sao tôi có được một ngôn và lời ở ngoài đấng ngôn và lời? Chúng ta nên biết rằng - Vọng Việt nhấn mạnh, đôi mắt nhìn sâu, hai tay nắm chặt - là nó thuộc thẩm quyền của con mắt thứ ba, là một bước chuyển nghịch lý tự căn, nó bóp vụn không - thời trả cho tại thế

hữu hạn. Và nó bay cao chóa ngợp vòm mâyà hư hóa, siêu việt mà hiện tồn, vô-hình-kỳ-trung mà thực tại. Bạn cũng đã hiểu như vậy mà, thiện hữu!

Hựu lơ đãng nghe bạn nói. Đằng sau những ngôn và lời ấy có bóng tối, Hựu nghĩ. Bóng tối của riêng mỗi người mà chúng đã thâm nhập thành máu huyết, tủy xương và hơi thở. Bóng tối ấy là gì nơi Vọng Việt? Riêng chàng thì chàng hiểu rõ lắm. Sự yêu thích bóng tối thường là dấu hiệu của tội ác, hoặc là từ nơi bóng tối ấy, tội ác được hình thành, nảy mầm. Chàng rất minh bạch về thiện ác nhưng chẳng bao giờ muốn giải quyết thiện ác vì chúng đôi khi cũng hàm hồ và bất xác. Ở nơi này là tội ác và ở nơi kia là thiện lương. Thiện ác bao giờ cũng đóng đinh trên môi trường chủ quan của nó. Cả bóng tối cũng vậy nữa chứ sao. Bóng tối trong Vọng Việt phải chăng có quá nhiều ánh sáng bao bọc che phủ? Hoàn cảnh làm cho bóng tối kia bị chế ngự hay tưởng như nó được chế ngự? Nhưng dù sao chẳng có nơi nào có ánh sáng mà không có bóng tối, Hựu thấy rõ như vậy vừa bằng lý trí vừa bằng cả trực giác nữa. Vậy thì đây đâu là vấn đề mà chàng phải bận tâm? Cái vấn đề vốn đã hiển nhiên như hai với hai là một, cái phi lý đã là tất hữu thì mọi kiếm tìm thành ra vô vọng sao? Thái độ yêu thích bóng tối có phải là yêu thích tội ác? Hay nhờ tội ác mới hiển bật các giá trị thiện đức? Nghĩa là nhờ bóng tối mới có được ánh sáng và ngược lại?

Tuyệt đối không giải quyết gì được qua các phạm trù của lý trí, chàng nghĩ. Lý trí là kiếm tìm, là câu hỏi nhưng chưa bao giờ là đáp số chung cuộc. Những đáp số bị bỏ quên trên đường đi trong cuộc tiến hóa. Những đáp số phủ nhận những đáp số để cùng nhau ngăn ngõ và tuyệt vọng trước hố thẳm vô lượng của cuộc đời, phải thế? Chỉ có một điều duy nhất là chàng hiểu được thôi: nhờ bóng tối mà chàng thấy mình được tự do. Tự do suy tưởng và tự do cô độc, khổ đau. Trong bóng tối chàng được nguyên vẹn chứ không bị chia lìa.

- Cho già xin một chút lửa!

Một bóng đen lù lù trước mặt cất tiếng nói khi Hựu sắp bước vào con đường nhỏ.

- Tiện sinh không có lửa, lão trượng ạ!

- Thì ánh sáng vậy. Ánh sáng có được từ Đấng lửa. Hãy cho già xin một chút ánh sáng.

- Sao kỳ vậy, lão trượng có làm chẳng

- Lão xin ánh sáng đây mà, làm sao được.

- Xin ánh sáng? Triết Hựu lấp bắp - tôi lại đang tư duy về bóng tối. Tiện sinh chỉ là bóng tối và đang là với bóng tối. Làm gì có ánh sáng nơi tôi, nơi này?

- Hãy bi miễn với kẻ thiếu ánh sáng, người tuổi trẻ! Hãy cho lão ánh sáng có từ trong trái tim người!

Như một luồng điện cực mạnh va chạm các đầu dây thần kinh, Hựu giật lùi trở lại nhìn cho rõ mặt người xin lửa. Đáng đại sĩ đã đến với chàng trong cái cô đơn tuyệt đối này sao? Ngài đã đến đúng lúc để xin ánh sáng - nghĩa là thấp lửa trong trái tim chàng!

- Hãy cho già xin cái ánh sáng ấy, người tuổi trẻ! Cái ánh sáng có thể nhìn suốt qua hai màu trong đôi mắt hữu hạn trần tục của người.

Hựu vươn tay thật nhanh và mạnh chụp vào vai người lạ mặt. Nhưng chỉ có khoảng không! Và giọng nói kia vẫn còn rõ mồn một trong tai chàng:

- Không có ánh sáng ấy thì sao người trẻ tuổi nhìn thấy được ta? Không có ánh sáng ấy thì làm sao người tuổi trẻ nhìn được ánh sáng và bóng tối? Thiên đường không có thừa chỗ cho người dối trá đâu. Nguyên cầu cho địa ngục đến với người! Nguyên cầu cho người thấy rõ địa ngục.

Ôi, giọng nói gì mà thu hút làm sao? Ôi, giọng nói gì mà chan hòa êm ái đến thế? Nó mang một tiết điệu nhịp nhàng, là kết cấu của từng cung bậc điệu hóa, từ bàn tay ngọc của thần Vichnou. Trong một lúc mà Triết Hựu nghe được ngôn ngữ viên dung, viên âm của đáng ấy - đáng cõi ngoài - nghiêm khắc mà từ ái, lạnh lùng mà bao dung.

Hựu đưa mắt kiếm tìm quanh quất rồi cất mình chạy theo âm hưởng của giọng nói vừa mất. Hựu ngây ngất và hăm hở chạy mãi về phía núi. Chàng không hề thấy bụi bờ, gai góc mà chỉ thấy ánh sáng - một vùng hào quang tròn ở phía trước - như hào quang của đức Phật và của chư thần mà chàng thường thấy trên các điện thờ.

Không biết Hựu chạy được bao lâu thì đến một vùng hoang dã. Bây giờ thì ngày đã lên trong ánh sáng nhờ nhờ. Có tiếng động và hơi thở trong không gian của mọi vật đang cựa mình sau một đêm dài thiếp ngủ.

Nhìn quanh chàng thấy mình đang đứng ở một nghĩa địa. Và rải rác đây đó là những đầu lâu, sọ người, xương khô. Chúng như nhìn trừng trừng vào nỗi hoang liêu cô độc của đời chàng. Cái thế giới tĩnh vật đứng là tĩnh vật này, chúng cũng có tiếng nói nội tâm? Hựu cũng không đã từng lắng nghe ngôn ngữ của một đám mây, lời thì thầm của gió, sự hoan ca của nắng, niềm ngây ngất của bình minh rồi đó sao? Có những dòng sông đã trườn mình qua bao thác, bao ghềnh và cũng đã từng tâm sự với chàng về nỗi phé hưng thăng trầm của cuộc đời. Có những đỉnh núi đã ngạo nghễ cất lời ca cao vút bạt ngàn hoặc vỗ tay chế nhạo những bản chạt, những tranh giành đê hạ của con người. Và bây giờ là lũ "cột khô" này, chúng nói gì? Chúng đang yên nghỉ ở đây, như một tay lực sĩ điền kinh đã về đến đích, nhìn chàng và đồng loại chen lấn, xôn xao, mòn hơi, kiệt sức. Ta là cái đích của chúng, ta đang ngồi ở cuối đỉnh vinh quang trong cuộc trở về của chúng, lũ cột khô nói như vậy? Thảm thương thay các người đang mệt lả, đang khổ đau và hoan lạc giữa đường trường!

Hựu phác một cử chỉ khinh miệt rồi ngừng đầu bước qua một bộ xương trắng hếu. Và từ đằng xa kia, trên tảng đá dưới một cội tùng già, vị sa-môn đang ngồi nhập định. Đây có phải là người xin lửa? Sứ giả của Thượng đế là ngài đây chăng? Hiện thân của đấng cõi ngoài là bậc đại sa-môn đây chứ không ai khác. Ở thời đại này, con người man dã thú vật và thân xác này, nhất là xứ này, thành phố này, chẳng thể có những đạo sĩ, sa-môn trong dáng dấp khổ hạnh toát ra sự thanh cao, xuất trần, vô nhiễm như vậy.

Hựu lần bước tới và quỳ xuống. Trên tảng đá, vị sa-môn đang còn nhắm mắt tham thiền. Sương xuống trên đầu vẩy phủ xung quanh một làn khói mỏng. Hình như có vài giọt đọng lại trên hàng lông mày bạc có từng sợi dài - những hạt ngọc phù du đang còn đọng lại ở đó; hiện thân của một nhân cách đã chiến thắng phù du?

- Xin đại sa-môn cho con xin một chút ánh sáng! Con là kẻ đang đầy bóng tối, hỡi ngài!

Lần thứ hai Hựu cất tiếng nói nhưng vị sa-môn

Vẫn im lìm, bất động. Người như đã hóa thạch. Hựu

nhìn chiếc thân gầy như hạc, chiếc y hoại sắc đã bạc màu vì gió mưa của vị sa-môn mà cảm nghe trong lòng dâng lên một niềm thành kính cao độ. Người này, đấng này, là hiện thân, tôn vinh của thế giới tinh thần sáng láng. Là bậc đã làm chủ. Diễm phúc thay cho ta được diện kiến cùng người.

Khi mặt trời bắt đầu chan hòa trên vạn vật thì vị sa-môn già cũng vừa mở mắt. Ngài bình thân nhìn Triết Hựu từ đầu đến chân, lặng lẽ không nói gì. Đôi mắt có mở ra mà như là vô tình, vô cảm. Đây chỉ là sự mở ra của hai cánh cửa từ một căn nhà sau một mùa đông dài khép kín. Vị sa-môn thôi nhìn Triết Hựu, lại nhìn về phương đông, nơi mặt trời vừa nhô lên khỏi đỉnh núi, soi dài con đường mòn dẫn về thị trấn.

Đưa tay xoa bóp nhẹ nhàng, chậm rãi ở mấy ngón chân, bàn chân, ống chân, vị sa-môn vươn vai đứng dậy. Thở một hơi dài. Manh áo cà sa được làn gió ban mai thổi nhẹ và mặt trời đã pha lên đây một màu hồng loãng. Cúi người về cạnh cây phía trước, vị sa-môn lấy bình bát mở ra. Khi đã có trong tay chiếc bầu nhỏ đựng nước cùng chiếc khăn mặt, vị sa-môn bắt đầu làm vệ sinh buổi sáng.

Hựu vẫn còn quỳ đấy, tất cả mọi động tác của vị sa-môn đều lọt vào mắt chàng. Ôi, cử động nào cũng chậm rãi và trầm tĩnh. Cử động nào cũng nói ra, nói lên, tuôn phát bởi sự nhàn tịnh sâu xa ở phía bên trong. Có phải là người đang dạy cho ta cử chỉ cùng phong thái của một người giác ngộ?

Khi đã làm xong những công việc cá nhân, vị sa-môn khoác bình bát lên vai, chiếc gậy trên tay và đưa chân từ giã vùng hoang mộ.

- Hỡi ngài! Hỡi đại sa-môn khả kính - Triết Hựu gọi giật lại - Hãy cho con ánh sáng!

Vị sa-môn dừng lại, có vẻ ngạc nhiên.

- Người nói gì vậy? Người đòi xin ánh sáng? Với từng ấy tuổi đầu mà người chưa hề biết rằng ánh sáng đến từ mặt trời? Chúng ta đều chan chứa bởi ngài, phản chiếu bởi ngài và tin nhận từ ngài. Chúng ta đều là kẻ nhận chứ không phải kẻ cho!

- Xin đại sa-môn cho con xin ánh sáng từ tâm linh!

Ngược lên nhìn trời một lúc rồi vị sa-môn lẩm bẩm:

- Cả chúng nhân trần gian thiếu trí này đều như vậy. Mặt trời có đó mà chúng vẫn thấy tối. Nếu chúng là thực-tại-tôi thì chúng nhìn đâu mà thành sáng được? Mặt trời nào mà đến với chúng được? Nếu chúng là thực-tại-sáng thì đâu không là sáng? Mười muôn triệu hố thẳm không đáy dày đặc lên nhau chúng cũng nhìn thấy được, sá gì chỉ một bóng đêm? Kỳ lạ, kỳ lạ! Nhưng nếu chúng tối thì lấy gì để nhìn cho rõ cái sáng? Kỳ lạ. Kỳ lạ. Tất cả đạo sĩ, sa - môn, người có năng lực suy tư, giáo phái chủ, giáo phái sư, kẻ có kiến thức, bậc trí giả - đều đi tìm cái đại khái như vậy, cái na ná như vậy - À! Coi nào, một người, hai người, ba người; những kẻ gặp ta giữa rừng, nơi miếu hoang, trong nghĩa địa, trên đường phố, nơi đám đông, giữa chợ búa... đều tra vấn ta những điều si ngốc như vậy: xin ánh sáng! Kẻ này, bậc tuổi trẻ thánh thiện này lại xác nhận là xin ánh sáng từ tâm linh!

Chợt nhiên vị sa-môn già nói lớn:

- Ta tìm hoài mà chẳng biết tâm linh ta ở đâu. Tâm linh ta với người là một hay là hai? Ta không biết. Hướng hồ là ánh sáng từ tâm linh. Ta chịu thôi!

- Ngài đang đầy ấp cái ấy hỡi bậc đại sa-môn! Ngài hãy cho con cái gì mà ngài đang có, con đang thiếu thốn và khổ đau.

Triết Hựu tha thiết, hai tay chấp lại và thành kính nói với theo.

Vị sa-môn lại một lần nữa lẩm bẩm:

- Ta có cái ấy à? Cái ấy là cái gì nhỉ? Quả thật là ta có một cái gì đây chẳng? Cái ấy nó hiển lộ ra bên ngoài để đáng-tuổi-trẻ-thánh-thiện này nhìn thấy? Y thấy cái gì đó nơi ta mà sao ta không thấy? Kỳ lạ. Kỳ lạ. Thân xác ta, tư tưởng ta là cái mà y vẫn có? Ta có cái gì để cho y, khi thân xác và tư tưởng này ta cũng đã vay mượn từ Đấng hư không!

Đến đây, vị sa-môn quay lại, đôi mắt sáng rực, uy nghi, trừng trừng nhìn Triết Hựu:

- Bước đi! Chán lắm rồi cái trò xin xỏ thông thiết bi lụy của thế gian. Ta đã từng gặp hằng chục, hằng trăm, hằng ngàn tên khát sĩ vô loại như vậy. Kẻ vô loại nhất trần đời là kẻ mạo danh cao thượng, chiêu bài Thượng đế để đi khát-sĩ tâm linh! Xéo đi!

Đôi mắt vị sa-môn già toé lên tia lửa hắt tạt vào niềm hi vọng của Triết Hựu. Niềm hy vọng chợt như bốc thành khói loãng tan nhòa vào hư không. Hựu còn lại với nỗi trần trụi cô liêu của mình.

Bóng vị sa-môn già nhạt nhòa ở phía trước, trên con dốc sỏi đỏ, chậm rãi từng bước một, buông thả và nhàn tĩnh. Từng bước chân như là không chờ đợi gì, thành tựu gì! Mỗi bước đi như là không đạt cái phía trước, phóng vọt tới đằng trước - mà tự nó đã nói lên cái thành tựu, đã trọn vẹn với chính nó, vừa nhân và quả, tại thế và xuất thế, sinh và tử, đi và về, vô sinh vô tử!

Khi bóng vị sa-môn chỉ còn là một chấm nhỏ chìm trong ánh mặt trời, thì Triết Hựu thở một hơi dài. Thế là hết. Y đã mang ánh sáng rồi chìm khuất trong mặt trời, về với mặt trời, hòa tan trong mặt trời. Y đã mang của Hựu niềm hy vọng rộn rã vừa lóe sáng trong đêm để đi về phía ấy. Cả thiên hạ bao la này chàng chưa hề thấy một nhân cách thứ hai có đủ một phần mười sáu cái ánh sáng sâu thẳm từ phía bên trong tỏa ra ngun ngút bằng vị đại sa-môn này. Chỉ có ngài, ở nơi ngài ta mới thật sự tìm ra chính mình, và chân phúc: một bước nhảy ra ngoài định mệnh.

Bước chân của Hựu rơi theo mục đích chàng: theo chân vị sa-môn khổ hạnh.

Đến thị trấn, vị sa-môn khoan thai từng bước một, đôi mắt nhìn xuống, lần lượt từ nhà này sang nhà kia để xin ăn. Đầu trần, chân đất, lạng lẽ không nôn nả, không mong ngóng, trầm thản, bình an, tròn đầy và vô dục. Ở nơi người toát ra một từ lực đức hạnh khiến xung quanh phải mở mỗi thiện tâm cùng lòng tôn kính. Hựu đi ở phía sau, giữ một khoảng cách vừa phải. Và quả là điều trái ngược, ở nơi y, tự tâm nội vẫn còn mong với một cái gì, nhìn thấy một cái gì, đạt một cái gì. Một động lực vô danh âm ỉ thúc hời chàng tìm kiếm và lên đường. Chàng vẫn chưa tuyệt niềm hy vọng là sẽ được vị sa-môn ban cho ánh sáng.

Hai chân Hựu rã rời, nhứt buốt. Kéo lê đôi chân trên đường tìm đạo cũng nặng nề như kéo lê thân xác đi qua cuộc đời, chàng nghĩ; một bên thì phải nhắc chúng lên, lửa, gai, vực thẳm, sự kiên trì, kiêu dũng; một bên thì phải nuôi dưỡng, bảo vệ, bệnh tật, uống ăn, mệt mỏi, chết và già. Ngay giây phút này đây, Hựu mới thâm hội ẩn nghĩa của cuộc lưu đày tại thế. Ôi! những thân phận không ngớt vươn lên kiếm tìm tuyệt đối, tuyệt đối của vật chất hoặc tinh thần. Chạy đuổi cái vô hạn đến một cấp độ nào đó cũng đồng nghĩa với tự sát trong vòng quay của hữu hạn!

Ôi! Chàng đã mệt mỏi quá rồi! Cái ấy chàng đã không thể tư duy được, lại không thể kiếm tìm được.

Chợt như thấy đó rồi lại mất đó. “Cái ấy xua đuổi chàng chạy điên đảo trên hai bờ vực thẳm sinh và tử - hay là chàng chạy điên đảo trên hai bờ vực thẳm sinh và tử để tìm đạt cái ấy?”

Ôi! Chàng đã mệt mỏi quá rồi!

SỰ RÀNG BUỘC CỦA SỢI CỎ XANH

Nắng đã chênh chếch về hướng nam, bây giờ thì vị sa-môn đang đứng ở ngõ nhà Hựu. Chàng thu rút mình lại trong một góc sợ người thân bắt gặp. Chiếc công sắt hé mở và cha chàng bước ra với một gói vật thực trên tay. Cha chàng cung kính nghiêng mình xá vị sa-môn trước khi để bát.

Hựu như không còn tin ở mắt mình. Nơi bóng tối có ánh sáng, chàng nghĩ. Nhưng ở nơi ấy ánh sáng quá ít ỏi. Con người đã từng được thế nhân trọng vọng, tôn kính lại chẳng thể tha thứ một lỗi lầm “rất người” của vợ. Có lẽ là vì đời sống suy tưởng trong ông quá mạnh, nên ông đã quên đi hoặc què quặt khả năng sinh lý - để đến nỗi không đáp ứng được sự thèm muốn của người đàn bà? Sao cha chàng, với khả năng kiến thức của một người thông thái lại không đánh giá được đời sống bản năng và nhục dục ở nơi người nữ – bản chất là một động vật đang phôi thai về lý trí? Điều mà kẻ ít kiến thức cũng hiểu rằng đàn bà là thú vật, trẻ con, hy sinh, ích kỷ, vừa phẫn trác vừa chung tình – lại không được cha chàng hiểu đến? Đàn bà là đóa hoa thơm mát dịu dàng nhưng cũng là chiếc gai độc rướm máu... lẽ nào ông không hiểu? Hay ông chỉ là kẻ thâm thiệp kiến thức để đôi chác lợi lộc và danh vọng, hoặc làm một món điểm trang thời thượng? Đời sống vốn đã được rào che chung quanh bởi những lớp hào quang giả dối, nay bị bóng tối bức phá - bóng tối điểm nhục của mẹ chàng - làm sao ông không cuống điên lên, lồng lộn lên, hoặc hiện mặt trần truồng là một con thú tàn bạo mà bấy lâu được giấu kín sau lớp vỏ trí thức và minh triết? Hựu đã nhìn thấy cha chàng. Đôi kính trắng trinh nguyên thuở đầu đời bị nhuộm màu từ lúc chàng thấy rõ bộ mặt thực gớm ghiếc sau những lớp ngụy trang. Tình yêu của thế nhân dù cao thượng cách mấy cũng là những hình thức trá hình của dục vọng và bản ngã. Trong tình chồng vợ thì là sự chiếm hữu và cưỡng đoạt nhau. Cả hai đảng đều là kẻ thủ lợi. Nếu không thế thì tình yêu thương ban đầu sớm biến thành nghĩa vụ, rồi cả hai phải mang vác cả trăm năm. Đây có nên gọi là giá trị của vạn cuộc đời?

Bóng vị sa-môn đã khuất sau một góc phố mà Hựu còn đứng chôn chân một chỗ để tư duy. Chàng nản quá. Chàng chẳng biết rồi mình sẽ thế nào? Đời mình sẽ trôi dạt về đâu? Đi đâu? Nương gá đâu? Cuộc đời đầy hôi tanh và hạ liệt kia chẳng thể thỏa hiệp được rồi. Trong cuộc đời thì không thể mà ngoài cuộc đời thì chỉ có hư vô. Vị sa-môn là nơi nương tựa cuối cùng thì chàng cũng đã bị xua đuổi. Còn cơ hội nào nữa ở nơi Đấng ấy để chàng khai thông cho nỗi bế tắc khôn nguôi này? Chỉ có ngài. Phải, chỉ có thứ tiếng nói ấy, nhân cách ấy, ánh sáng ấy mới đưa chàng đến được cõi trời sao mai và chân phúc.

Phải lên đường. Phải ra đi. Phải thoát ly. Xin lễ độ từ già gia đình, “tổ ấm”, niềm chắt chiu đầu đời của mẹ và sự khổ đau của cha cùng sự dưỡng nuôi

khôn lớn, thành người. Nếu chẳng có mặt trên cuộc đời này lại quý hơn. Nếu chẳng có sự hiểu biết và ý thức thì lại càng quý hơn nữa! Các ngài cho con thân xác và tư tưởng để làm gì? Có gì khác hơn là bệnh hoạn và khổ nhục?

- A! Anh đây rồi. Lạy Thượng đế. Mong rằng chẳng phải anh vĩnh biệt gia đình để làm một sa-môn không cửa không nhà.

Một người con gái chạy tới và ôm siết cánh tay chàng trong tiếng khóc nức nở. Hựu nhìn Triết Nguyệt, em gái chàng, mà lòng chùn lại. Cái nhìn chột như mềm ra và như rỏ từng giọt dài theo mái tóc của em.

- Về đi anh! Anh đi thì cha mẹ buồn đến bao nhiêu. Tuổi già của người, niềm cô đơn của người, sự hối hận của người, anh ơi!

Hựu đưa mắt âu yếm nhìn em rồi lấy khăn lau những giọt nước mắt. Đôi mắt của Triết Nguyệt vừa to vừa sáng vừa xanh - ở nơi ấy - Hựu thấy phản chiếu màu hồng của tuổi trẻ, mùa xuân, bướm hoa và những dòng sông bình lặng. Chàng không thể nói gì, chỉ im lặng nhìn em với một tình yêu mông mênh, vô danh. Sự quẫn quại bao ngày bao đêm chột rã tan tằm bóng, chỉ còn đọng lại, nếu được gọi thế - trong tâm hồn: một giọt nước xanh. Bất giác Hựu nắm tay em và bước đi với từng bước nhỏ.

Hựu hy vọng nói với em một vài điều, có thể là sự chia xẻ, có thể là sự phân trần, biện minh. Nhưng có một điều chẳng biết là chàng có nên thú nhận với em không, nói thẳng với em không, là, vòng tay của em chàng quá yếu ớt, quá mỏng manh, chỉ như là một sợi tơ trời hay như là một ngọn cỏ xanh mọc trên tâm hồn hoang phế chàng. Một sợi cỏ xanh đơn độc, đìu hiu có đủ để làm một thảo nguyên trù mật, một đồi xuân diễm lệ không? Cái vòng tay ấy và giọt nước mắt ấy làm sao có đủ sức để níu kéo chàng ở lại với cuộc đời này - cái cuộc đời không nên còn để dính lại dù một gót chân. Sự cay nghiệt của hoàn cảnh và nỗi thao thức khôn nguôi về chân phúc đã đẩy chàng đi quá xa. Xa cho đến nỗi tất cả tình cảm thân quyến chỉ còn là một bóng mờ ở sau chân trời tư duy đầy bụi khói. Hựu quên bằng quá lâu rồi, rằng chàng còn có một người em khác cha, một người em gái rất mực thương yêu chàng. Một người em gái hầu như không biết bản khoán là gì, niềm tê tái tuyệt đối ra sao. Ở nơi nàng chỉ có sự sống hồn nhiên và sự tin yêu. Ở nàng toát ra mùa xuân, tuổi trẻ, con chim nhỏ với đôi cánh bay và đôi chân hồng cùng chiếc mỏ xinh xắn hát ca bài ca diễm phúc cuộc đời. Hựu biết nói gì với thực tại ấy? Thực tại cách biệt nhiều khê với thực tại chàng. Có nên tung rải bóng tối của tư duy ta lên vàng trán mịn màng bình yên thanh thản? Phân trần cũng là hình thức của chia xẻ, là một nỗ lực tác động tạo sự hòa điệu, cảm thông, mở hé cánh cửa tâm hồn để cho cơn gió vô cực giao thoa từ hai miền cảm nín. Mỗi hiện hữu thường cô lập mình lại, tự vây nhốt êm ái trong một bản ngã vị kỷ, nhỏ nhen - thì làm sao rung động nhịp nhàng được với ngoại giới? Chàng muốn khác đi, nhưng hai tầng số vốn

khác nhau thì coi chừng sự lạc điệu. Đôi khi chàng nên nói chuyện với hu không còn hơn nói với em chàng. Hoặc là chàng sẽ nói khác đi, bắt một tầng số khác? Nói về sự tuyệt vời của đời sống? Nói về giá trị ngàn đời trên những sinh hoạt hỗn mang vô căn vô cội này? Chúng cũng có một cái gì như là vĩnh cửu làm nền tảng cho mọi sinh thành và hủy diệt đầy mà! Cái gọi là sinh khí của sự sống, cái mâu nhiệm của sự sống vẫn tỏa ra từ những xác chết, những cống rãnh, những đục vọng, những cái đẹp úa tàn, những nỗ lực phù phiếm... đã được chàng mơ hồ nhìn thấy, ngửi được ở công viên dạo này. Do vậy, sự tìm kiếm của anh, s ra đi, cuộc dấn thân vô đích - nếu được gọi là thế - cũng là dấu hiệu quá yêu thương đời sống này đó thôi! Yêu thương đến quần quai xót xa. Yêu thương đến độ ghét bỏ. Hựu nói điều ấy với Triết Nguyệt, hy vọng nàng sẽ sống an phận với những gì đang có, với cuộc đời tuổi trẻ hồn nhiên của mình. Trong cái đầu óc nhỏ xinh xinh ấy, không phải nhét cho thật đầy kiến thức - mà hãy làm cho nó rỗng đi - có rỗng đi mới dung chứa hài hòa muôn vạn nghịch lý của cuộc đời.

- Em không biết rõ lắm nhưng bất hạnh của anh, của gia đình - Triết Nguyệt nói - Em không cân lường được cái mức trầm trọng của vấn đề ra sao. Nhưng em chẳng muốn có sự bất hòa hoặc rạn nứt nào. Em sợ sự bủa vây của nghịch cảnh. Em ao ước mọi người trong đó có cha mẹ, anh em nên quay quần đoàn viên dưới chân Thượng đế. Anh hãy cho em niềm tin ấy Triết Hựu ạ!

Hựu nắm bàn tay xinh xắn của em, mỉm cười:

- Em là vị tiên nhân từ của anh, vậy là quá đủ.

Em là vì sao thánh thiện cho anh, vậy là quá đủ!

“Nhưng đồng thời em cũng chính là quyền niệm, là buộc ràng, là sinh tử...”

Hựu không dám nói thêm như vậy. Làm thế nào để Triết Nguyệt hiểu được sự bản khoán siêu hình từ một định mệnh đầu đời? Sự

rạn nứt của gia đình chỉ là một nguyên nhân, nhưng không phải là nguyên nhân duy nhất quyết định. Nó là giọt nước cuối cùng để cho bát nước tràn. Trên tất cả nó chính là “cái gì”.

Cái gì nó tạo nên đời sống, mọi sinh hoạt? Cái gì làm cho người mẹ thương con, người cha làm việc để nuôi gia đình? Cái gì làm cho con bò kéo đốc, chiếc thuyền căng buồm ra giữa bể khơi? Cái gì làm cho dòng sông chảy và cuốn trôi lá vàng, lá xanh, phù sa cùng những xác chết người và sinh vật. Cái gì làm cho những đạo sĩ lên non và những vị vua chễm chệ trên ngai vàng; những cung nữ, cô gái trang sức diễm lệ, hát ca và nhầu múa? Cái gì làm cho mũi tên xuyên qua mình một con chim đang đậu nhờn nhờn trên cành? Cái gì làm cho con trâu lê mình trên luống cày dưới sức lửa thiêu đốt của mặt trời? Cái gì làm cho hàng ngàn súc vật bị giết để hy sinh trong những cuộc tế lễ lớn? Cái gì làm cho những vị cô nương thao thức trong phòng the

để mộng mơ một chàng hoàng tử tài cao và anh tuấn? Cái gì làm cho người ta tuy ghét nhau mà vẫn mỉm cười tay bắt tay siết chặt? Cái gì làm cho con người mòn hơi kiệt sức để bôn ba săn tìm, chạy đuổi một đời? Cái gì làm cho con người khi mở mắt ra là tích lũy, chở mang của cải, địa vị, sự nghiệp, danh vọng, tiền tài? Cái gì làm cho con người tưởng là mình sẽ sống ngàn năm, sống vĩnh cửu?

Hựu cũng vậy, chàng cũng vậy chứ có khác chi? Cái ấy. Cái ấy! Hàng ngàn cái ấy thúc đẩy cuộc đời đi tìm “cái ấy”! Hựu cũng bị “cái ấy” săn đuổi, điên đảo chạy đi tìm “cái ấy”. Để bây giờ nhìn ở đâu chàng cũng bán khoán siêu hình về “cái ấy”. “Cái ấy” ở trước mặt, sau lưng, ám khói cả vạn cuộc đời, vạn thời đại, kỷ nguyên. Hựu muốn ở ngoài “cái ấy” để nhìn ngắm, để khỏi bị nó cuốn lôi và điều động. Vì là ở ngoài nên không liên hệ gì với đời sống này, nên đang trú giữa hư vô, nên đang chơi với giữa thinh không chẳng có một điểm tựa nào. Đã thế, thân xác quá nặng nề đang trĩu xuống và tinh thần đang đổ dồn mọi sinh lực cuối cùng để bay lên. Sự giằng co của chúng làm cho chàng bị rách nát tả tơi. Ánh sáng thì không nhìn thấy mà bóng tối thì đang bủa vây. Càng ngày càng bủa vây dày đặc. Một giọt sáng của em, trong bóng đen địa ngục đó - chẳng thể cho ta thấy cửa sổ cao của thiên đường.

Hựu nói với Triết Nguyệt:

- Anh sẽ bằng lòng kham nhẫn ở trong hoàn cảnh hữu hạn trói buộc cho đến bao giờ cảm thấy bất kham. Anh bằng lòng ở lại để chiến đấu trơ lì gan góc cho đến lúc nào hiểu rằng đây chỉ là những nỗ lực vô ích, tuyệt vọng. Anh bằng lòng tạm thời thỏa hiệp với cuộc đời vô vị, hy sinh anh cho niềm vui của cha, mẹ và nhất là em, nếu gọi được thế. Nhưng tạm thời không phải là vĩnh viễn, rồi anh cũng phải lên đường, mệnh lệnh của chân lý bất buộc như vậy, các giá trị cao vời hết to bên tai anh như vậy. Ngai vàng, đế vương, bầy bá, tình yêu thương thế gian hãy quẳng đi như đôi dép bỏ, tiếng gọi cao cả tới thắng của tự do còn vọng lại từ ngàn xưa như vậy. Em ơi, do vậy, anh chẳng thể hứa khác hơn, anh chẳng thể phản bội anh. Còn em thì chẳng nên bị đầu độc bởi suy tư, chẳng nên tra hỏi về Thượng đế mà nên sống bình nhiên với mọi ân sủng của ngài.

Triết Nguyệt mỉm cười:

- Anh quả là người chân thật và thẳng thắn. Phải vậy. Minh triết cũng dạy rằng, chân thật là cái cao quý của mọi cao quý. Trong nhân gian cũng có truyền tụng một dụ ngôn: có kẻ trí tuệ kia chỉ kết một chiếc bè nhỏ bằng mấy cọng-cỏ-chân-thật thế mà y đã vượt qua được biển lớn. Nhưng anh ơi, cuộc đời này chưa hẳn là phải bị bỏ đi. Có cái bỏ tất có cái không bỏ. Có màu trắng ắt phải có màu đen. Có tình thương do dục vọng thối tha thì cũng có tình thương do tâm từ vô lượng. Có mùa đông ắt có mùa xuân. Có ác đảng tất có thiện hữu!

Triết Hựu ngạc nhiên nhìn em.

Triết Nguyệt lẳng lẳng nhĐ tiếp li:

- Anh đi bằng đầu óc mà vào cuộc đời nên mọi cái nhìn của anh đều bị đảo ngược! Ôi! Sao sông mà không nhìn là sông? Ôi! Sao núi mà không nhìn là núi?

- Ai dạy cho em như vậy? Ai?

Triết Hựu vừa hỏi dồn dập vừa lắc mạnh vai em. Triết Nguyệt cười ròn rã:

- Anh sợ những ý nghĩ như vậy ư? Anh muốn khóa lấp sự thực bằng lý luận hay bằng những khổ đau chủ quan? Chỉ có kẻ đi bằng đầu óc mà vào cuộc đời thì mới suy tư và tra hỏi. Suy tư và tra hỏi đồng nghĩa đảo ngược. Kẻ đi bằng hai chân thì nhìn mọi sự trong giá trị nguyên vị của nó. Nên y chỉ sống. Như Vọng Việt!

Vì tức giận quá nên Triết Hựu chỉ cười:

- Hay! Chỉ có Vọng Việt mới dạy cho em những điều kỳ diệu như vậy. Hay! Nhưng hãy coi chừng!

- Coi chừng sao ạ?

- Sự thông minh quá mức đã là điều nguy hiểm, mà nô lệ vào sự thông minh của kẻ khác lại là điều nguy hiểm hơn. Giá trị nguyên vị? Ôi, đây là chiếc bẫy sập êm ái, cái nhà ngục bằng vàng mà các nhà trí thức thường tình nguyện đi vào. Em ơi, kẻ vô văn phạm phu cũng nhìn cuộc đời trong giá trị nguyên vị, nguyên vị với tham, với sân, với hạ liệt, với nhiễm ô, với cái gì thật là thân xác. Chúng đã không suy tư và tra hỏi, chúng vẫn sống với những gì mà chúng “đang là”. Bậc giác ngộ cũng nhìn dòng sông là dòng sông mà kẻ phạm phu cũng nhìn dòng sông là dòng sông.

Đừng nhồi bóp trí, ngu làm một. Đây là sợi tóc ngăn chia địa ngục và thiên đường, tinh thần và thân xác, ánh sáng và bóng tối. Em ôi! Thật là nguy hiểm làm sao khi em đã nói những điều mà em không thật hiểu. Vọng Việt, y là cái gì? Y là một con-thú-trí-thức. Chỉ có con thú được nguy trang trí-thức mới dã nhân và tàn bạo. Bóp nát một đọt lá xanh thì có khác gì hủy diệt một sự sống? Y đã không biết tôn kính và lễ độ đến một sự sống thì làm sao biết lễ độ, tôn kính hoặc yêu thương mọi loài. Trong Vọng Việt, cái vô-thức ấy, cái vô-thức-hủy-diệt, luôn luôn tìm cơ hội thò móng vuốt ra để chiếm hữu ngoại giới, bóp nát ngoại giới, nghĩa là tiêm nọc độc mọi sinh mệnh, nghĩa là cào cấu hiện tính, hiện thể. Sự hiện hữu của y chỉ tạo thêm hỗn loạn và xấu xa cho cuộc đời này mà thôi. Y là kẻ khai chiến với Thượng đế. Ta là kẻ tìm về ngài. Nếu khai chiến với Thượng đế một cách minh bạch và công khai, như sa tăng thì cũng nên đứng mày râu và khí phách lắm. Ở đây, y núp trong chéo áo của ngài, y lấy nhãn hiệu của ngài để nguy trang. Y là tên phản bội. Y là tên tiêu nhân. Phải có đôi-mắt-rừng-rú, đôi-mắt-không-phải-mắt-người mới nhìn thấy được cái bên trong của Vọng Việt... Triết Hựu

lại miên man nói về điều ấy, trong lúc Triết Nguyệt càng nghe càng chẳng hiểu gì.

- Y thường nói về chân thể, về Thượng đế, về ngài. Y cũng hiểu rằng đáng ấy sáng hóa muôn loài nhưng lại đứng ngoài cuộc tự sinh tự hóa. Ngài dung nhiếp mọi hỗn loạn, hỗn tạp, hỗn mang nhưng ngài bất động. Ngài là kẻ bất động nên ngài là kẻ “nhập lâm bất động thảo, nhập thủy bất lập ba” (Vào rừng không động cỏ, vào nước không dậy sóng.). Vậy thì kẻ tìm về ngài, muốn được như là ngài thì phải đi qua cuộc đời không một lưu tích, lưu ảnh. Như mây trên trời, không lưu, không luyến. Như cơn gió ngàn không trụ, không vương. Muốn hoàn toàn được như ngài thì phải trang bị một nội tâm trống rỗng, đôi cánh nhẹ như mây và mỏng như sương. Nếu khác thể, nếu không là thể, nếu chôn cứng hai chân mình dưới đất, cột trói đời mình trong những danh vị, bạc tiền, áo cơm, thường tình nhi nữ - nghĩa là bằng đôi chân và thân xác mà vào cuộc đời thì ...

Triết Hựu chợt lắc đầu rồi thở ra một hơi dài ngao ngán:

- Cái bóng mát mà y cho cuộc đời không đủ để đền bù những dưỡng chất mà y tước đoạt, cưỡng nuốt từ lòng đất. Y sinh thực đồng loại. Y là loài thú bạo tàn, man dã. Y là cái hủy diệt.

Triết Nguyệt nghĩ thầm: Ôi, ông anh của ta đã có định kiến sâu nặng với Vọng việt rồi...

KỂ NĂM CẨM NANG THƯỢNG ĐẾ

Vọng Việt bước lên khán đài thì mọi người im phăng phắc. Danh vọng của cha chàng, giáo chủ Minh triết giáo đã là một nhãn hiệu chói mắt đám đông. Hơn nữa, ở nơi chàng tỏa ra một từ lực thu hút, hấp dẫn nên các cuộc hùng biện, tranh luận, diễn thuyết chàng thường chiếm ưu thế.

Triết Hựu đứng ở một góc, nhìn nghiêng dáng bạn và thầm nghĩ, hắn sẽ thắng lớn và thắng to như một con mãnh sư hiên ngang trước đám cử tọa này. Các bậc danh sư trong quốc độ đã từng ngợi khen gia tộc của y, đòi đòi làm những bác học bà-la-môn khả kính, thông tuệ. Bức bình phong truyền thống đó đã như một thứ hào quang có thể chế ngự được bóng tối, vệt tan bóng tối, nghĩa là có thể đảo lộn được mọi giá trị, nghĩa là có thể làm cho hữu lý những cái gì phi lý!

Cuộc diễn thuyết này do cha chàng tổ chức, nói về Minh triết, vừa thăm dò dư luận mà cũng vừa khôn khéo giới thiệu một thiên-tài-trẻ-tuổi đầy danh vọng cho mai hậu. Nếu Quốc vương biết đến thì chàng sẽ là người kế thừa, coi sóc nền Tôn giáo Văn hóa Quốc gia. Do vậy, buổi diễn thuyết được tổ chức chu đáo và quy mô. Có những cỗ xe bốn ngựa rèm nhung. Có những thiệp vàng đóng triện đỏ. Có những chàng kỵ sĩ áo trắng phi ngựa vun vút ngày đêm giăng mắc như màn nhện khắp mấy phương trời. Những nhân vật được mời đều là những kẻ có danh vọng, uy quyền, địa vị. Ấy là các đạo sĩ, sa-môn, giáo sư, đạo sư, chân sư, minh sư, giáo phái chủ, giáo phái sư, tôn sư, đại danh gia, danh sĩ... Dĩ nhiên là có cả các vị đại thần, công tử, vương tôn - những kẻ lãnh đạo, chiến sĩ hoặc quý tộc có mang trong mình năng lực suy tư cùng kiến thức về Thượng đế. Đề tài được thông báo trước như thách thức các sự tra vấn từ các hướng đối phương, khắp thiên hạ! Triết Hựu thầm khen Vọng Việt gan góc dám một mình hứng chịu, đón đỡ búa rìu dư luận. Nhưng không có gan lì như vậy thì làm sao dám hy vọng được quang vương miện cao cả mà thế gian không có người thứ hai? Y đã dám nhìn thiên hạ như cỏ rác thì cũng dám liềm lĩnh đồ đen với định mệnh. Hắn sẽ thành công, Triết Hựu nghĩ vậy. Những bậc danh sư cũng đã từng thúc thủ trước đầu óc uyên bác và lối lý luận có thể dắt voi qua lỗ kim của hắn đó sao?

Hơn bao giờ hết, Triết Hựu chờ đợi...

“- Minh triết là ánh sáng từ Phạm thể, từ Thượng đế, từ ngài - thừa chư tôn, hiền giả - Vọng Việt - cất giọng sang sảng trên diễn đàn - Ánh sáng từ Thượng đế nghĩa là ánh sáng nguyên vẹn, chưa hề bị pha chất, trộn lẫn - mà là dung nhiếp tạp sắc, tạp đả, và đồng thời, soi rọi vô minh, chọc thủng lưới mây và vén mở đêm đen sinh tử.

Thưa chư tôn hiền,

Vậy thì Minh triết là gì? Là sự thật tồn tại ngoài các giá trị. Là sự hiện hữu ở ngoài và ở trên mọi hủy diệt cùng sinh thành. Là con đường nối dài từ tuyệt lộ. Là thực tại vô trụ ở trên đầu cao trăm trượng. Là thẳm nhưng dưới vực thẳm. Là bình nguyên ở trong ruột núi lửa. Là ốc đảo giữa sa mạc. Trên tất cả, Minh triết chính là chiếc lưới lớn phủ trùm mọi tư kiến, thiên kiến, nảo kiến, loạn kiến, điên đảo kiến của trí thức chủ quan nhân loại. Nó là chiếc cầu duy nhất, độc đạo, độc lộ dẫn về nhất thể. Cuối cùng, Minh triết chính là sự-sống-đời-đời bất khả hủy diệt.

Từ lâu, chúng ta không biết gì về Thượng đế, tuy thường đầy ắp kiến thức về ngài. Ngài sáng thế ra sao, tin nhận từ ngài thế nào và con đường dẫn về nhất thể ra sao. Chúng ta biết rõ cả. Chúng ta có thể đọc thuộc lòng trong giấc ngủ, diễn tả không bập bẹ phều phào những chữ và những lời chỉ có giá trị biểu tượng. Chúng ta đã từng vùi bắt hư không trong đôi tay trần tục đã mấy triệu kỷ nguyên rồi. Chúng ta đã từng vẽ trên mặt nước những tòa lâu đài cùng những cung điện nguy nga để tọa thị bình yên hoặc ám thị với chính mình rằng đó là những ảnh thực. Ôi, bi thảm biết bao nhiêu, bi đát biết bao nhiêu, lại đại vọng nữa, mà, trong chúng ta ít có người dám nhìn nhận sự thật ấy. Minh triết cũng chính là đối diện tuyệt đối với chính mình, là tước trần mình ra để hoàn nguyên những gì mà ta chưa từng vay mượn từ cuộc đời.

Thưa chư tôn hiền,

Vậy thì Minh triết là gì? Minh triết là Thượng đế. Nhưng ai biết về Minh triết thì kẻ đó chưa biết Minh triết. Ai biết về Thượng đế thì kẻ đó chưa biết Thượng đế. Biết ve ngài là chôi bỏ ngài, phủ nhận ngài, phản bội ngài. Kẻ thật sự biết ngài thì không biết về, nghĩ về, suy tư về. Thật sự biết ngài là sống-với-ngài, sống-cùng-ngài, sống-trong-ngài, cùng ăn, thở, nói và bước đi. Cùng là một. Cùng trái tim, khối óc, niềm vui, nỗi buồn. Chúng ta có thể biết về mọi thứ trên trần gian mà chúng ta thường không biết mình. Ấy là sự thực: chúng ta thường quên mình. Chao ôi! Đấng ấy và ta, không hai, không khác. Quên mình chính là quên Đấng ấy. Đấng ấy chính là chân ngã được gói kín trong thân xác và tư tưởng trần tục. Ngài đang có đó, đầy khắp, trong chư tôn hiền, trong tôi, trong cộng cỏ, trong tên trộm cướp, trong muôn vật muôn loài. Vì tình yêu mà ngài cùng chịu định luật sinh thành và hoại diệt. Vì tình yêu mà ngài đã đi bằng hai chân đất với vùng trán rướm máu hằn đau hữu hạn.

Thưa chư tôn hiền,

Chúng tôi vừa gặp ngài nơi ven thung lũng sông linh thánh. Và ngài vừa trao cho thế gian một thông điệp tuyệt vời: “Ánh sáng từ nhất thể, cảm nang của ta, hãy tin và hãy nhận.”

Vọng Việt ngưng nói và cử tọa cùng im lặng. Triết Hựu nghĩ là, Vọng Việt đã không thu hút gì mấy ở tràng lý luận có quá nhiều sơ hở đó. Nhưng y thành công ở điểm khác, ở nhập đề ồm ờ, hư thực, chân giả lẫn lộn. Ở đây, bóng tối lẫn lộn với ánh sáng, hai nhập trong một. Hai và một là nhất như. Chỉ có một lối đối trị duy nhất, với hẫng, không phải là bằng lý luận mà bằng một nụ cười bất ngát sự khinh miệt. Đám môn sinh đi theo các bậc thầy nhỏ to bàn tán: Y sẽ nói rằng, y có thẩm quyền về Thượng đế rồi đây, y có cảm nang của ngài, nghĩa là sẽ đọc quyền về chân lý!

Thừa chur tôn hiền, Ngài gặp chúng tôi vào một buổi sáng mù sương, khi chưa có bình minh và ngôi sao mai đầu tiên - Vọng Việt hùng hồn tiếp lời - Ngày ấy mặt trời chưa mọc. Nghĩa là khi mà huyền nghĩa còn ẩn tại huyền tính. Khi mà đạo, thái cực, vô cực chưa phân ranh, chưa đọa xuống tượng khí và tượng hình. Và tượng hình chưa đọa xuống tượng chữ và tượng nghĩa. Khi mà âm dương nhị khí đang còn chan hòa trong nhất thể. Khi mà chur thân chưa có đôi cánh để bay lượn trên trần gian, tất cả đang còn ôm nhau ngủ ngon trên giường không tịch. Càn khôn, khi ấy mới chỉ là giọt sương, trong ấy long lanh cả mấy triệu châu hà và đậu lại trên đầu ngọn cỏ. Ngọn cỏ biến thành sợi-chỉ-huyết-thiên-thu để khâu lại thánh kinh và cũng để khâu lại từng cuộc đời, từng thân phận cút côi, riêng lẻ. Thánh kinh được ghi bằng một ngôn ngữ đời đời. Ấy là ngôn ngữ của vạn vật, của chim, suối, lá, hoa, mây chiụ và nắng sớm - mà may mắn thay - còn có kẻ đọc được - ấy là tượng đá trong đền đức Thánh mẫu Kàli.

Vọng Việt lại dứt lời. Có tiếng vỗ tay và có cả tiếng la ó phản đối. Triết Hựu nhú mày lại. Sao y lại dám lộng ngôn trước đám cử tọa khả kính này? Động lực nào làm cho một người tuổi trẻ thánh thiện này, từ một thuở ấu thơ trong trắng biến thành một tên hề vô loại trước đám đông? Động lực nào làm cho Vọng Việt bị nhô ra ngoài cái bên trong của con người vốn đã hoạt kê, hí lộng từ sơ thủy? Động lực nào làm cho chàng ba hoa nhằm nhí đối với đám cử tọa thức giả, đánh lộn con đen với Thượng đế? Cái ấy có tham dự, thúc động ở phía bên trong như đã với chàng không? Hay là mọi nỗ lực của tri thức và kiến thức ở nơi y là nhằm tìm đạt cái ấy, thỏa mãn siêu hình cái ấy?

- Thừa chur tôn hiền,

Trong một lần nằm mộng, chúng tôi đã được ngài dẫn đi cùng với quyển sách. Quyển sách được mở ra trước tượng đá. Thượng đế thú thật là đã quên ngôn ngữ của ngài, chỉ có tượng đá mới đọc được. Chỉ có cái không đọc được ngôn ngữ mới đọc được ngôn ngữ của ta. Thượng đế phán như vậy!

Cuộc nói chuyện hôm nay, thừa chur tôn hiền, do vậy, chẳng phải là một buổi diễn thuyết. Chúng tôi chẳng dám lộng ngôn với các bậc thức giả, trí giả hôm nay - mà chỉ là sự chia xẻ lớn lao, thông điệp của bậc tối thượng.

Chúng tôi chỉ lặp lại, như lấy lửa từ mặt trời, còn hơn là sự phản chiếu linh thánh trong đôi mắt phàm tục. Lý trí chủ quan ngu xuẩn của con người như chân núi ngàn đời im lặng trước tiếng vỗ xói mòn vô tận của đại dương. Lý trí có thể kiêu căng, ngã mạn, khám phá vũ trụ, chinh phục thiên nhiên, nhưng nó luôn luôn bị công kích, xâm lăng, chế ngự, chẳng bao giờ vượt thoát ra khỏi giới hạn tại thế của nó.

- Nay các con của ta - Thượng đế phán, đã một thời ta sai chur thần xuống trần gian, chúng sáng tạo thế giới nhưng đồng thời cũng hủy diệt thế giới! Hỡi các con của ta! Sáng tạo để làm gì và hủy diệt để làm gì, các con đừng bao giờ tìm hiểu như vậy.

Các con chỉ cần hiểu rằng, khi mà ta hiện hữu thì các con hiện hữu, thế giới này hiện hữu. Vì tình thương mà ta sáng thế, vì tình thương mà ta hủy diệt. Các con hãy tin như vậy!

Hỡi các con của ta! Ta mặc khải điều này, do huyền nhiệm mà các con đã từ ta mà đi, bởi ta mà sống, do ta mà về! Cũng do huyền nhiệm nên chỉ có hai con đường: con đường của bóng tối là bỏ ta mà đi và con đường của ánh sáng là do ta mà về. Bóng tối thì rơi xuống mà ánh sáng thì bay lên. Chẳng có con đường nào nữa, hỡi các con của ta, ta đã khải thị như vậy.

Quả thật, ta nói cùng các con của ta rằng, chỉ có vâng theo hay phản bội. Vâng theo như Áp-bra-ham thì hẳn sẽ mất. Vì mất nên được. Phản bội như Giu-đa thì hẳn sẽ được. Vì được nên mất. Các con của ta, do huyền nhiệm tối thượng mà ta nói với các con điều chưa từng nói: không được, không mất là chân phúc đời đời!

Hỡi các con của ta! Khi ta mặc khải về nhất-thể, ta quên nói là có nhất-thể-vong-ngã và cũng có nhất-thể-đại-ngã - nên các con đã phỉ báng và hủy diệt ta trong bao lâu. Vì bất toàn nên cũng có khi ta lầm lẫn.

Nay ta sẽ nói với các con rằng: vong ngã cũng có địa ngục, thiên đường. Đại ngã cũng có địa ngục, thiên đường. Chỉ có kẻ nào vô ngã mới hết thiên đường, hết địa ngục. Đây là điều tối thượng mà ta chưa từng nói.

Thiên đường cũng chán lắm, có kẻ nói như vậy. Nay ta cũng xin mặc khải thêm: cõi chân phúc còn tối thượng hơn cái được gọi là thiên đường nữa. Ai đến, sẽ thấy. Ai gõ, cửa sẽ mở."

Nghe đến đây, Triết Hựu run lên bần bật. Quả là kỳ lạ. Y hình như chỉ nói với ta thôi! Y nói về bóng tối và ánh sáng. Y nói về vâng theo hay phản bội. Y nói về thiên đường và địa ngục. Sau hết là vong ngã, đại ngã. Và chân phúc. Đây có phải là hai lộ trình cực đoan của thế giới? Cũng là lưỡng cực của vũ trụ, nhân sinh, xã hội? Cũng là con đường của thân-xác-bản-năng và lý-trí tinh-thần? Đại ngã chính là tôn sùng cái tôi-chủ-quan, vạn năng của lý trí, từ đó y hưởng thụ thân xác, thành tựu lý tưởng, phe nhóm tâm linh - từ đó y nói năng, hành động, tư duy, tu hành và lập giáo cùng phụng sự quần

sanh. Vong ngã là quên mình, mất mình. Quên mình, mất mình trong vật chất hoặc trong tinh thần. Chúng thường được hiện hữu trong những lúc đi đứng nằm ngồi, sáng tác, đắm say hí tiêu dục lạc, trầm mịch ngây ngất trong các cơn xuất thần của thiên định. Vong ngã là vậy. Đại ngã là vậy. Đúng lắm. Nhưng còn vô ngã? Vọng Việt có biết gì về vô ngã?

Trên diễn đàn, giọng Vọng Việt càng lúc càng như thác đổ:

-Hãy đứng lên, này sư tử! Hãy cúi xuống, này cừ non! Trong đêm trường dạ mịt mù, ai đứng lên, kẻ ấy thắng. Trong cơn sấm to bão lớn, ai cúi xuống, kẻ ấy còn. Nay ta cũng khái thị thêm một điều tối thượng: Chân phúc là cái không thắng, không còn. Không thắng, không còn chẳng phải là thua hay mất!

Thiên đường dành cho kẻ sáng, địa ngục dành cho kẻ tối. Nhưng ta cũng rao giảng thêm điều minh triết: Chân như nó gồm hai: cả cái sáng và cái không sáng. Chân tri cũng gồm hai: cái tri và cái bất tri. Chân ngã cũng gồm hai: vong ngã và đại ngã.

Chân như là gì? Hỡi các con của ta! Chân như là như chân như thực. Ấy là sự điều hành nhân quả của pháp giới và pháp giới trong nhân quả điều hành. Không do ai và không bởi từ đâu, nên gọi là vô công.

Chân tri là gì? Hỡi các con của ta! Đó là cái sáng láng. Nó biết được chính nó và có thể nắm vũ trụ trong lòng bàn tay như nắm một quả xoài. Nó biết được, nhưng không có cái mà từ đó nó biết. Tri với sở tri là một. Nên cũng gọi là vô kỹ.

Chân ngã là gì? Hỡi các con của ta! Kẻ nào như thực biết ta là, ta là hiện tính thì kẻ ấy có thẩm quyền về chân ngã. Chủ tri, năng tri hòa nhập với dòng

sống. Dòng sống cũng chính là Thượng đế, cái đời đời. Và khi ấy, y chính là hiện thân của Thượng đế, trong y có đầy đủ thập giới, thập loài, muôn hình, vạn tượng. Vì làm Thượng đế nên y không hiện hữu riêng cho một loài, một loại, một giống. Y là tất cả nhưng không tên gọi - nên gọi là vô danh.

Vô kỹ, vô công, vô danh là vô ngã vậy.

Các con của ta, nay ta phán truyền thêm điều này: Ta là Thượng đế mới, các con là loài người mới sống trong kỷ nguyên mới. Đây là kỷ nguyên của bình đẳng và tự do tối thượng. Ta cho phép các con thành tựu đáng vô ngã. Đáng vô ngã và ta, không hai không khác. Ta cho phép các con được làm Thượng đế cùng ta và bằng ta, ấy là bình đẳng tối thượng vậy. Khi làm Thượng đế rồi thì các con được quyền sáng hóa và sáng tạo, ấy là tự do tối thượng vậy." Các kiến thức của y tương đối quảng bác. Có những điều y căn cứ để lập luận chưa được mọi người công nhận như một định luật phổ quát. Y độc đoán và độc tài về chân lý. Nhưng quả thật, nhờ thông minh, y đã làm cho

những cái vô lý trở thành hữu lý. Chẳng có gì mới mẻ cả, Triết Hựu nghĩ. Tại sao y lại dám vọng ngôn là “đoạt cảm nang của Thượng đế”? Hay do từ cảm nang này, rồi y sẽ nhân danh là hậu duệ, là đích tử của ngài để lập giáo và xiển dương? Cũng từ cảm nang này y sẽ rêu rao với quần chúng, là chỉ có y mới có thẩm quyền về tri thức? Để độc quyền chiếm hữu Thượng đế trong bàn tay lông lá thú vật của y?

Trong lúc Triết Hựu đang miên man suy nghĩ thì Vọng Việt vẫn đều đều cất tiếng nói. Y bắt đầu nói về sự bé tấc của các con đường, các tông giáo. Y lập luận từ cái cục bộ để đi đến toàn diện, từ cá thể để đi đến toàn thể. Trên tiến trình về tuyệt đối, y phá hủy từng bước một, phủ nhận từng bước một, đồng thời, xác định giá trị, tuy hữu hạn của các con đường. Hầu như y không phủ nhận gì nhưng lại chối bỏ toàn triệt. Đây là cái khó khăn của y, đồng thời cũng là thành công lớn của y. Như tên thợ gốm lành nghề, y nhồi bóp nghịch lý trong đôi tay thiện nghệ rồi nắn đúc thành một tạo phẩm tuyệt mỹ. Như một tên thợ dệt, y tước tư tưởng ra từng sợi rồi dệt nên một tấm vải tổng hợp tư tưởng vĩ đại. Rồi cuối cùng, giống như một tên thợ khảm, y đập vỡ ly tách, lọ kiêu, chén kiêu rồi khảm thành một con phụng hoàng to lớn giữa hư không. Con phụng hoàng có tên là minh triết, được điềm nhãn, rồi tung cánh bay rợp trời tư tưởng Ấn Độ. Và từ đó, những phần tử, yếu tố, căn để cấu tạo nên con phụng hoàng ấy chỉ còn là cái vô danh, bị hy sinh, bị quên đi - hay là được dính liền vào thân xác con phụng-hoàng-nhất-thể-minh-triết để sống mãi đời đời trong chân lạc, chân phúc và chân tri.

Đây là toàn bộ cảm nang của Thượng đế mà Vọng Việt nhân danh sứ giả giải kết lại. Cả đám thánh giả rã rời, tê liệt trước ngôn ngữ sấm chẻ của chàng. Vọng Việt đắc thắng và hân hoan nhìn đám thức giả cử tọa: những mái tóc bạc, những manh áo cà sa, những thân thể tượng đồng r ám nắng, những vùng trán bao la, những đôi mắt sâu thẳm, những rèm mi khép lại, những dáng ngồi trầm mặc, những chiếc khó rách thân hạc, những kẻ phong trần, những chiếc áo sặc sỡ, những thân thể phì nộn, những đôi mắt xanh, áo the, áo lụa, những giải điều hồng.....

Không ai chát vấn. Triết Hựu nghĩ. Chát vấn là phản kháng, là dấu hiệu bối rối hoặc bất an ở phía bên trong - nó chứng tỏ một non yếu về nội lực, sự ngây thơ của lý trí, thiếu sự trưởng thành của trí tuệ, một suy kém về tâm linh! Có lẽ là đám cử tọa quá minh triết, đã lãnh hội điều minh triết nên đã im lặng đầy minh triết? Nghịch lại với nó là hình thức im lặng khác. Là hạ trí, ngu độn, tối tăm? Vọng Việt đã lợi dụng hai trạng thái dị tánh mà đồng tương này chăng? Cái khôn ngoan quá mức của Vọng Việt làm chàng se lòng lại. Mà thế gian, có phải, rồi cuối cùng, chỉ biết hoạch đắc những cái tầm thường đến ghê tởm như vậy? Đây có phải là diệu dụng lớn của ma vương, sa tăng hay là trò diệu hóa của Thượng đế? Vọng Việt đâm góc rẽ từ

trong lòng thế gian, đã bám chặt vào truyền thống gia tộc, danh vọng, địa vị, tiền tài, thế lực, quyền uy - cái đồng bần tanh hôi - mà dám nói về minh triết? Ngôn ngữ của y rõ ràng là tỏa ra quá nhiều xú khí đến lợm giọng, nôn mửa - ma sao y không sợ xúc phạm đến ngài? Với những thuộc tính trần ai, tử sinh kia mà dám nói đến một cách tự mãn, tự hào về những điều tối thượng, về nhập thể, minh triết, ly xuất thế gian, Thượng đế! Than ôi! Cái ấy có phải chỉ cần tư duy? Chỉ cần nói năng mà không cần ba ngàn oai nghi và tám muôn tế hạnh?

Một nỗi buồn nản đến tê tái xâm lấn tâm hồn Triết Hựu, nên chàng đã quay lưng đi với mọi danh vọng của người bạn thân. Chàng đã để lại trên khán đài huy hoàng kia một người bạn chân tình. Có lẽ vì quá chân tình nên phải đành phản bội! Vương miện đó cuộc đời sẽ trao cho người nhé - cả tình yêu, danh vọng và giàu sang nữa - sau buổi diễn thuyết này. Xin chào, xin chào thế giới đầy ánh sáng quang vinh của người, Vọng Việt nhé! Còn ta? Rốt cùng, vẫn chui rúc trong bóng tối đơn điệu nhưng cũng đầy kiêu hãnh của ta.

Trong lúc tuyệt vọng ấy, một tiếng nói mỏng như hơi sương thoảng qua tai chàng:

- Hãy tỉnh trí lại, người tuổi trẻ!

Triết Hựu đứng sững lại. Đây quả là một huyền nhiệm mới, truyền thông mới: Thượng đế, qua hiện thân của Người-xin-lửa lại đến với chàng.

- Con đã vừa bỏ quên Thượng đế. Bỏ quên mình chính là bỏ quên Thượng đế. Con vừa bị đọa xuống trần gian nên đã để cho các niềm vui, nỗi buồn chi phối. Con vừa nghe những lời phán truyền của ngài qua ngôn ngữ của minh triết giáo mà con có hiểu gì đâu.

Chàng vừa bị vong ngã? Quả thật vậy. Bị sự thúc hối của ngoại cảnh, của tư duy, chàng bị đẩy bật ra khỏi chàng lúc nào không biết, không hay. Tiếng nói của Người-xin-lửa đã đưa chàng trở về! Ôi! Hạnh phúc biết bao nhiêu, chàng đã có một vị từ mẫu, đã có một quê hương...! Triết Hựu chấp tay giữa hư không. Và quả thật, chàng thấy mình như đang ở giữa hư không bát ngát.

- Con vẫn tối đen, thưa ngài. Con hiểu nhưng chưa thực hiểu.

Giọng nói giữa không trung vẫn từ hòa, êm ái:

- Con hãy trình bày lại những sở kiến của con về cái gọi là “cảm nang của Thượng đế” kia.

- Đây chỉ là ngôn và lời, chẳng phải là Đấng ấy. Cái tư duy của y không khác với tư duy của con, lại càng không khác với kinh điển tự ngàn xưa còn để lại. Y chỉ hâm nóng thôi. Trước mặt, con vẫn vô định. Sau lưng, con bị định mệnh săn đuổi. Bên trong, rối loạn, đau khổ và hoang mang. Con chỉ muốn xin ánh sáng của ngài thôi, của thầy thôi. Xin thầy hãy cho con ánh sáng mới và đôi cánh mới để con thấy đường và bay qua vực thẳm cũ xưa này!

- Con có tin ta không?

Triết Hựu lại chấp tay xá:

- Con tin, hồi ngài đại sa-môn, hồi đức thầy cao cả. Con giao trọn tính mệnh con cho ngài!

- Có mù quáng không?

- Không. Nếu gọi được là đức tin thì đây chính là đức tin tuyệt đối, đức tin tối thượng. Cũng gọi là trí tuệ bất khả tư nghì. Con tin ngài.

Có tiếng cười rất nhỏ giữa mù sương:

- Nếu ta bảo con chết đi? Vì chết mới phục sinh?

- Con sẽ chết - Giọng Triết Hựu đầy vẻ tín phục và cương quyết.

- Nếu ta bảo con hãy trở về với gia đình, vì, phiền não đầy sinh nơi đâu thì phải dập tắt ở nơi đây.

- Con sẽ trở về gia đình, an phận thủ thường và làm đầy đủ bổn phận tại thế hữu hạn.

- Nếu ta bảo con xuất gia? Vì xuất gia mới trọn vẹn với con đường, mới đáp đền tứ trọng ân một cách tròn đủ, hợp lẽ và cao thượng?

- Con sẽ xuất gia và theo gót đức thầy.

Im lặng hồi lâu.

- Được rồi! Nhưng, những biện pháp kia chẳng có biện pháp nào sai, tuy thế, chúng chẳng phải là cách giải quyết của bậc tâm linh. Tất cả đấy chỉ là pháp đối trị, là trò chơi như huyền. Con hãy nghe!

Và Triết-Hựu chờ đợi. Một lúc chợt có tiếng thở dài:

- Rồi ta cũng phải dùng ngôn và lời thôi, có khác gì mình triết giáo đâu.

- Chắc chắn rằng ngôn và lời của đức thầy khác.

- Khác như thế nào?

- Đằng sau ngôn và lời của y, của Vọng Việt, có bóng tối. Và tử sinh.

- Con lấy gì mà nhìn để biết rằng y có bóng tối và tử sinh?

Triết Hựu ngậm ngừng giây lâu:

- Cái linh quang vô sinh của con!

- Vậy ngay cái linh quang vô sinh ấy đã là cái sáng suốt mâu nhiệm. Nó thấy rõ con đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc ác, làm việc thiện. Vì vô sinh nên nó bất tử. Không những nó thấy rõ bóng tối mà còn thấy rõ ánh sáng. Con đã có được cái linh quang sáng suốt mâu nhiệm vô tử bất sinh ấy mà sao còn đi tìm cái ánh sáng tâm linh nào khác nữa?

Triết Hựu bàng hoàng. Chàng lặng người một lúc và cảm thấy rằng: mình đi tìm cái mà từ lâu mình đã có sẵn rồi.

Giọng nói vô hình còn rót nhẹ vào tai chàng:

- Con đã từ cái linh quang vô sinh ấy mà đến,

trong cái linh quang vô sinh ấy mà sống và cũng bởi cái linh quang vô sinh ấy mà về. Con còn sợ bị lạc lối

đi đâu nữa? Nó thường hằng và ở mãi bên con không rời nhưng vì màyà che lấp nên không thấy đó thôi.

Triết Hựu im lặng, chàng không biết nói gì nữa cả.

- Bấy lâu con bị vọng hoặc săn đuổi, ma vương tiếp tay, vô minh bịt mắt nên đã đông, tây, nam, bắc kiếm tìm. Đấng ấy chỉ cần thấy chứ không phải kiếm tìm, có phải? Bấy lâu con cũng đã không còn tin ai và hoài nghi tất cả mọi người, nhưng con đã không dám hay không biết tin mình và hoài nghi chính mình. Tin chính mình là tin vào chân ngã tối thắng, từ đó, đập đổ tất cả mọi giá trị ước lệ, những niềm vui thúc phược, những hiểu biết, tri thức, giáo điều. Nghĩa là đập đổ và san bằng ba ngàn thế giới trong một niệm hiện tiền tinh thức. Chỉ có đức tin rót vào chính mình như vậy mới thực hiện nổi ý ấy trong con. Như vậy, trên lộ trình vô thượng ấy làm gì có những cái gọi là giáo chủ, đức thầy, tôn sư, đệ tử? Dám tin chính mình cũng dễ đưa đến đại ngã, tăng thượng mạn, do vậy, phải biết hoài nghi mình nữa. Hoài nghi mình là để quân bình lại cái bản ngã vốn được khuyếch đại do tự tín cực đoan đem đến. Hoài nghi mình là gì? Là coi chừng bị cái ấy điều động, thúc giục, chi phối. Cái ấy nó ở ẩn thâm sâu trong tự ngã của mỗi chúng sinh. Dục vọng là tự ngã. Tự ngã cũng chính là Đấng ấy. Nhưng Đấng ấy là vô dục mà tự ngã hữu dục. Tự ngã cũng minh mà cũng vô minh. Nhưng chân phúc thay cho ai là kẻ thực hiện dung nhiếp hài hoà và trọn vẹn hai bề mặt của thực tại ấy. Bậc ấy gọi bậc tự do và tự tại.

Triết Hựu thấy mình lãnh hội đầy đủ từng chữ, từng lời, từng nghĩa. Trên tất cả, Triết Hựu hiểu ở phía sau những chữ, những lời, những nghĩa ấy. Nó như là một thứ ánh sáng không màu, chan hoà, không nhân, không quả, không trước, không sau. Nó tràn lan đầy ắp không gian, xuyên sâu vào các tế bào, nguyên tử, phân tử, điện tử. Nó vô ngại không thời gian. Cái ánh sáng vô căn và tuyệt đối ấy – nó đẩy lùi mất cái bóng tối trong chàng.

- Kẻ nào muốn làm sư tử, coi chừng đại ngã. Kẻ nào muốn làm cừ non, coi chừng vong ngã! Nhưng chân phúc thay cho ai thấy rõ mình vừa là sư tử vừa là cừ non. Đấng ấy gọi là đấng thành tựu vô thượng tối thắng hậu đắc trí!

Sứ mạng của thiên thân khác sứ mạng của cộng cỏ - nhưng chân phúc thay cho ai thấy rõ cả hai sứ mạng đều được Thượng đế giao phó và đều bình đẳng trước ngài. Đấng ấy gọi là đấng hoà bình, thuận nhĩ và vô chấp.

Có hai con đường dẫn về chính mình: Đường bên ngoài và đường bên trong. Kẻ nào thực hiện con đường bên trong, coi chừng đại ngã và nội ma. Kẻ nào thực hiện con đường bên ngoài coi chừng vọng ngã và ngoại ma. Nhưng chân phúc thay cho ai thấy rõ cả hai con đường là một, là bất nhị. Đấng ấy gọi là đấng trung đạo, đấng trung dung, đấng tự chủ.

Cũng có hai con đường dẫn về chính mình nữa: địa ngục và thiên đường. Thân xác cho địa ngục và tinh thần cho thiên đường. Nhưng chân phúc thay

cho ai thấy rõ mình không phải là thân xác cũng chẳng phải là tinh thần. Đáng ấy gọi là đáng cõi ngoài, đáng toàn diện.

Hãy lên đường, người tuổi trẻ! Nay ta cũng vừa trao cảm nang của Thượng đế cho con. Ta không chúc con chứng nghiệm đau khổ hay thành tựu hạnh phúc mà chỉ chúc con nhìn thấy Thượng đế trong chính mình...

Tiếng nói đã chấm dứt từ lâu mà Triết Hựu còn quỳ lạy mãi. Hình như cả thế gian chỉ có tiếng nói ấy là thực. Ngoài tiếng nói ấy, không còn ai, không có gì nữa cả... nhà cửa, đường phố, ngựa xe...

Lúc ấy một đám đông đang vây quanh chàng. Người, ngựa, xe dòn nghẹt cả một góc đường. Chàng chợt mỉm cười vô cảm với đám đông: chúng đi xe, đi ngựa thì ta đi chân! Con đường nào rồi cũng dẫn về chính mình. Cuộc đời sở dĩ có sự sống, màu sắc trăm hoa là nhờ có muôn vạn con đường sai khác. Nếu trong một ngôi vườn mà thuần một loài hoa thì chán

Mất biết bao nhiêu? Nếu cuộc đời chỉ có một loại người như chàng thì vũ trụ này sẽ huỷ diệt!

Triết Hựu đứng phất dậy và cười ngô nghê như tên loạn trí:

- Mọi sự đều tốt lành. Mọi sự đều tốt lành!

Và chàng chấp tay xá mọi người:

- Thâm tạ bộ hành, thức giả, bậc tâm linh, đại trí, thượng nhân! Thâm tạ mọi người, cuộc đời, vạn cuộc đời, cây cỏ, đất cát, gió mây, nắng mưa, vui khổ... Thâm tạ... Thâm tạ!

Một thanh niên, bỏ ngựa, bước tới nắm vai chàng lắc mạnh:

- Hằng trăm người ở đây, chẳng lẽ rồi công để chứng kiến cái ngu ngốc điên loạn của ngươi sao? Cút nhanh đi!

Con cừ non trong Triết Hựu nói nhỏ: Xin vâng, xin vâng! Và chàng mỉm cười nhẹ, không nói. Thanh niên xô mạnh chàng vào một cột trụ. Có máu chảy trên trán thì phải. Chàng lập lại tiếng cừ non: “Xin vâng, xin vâng!” ri lại mỉm cười. Bình an biết bao nhiêu, chàng nghĩ.

“Chân phúc cho ai thấy rõ mình vừa là cừ non vừa là sư tử”. À, trong ta không chỉ có cừ non! Và tiếng sư tử chợt rống lên bên trong chàng: “xin dừng, xin dừng”. Thế rồi, sau cái mỉm cười thâm lặng nhưng chắc nịch và nặng ngàn cân, chàng mạnh bạo nhắc người thanh niên rồi quẳng vào phía một chiếc xe hai ngựa. “Xin dừng, xin dừng”, con sư tử trong ta nó rống như vậy đó mà. Triết Hựu cười hô hô rồi co giò chạy mất.

- Chúng nó không biết rằng, ngoài cừ non, trong ta còn có cả sư tử nữa.

Chàng để lại tiếng nói đó cho đám đông.

---o0o---

THOÁT LY

Một sáng kia, cha Triết Hựu gọi chàng lại, với giọng nghiêm khắc, nói rằng:

- Vọng Việt cùng một lứa tuổi, sở học với anh, nhưng y đã là kế thừa sự nghiệp của giáo chủ Minh triết giáo. Bao nhiêu quang vinh đã đến cho gia tộc, họ hàng, cả bản thân y nữa. Còn anh? Anh làm được gì? Cho thế gian? Cho gia đình? Hay ít nhất là cho anh?

- Tất cả cái ấy đều là mụm, là huyễn hóa. Nó không thực. Thượng đế dạy như vậy.

Hựu trả lời rồi nhìn sâu vào mắt cha chàng trong tư thái hoàn toàn tự chủ.

- Nó không thực nhưng nó đã làm nên cơm áo, nhà cửa, tôi tó, ngựa xe, điền sản...! Anh vì chấp nó không thực nên anh sẽ là tên áo rách, đầu đường, xó chợ, bị mọi người phỉ nhổ, chà đạp, khinh bỉ. Không những thế, anh còn hắt cái bóng tối của anh lên gia tộc. Cả sự nguyện rửa nữa!

- Sứ mạng của thiên thần khác sứ mạng của cọng cỏ, nhưng nó tạo sự hỗ trợ, hòa điệu trong nhịp vận hành chung của pháp giới. Thiếu một trong hai, vũ trụ sẽ tàn phế, què cụt. Thượng đế dạy như vậy. Mọi loài đều bình đẳng trước ngài. Ngài không đặt ra giá trị và không thiên vị. Các bảng giá trị chỉ do bọn thế nhân phạm tục quy ước với nhau.

Người cha vẫn bình tĩnh nói:

- Mỗi người mỗi khác. Dĩ nhiên. Thượng đế không bao giờ lầm lẫn. Chỉ có sự lầm lẫn của con người. Lầm lẫn để chọn địa ngục mà tưởng là thiên đường đó thôi.

- Thừa cha! Địa ngục và thiên đường là hai con đường cách biệt. Nhưng đều là con đường dẫn về chính mình. Nhưng chân phúc là cái không phải địa ngục cũng chẳng phải là thiên đường, Thượng đế dạy như vậy!

Lại một lần nữa, Triết Hựu nhìn vào mắt cha chàng với niềm thanh lặng vô biên. Nhưng người cha đã không còn tự chủ được:

- A! Hóa ra anh nhân danh Thượng đế để phủ nhận trọn vẹn cha, mẹ, áo cơm? Anh nhân danh ngài để lý luận vô thần và địa ngục với tôi?

- Cha đã hiểu sai đi, thừa cha! Địa ngục cho thân xác. Và thiên đường cho tinh thần. Con khinh bỉ vật chất, hí tiểu dục lạc, thế là địa ngục không ở trong con. Con khinh bỉ tinh thần vì nó là cái bản ngã, sở tri, kiến chấp, kiến thủ. Thế gian đã vì điều ấy mà đánh lộn con đen với Thượng đế. Chúng đã nhân danh tinh thần, còn hơn nữa, lấy nhãn hiệu Thượng đế để có một đời sống vinh thân phì gia, hưởng thụ thân xác. Dù sao, kẻ nhân danh thân xác mà không qua một nhãn hiệu nào, chẳng thềm nhân danh ai, chúng thành thật, thế mà đáng kính trọng hơn! Còn con ư? Con là một cái gì ở ngoài tinh

thần lẫn thể xác. Thiên đường, vì vậy, chẳng có một chỗ đứng nào trong tâm con.

- Vậy thì anh làm gì? Chỉ dùng ngôn và lời như vậy là thành tựu được Đấng ấy ư?

Người cha đã trầm tĩnh trở lại. Hựu nói:

- Làm gì? Sao lại phải làm gì? Làm gì thì coi chừng bản ngã và tham dục thúc động. Chỉ có kẻ nắm trọn tinh nghĩa, mật nghĩa của Thượng đế trong tay, mới biết sáng hóa được đời mình, mới biết là nên “làm gì” và nên “không làm gì”. Con nhìn thấy cái ấy, cha không nhìn thấy.

Người cha đứng bật dậy như chiếc lò xo, hai tay nắm chặt lại, run run. Triết Hựu thấy mình sáng suốt hơn bao giờ. Thượng đế cũng có hiện hữu ở đây, phía bên trong cái cuồng nộ của cha chàng!

Người cha chột bỏ tay xuống. Và tự chủ:

- Anh hãy bước ra khỏi căn nhà này và vĩnh viễn đừng bao giờ trở lại. Trí khôn bảo với tôi rằng: hãy nên lý luận với đầu gối mình còn hơn là lý luận với phường vô loại, nghịch tặc, bất hiếu và vô đạo. Ngựa chướng bắt trị thì giết, gà không biết gáy thì làm thịt, cây lớn mà vô dụng thì đốn bỏ. Rồi anh sẽ hiểu rằng, anh chỉ là phường vô hạnh, quần rách, áo ôm. Rồi anh sẽ hiểu rằng, kiến thức quảng bác của anh chẳng đủ để nuôi sống thân xác. Rồi anh sẽ hiểu rằng, sự hiện hữu của anh còn tệ hơn một đồng củi mục, một đồng thịt thối, một bộ xương khô. Anh không nghe lời tôi thì Thượng đế sẽ quăng anh xuống địa ngục, xua anh ra khỏi thiên đường. Hãy cố gắng mà làm một xác ma ôm nổi sa đọa và điêu tàn cho đến ngày mãn kiếp. Tôi đã hết ngôn ngữ để nguyên rửa anh. Hãy đi vào bóng tối trong niềm kiêu hãnh xuẩn ngốc đó. Hãy bước đi!

Triết Hựu quỳ xuống và lạy cha hai lạy:

- Một lạy: vì cha đã cho con thân xác hay ít nhất là nuôi dưỡng thân xác! Một lạy: vì cha đã cho con trí thức hoặc tưởng như được nuôi dưỡng trí thức! Thế là con đã hết nợ nần, thừa cha! Bây giờ con vĩnh viễn giã từ ra đi và bắt đầu sáng tạo lại đời mình. Con phục sinh.

Triết Hựu tỏ thái độ với cha chàng như vậy.

Lạnh lùng, phản bội và vô cảm như vậy. Nhưng còn mẹ chàng? Tiếng khóc âm ức, đeo níu ấy lại làm chàng bật cười:

- Con chẳng con thiếu nợ gì nơi mẹ nữa cả. Hơn hai mươi năm trời chịu đựng tủi nhục, đắng cay, cru mang định mệnh trần ai, vác thập tự giá trên vai qua bao chặng đường tân khổ cũng khởi từ cái giây-phút-địa-ngục ấy của mẹ. Chẳng biết là con nên đền ơn mẹ hay là mẹ nên đền ơn con? Hay rồi ai cũng đến với nhau, gặp nhau trong những cuộc đối chác, trả vay? Bây giờ thì hết rồi. Khi mà con su tử trong con nó rống lên rằng: “Hãy thoát ly”, thì còn quyền niệm nào mà cột trói con được? Mẹ

yêu quý, đây là sự thật. Kẻ trí thì chẳng bao giờ đau lòng về một sự thật, dù là sự thật xót xa. Con xin đi. Và dù có gục ngã, dù có nếm trái đắng mật đen, dù có bỏ thân giữa cuộc đời gai lửa - con cũng không quay về. Con sẽ làm một hoang tử vô quy!

Thế là Triết Hựu ra đi. Chàng ra đi không hành trang, hành lý, chỉ một bộ áo quần đang mặc với niềm tin mãnh liệt vào điểm linh quang ở trong người chàng. Lòng Hựu dậy lên một nỗi rộn ràng kỳ thú. Tất cả đều như mới mẻ trong mắt chàng. Ông già bán hàng ở đầu ngõ nhìn chàng lặng lẽ như chia sẻ cái niềm vui đang nghi ngút bốc cháy trong tâm chàng. Cô bé ở tiệm nước bên kia căn phố đối diện đưa đôi mắt huyền nhìn chàng như thể âu yếm với tình nhân. Đứa bé bán đồ vật trước hiên một tiệm bách hóa, thấy chàng, đưa tay vẫy với nụ cười vu vơ. Cuộc đời như sống lại. Chàng nghĩ. Tất cả như đang thân thiện, gọi mời. Tinh táo và ráo hoảnh như vừa ngủ dậy. Thế giới ấy, từ lâu tại sao chàng không nhìn thấy? Từ lâu, ý thức chàng đâu phải không ghi nhận những sinh hoạt của đời người? Có lẽ, từ lâu, đắm chìm trong suy tưởng và bị ám ảnh nhức buốt bởi một định mệnh, nó tạo thành một bóng tối ngăn cách to lớn, một tình cảm chủ quan mưng độc - làm tê liệt tất cả mọi quan năng chẳng?

Ra đi, quả thật là giải thoát. Chàng nghĩ. Cái ách lớn của định mệnh kia chàng đã hất tuộc ra khỏi cổ rồi. Hay tưởng như hất tuộc đi rồi thì cũng thế. Hựu không xác quyết hoặc khẳng định như thế này như thế kia vội. Mà thì giờ. Vì còn cả một đời sống trước mặt: Ôi, cái trước mặt cao rộng, to lớn và tuyệt mỹ biết bao nhiêu!

Ô kia! Một chú bê con! Thượng đế không những chí thiện, chí nhân mà còn chí mỹ nữa! Một chú bướm vàng! Ô, tuyệt diệu! Một cụ già nước da đen sạm đang chống gậy lê từng bước một. Ôi, yêu thương làm sao? Ro ràng là cuộc đời chợt tuôn tràn sáng láng kéo theo niềm lạc thú vô hạn. Chàng nhìn về phía ấy, phía chân trời - và thấy mình đang đi với từng bước nhảy...

---o0o---

GẶP LẠI SA-MÔN ĐẦU ĐÀ

Đi? Nhưng đi đâu? Một câu hỏi lóe lên làm cho Triết Hựu lúng túng. Làm thế nào để có đời sống và cơm áo? Rồi mình sẽ làm gì? Rồi mình sẽ tư tưởng ra sao? Điều mà chàng tưởng là đã giải thoát rồi, nhưng khi bắt gặp thực tế, với hiện hữu tương quan, dính liền với mọi sinh hoạt xung quanh, chàng lại bị trói chặt lại y như cũ - nghĩa là vẫn còn những cái gọi là ràng buộc, hữu hạn, bóng tối và khổ đau.

Triết Hựu bần thần dừng chân lại. Sự giải thoát không phải chỉ giản dị như trong tư tưởng thôi, như tư và tưởng thôi - mà là một cái gì khác thế - một

cái gì được thể hiện rỗng rang, tự do và vô ngại ở trong đời sống cụ thể - một cái gì sờ nắm được, ngửi được, tiếp xúc được như sự vật, thân xác, chén cơm và hơi thở nồng nặc của mọi người. Kẻ giải thoát họ làm gì? Họ uống ăn sinh sống ra sao để khỏi hệ lụy, mưu toan và thúc phược? Ngồi một chỗ - giải thoát toàn diện, vô duy - đợi sự chết đến lôi đi một cách bình thản? Có lẽ không phải thế. Là một cái gì tối thượng, nhiệm mầu hơn nhưng không khác lắm với cái bây giờ, chàng nghĩ.

Bước chân vô định dẫn chàng đến một đám đông. Người ta vừa nghỉ ngơi sau một đám rước các ngẫu tượng. Người ta tìm kiếm gì ở phía đằng sau hai tượng trưng âm dương linh thánh của thần Shiva? Những khuôn mặt đầy no thỏa mãn kia có đạt được một phần mười sáu bình an và chân phúc? Những tiếng: “aum, aum, aum...” từ sông Gangu vọng lên - vọng lên từ ngàn đời có tẩy uế được tội lỗi? Đấng Krishna có hiện hữu đâu đây, trong thân xác trần tục nào - để nhìn ngắm công trình của Brhmma đã đến hồi rồi ren và và ảo diệu. Phải chăng, con đường nào rồi cũng dẫn về nhất thể? Con đường hành động (karma yoga) không đã là một hình thức đại ngã đó sao? Con đường chiêm ngưỡng thờ phượng (bhakti yoga) không đã là hình thức vong ngã đó sao? Con đường trầm tư, thiền định (inana yoga) không đã từng cô lập mình trong một thế giới cách biệt, riêng tư, khoanh tay ở ngoài cuộc đời đó sao? Nó có thể là vong ngã hoặc đại ngã - con đường trầm tư, thiền định này - nhưng cả hai đều chẳng phải là chân phúc.

Triết Hựu uể oải lắc đầu bởi những câu tự vấn, tự giải liên tiếp tuôn tràn ra. Phải có thầy. Phải có một đấng Guru cho tâm hồn mới mong dẫn lộ cho ta từng bước một. Lý trí, kiến thức, kinh điển, hiểu biết chẳng dẫn ta đi đến đâu. Chúng đi vòng quanh!

Triết Hựu định quay lưng tránh một cuộc tranh luận giữa đường, nhưng có một giọng nói quen thuộc làm chàng chú ý: giọng nói của vị sa-môn đầu-đà. Một đám đông thanh niên đang vây lấy cội cây nhỏ.

- Chư hiền hỏi bần tăng thế nào là Thượng đế, bần tăng xin thưa là bần tăng không biết gì về ngài. Chư hiền hỏi bần tăng thế nào là nhất thể, bần tăng cũng xin thưa là chưa lần nào bần tăng tìm hiểu nhất thể để làm gì, nó có ích cho bần tăng ra sao. Đấng hằng cửu là ai? Tồn tại thế nào? Ngài hiện thân nhập thế có y báo, chánh báo hay vô sở bất tại? Có một điều, phải rồi, có một điều duy nhất thôi, là bần tăng tu hành để thoát khổ, để thoát khổ và giác ngộ đời sống - còn ngoài ra - xin thưa là bần tăng không biết gì đâu.

Triết Hựu đã đứng chen chân trong đám đông. Và nhìn vị sa-môn đầu-đà, chàng nghe lòng mình dâng lên một cảm xúc vô hạn.

Vị sa-môn nói xong, đám đông thanh niên bà-la-môn chột cười rộ. Một người hỏi:

- Tôn giả không biết tại sao mình xuất gia làm

sa-môn Thích tử? Lại không biết cả mình đang nói gì và nói với ai?

- Chư hiền – vị sa-môn chậm rãi đáp - Quả thật

vậy, giới vọng ngữ là giới thứ tư mà một người cư sĩ áo trắng phải hành trì, nếu muốn được gọi là một Phật tử chơn chánh. Bần tăng là kẻ đã phát nguyện thọ trì những giới luật thù thắng hơn thế nữa. Chư hiền không tin ư?

- Chúng tôi xin rửa tai để nghe lời tôn giả.

Đôi mắt của vị sa-môn già chợt lóe sáng lên, đảo quanh một vòng - rồi gật đầu:

- Chư hiền, quý hóa thay, bần tăng sẽ nói. Chư hiền bảo bần tăng xuất gia nhưng bần tăng là cái gì mới được chứ! Nếu thân xác là bần tăng thì thân xác ấy là cái vô tri, nếu đáp y mang bát cũng không thể gọi là “xác chết xuất gia” được. Cái thân xác này thì, một bà-la-môn hay một thủ-đà-la thì cũng không khác mấy. Còn tư tưởng - thì cái tư tưởng ấy niệm niệm sinh diệt... Niệm này là bần tăng hay niệm nọ là bần tăng? Chư hiền ơi, thú thật là bần tăng đã bất khả tri. Đã không biết ngã thì làm sao biết về ngã sở? Suy lý ra thì quả thật, bần tăng nói mình không biết gì, đâu phải là lời nói dối?

Có một thanh niên bà-la-môn tức giận, nhưng bạn y đã lấy tay ngăn lại, hỏi tiếp:

- Cái thân xác thì ông Cù-đàm hoặc đồng rác

cũng giống nhau. Đồng ý. Rig-Veda dạy rằng: ý thức, người phải im đi thì Atman mới hiển lộ. Nhưng Minh triết giáo chúng tôi nói rõ ràng hơn: Đấng ấy là thân xác và tư tưởng.

- Còn con người?

- Cũng thân xác và tư tưởng.

- Có gì khác nhau không giữa Đấng ấy và con người?

- Có chứ. Đấng ấy trong sạch, vắng lặng, thanh tịnh, sáng láng và thánh thiện. Đấng ấy là cha muôn loài, là bậc sáng-hóa-chủ, đại tự do, đại giải thoát, đại tự chủ, đại tự tại. Còn con người là nhiễm ô, tục lụy, ồn ào, náo động, tối tăm, nô lệ, tử sinh và tội lỗi.

Vị sa-môn chấp tay lên trán nói:

- Cao thượng thay Đấng ấy. Vĩ đại thay Đấng ấy. Phúc lành thay Đấng ấy. Bần tăng chúc chư hiền lên đường để đến với ngài.

- Sao tôn giả không cùng lên đường với chúng tôi? Giáo lý Minh triết giáo và con đường nhập thể vô thượng?

- Vì bần tăng là kẻ tầm thường nên chỉ xin làm những việc tầm thường trong cuộc đời tầm thường.

- Tôn giả chịu an phận, đắm mình trong chôn bùn như thế tục mà không chịu vươn ra cõi ngoài bằng phạm hạnh cao thượng ư?

- Cõi ngoài thì cao siêu quá. Cõi ngoài là ở ngoài

cuộc đời chứ không phải ở trong cuộc đời. Bàn tăng với thân xác và tư tưởng hữu hạn - ở trong cuộc đời - nên chỉ xin trọn vẹn, phận mệnh, tính thể với những gì hữu hạn.

- Chẳng khác gì một kẻ đang sống đời thân xác. Té ra tôn giả chỉ nguy trang là sa-môn thôi?

- Bàn tăng đang sống đời mở rộng! Chư hiền, bàn tăng không có sống đời để đi đến cõi ngoài, cõi vô tự tính, cõi “chẳng liên hệ gì đến trần gian” này, mà quả thật, bàn tăng chỉ sống đời mở rộng để đón nhận hài hòa muôn vạn ân sủng của cuộc đời.

Cuộc đối thoại đến đây đã làm cho đám thanh niên bà-la-môn không còn chịu đựng được nữa.

- Vậy ra tôn giả là một tên “khất cái” vô loại - một người thanh niên mím nụ cười độc địa nói - tôn giả sống trên tài sản và máu xương của kẻ khác. Sống và hưởng thụ. Sống và tiêu cực. Sống và thủ lợi. Sống và vị ngã. Sống và tham dục. Đây có phải là sở tri, sở hành, sở đắc của những sa-môn Thích tử?

- Một sáng-biêng-lười - bạn y tiếp với nụ cười khinh mạn - Một bậc thất nghiệp cao thượng!

- Một thân xác vật chất được quàng chiếc áo tinh thần, phạm hạnh để nguy trang che mắt mọi người. Thượng đế sẽ không dung thứ cho những kẻ mạo danh là con cái của ngài như vậy.

- Một du thủ vô công rồi nghề đang thực hành cái vô công rồi nghề của y: hạnh “du thủ”. Hạnh du thủ phải chẳng là mật hạnh của tôn giả?

Tiếng cười đắc thắng, ngạo mạn của đám thanh niên môn sinh Minh triết giáo vọng vào tai Triết Hựu làm chàng lùng bùng nhưc nhối khó chịu. Chúng đã sống đời xa hoa, thân xác lại dám chỉ trích kẻ sống đời tinh thần phạm hạnh bằng lý luận tinh thần phạm hạnh. Thật chẳng có nghịch lý nào nghịch lý hơn thế nữa. Phải mà! Giáo chủ chúng cũng đã không từ bỏ đời phạm hạnh để tranh danh đoạt lợi như kẻ thế tục đó sao? Những lý luận về cái gọi là cầu an, tiêu cực, thụ hưởng - quả thật là âu trĩ và thói tha không chịu được. Hay chúng đã thật sự bị sa-tăng cám dỗ? Sa-tăng đã đầu độc rỉ tai chúng nó - là loại khỏi cuộc đời những hình ảnh tâm linh, tự do và vô dục - để cho thế gian phóng túng vô độ, giết người, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, ích kỷ, tham lam, giật giành, vật chất, nhục thể...? Minh triết Vệ-đà, Áo-nghĩa-thư có dạy cho chúng như vậy đâu. Trái cây ngon ngọt của Adam và Eva là nọa tính từ uyên nguyên, từ đó lưu đày xuống trần gian thống khổ - thì không ai mà không hiểu rằng: Sa-tăng là ông tổ của duy vật luận - từ đó đánh mất thiên đàng. Không ăn trái cấm là chối từ sa-tăng và duy vật, là đi ngược dòng nghịch lưu, là hoàn nguyên bản mặt, là quy hồi nhất thể, là về bên chân Chúa. Ăn trái cấm là bắt tay với quỷ dữ, đồng lõa với ma vương để gieo rắc tai họa, làm than và bóng tối lên trần gian. Chiếc thuyền Noe có

còn không để chúng nó thấy rõ con phần nộ của Thượng đế? Tất cả chỉ là vật chất và thân xác, không có kiếp này và kiếp kia, đây là lời rao của quý. Và đây cũng là tư tưởng dẫn đạo cho những đời sống phi nhân, vô đạo và thú vật.

Con phần nộ của Triết Hựu chẳng khác gì con phần nộ của Thượng đế. Chúng đụng chạm đến cái thánh thiện bên trong chàng, đụng chạm đến nhân cách vời vợi của vị sa-môn - là chúng đã khai chiến sinh tử với chàng rồi. Bao nhiêu kiến thức mang theo từ cằm nang của Thượng đế, chàng quên hết, chỉ còn nghe một tiếng rống duy nhất của con sư tử bên trong: “Hãy nhai nuốt lý luận của bọn chúng”. Thế là chàng chững chạc, hiên ngang, xô vệt đám thanh niên, bước vào...

Triết Hựu cúi mình thật thấp đánh lễ vị sa-môn - mà chàng vẫn đinh ninh là đáng Guru duy nhất của mình, là Người-xin-lửa trong đêm.

- Xin đức thầy cho phép con tranh luận với quý ngài môn sinh minh triết giáo đây về minh triết. Xin đức thầy cho phép con dùng đôi cánh tay của thần Sh×va để bẻ gãy lý luận của sa-tăng, của các bậc kim tiền này. Bạch đức thầy sa-môn! Lũ chúng chẳng hiểu gì minh triết, lại chẳng dám làm đồ đệ của sa-tăng - vì sa-tăng đã dám công khai khiêu chiến với Thượng đế, tách đôi vũ trụ ra làm hai - còn chúng thì ở ẩn, dấu mặt ở bên sau Thượng đế, sống trong ân sủng của ngài rồi phản bội ngài, sự phản bội còn đê hạ hơn Giu-đa đối với Christ, hơn Devadatta đối với Gotama. Minh triết là sống đời xa hoa, lòe loẹt, thất đại tía, đại hồng, áo mao sặc sỡ, vợ con thê thiếp, là kẻ cầm đuốc ở các chiếu tiệc tùng, là vồng lọng, ngựa xe, là cừu dê, là tôi tớ. Minh triết của chúng là vậy. Còn ngôn ngữ chữ nghĩa kia, chỉ là lớp trí thức cặn bã, thời thượng, rơm rác, ứ trước, đã bị quẳng ra bãi hoang, xông lên mùi xác chết đã mấy ngàn năm chôn lấp lại... Mỗi danh từ, ngữ ngôn của chúng sử dụng là mỗi con rắn độc hai đầu đối với cuộc đời. Chúng lý luận với đức thầy là như nhỏ nước miếng giữa hư không, như tung bụi trước đầu gió ngược...

Triết Hựu say sưa nói, quay lưng với đám thanh niên và thái độ thật là vô cùng lễ độ đối với vị sa-môn già lúc ấy đang trong tư thế kiết già thanh tịnh. Đám thanh niên đã đổ xô lại, vung tay múa chân, mắt trợn ngược, chân mày xé lên, răng nghiến lại - nhưng quả bọn chúng không phải là kẻ vũ phu!

Một người thanh niên chững chạc, bệ vệ, có lẽ là huynh trưởng trong bọn, trang nghiêm cúi đầu chào Triết Hựu:

- Tôn huynh đã mạt sát chúng tôi quá thậm tệ.

Những lỗi lầm của huynh đệ chúng tôi chưa đến nỗi phải nhận chịu quá nhiều bóng tối, sự nguyên rủa đến như vậy. Quốc độ này, truyền thống minh triết không có chỗ cho những kẻ tiểu nhân ác khẩu, nhưng cho phép các cuộc tranh luận hiên ngang và thẳng thắn giữa nhau. Tôn huynh có thể dạy cho

chúng tôi những lời có tính cách đứng đắn hơn, có văn hóa hơn, quân tử hơn, cao thượng hơn, được chăng?

Triết Hựu then mặt liếc nhìn người thanh niên. Phải rồi. Trong bóng tối, có ánh sáng. Thần Vichnou cũng có mặt ở đây, trong việc bảo tồn tạo hóa.

Triết Hựu quay qua vị sa-môn đầu đà chờ đợi.

Bây giờ, vị sa-môn mới bắt đầu mở mắt, im lặng nhìn quanh một lượt, chậm rãi khoác bình bát lên vai, cầm chiếc gậy trong tay, đứng dậy:

- Xin ăn bần tăng đã có bát gia truyền của đức Phật. Bước đi, bần tăng đã có đôi chân già nua trần tục. Hiểu biết, bần tăng đã có trí-vô-tri vay mượn của càn khôn. Chư hiền! Bần tăng không thấy thiếu thốn gì trên trần gian. Người tuổi trẻ, bần tăng không thấy cần thêm gì trên trần gian. Bần tăng là cụ túc tử-kheo. Cụ túc tử-kheo là tên gọi của bần tăng. Kính chào và tạ ơn tất cả các người tuổi trẻ!

Nói xong, vị sa-môn hướng theo con đường lớn, bước đi.

Đám đông lại được dịp nhạo báng Triết Hựu.

- Truyện kể rằng: trong vườn chơi của Thượng đế có một loài bò bụng to được sủng ái. Cóc kia thấy vậy, về hạ giới tu hành, hít hơi phình bụng hy vọng

thành bò. Ngàn năm sau y đến châu Thượng đế và xin được vào ở trong vườn chơi của ngài. Thượng đế ngạc nhiên hỏi:

- Ngươi là cóc mà!

- Muốn thành bò có khó gì, chỉ cần hít hơi, phình bụng thôi. Ngài hãy xem.

Thế rồi cóc phình bụng lên. Thượng đế cười rồi phán:

- Bụng ngươi to thì to thiệt đấy. Nhưng ngươi có phình bụng đi nữa cũng chỉ là “loài cóc bụng to thôi”, chẳng phải là bò!

Thế rồi cóc bị đuổi xuống trần gian!

Lại có tiếng cười phụ họa:

- Đây là quyển thượng, trang 7, dòng 15, tiết 1 - quyển hạ còn chép tiếp rằng: Sau đó, cóc thất vọng, qua xin làm tôi tớ bộ hạ sa-tăng. Sa-tăng bảo:

- Ngươi tưởng làm tôi tớ của ta dễ lắm sao? Muốn làm tôi tớ ta thì không được hít hơi, phình bụng, rổng to mà phải ngậm miệng, cắn răng lại.

Cóc nghe lời, một ngàn năm tinh tấn hành theo hạnh ngậm miệng, cắn răng.

Gặp sa-tăng, sa-tăng bảo:

- Ngậm miệng, cắn răng thì được rồi, nhưng trong hàng tôi tớ nhà ta chẳng có đũa nào là cóc cả. Ta không nhận.

Một thanh niên khác chọt “chặc, chặc” lưỡi rồi gật đầu đầy vẻ hiểu biết:

- Hèn gì, vĩnh kiếp nay cóc chỉ còn biết ngậm miệng cắn răng thôi! Phình bụng to cũng bị đuổi, xẹp bụng lại cũng bị đuổi. Ôi! Cóc ôi! Khô thay!

Triết Hựu nghe râm ran và lúng búng trong lỗ tai. Chúng nó cũng độc địa, thâm trầm, sâu sắc lắm chứ không vừa đâu. Chàng đã bị hạ phong rồi, khi

xuất chiêu đầu tiên. Mũi tên đã lìa khỏi cung rồi, chẳng thể nắm lại. Phải nắm lại. Phải nắm lại mới là bàn tay đại xạ thủ. Làm một con cóc cắn răng ngâm miệng cũng được chứ không sao. Và chàng lại nghe bên trong tiếng cừ non nói dịu dàng: “Hãy nín, hãy nín.”

Khi chàng từ giã đám đông, thất thểu ra đi, thì hai môi đã bị hàm răng cắn chặt đến rướm máu. Chàng biết là chàng vừa chiến thắng trong thất bại.

---o0o---

BÊN BỜ SUỐI

Đề lại nơi thị trấn những tiếng cười tăng thượng mạn của đám môn sinh minh triết giáo, Triết Hựu lần theo phía ngoại ô, đi mãi, đi mãi. Với một cõi lòng đầy ứ, ngọt ngạt, buồn nản - chàng nghĩ. Khi ta bị quẫn trí về một định mệnh, đã nỗ lực cắt đứt mọi tương hệ với định mệnh ấy - thì lại rơi vào một hiện hữu khác, định mệnh khác! Định mệnh mới này, xem chừng thì trọng lượng khổ đau cũng nặng nề không kém. Định mệnh mới này là: không còn gì trên trần gian, không biết mình sẽ thành tựu gì, hướng đến mục đích nào. Vẫn chưa đi được một bước, chàng nghĩ - trên lộ trình về chân phúc. Vẫn còn nguyên vẹn mọi cá tính trần gian, trần ai, tham sân, phiền não. Cầm nang mang theo có ích gì không? Cái linh quang sáng suốt màu nhiệm vẫn thường trực chiếu sáng, rõ rõ, hăng hăng - nhưng tại sao, vẫn tù trong ấy, vẫn gọi kêu âm ỉ, đòi vươn ra, đòi bước tới? Vươn đến đâu, bước đến đâu khi toàn bộ vận hành của pháp giới đều là mảy may. Một bên là thần Vichnou bảo tồn, một bên là thần Shiva hủy diệt - thì có cái gì gọi là thực hữu? Đã không có cái gọi là tồn tại ngoài không thời gian thì sao ta không chịu dừng lại? Nhưng dừng lại ở đâu? Ở cái vùng trống không hoang liêu điều tàn thê thảm này à? Dừng lại mà không phải là lảng đút, yên nghĩ thật sự thì chỉ là sự đầu hàng, thua cuộc, sự thu rút, quánh đặc lại của một cái ao hồ tù đọng. Phải là sự dừng lại của bão tố. Phải là sự im lặng mênh mông của đại dương. Phải là sự yên nghĩ sau cuộc ra đi dài. Như voi chúa ra trận mạc: ngừng đầu và tiến lên.

Triết Hựu nằm lả người bên bờ suối. Xa kia thung lũng là trang trại của Vọng Việt. Bây giờ, Vọng Việt đã quá xa cách chàng. Y đã nghiễm nhiên tách rời, nhảy vọt lên cao với hào quang danh vọng tỏa rộng xung quanh. Người bạn từ một thuở ấu thơ đã chết. Những giờ luận đạo, những lúc tham thiền, những khi ngoạn du, biết bao kỷ niệm đã đầy ắp giữa hai người. Và chỉ có Vọng Việt mới xứng đáng là đối thủ của chàng trong kiếp lạc đà thâu lượm và chở mang kiến thức. Giờ y đang làm gì, nghĩ gì, phía sau cái tiểu giang san ngà ngọc kia? Y đã đạt “cái ấy”? và đã thật sự dừng lại? Hay đang dừng lại nơi ngòi cao và danh vị để hưởng thụ thân xác trong ý nghĩa cụ thể

nhất? Và cũng là người nhất? Một đầu óc minh triết như vậy, với dáng người trầm tĩnh và tự chủ như vậy, một đời sống tuối thơ thánh thiện như vậy - có lẽ nào lại tự phản bội lấy mình để ôm nứu, dính mắc vào những cái - mà đã một thời, hai người từng khinh bỉ và chế nhạo?

Triết Hựu chưa khẳng định, nhưng đã hai lần, từ Vọng Việt, cái bóng tối ấy hiện ra: Một lần bóp nát những đọt lá bên bờ suối và một lần tự đắc, thỏa mãn trên diễn đàn. Một bên thì thò cánh tay ra để bóp nát ngoại giới, một bên thì thò cánh tay ra để chiếm hữu ngoại giới: cánh tay của bóng-tối-vô-thức ấy. Đã một thời chàng thấy rõ cánh tay ấy của mẹ và của cha. Bây giờ là Vọng Việt. Chàng có thể làm lần không?

Triết Hựu còn nhớ thuở xưa, một lần, tại Bénarès, trên bờ sông Jumma, cả hai đi theo sau cuộc lễ Durga-puja xem đám rước thần huyền mẫu Kàli. Từng gia đình, từng đoàn, từng lũ đều bung những tấm hình thần Kàli rồi đem ném xuống sông, sau đó trở về hoan hỷ múa hát tung bừng.

- Kàli là vợ của Thần Shìva- thần hủy diệt. “Một tượng trưng của hủy diệt, quẳng xuống dòng trôi chảy hủy diệt, có nghĩa là gì?

Vọng Việt đưa mắt dò hỏi chàng.

- Hủy diệt của hủy-diệt tức sinh hóa, sáng tạo (shakti) - một tượng trưng thứ hai của thần Shìva. Nên Kàli không những là thần chết mà còn là thần sanh đẻ nữa. Ngài có bốn tay, hai tay tử, hai tay sanh! Có khác gì âm dương luận của dịch kinh Trung Hoa - Âm dương lưỡng cực trong nhau, xung đối để tạo nên sự hòa điệu, sinh thành tứ tượng, bát quái?

- Chỉ khác danh từ, kiến giải hoặc kiến luận là khác thôi. Và còn tùy thuộc ở trình độ thâm thấu và lãnh hội.

Im lặng hồi lâu, Vọng Việt lại hỏi:

- Thiện hữu ơi! Sinh rồi tử. Tử rồi sanh. Đây là định luật tất yếu. Khi thiện hữu thấy người ta quẳng thần hủy diệt xuống dòng trôi chảy hủy diệt, rồi hoan ca, rồi hát ca trên đường trở về nhà - thiện hữu có tìm ra được một mặt nghĩa nào để tạo một thái độ sống cho đời mình?

Triết Hựu không trả lời được cho đến khi cả hai đứng trong đám đông xem cuộc hỏa thiêu người trên sông.

- Sự chết chỉ là một lớp tro tàn, như bạn thấy đó. Thân xác này có thể quẳng vút trên nghĩa địa, trên rừng cho dã thú, trên bãi hoang cho kên kên thì cũng giống nhau. Vậy thì thái độ sống không phải là thái độ thân xác, sự chết - mà phải là thái độ tinh thần, sự sống. Sự sống, chính là sống hợp lẽ đạo đời đời vậy.

Vọng Việt thở dài xa xôi:

- Thiện Hữu ơi! Sống hợp lẽ đạo đời đời là sống thế nào? Đạo là thăng trầm, doanh hư, là đắc thất, là sự tương hỗ vận hành của nghịch lý âm dương... Cái ấy nó tạo sự xuống lên, tử sinh nhịp nhàng cho vạn hữu. Vậy sống

hợp lẽ đạo là cũng phải xuống lên, tử sinh nhịp nhàng như chúng, hay là bước ra ngoài, khoan tay thiên cổ nhìn hoa nở rồi tàn, đông khứ xuân lai?

- Phải rồi. - Triết Hựu lại hăng say nói, đạo là Brahman, là phạm thể, là thái cực, là Thượng đế, là thực tại tuyệt đối nhất nguyên. Sống hợp lẽ đạo là trở về với Thượng đế nhất nguyên trong lòng mình, từ bỏ sự phân ly sai biệt, chia cắt, nhị nguyên. Vì “vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu”. Cho nên, “thường vô” mới thấy được cái sơ thủy, cái đầu tiên, cái đạo. Mà “thường hữu” là vào dòng, là trôi lăn, là trôi chảy, là chia lìa, là làm Adam và Eva để lưu đày vĩnh kiếp! Nhưng cũng nh “thường hữu” mới có sự sinh thành của sum la vạn tượng.

Bây giờ, nhớ lại lần đối thoại đó, Triết Hựu hồ thẹn vô cùng. Chàng tưởng đâu chàng hiểu biết nhiều lắm. Bao nhiêu hiểu biết rồi cuối cùng cũng không giải quyết được gì. Vọng Việt cũng như chàng đều là kẻ mù lòa trên đường về với Thượng đế. Con đường vô danh có phải là âm lý, vì âm là co rút lại. Con đường hữu danh có phải là dương lý, vì dương là giãn nở, là phát triển ra. Nhưng thái độ âm hay dương đều ở trên hai cực của xung khí, mâu thuẫn và khổ đau cả. Chàng nhớ trên đường về nhụ, Vọng Việt nói:

- Hủy diệt hủy diệt tức sinh hóa, vậy vào dòng vào dòng tức lộ trình sáng tạo.

Một câu nói của Vọng Việt đã mù xa trong ký ức bây giờ hiện bật lên, trở thành lời giải cho thái độ sống của Vọng Việt bây giờ. Y vào dòng, tức chọn con đường hữu vi, hữu danh, nhập thế. Tức là đối nghịch lại con đường của chàng: vô vi, vô danh, xuất thế. Một bên: vô, danh thiên địa chi thủy. Một bên: hữu, danh vạn vật chi mẫu. Nhưng: “thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền, huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn” (Lão Tử Đạo Đức Kinh: *Hai cái đó đồng một chỗ mà đi ra nhưng tên gọi khác nhau. Vì đồng nên gọi huyền. Huyền rồi lại huyền nữa. Đó là cửa vào ra của mọi huyền diệu.*)

Triết Hựu chột run bắn người lên, tưởng như đã thâm ngộ lẽ huyền vi của Đạo. Nhưng một lúc sau như một gáo nước lạnh tạt vào mặt chàng: “thường hữu, đục dĩ quan kỳ kiêu”. “Kiêu” có nghĩa là vi tế, cũng có nghĩa là chia lìa! Không thể biện minh gì được nữa rồi. Triết Hựu cương quyết phủ nhận con đường hữu danh của Vọng Việt.

Trên bờ sông, Triết Hựu đã suy nghĩ lan man như vậy, rồi loạn như vậy, bẽ tắc như vậy. Khi tất cả những sợi thần kinh trong các tế bào óc tạm thời lắng dịu thì những tế bào ruột lại gọi kêu: Đói. Đói. Triết Hựu lại tò mò lắng nghe chúng. Và chúng chột mím một nụ cười chế nhạo, khinh bỉ. Thế gian, suốt một đời, vạn cuộc đời, chỉ lo đáp ứng cho chúng, giải quyết chúng. Còn chàng thì không. Không bao giờ! Chúng là c, i của con người thân xác. Ta là con người tinh thần. Ta cứ là không đời nào xem thử mày làm gì ta, thân xác?

Triết Hựu lại mỉm cười đầy vẻ ngạo mạn và thách thức. Nếu người trang bị bằng rắn cobra hoặc nàga, tay ôm cái cây ma, những chuỗi hạt bằng sọ người, tay cầm thanh gươm, tay cầm đầu người máu me vừa mới chặt - như nữ thần Kàlì thì ta có ngại gì đâu?

Thuở xưa - Triết Hựu mơ màng nghĩ - có một chàng thanh niên Đạo sĩ trong cuộc chạy đua về Thượng đế, y ngồi nghỉ dưới một gốc cây. Chàng ta cũng mệt, cũng đói, và cũng bị “cái ấy” săn đuổi chạy thất điên bát đảo. Ngồi đây thật là diễm phúc và kỳ thú nếu cây biết tỏa ra mùi trầm hay hương hoa của bốn phương trời. Đạo sĩ nghĩ như vậy và gốc cây chột cho hương và trầm. Nếu có một mâm cơm ngon lành, thanh niên Đạo sĩ ước tiếp. Thượng đế biết sự thối thất của Đạo sĩ, ngài bèn sai một sứ giả thiên thần hóa dạng một thiếu nữ diễm kiều, trên tay bưng một mâm cơm, dĩ nhiên là đầy những sơn hào hải vị, đến dâng lên đạo sĩ:

- Đây là giang sơn của nữ vương khoái lạc - Thiếu nữ nói - Và thiếp là nô tì của người. Xin dâng chàng vật thực mọn mảy này để nói lên tấm lòng của nữ chúa đối với khách đạo sĩ hào hoa.

- Ta là sa-môn - Đạo sĩ nhướng mày đáp - Ta là kẻ sống đời tinh thần cao khiết, từ bỏ dục, từ bỏ ái, từ bỏ sắc, từ bỏ những đam mê của khoái lạc ngũ trần. Thâm tạ tấm thịnh tình của nữ vương khoái lạc. Dù thế nào ta vẫn chối từ. Ta chẳng bao giờ còn bị vòng tay của mụmụ quyến dụ nữa!

Thiếu nữ vẫn mỉm cười và đưa mắt trữ tình mời mọc. Đạo sĩ quay phắt mình và bước đi. Nhưng mùi thơm của thức ăn, của kỳ nữ chột kéo trì chân chàng lại. Và chàng ngã quy xuống. Không còn dậy được nữa...

Triết Hựu cất tiếng cười to lên. Yếu quá. Yếu quá. Thượng đế thật là đáng toàn tri, biết rằng y sẽ gục ngã. Còn ta? Con sư tử bên trong chàng rống to lên: “Không. Không bao giờ”. Và chàng lại mỉm cười, bỏ bờ suối, men theo con đường nhỏ dẫn về rừng, ở đây là những sườn núi dựng đứng cao chón chớn, phía trên đổ xuống một làn nước bạc nom như dải lụa trắng, như chiếc sari hoặc khaddar vắt trên vai của các thiếu nữ. Sau xa nữa là khu rừng già. Trong tâm hồn của Triết Hựu, từ thuở ấu thơ cũng có hình ảnh một khu rừng lý tưởng: khu rừng có những tảng đá liên lạc dựng đứng chênh vênh hướng tới đỉnh trời xanh. Và từng con suối lượn quanh lạng lờ, những dòng thác ồ ạt ngàn năm từ hoang nguyên tuôn xuống. Ở đây, sau từng động đá cô quái âm u, dưới những gốc cổ thụ lâu đời, trên sườn núi cheo leo - có những sa-môn, đạo sĩ đem thân kim cương mà tạc tượng với đất trời, ngồi trầm tư bất động cô liêu lạnh lùng như đỉnh tuyết - nói lên ý chí bất khuất, hướng thượng để đạt quyền năng tạo hóa - hay nhô thân phận hữu hạn của mình lên trời cao vô hạn. Thế giới ấy, hình ảnh một khu rừng như vậy chỉ là mơ tưởng hay có thể hiện thực?

Có tiếng cười của những cô gái từ phía rừng vọng ra. Chàng không muốn đi đến hướng ấy nữa. Chàng ngồi lại. Chẳng biết có định mệnh nào chờ ta vào ngày mai? Phải chăng, những thăm dò, dự định, dự tưởng chỉ như là những mũi tên hữu hạn bắn vào tương lai mịt mù phía trước? Vô ích thôi. Có thể chàng sẽ đói và chết ở đây. Nhưng sự việc như vậy cũng vừa tầm thường vừa kỳ lạ quá. Lại giản dị nữa. Chàng có thể nhịn đói và chết nhưng chắc chắn là với nụ cười bình lặng. Chàng cũng có thể ăn cỏ, rễ cây, lá cây, củ rừng và nhiều thứ tương tự khác để sống. Chàng biết rằng mình có thể thích ứng với những đời sống thật đơn giản. Đơn giản như một sa-môn khổ hạnh. Chết sống không vấn đề. Mà vấn đề là sống để làm gì và chết để làm gì. Sự sống vốn bất khả hủy diệt thì đời sống mới chỉ là sự kéo dài của đời sống cũ - rồi có khác gì với những khổ đau và vô vọng hiện giờ không? Hay qua một cuộc tái sanh, sự khổ đau còn mịt mù hơn vậy nữa, cộng thêm một lớp thời gian, chùng nghiệp và vô minh?

Ta sẽ thí nghiệm thông tay buông thả đời mình, Triết Hựu nghĩ. Và chàng lại nằm dài xuống gốc cây.

Có tiếng vó ngựa. Hựu nom thấy một thiếu nữ đang rẽ cương tiến về phía rừng. Dáng dấp quen thuộc của thiếu nữ đập vào trí tò mò chàng. Triết Nguyệt! Thiếu chút nữa chàng la lớn. Triết Nguyệt đi ngựa, đây là một điều kỳ lạ. Lại một mình vào rừng, đây là một kỳ lạ khác.

Một chiếc xe hai ngựa từ chân đồi đi ra. Thoáng thấy xe, Triết Nguyệt buông cương cho ngựa dừng lại. Nàng buộc ngựa rồi đến ngồi trên một tảng đá. Xe đã đến gần. Và khi ấy, Triết Nguyệt cất giọng hát:

“Khi nàng đến, Thượng đế chợt che mặt sau làn lụa trắng,
Và dòng sông thì trái mình bằng tám thảm xanh,
Cả vũ trụ nín hơi rồi cất lời ca thánh linh,
Đáng ngôn và lời ngủ quên trong đôi mắt biếc,
Ta thổi linh khí prana thành mưa bụi nhỏ rải lên mái tóc nàng,
Thành hạt ngọc mणि

Ta hiến dâng nàng, ôi thần nữ...

Em chàng sao lại thuộc cả thơ của tu sĩ Chandi Das? Ôi! Nhà thơ trữ tình lãng mạn xứ Bengali đó đã nhập thể vào tâm hồn Triết Nguyệt rồi chăng? Tiếng ca ấy rõ ràng đã làm cho nàng ly thoát khỏi trần gian hạn hẹp để bay bổng lên mây tầng trời cao vút. Triết Hựu lặng lẽ nhìn đôi mắt Triết Nguyệt lim nhim, hai tay ngửa ra như muốn ôm choàng cả vũ trụ vào lòng. Và chính chàng cũng thấy tâm hồn mình lâng lâng, như rơi hẫng vào một cõi miền khói sương, nửa hư nửa thực, có âm nhạc lời ca, vũ khúc nghệ thường và tiên nữ. Lời ca ấy cũng có mãnh lực làm cho chiếc xe hai mã dừng lại, bất động. Phía sau xe hai thiếu nữ bước ra, cũng đưa mắt nhìn Triết Nguyệt, lặng lẽ...

Lời ca đã dứt mà âm hưởng hình như còn véo von, lên cao mãi, len lõi qua mây từng mây. Hựu chưa một lần dám nghĩ rằng, một bài ca tình ái mà có mãnh lực đưa tâm hồn người lên cao như vậy, lại có thể giải thoát trong một vài phút giây nữa... Ôi, nhưng đấy cũng chỉ là một trạng thái vong ngã thôi, dù là vong ngã tuyệt vời! Nó cũng là một hình thức của khoái lạc đấy, nhưng chỉ là khoái lạc phù du! Không ngờ em chàng mà cũng có đời sống tình cảm vời vợi như vậy. Từ lâu, trong mắt chàng, Triết Nguyệt chỉ là sự kết tinh của một khối thuần chất hồn nhiên, một cái gì ở bên kia của cõi thánh thiện và cao khiết. Hình ảnh của một viên ngọc pha lê trắng tinh, trong suốt thường hiện lên trong óc chàng mỗi khi nghĩ đến em. Viên ngọc ấy, bây giờ, có cái gì đây, như là những hạt cát vi ti dính lên ở đấy bởi một chất keo cuộc đời? Có cái gì ở đấy nữa, hình như là những sợi mỏng của thán năm, niềm vui, nỗi buồn, yêu thương và đau khổ? Như vậy, có nghĩa là Triết Nguyệt đã đánh mất thiên đường tuổi thơ. Có nghĩa là bắt đầu làm một hiện sinh để đi vào dòng trôi chảy cát lửa của trần gian. Triết Hựu lại thở dài, dăm chiêu, tư lự.

Lúc ấy, một thanh niên bà-la-môn bước ra khỏi xe: Vọng Việt. Lại một lần nữa, Triết Hựu suýt buột miệng kêu lên. Chàng hầu như không còn tin ở mắt mình nữa. Có thể như vậy được sao? Cái thế giới thường được coi là nhất thể mà nó phức tạp muôn chiều như vậy à? Sự biến hóa đa dạng của nó lại tạo nên những tao ngộ đến không lường ước được.

- Sao nàng lại biết ta ở đây mà tìm đến?

Triết Nguyệt không trả lời Vọng Việt mà đưa mắt nhìn hai thiếu nữ với đôi mắt buồn hoang dại.

Vọng Việt hôn tay nàng:

- Đây là hai người hầu nữ thường đi theo ta mỗi lúc đi dạo - do lệnh của cha. Nàng đừng có ý nghĩ nào khác. Hỡi thần nữ! Vũ trụ này trong mắt ta, chỉ có nàng thôi.

- Hầu nữ mà cũng quốc sắc thiên hương nhỉ. - Triết Nguyệt lơ đãng nói.

Vọng Việt ngồi xuống một bên, ôm bờ vai nàng.

- Địa vị của ta bây giờ nó rắc rối như vậy đó. Hình như mỗi người đều có một hiện hữu với những tương quan nhất định. Nói một cách minh triết là: tương quan xác định cho hiện hữu. Cắt đứt tương quan, hiện hữu không thực tại. Nàng có đồng ý với ta như vậy không?

Triết Nguyệt quay mặt đi, cười nhạt:

- Thừa giáo chủ! Nơi đây chẳng phải là diễn đàn của minh triết để giáo chủ trở tài với môn đệ. Nói chuyện với môn đệ thì chỉ cần đao to búa lớn chứ không cần đúng sai. Nói chuyện với môn đệ thì chỉ cần nói sao cho kêu, cho bay bướm văn hoa chứ không cần một lý luận chặt chẽ. Nhưng thừa giáo

chủ, khi nói chuyện với người khác thì nên chú trọng đến sự sơ hở và sai lầm của lý luận.

Vọng Việt vẫn ôn tồn:

- Ta lý luận sai ư? Nàng hãy chỉ cho ta nhé?

- Vũ trụ này chỉ có nàng thôi! Sao mà nịnh nọt ngon ngọt đến thế. Khi vũ trụ mà chỉ có một, thì không là một hiện hữu độc lập đứng ngoài mọi tương quan đó sao? Mà hiện hữu độc lập đứng ngoài mọi tương quan vốn không thực tại.

Vọng Việt không hề lúng túng, vuốt mái tóc nàng, mỉm cười:

- Có chứ, thưa thần nữ! Có cái hiện hữu mà độc lập tuyệt đối ở ngoài mọi tương quan so sánh đối đãi: đấy là vẻ đẹp toàn bích và toàn mỹ, đấy là Thượng đế của tâm hồn ta, thần nữ ạ!

Hắn là một kẻ nhồi bóp được nghịch lý mà, Triết Hựu nghĩ. Chàng lại không ngờ trên tình trường, hắn còn là một con cáo già nhiều thủ đoạn ma mị nữa. Em chàng lại là một con nai tơ trên bước đường tình ái cũng như suy tưởng và lý luận, thì làm gì thoát khỏi được cái bẫy tròng êm ái đó? Hắn còn một lợi khí nữa là vẻ đẹp nam tính cùng danh vọng. Chẳng thể cứu gỡ được nữa rồi. Cắt đứt tương quan nghĩa là chấm dứt hiện hữu. Đây là trường hợp của em chàng chứ không phải là Vọng Việt. Nàng ở ngoài tương quan với Vọng Việt, nàng sẽ không sống nổi.

Họ nói chuyện với nhau rất nhỏ, một lúc lại đề cập đến chàng:

- Thế ra em không tìm ra ảnh ư?

- Vừa trở về nhà thì em nghe mẹ kể lại sự xung đột. Ảnh bảo là sẽ bỏ gia đình mà vĩnh viễn ra đi để làm một hoang tử vô quy. Hoang tử vô quy, ôi, biết làm sao gặp ảnh để nói một lời!

Triết Nguyệt lại hỏi Vọng Việt:

- Hình như Triết Hựu không còn thân với anh nữa? Tình bạn cũng đoạn tuyệt luôn?

- Có lẽ vậy. Y chọn con đường vô danh. Nhưng y không hiểu rằng vô cũng là hình thức khác của hữu. Con đường đã đối nghịch thì làm sao còn gặp được nhau như thưở “vô phân biệt” của tuổi thơ?

- Anh ấy sẽ về đích trước anh.

Vọng Việt có vẻ trầm ngâm:

- Ảnh cao thượng và thánh thiện quá. Kẻ còn tìm kiếm. Ta thì dừng lại rồi.

Triết Nguyệt cười rúc rích:

- Dừng lại ở cái địa vị giáo chủ minh triết giáo? Dừng lại ở cái chức hàn lâm đại học sĩ của quốc vương trao? Dừng lại ở nơi tòa lâu đài, bạc tiền, ngựa xe và hầu nữ?

Im lặng.

- Nàng “không thấy” được ta đâu, đừng nghĩ làm mà trở ngại cho tình yêu thương. Dù sao, ngoài Triết Hựu, ta chẳng còn một người bạn nào! Một người bạn đúng nghĩa: thiện – trí – thức và chân tình. Y tỏ vẻ cao thượng, chung thủy, tự chủ và hiểu biết. Ôi! Dối trá đến thế là cùng!

Lại im lặng.

- A! hỏi này em định gặp Triết Hựu để nói một lời gì?

- Để hỏi rằng trên lộ trình thành tựu đáng ấy, có phải là quay lưng luôn với tình mẹ? Sự khổ đau của người mẹ?

- Nó vượt qua. Nhưng mà lại dung chứa. Đây là sự mâu thuẫn trên sự tương nhưng lý tánh thì không. Em chưa thể hiểu được đâu.

- Còn Triết Hựu?

- Hiểu.

Hựu quay mặt đi cố tránh nhìn hình ảnh âu yếm giữa hai người, nhưng thật ra là không muốn xác minh một sự thực: tâm hồn trong trắng pha lê của em chàng đã có tỳ vết. Và con người tinh thần của Vọng Việt đã bị hoen ố bởi con người thân xác.

Một xót xa nào đó dâng tràn lên mắt Hựu. Và chàng thấy mình chảy nước mắt. Con người không còn gì đáng tin cậy nữa. Thế giới đã sụp đổ trước mắt chàng. “Không có cái phi thường, chỉ có cái tầm thường thôi sao?” Cái ấy nó ẩn kín ở phần thâm sâu nhất của tự ngã con người, khi duyên ngoại cảnh thì nó hiện hình ra và chi phối mọi lãnh vực sinh hoạt đời sống. Chàng có thể sờ mó được, nắm bắt được, ở nơi đây, ở nơi này...!

Vọng Việt và Triết Nguyệt đã dẫn nhau đi dạo. Hai chiếc bóng quần quít bên nhau như một tương quan đồng hiện hữu, không có cái này thì không có cái kia và ngược lại! Rồi chuyện gì sẽ xảy ra? Đây là luân hồi, chàng lắm bầm. Đây là tử sinh, chàng thờ dài. Họ đã bị cuốn trôi trong dòng ái dục xấu xa và hèn mọn. Họ đã buông trôi đời mình, đã thỏa hiệp với ma vương, đã nằm lại và không còn lên đường nữa. Ta chẳng thể như họ.

Hai người tì nữ của Vọng Việt nói chuyện với nhau: câu chuyện về tình ái. Hựu đã không muốn nghe nhưng tiếng nói cứ lọt vào tai chàng. Và chàng cũng tự thú nhận rằng, sự từ chối của chàng không trọn vẹn. Chàng vẫn đồng lõa ngấm ngấm ở phía bên trong. Ta vẫn có một con thú luôn luôn tìm cơ hội để tuôn vọt ra bên ngoài...!

- Từ khi ăn trái cấm đến nay - một người nói - Em cảm thấy mình luôn luôn thiếu thốn. Luôn luôn muốn nếm, muốn sờ, muốn lặp lại cái kinh nghiệm vượt ngoài ngôn ngữ ấy.

- Cho nên khổ đau! - Người khác trả lời.

- Đây chỉ là lý luận. Hoặc chỉ là kiến thức hoặc kinh nghiệm của người khác. Vệ-đà, Kỳ-na, Phật giáo cũng từng nói như vậy.

- Các truyền thống tâm linh họ nói lên cái sự thực, không phải sao? Sau khoái lạc là đau khổ. Hay nói cho đúng hơn, khoái lạc là hình thức thứ hai của đau khổ. Mặt bên này và mặt bên kia, cực bên này và cực bên kia, đồng thời chúng ở trong nhau, là một. Toàn bộ vận hành của cõi mụyụ đều là sự đong đưa giữa hai cực, không bao giờ dừng nghỉ ở cái quân bình, cái trung tính. Do vậy, cũng gọi là bất toàn, rỗng không, bất khả đắc, bất khả trụ, bất khả thủ... Sinh và tử là nhịp độ qua lại đều đặn khắp hai chiều kích không thời gian. Minh triết dạy rằng: các hiện tượng ngoại giới hoặc các trạng thái nội tâm đều là cái sinh diệt, như huyễn chứ không phải là cái đời đời, cái vĩnh phúc!

Có tiếng cười lạt.

- Hiền tử, em xin nói với hiền tử một điều có được không?

- Cứ nói!

- Cái gì mình thật biết thì hãy nói. Không biết hoặc là chưa thật biết thì nên lắng nghe và học hỏi. Kinh điển, sách vở là cái chìa khóa, nhờ đó ta tìm mở kho tàng của chính mình, cánh cửa tâm linh mình. Chẳng bao giờ cái chìa khóa là cứu cánh cả, nó chỉ có giá trị khai mở, dẫn lối. Và con đường, cánh cửa là tự ta lên đường, tìm đến và gõ cửa...

Có tiếng cười lạt khác:

- Phải mà! Nghĩa là em khuyên chị cũng phải biết ăn trái cấm như em? Để khổ đau? Nghĩa là đem thân xác mà thí nghiệm các thỏa mãn thân xác? Đem thân xác mà kinh nghiệm những dơ dáy và uế trược? Ôi, minh triết đã từng dạy rằng, chúng là cái gì mà ta chẳng bao giờ ôm nắm được, thỏa mãn được. Ta sẽ săn đuổi nó hoặc nó sẽ săn đuổi ta chạy khắp cả ba cõi sáu đường. Em ơi, chỉ có kẻ ngu mới làm vậy còn kẻ trí thì không. Kẻ trí thì biết dừng lại, kẻ ngu thì bị cuốn vào dòng...

Triết Hựu hồi hộp lắng nghe và chàng cảm thấy kính phục người chị vô cùng tuy rằng luận cứ của người em không phải là vô lý.

- Hiền tử ơi! Hiền tử đã không chân thật với lòng mình.

Im lặng.

- Hiền tử chỉ đọc trong kinh sách, chưa có lời nào là của chính hiền tử. Hiền tử luôn luôn dùng cái hiểu biết không phải của mình rồi tạm thời trấn an, ám thị. Không trấn an, ám thị thì chạy trốn, đào tẩu bằng lý luận, kiến thức mà không như thực thấy rõ sự bất an, xung đột, khát vọng thường hằng ở phía bên trong...

Im lặng.

- Em hãy nói nữa đi?

- Hiền tử luôn luôn cảm thấy mình bị dồn nén lại. Dù kiến thức về con đường, về chân phúc, về Thượng đế có đầy ắp trong chị thì chị vẫn thấy mình bị dồn nén lại. Và vẫn tò mò, khao khát. Vẫn muốn ăn trái cấm mà vẫn

sợ khổ đau, hoặc sợ dư luận, đạo đức, luân lý, tiếng tăm. Hiền tử ơi, hiền tử sợ bị đẩy ra khỏi thiên đường trong lúc chưa một lần nào hiền tử cảm thấy mình thật sự ở trong thiên đường. Nếu Adam và Eva thật sự thấy mình ở trong thiên đường thì chẳng bao giờ họ lại dại dột ăn trái cấm...

Có tiếng thở dài của người chị. Và bên này, Triết Hựu cũng thở dài!

- Thành thử, vấn đề không phải là ăn trái cấm hay không ăn trái cấm, mà vấn đề là giải quyết khổ đau...

- Và là tìm kiếm hạnh phúc nữa chứ?

- Không phải vậy. Giải quyết khổ đau chứ không phải tìm kiếm hạnh phúc. Chị ơi, em xin lỗi chị nhé! Cái gì chị cũng viện dẫn về minh triết, minh triết dạy như thế này, minh triết dạy như thế kia, mà thật sự, chị chẳng hiểu gì về minh triết cả. Chị hiểu minh triết theo truyền thống kinh viện, từ chương, danh và lời - chứ chị chưa hiểu minh triết ở trong sự sống nóng bỏng, hiện tiền, từng tế bào và từng hơi thở...

- Sao em nói nặng lời vậy?

- Chị có giận em không?

- Không. Vì chị muốn học hỏi.

Im lặng.

- Hiền tử ơi, em kính trọng hiền tử lắm!

- Em hãy trở lại vấn đề đi!

- Dạ. Chị ơi, đặt vấn đề tìm kiếm hạnh phúc là sai.

Tìm kiếm hạnh phúc là ta đã phản bội truyền thống tâm linh giải thoát Ấn Độ. Tại sao vậy? Chị hãy nhìn vào thế gian: Rượu, các chất say cũng hạnh phúc; cờ bạc, những giải trí vô ích, vô bổ cũng hạnh phúc; hăng say hoạt động xã hội, chính trị cũng hạnh phúc; ái ân, tình tự cũng hạnh phúc; ngủ yên, ăn ngon, mặc sướng, xe cộ, võng lọng, tiền tài, địa vị, danh vọng cũng hạnh phúc; vào non cao rừng vắng cũng hạnh phúc; ngồi một mình với tâm an tĩnh, vắng lặng cũng hạnh phúc... Tất cả cái ấy đều là quan niệm hạnh phúc của người đời, theo mỗi hạng người cả đấy chứ?

- Em nói rõ hơn?

- Bởi hạnh phúc của mỗi người vốn khác nhau. Hạnh phúc của nhà thơ là nhìn ngắm mây trôi, nguyệt tà, hoa nở... Hạnh phúc của đạo sĩ là sống đời tịch mịch, thanh tịnh. Hạnh phúc của tuổi trẻ là hoạt động, là tình ái, là mạo hiểm, là phong sương gió bụi... Hạnh phúc của kẻ đa dục, vật chất, thân xác là rượu nồng, dê béo, gái đẹp... Do vậy, chị ơi, do cái hạnh phúc của người này chẳng phải là của người kia nên bắt người tuổi trẻ mà sống đời của vị đạo sĩ thì chắc họ khổ đau lắm. Và trái lại.

Chị ơi! Chỉ cái việc tìm kiếm hạnh phúc thôi mà thế gian đã hiện hữu, nào là vô thần luận, hư vô luận, khoái lạc chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa, duy lý, duy danh, duy thực, duy nghiệm, duy tâm, duy vật... Ai cũng muốn bắt mọi

người đi theo cái quan niệm hạnh phúc chủ quan của mình. Ôi! Hỗn độn ở đây. Đảo điên ở đây. Chiến tranh ở đây. Máu lệ ở đây...!

Chị ơi! Cái sự thật hầu như cưỡng lý, nghịch lý này mà nó vẫn tồn tại từ ngàn xưa đến ngàn sau trên sân khấu cuộc đời: Đời sống sở dĩ bị đánh mất hạnh phúc, không phải vì không có ai lo cho hạnh phúc con người, mà vì có quá nhiều người lo cho hạnh phúc con người...

Chị ơi! Đây không phải là sự thật cười ra nước mắt sao? Cái sự thật mình không còn dám tin là sự thật nữa. Sao con người lại ngu xuẩn đến độ: bắt tôi sống theo quan niệm hạnh phúc này trong lúc hạnh phúc tôi là cái khác? Xã hội cũng giải quyết ngu si như vậy, triết học cũng giải quyết tối tăm như vậy, tôn giáo cũng giải quyết điên rồ như vậy...!

Chị ơi! Đừng bao giờ khởi lên một câu hỏi tương tự như vậy - làm thế nào để đạt được hạnh phúc? Mà chính khi giải quyết được khổ đau thì hạnh phúc sẽ hiển lộ. Cái hạnh phúc này sẽ không còn tên gọi nữa, tạm gọi là chân phúc...!

Đây là tư duy biết vượt ra ngoài tư duy! Thật kỳ lạ. Một người tỳ nữ mà sự lãnh hội đến dường ấy ư? Không những chỉ lãnh hội qua kiến thức mà còn cả tâm chứng nữa. Triết Hựu bản thân suy nghĩ. Chàng nhớ từ lâu lắm, chàng và Vọng Việt có thảo luận về vấn đề này. Cuộc thảo luận không đi đến đâu sau khi dẫn nhau đến kết luận như vậy. Hôm đó, Vọng Việt đã cười xòa:

- Nay thiện hữu ơi! Nếu mỗi người có một hạnh phúc chủ quan riêng thì vấn đề khổ đau cũng tương tự. Tôi giải quyết khổ đau của tôi theo hiểu biết của tôi, sở thích của tôi, kinh nghiệm của tôi, sở trường của tôi - can có gì mà các anh xen vào? Anh chỉ hợp lý với riêng anh thôi.

- Vậy giải quyết khổ đau cũng sai ư?

- Giải quyết khổ đau là phản ứng, là thái độ tự phát của mỗi người, làm sao lại gọi là sai lầm được. Anh kia uống rượu quá độ sinh ra nôn mửa, đầu vầng mắt hoa, lần sau anh uống ít lại - Đây là lối giải quyết khổ đau của anh. Chúng ta thao thức về tuyệt đối, về Thượng đế, rồi không mỗi công săn cầu, tìm kiếm - đây cũng là một lối giải quyết hạnh phúc theo quan niệm của chúng ta...

- Có phân biệt cao thượng và hạ liệt ở đây không?

- Không thành lập vì khổ đau vốn bình đẳng.

- Một người làm việc thiện để dành phước phần cho mai sau - là lối giải quyết hạnh phúc của họ. Một kẻ nghèo đói, túng thiếu, sanh tâm trộm cắp để chi dùng - đây cũng là cách giải quyết khổ đau của hắn ta!

- Có giá trị thiện ác ở đây không?

- Khổ đau vốn bình đẳng nên đạo đức cũng không thành lập.

- Cho chí một kẻ sanh tâm tà dâm vợ người cũng là cách giải quyết khổ đau...

- Đúng vậy, ở đây, luân lý cũng không được thành lập.

- Nói tóm lại, một triệu người có một triệu khổ đau khác nhau thì phải có một triệu lối giải quyết khác nhau... Than ôi! Bóng tối, địa ngục, bi thảm cũng do vậy mà phát sanh - mà nguy nga, hoàng viễn, muôn màu muôn sắc cũng từ đó khởi phát. Từ có thì sinh cũng đồng hiện hữu.

- Dĩ nhiên cũng phải có người tìm ra được lối giải quyết phổ biến, nền tảng, đã tìm ra được mẫu số chung giữa những cái thiên sai ngàn khác chứ? Vô lẽ có riêng chứ không có chung? Có dị chứ không có đồng?

- Thiện hữu ơi! Thiện hữu có khảo sát lại cái kiến thức của tôi không đây? Cái biết của tôi cũng giống với cái biết của thiện hữu mà!

- Hãy nói đi! Chúng ta nên tìm kiếm cùng nhau.

- Thiện hữu cũng đã hiểu rằng Phật giáo và Kỳ-na giáo đã tìm ra mẫu số chung ấy, cái chung ấy, cái đồng ấy, cái một ấy.

- Đúng vậy, nó chính là ái dục. Nguyên nhân của vô lượng khổ đau sai khác đều do tâm ái dục không chịu ngừng nghỉ. Nhưng than ôi, đó cũng chỉ là một lối giải quyết của Phật giáo, của Kỳ-na giáo thôi. Nghĩa là mới tìm ra được cái chung của cái riêng chứ không thể tìm ra cái chung của cái chung! Và rồi, vấn đề vẫn còn nguyên vẹn ở đấy, chưa đi được bước nào! Và rồi, trên thế gian, mỗi người cứ giải quyết khổ đau theo cách thức của người ấy, theo cái chủ quan của người ấy. Chuyện gì sẽ xảy ra? Đó là tranh luận, là xung đột, là chiến tranh, là nước mắt. Cái đã xưa nhưng vẫn là cái rất mới: khổ đau vẫn hiện hữu bất động, vô địch và bất khả xâm! Vọng Việt ơi! Bạn tính lẽ nào, hãy giúp tôi chứ?

Vọng Việt cười tư lự:

- Tôi cũng chỉ nghĩ được có thế, thiện hữu ạ!

- Vậy thì vấn đề bạn nêu ra từ đầu chưa xê dịch được một phần mười sáu ly!

- Thế là đã khá lắm - Vọng Việt cười to - Vì từ xưa đến nay, chưa ai xê dịch được nhiều như thế!

- Vậy ra, chúng ta tuyệt vọng hoàn toàn ư? Vấn đề là sai ư? Giải quyết là sai ư?

- Đấy. Đấy. Vấn đề! Vấn đề! Giải quyết. Giải quyết! Khổ đau ở đấy!

Triết Hựu còn nhớ là sau khi Vọng Việt nói như vậy chàng đâm ra bối rối. Tuy thế, chàng lại dùng lý luận:

- Bạn ơi! Dù thế nào bạn cũng không vượt qua được bạn đâu. Nhận thức chính là giải quyết! Bất lực, im lặng, tuyệt vọng hoặc không giải quyết cũng là một hình thức của giải quyết thôi!

Đến lượt Vọng Việt bối rối, chàng tiếp:

- Hạnh phúc là hình thức khác của khổ đau. Giải quyết khổ đau cũng khổ đau. Không giải quyết khổ đau cũng khổ đau. Từ xưa đến nay, và còn mãi mãi sau này một hiện hữu duy nhất thôi: Khổ đau!

Vọng Việt cười lớn, đồng tình:

- Phải rồi. Vì khổ đau là chân lý!

Cuộc thảo luận đã đi đến chỗ cuối cùng, cái hồ thăm, cái đỉnh cao vô lượng hay vực thăm không đáy thì cũng vậy. Mà than ôi! Cái cuối cùng cũng chính là cái đầu tiên: khổ đau. Không trách gì đức Gotama đã nêu ra chân lý thứ nhất là khổ đế và tượng trưng cuộc sinh tử và sự tương quan phát sanh bằng cái vòng tròn vô thi vô chung. Làm sao để vượt ra? Mà vượt ra là vượt ra đâu? Bế tắc.

Triết Hựu nằm suy nghĩ lan man như vậy. Đã biết là suy tưởng không đi đến đâu mà vẫn suy tưởng. Suy tưởng cũng là một khát vọng? Cũng là hình thức khác của khổ đau thôi. Bế tắc!

---o0o---

CẠM BẦY THÂN XÁC

Trong lúc Triết Hựu nửa tỉnh nửa mê, hai người tỳ nữ vẫn tiếp tục câu chuyện. Chàng nghe không chính xác lắm, người em nói rằng, sự thực không phải là suy và tưởng, lý và luận mà phải thể nghiệm trọn vẹn con người mình. Phải nhảy vào dòng mới bơi qua được bờ kia, đừng như kẻ nọ đứng bên bờ này mà gọi: bờ kia ơi, hãy đến! Có tiếng thở dài rất khẽ của người chị. Em ơi! Trước đây chị tưởng là chị hiểu nhiều, nhưng bây giờ chị mới biết rằng, đối với đời sống trăm vạn ngõ ngách, chị chưa hề khám phá cho mình một điều gì mới mẻ. Vậy chị phải sống đi. Sống đi nghĩa là thế nào? Nghĩa là làm sao như thực biết rằng, đây là hạnh phúc, đây là đau khổ, đây là bóng tối, đây là ánh sáng, đây là tử sinh, đây là giải thoát. Em hãy nói rõ hơn. Nghĩa là sống như em đã từng sống vậy. Nghĩa là tập phạm tội như em ư?

Đôi mắt Triết Hựu đã nặng trĩu. Chàng không còn nghe gì nữa. Người chị kia sẽ bị sa-tăng cảm dỗ, chàng nghĩ. Y sẽ sống đời thân xác như em, rồi sẽ lao vào dòng cuồng lưu ái dục ngàn đời. Có những vấn đề mà chỉ cần suy tưởng cũng đúng chứ. Ta chưa hề gãy tay gãy chân mà vẫn biết rằng gãy tay gãy chân là đau khổ chứ. Các bậc tâm linh, đạo sư đã khai mở, chứng nghiệm con đường viển ly ái dục để thành tựu cái thanh tịnh và an lạc tối thắng chưa đủ để tin ư? “Ai có tai, hãy nghe!” Chúng đã không nghe mà còn sống ngược lại? Cái bản năng, thân xác, nhục dục là cái thú vật, mà sao còn học đòi thú vật, biến mình thành thú vật? Mặc kệ chúng ở trong bóng tối.

“Hãy để kẻ chết chôn người chết, còn người, hãy đi rao giảng nước đức Chúa trời”.

Thế rồi... chàng thấy mình lạc vào một quốc độ pha lê. Chàng ngỡ ngác thấy từng đoàn người cao lớn, trong suốt bay đi vun vút. Rồi họ nhòa tan (hay biến mất?) trong những đám mây ngũ sắc. Chàng cũng muốn bay theo nhưng thấy không có khí lực và đôi chân nặng nề không nhấc lên nổi. Khi ước muốn “muốn bay” thúc hổi quá mãnh liệt trong chàng, chàng chợt thấy một phần trong cơ thể mình hóa hiện thành một cánh chim đen và bay theo.

- Một cánh chim “đen” lạc vào xứ “ban ngày” của chúng ta. Hãy tiêu diệt nó!

Tiếng nói từ nơi mấy tầng cao vắng xuống. Và chàng liền bị hàng ngàn con chim trắng bủa vây. Chúng thổi ra những đám mây lớn, dày đặc làm cho chàng chẳng thấy đâu là phương hướng. Như va chạm bởi một bức tường thành kiên cố, chim đen lao đảo rơi xuống, lại rút bên chân chàng!

Một vị tiên ông tóc trắng - khi nhìn lại, lại hóa ra là sa-môn đầu-đà - đến bên chàng, ôm chim đen trong tay khóc nức nở:

- Con tôi! Sao con lại đi vào thế giới này: thế giới của ban ngày, của tinh thần đầy ánh sáng. Tinh thần và ánh sáng đã hủy diệt con.

Chim đen mở mắt ra: đôi mắt tròn to và trong xanh vời vợi, phía bên trong lại hiện ra mấy sợi gân đỏ như máu. Chim chợt nói tiếng người:

- Con thềm bầu trời rộng, thềm cái trên cao, đâu ngờ rằng trên ấy lại có loài chim trắng hung dữ đã lấy mây trời làm vũ khí để tấn công con. Ở đây, than ôi, lại thiếu không khí quen thuộc của mình nữa.

- Phải rồi, con ạ - ở đây, - vị sa-môn đầu-đà đưa tay chỉ vùng mây loãng - họ có đời sống khác, không khí khác, thân xác khác. Còn con chỉ là cái thân ô trược nặng nề. Con là cái vật chất, con không thấy sao? Cái vật chất ấy nó sẽ bị hủy diệt nơi cõi tinh thần sáng láng.

Chim gật đầu:

- Phải. Có cả cạm bẫy nữa. Vậy thì ta hãy trở về...

Nói xong, chim vươn cánh bay nhưng lại rơi xuống một vực thẳm tối đen; chợt từ trên cao, một con chim trắng đáp xuống và cặp chim đen vào mỏ. Rồi cả hai lại sa xuống, lần này chim đen thấy mình đang ở trên một bờ biển.

- Bên kia là xứ sở của ta - chim trắng chỉ vùng sáng láng bên kia đại dương và nói - nhưng ta chẳng thể đem người qua bên ấy được, ta không có năng lực.

- Ta muốn qua bên ấy lắm, nhưng sao ta không nhấc đôi cánh lên nổi.

Chim trắng nhìn chim đen gật đầu:

- Sao ngươi nặng thế? Sao ngươi không rũ bỏ bộ lông đen của ngươi để biến thành bộ lông trắng nhẹ nhàng như ta? Dù đại vương ta cũng không thể cứu ngươi được đâu.

- Đại vương của ngươi là ai?

- Là Điều vương.

- Chắc y lớn lắm, lại có nhiều phép lạ?

- Ta không rõ. Nhưng quả là có nhiều phép biến hóa.

- Hãy kể cho ta nghe.

- Đại vương của ta có thể làm chim đen, có thể là chim trắng, có thể hai màu, có thể trộn lẫn hai màu, có thể lớn mà cũng có thể bé. Thiệt là không lường nổi.

- Kỳ nhỉ.

- Vậy mới làm vua. Ô kìa! Đại vương ta!

Chim trắng đưa tay chỉ về phía biển xa: Vị tiên ông tóc trắng đang cỡi trên lưng cánh đại bàng bay vút lên mấy tầng mây xanh thẳm.

- Vì tiên ông và con đại bàng, ai là thầy ngươi? Là đại vương ngươi?

- Ta không biết.

“Hãy bay!” Một cái gì bên trong thúc hối và chàng phóng mình ra phía biển. Chàng rơi xuống và chìm ngấm. Chàng la chới với... cứu tôi, cứu tôi... Giữa vùng đen dày đặc, chàng vùng vẫy một cách tuyệt vọng. Một lúc, vùng đen ấy sáng dần... Mặt nước lung linh từng gợn sóng li ti... Từng vòng từng vòng xoay tròn, từ to đến nhỏ dần... nhỏ dần cho đến khi còn lại một hạt đen như hạt nhãn. Hạt nhãn lại biến thành trong xanh vời vời và phía bên trong lại hiện ra mấy sợi gân đỏ như lửa. À! Đôi mắt con chim đen! Chàng chú mục nhìn rõ thì đằng sau chim có một đám mây phủ xuống - đám mây từng sợi nhỏ chảy dài! Trong ánh sáng nhờ nhờ đục kết lại thành hình...

- A! Một thiếu nữ.

Chàng tỉnh dậy nhưng vẫn nằm yên, đưa mắt lặng lẽ nhìn thiếu nữ. Một chiếc khăn mát đang đắp nơi trán chàng và trên tay thiếu nữ đang còn cầm một ly nước. Chiếc sari vắt từ trên vai xuống trễ tràng để lộ một vùng ngực trắng ngà. Thiếu nữ hơi thở dồn dập, đôi mắt long lanh nhìn chàng như âu yếm, như đăm đuối, như khát khao. Nàng lặng lẽ để bát nước xuống một bên, lật ngửa bàn tay chàng rồi để úp bàn tay của mình vào đó - dấu hiệu gọi tình - rồi cúi xuống, ôm chàng trong vòng tay dịu dàng. Vùng ngực mềm, mịn và mát của thiếu nữ phủ dập êm ái lên người chàng.

Trong lúc thiếu nữ đã hiện thành bà Eva trong vòng tay chàng, trong lúc cả người chàng là một khối lửa đục nóng hừng hực, trong lúc chàng sắp sửa thử nghiệm cái giây phút khoái lạc, bóng tối và tử sinh - thì phía sau xa hút vùng cảm thức mênh mông, chợt hiện ra một chút ánh sáng tinh thần le lói, tiếng

một con sư tử khản giọng gầm vào tai chàng: “Hãy từ chối nó, đáng tinh thần đang nguyên rửa ngươi, hồi thân xác.”

Cả một trời tuyết băng đổ ập xuống cơn nóng lửa của chàng, Triết Hựu xô thiếu nữ ra và bỏ chạy. Mùi hương kỳ lạ nơi thiếu nữ dậy thì cứ phảng phất theo chàng qua suốt mấy dặm dài. Trong ánh sáng nhờ nhờ của hoàng hôn, bất kể phương hướng, bất kể bụi bờ, gai góc, chàng chạy mãi...

Chàng có quên, có xua đuổi qua một bên, lùi lại đằng sau sự ám ảnh của giây phút kê bên vực thẳm ấy - vực thẳm tử sinh hay đỉnh cao ngắt của hoan lạc? - chàng cũng không biết nữa. Chàng không xác định được, quả thật, lý trí chàng, con sư tử chàng đã gọi đó là tội lỗi, sa đọa. Một bên thân xác thì gật đầu, một bên tinh thần thì lên án. Bên nào cũng hữu lý cả? Cuộc chiến tranh thâm lặng mà khốc liệt này xé con người chàng ra làm hai, chưa ngã ngũ ra sao nhưng hiện giờ ánh sáng đang làm chủ tình thế. Ánh sáng không phát quang đủ cả vùng tâm thức chàng, nên ở đáy thỉnh thoảng lại hiển hiện lên đôi mắt kia. Đôi mắt tròn, to và đen như hạt nhãn điểm một sợi gân đỏ như máu. Đôi mắt ấy xuất hiện từ thế giới nào? Thực hay hư? Nó ở bên ngoài hay bên trong chàng? Đôi mắt ấy là của chim đen hay của thiếu nữ? Chim đen là mộng mà thiếu nữ là thực? Chim đen hiển hiện từ vùng vô thức câm nín và thiếu nữ hiện thực ở cõi ý thức bình phàm? Ôi, đôi mắt ấy, có một cái gì như trần lao mà cũng có cái gì như lạc phúc. Nó vừa thiên đường vừa địa ngục. Từ chối nó, xua đuổi nó, nghĩa là từ chối và xua đuổi cả hai lối về? Có đúng chăng? Hựu nghĩ, chàng sẽ không bao giờ chạy thoát, bước ra khỏi, hết thắc mắc và khổ đau nếu chưa tìm thấy một lời giải thuộc thẩm quyền tâm linh này!

Hựu lại vấp té. Lồm cồm bò dậy. Lại chạy. Lý trí chàng vẫn không ngừng làm việc. Ngươi không được quyền nghỉ ngơi lý trí ạ! Phải làm việc. Phải lên đường. Dừng lại là chìm, là đắm. Và mày cũng phải biết bay xuống để cứu vớt cánh chim đen kia, rồi bay lên. Dù một lần nữa rơi xuống, phải bay lên. Đây là sứ mạng mà điều vương đã giao phó. Điều vương kia ở đâu? Vùng trời biển rộng ở bên kia phía ánh sáng? Ở đó có đấng Guru ta cỡi cánh đại bàng bay lên mây xanh. Ta đã bay theo nhưng đã rơi xuống biển. Ôi! Thân xác, sao ngươi nặng nề đến như vậy, ngươi phải bị hủy diệt tại xứ ban ngày ánh sáng ấy. Chim trắng ơi, ngươi phải có bản phận cứu nó, đây là thiên chức mà Thượng đế đã giao phó cho ngươi. Phải cứu mang nó. Phải cõng nó qua suốt dặm dài sinh tử xuống lên. Rồi đến một lúc nào đó mày cũng phải cõng cái trần gian này nữa, trần gian đau khổ, tương tranh và hệ phược này. Nhưng ở nơi ấy cũng có sự lạc phúc và sự an nghỉ nữa chứ, dù là an nghỉ giai đoạn? Nhưng trong ba ngàn cõi hữu vi có nơi đâu được gọi là an nghỉ vĩnh viễn? Niềm phúc lạc đời đời ở cõi đức Chúa trời, nơi đấng ấy - được khai thị, được hiểu biết, được nuôi dưỡng từ thuở ấu thơ, từ tuổi bình

minh kiếm tìm của chàng - phải chăng là ở ngoài cõi diệt sinh hữu hạn? Cái mà ta thường gọi là định mệnh, có thật sự cột trói ta được, chi phối trọn vẹn hiện thể này như là một tất yếu, một định phận tiền căn? Và ai là kẻ ở ngoài định mệnh? Nếu Christs ở ngoài định mệnh thì ngài đã không bị người Hê-bơ ném đá, không bị bắt tại vườn Ghết-sê-ma-nê, bị quân lính làm nhục rồi đóng đinh ngài trên thập tự giá? Nếu đức Phật ở ngoài định mệnh thì đức Phật đã không bị nàng Cinca (Chinh-cha) vu khống, Devadatta não hại, ăn thịt rừng (hay một loài nấm độc) của chàng Cunda rồi thọ bệnh, không chống được cơn khát phải ba lần năn ni ngài Ananda đi kiếm nước? Nếu Krishna (hóa thân của thần Vichnou) ở ngoài định mệnh thì đã không bị bắn tên mà chết, bị đóng đinh lên thân cây? Hay tất cả những hiện tượng ấy đều mang một ẩn nghĩa huyền nhiệm? Một bài học vô ngôn tối thượng cho chúng sanh? Hay định mệnh và ở ngoài định mệnh theo nghĩa khác? Nghĩa là vẫn an lạc và tự do và tự tại trong định mệnh? Mang thân sinh diệt tại thế hữu hạn khổ đau mà tâm vẫn an trú ở cõi miền bất động hoặc được tắm mát phi lạc ở các tầng tịnh quang và tịnh thiên? Hoặc ở trong phiền não mà vẫn bồ-đề du hí và thân thông tam muội? Vậy là những nhân cách siêu việt tuy ở bờ này mà tâm trú bờ kia? Và bờ kia cũng chính là bờ này? Một tiếng gọi đò mà hai bờ đều đến? Cho nên giải thoát, vô hạn, bờ kia chỉ là sự chuyển hướng của một cái nhìn đảo lộn toàn bộ sự vận hành của pháp giới?

Ôi! Chàng than dài, ta không còn biết gì cả. Lưới màyà vẫn vây phủ ở đó. Địa ngục có ở đó. Tử sinh nữa. Tinh thần sáng láng ở nơi chàng, nhất là phút giây bị chạy đuổi nhưng tỉnh thức trọn vẹn này, vốn không bao giờ muốn thỏa hiệp với cái có sẵn ngàn đời của thế gian, của đám đông. Chúng ô trược và xuẩn ngốc nữa. Những người như mẹ và cha, Vọng Việt, em gái chàng và thiếu nữ là hiện thân của những sa đọa bi thảm làm sao. Họ ở trong cái ngạp ngựa sên sệt đen đúa của vô minh ái dục. Cha chàng chưa bước ra ngoài mọi âu lo rất tục, rất đời, rất người. Là kẻ suốt đời lằng xằng kiếm tìm danh và lợi, bon chen từng thế đứng cách ngòi, nhân danh là một nhà thông thái để rồi quần quanh mãi trong cái ù lì trây mọc của vật chất - vốn chẳng thông thái sáng sủa chút nào. Một lớp bụi vẫn đục, đê hạ lộn cợn trong hơi thở và trong máu huyết của cha chàng. Mẹ chàng là cá tính thứ hai, bóng dáng thứ hai của quỷ dữ. Một bên là đại biểu cho một tinh thần sa đọa, một bên là đại biểu cho một vật chất sa đọa - hai hiện tượng thô lậu có mặt đầy tràn trên trần gian. Nó đánh mất nhân tính và đọa làm thú vật. Em gái chàng cũng vậy nữa, thêm một kẻ tình nguyện vào dòng và thả trôi mình theo con sóng lũ. Vọng Việt cũng không ngoài thông lệ. Y nói về Thượng đế, về nhất thể trong lúc y sống với sa-tăng trong thế giới đa thể màyà. Y không chịu lên đường, chỉ tư duy về việc lên đường, rồi nằm an nghỉ trên chiếc giường thất bảo của ma vương. Còn chàng?

Kẻ chối từ hữu hạn thì đang một mình cô độc với đêm, tuyệt vọng, không chân trời, không phương xứ “Vĩnh vi lãng đăng phong trần khách, nhật viễn gia hương vạn lý trình?” (Thơ Trần Thái Tông - tạm dịch: “Vĩnh viễn làm người khách lênh đênh gió bụi. Quê nhà vạn dặm mỗi ngày mỗi xa.”) có phải vậy không, quê hương mỗi ngày mỗi xa? Cự lý mờ sau bóng biệt ngàn, ngựa phi thiên lý đã quan san, áo hàn cho kín thân gầy guộc, da tuyết bao quanh dát võ vàng. Có phải vậy không? Rừng phơi tóc mộ phơi từng lớp, biển đắm xương mây đắm mấy hàng. Có phải vậy không? Nhìn mông tằm hướng màu tro đọng, cát lấp đồi tây đá trở vàng... Đột nhiên Triết Hựu nằm lăn ra giữa đường rồi cười sảng sặc. Rồi lại ngâm thơ. Rồi chàng lại nghĩ: “Con cáo có hang, chim trời có tổ, song con người không có chỗ mà gối đầu”. Ôi! Đức Kitô dạy thế mà đúng thay! Triết Hựu đã bị trọng thương, chàng biết. Máu đang tuôn ra xối xả từ trái tim trinh nguyên. Cuộc đời này chúng đã vô lễ đối với chàng! Con cái ngài đã phản bội ngài rồi đó, Thượng đế ơi! Trên đồi Gô-gô-tha, Đức Kitô đã chuộc tội cho trần gian, chịu khổ đau và tội lỗi cho con người đó mà chúng có biết đâu? Ngài Krishna vào tù ra khám, khi làm ăn xin, khi làm kẻ tội tở cũng cho chúng đó mà chúng có hiểu gì đâu? Hãy chắt hàng triệu địa ngục và bóng tối lên trần gian này! Lũ sa-tăng đang ngồi kia, đang vỗ tay nhả răng cười! Chúng cười hoài, cười nghiêng ngả cái bắt lực của Thượng đế hay đã thắng ngài trong cuộc chạy đua về địa ngục? Lửa đã cháy đỏ tự bên trong, cháy đỏ nghi ngút, rồi chúng sẽ phóng hiện ra bên ngoài để thiêu đốt vũ trụ. Khi ấy, chàng sẽ ở đâu, trong cuộc tận thế ấy để tránh được cơn “đại hồng hỏa” phẫn nộ của Thượng đế? Chàng có được như Noe nhưng không phải là cỡi một chiếc thuyền - mà cỡi con hạc trắng để lênh đênh trên vùng khói bạc. Noe đem theo mỗi thứ mỗi loại mỗi giống để lập lại một thế giới mới, còn chàng thì một mình bay ra cõi ngoài. Noe nhận chịu trần gian và điều hòa lại những quy định, những phạm trù - đến một lúc nào đó sẽ biến thành nhà tù lớn - để cho con cái ngài sinh sát lẫn nhau, nuốt chửng nhau, cười cợt vỗ tay trên những nghĩa địa và những xác chết. Rồi lại là những cuộc xây dựng mới, cải tổ mới, cải thiện mới, từ chối mới, Thượng đế mới. Mới tất cả. “Cùng tắc biến, cực tắc phản”. Mới tức cũ, cũ tức mới. Tới cùng là lui, lui cùng là tới. Sống là chết. Chết là sống. Chết sống. Sống chết...

Triết Hựu gục xuống một lúc, khi tỉnh lại, chàng thấy mình đang ở giữa một cánh đồng hoang, chân thấp chân cao chàng lê đến một trang trại nằm trên một vùng đất cao.

Đèn đã lên. Triết Hựu hiện đến nhà người như một oan hồn lạc loài trong đêm vắng. Mỗi linh hồn rồi cũng lạc loài vô trú xứ như chàng? Đến bên cửa nhà người dù thiếu thốn vật chất hay tinh thần đều là dấu hiệu cru mang một

định mệnh trần ai. Còn trường hợp chàng, định mệnh săn đuổi hay “cái ấy” săn đuổi?

- Chị ơi chị! Ma!

Một người con gái thấy bóng chàng, sợ hãi, bỏ chạy vào phía bên trong.

- Ma nào? Làm gì mà rợn thế?

Ma thật sao? Triết Hựu chột nhìn lại mình: quần áo xác xơ rách rưới, dơ bẩn, chân tay mặt mày bê bết bùn đất trộn lẫn với máu ở các vết sây sứt - ở đó không tìm thấy một bóng dáng nào là con nhà giàu sang quý phái. Phải rồi. Ta là một bóng ma trên cuộc đời, vất vưởng, vô định, “không một chỗ để gói đầu”.

Ngọn đèn được vặn sáng và có tiếng dép kéo lê về phía cửa. Hai người con gái hiện ra: đẹp nảo nùng, đẹp như liễu trai!

Triết Hựu cố trấn tĩnh ngừng đầu lên nhìn một lúc rồi cúi đầu nói:

- Phải rồi - giọng chàng chậm rãi, đều đặn và xa xôi - Tôi là một bóng ma đi bên lề cuộc đời, một bóng ma bất thực giữa thế giới mà cái gì cũng tưởng như thực hữu, một bóng ma trần trụi mọi thứ của cải, bạc tiền, áo cơm, sự nghiệp; một bóng ma không còn một mảnh đất, một trú xứ để nương gá, dù bên ngoài hay bên trong...

Hai người con gái đăm đăm nhìn Triết Hựu. Người chị, ý chừng lớn tuổi hơn một tí, nhìn sâu vào mắt chàng, lắng nghe chàng nói với sự im lặng đầy hiểu biết...

- Tôi đang chạy trốn mọi ám ảnh hãi hùng, tôi đang tuyệt đối cô đơn trên đường chạy đua về Thượng đế. Xung quanh tôi không còn ai. Tất cả đều bị bắt giữ lại. Bây giờ tôi đang đói, lại mệt, xin các người cho tôi một bữa ăn mọn, được nghỉ ngơi một lúc rồi hẳn lên đường...

Người em nhìn chị một cách tò mò:

- Y đang thiếu sự an ủi? Y không nhà, không cửa, lại thiếu cả tình thương chẳng?

Người chị quay qua em trừng mắt rồi nghiêng người một bên, đưa đèn ra phía trước cho sáng:

- Tiện thiếp không những có nghĩa vụ với Thượng đế là phải phân chia đồng đều cơm bánh trần gian; mà đây còn là một đặc ân, một điểm phúc cho chị em thiếp nữa - xin hân hạnh mời chàng.

Sau đó, thiếu nữ lấy cho Triết Hựu một bộ y phục, chàng tắm rửa rồi đắp thuốc vào những vết thương. Dưới ánh đèn chàng đã trở thành một mỹ nam tử.

- Ai tin lành, kẻ ấy có Thượng đế. Hai nàng tuy là kẻ ở lại nhưng cũng là đang ra đi, đang về với ngài.

Bên mâm cơm, chàng vừa ăn vừa nghe người chị tâm sự:

-Thiếp trước đây cũng có một người chồng, nom hao hao giống chàng vậy. Y là kẻ luôn luôn săn đuổi, kiếm tìm, lên đường. Y không khác chàng lắm đâu. Vòng tay thiếp đã không giữ chàng lại được. Rừng thẳm, tuyết lạnh, non cao đã vĩnh viễn cướp mất của chị em thiếp một người chồng khả kính và khả ái. Chàng cô độc trên đường về với Thượng đế thì nào đã có nghĩa gì, chị em thiếp cô độc giữa cuộc đời, giữa tuổi xuân hoa mộng...

Thiếu nữ đã có chồng, chàng nghĩ. Nỗi buồn đau kia được ẩn kín phía trong đôi mắt xanh sâu dịu dàng, ít ra không có sợi gân đỏ như máu. Chàng lại rùng mình. Phải có một cái gì để quên đi sự ám ảnh cùng để an ủi thiếu phụ - bây giờ gọi là thiếu phụ:

- Đời là bể khổ. Tôi khổ. Anh khổ. Chị khổ. Chúng nó khổ. Tôi vẫn muốn nói một điều gì đó để chia sẻ hoặc cảm thông sâu xa sự cô độc của đời nàng. Nhưng có thừa không? Có đâu môi chót lưỡi không? Cả thế giới đang sụp đổ. Ngôn ngữ cũng đã sụp đổ, đã hết sứ mạng truyền thông tuyệt đối. Tất cả đều đang đi về hủy diệt. Kẻ lên đường là kẻ chiến đấu với hư vô và hủy diệt. Chồng nàng lên đường, bỏ lại đời xuân của nương tử, nếu không là kẻ hát bài ca chiến thắng trên đỉnh đầu tử vong, thì cũng là một chiến sĩ thiên tài với ngạo khí ngút ngút chín tầng mây. Y là một trong những kẻ cứu vớt sự sa đọa cho thế giới này.

Nương tử ơi! Nương tử phải biết hãnh diện chứ?

Thiếu phụ mở lớn đôi mắt nhìn chàng. Nàng nói là nàng không nghĩ tới những điều ấy, không cần nghĩ đến những điều ấy thì đúng hơn. Nàng là đàn bà, nàng chỉ có trái tim, chỉ có lý lẽ của con tim. Chỉ có điều ấy là thực, là sự sống, còn ngoài ra tất cả không ý nghĩa gì. Thượng đế, tổ quốc, tự do, chân lý đều là cái rỗng không. Con tim nàng đang thổn thức, đang rỉ máu - thì giá trị mà chàng gọi là vĩnh cửu, là đứng trên đỉnh đầu tử vong kia, có hàn gắn được vết thương này không? Trong chân lý của Thượng đế, nơi cõi của đức Chúa trời, chẳng biết người ta có phản bội tình yêu thương không, mà chồng nàng đã phản bội, dù nhân danh cái gì cao cả nhất thì cũng là kẻ phản bội...

Thiếu phụ cầm bàn tay chàng run run đầy xúc động. Nàng kể cho chàng nghe về tuổi xuân của đời nàng - giọng nói xa xăm, buồn điệu vợi - về một gia đình quý tộc sa sút, vỡ nợ, sống ăn xin sự khinh bỉ của mọi người, may nhờ gia đình Thiếu Quang bảo bọc, cứu vớt - Thiếu Quang là tên của chồng nàng. Cảm vì nghĩa, nặng vì tình cha nàng đem giao hai người con gái làm tì nữ hầu hạ để đáp ơn. Nhưng vì vai vế, sự tương kính, việc này biến thành chuyện hứa hôn giữa hai họ. Đám cưới được cử hành tốt đẹp khi thiếp vừa tròn mười tám và em thiếp vừa đủ mười lăm. Ôi! Hai chị em cùng lấy một chồng - nàng nhấn mạnh ở điểm này và trong giọng nói có một cái gì như xót xa, như đau đớn - nhưng chỉ ba tháng sau, chàng nghe theo tiếng gọi của cái gì như là hư vô, như là bất thực - trong cái hư vô, cái bất thực kia có

Thượng đế, có đức Chúa trời, có chân phúc không thì thiếp không biết nữa - để lên đường đi theo đoàn du sĩ! Thiếp cũng không đau lòng lắm đâu chàng ơi, vì thiếp còn biết được tuổi xuân hoa bướm là gì, ái ân lạc thú ra sao, nhưng còn em thiếp, mang tiếng là gái có chồng mà chưa hề biết đến hương vị gối chăn...

Thiếu phụ kể xong gục đầu xuống trong đôi cánh tay dẫu đôi mắt lệ đỏ.

- Tỷ tỷ, sao tỷ tỷ lại khóc? Sao tỷ tỷ không mời công tử ở lại cho vui? Ở lại chứ đừng đi đâu nữa? Mình cũng có ruộng vườn, gia súc, tôi tớ đủ để sống với nhau một đời an nhàn, hạnh phúc?

Ôi, sự ngây thơ thần thánh, chàng nói thảm. “Nếu con không được biến thành như trẻ thơ thì con chẳng thể vào được nước đức Chúa trời đâu”. Vị thánh vô vi của Trung Hoa kia cũng gọi là “xích tử chi tâm”, có phải là chỉ một trạng thái tâm mà cuộc đời chưa nhiễm độc, chưa vấy lên đầy những kinh nghiệm, kỷ niệm, quá khứ, kiến thức, truyền thông, lễ nghi, giáo điều? Và tâm hồn đang trong sáng như pha lê, trắng tinh như mảnh lụa mới? Thiếu nữ có đau khổ đâu, chỉ có thiếu phụ mới đau khổ. Chỉ có kẻ ăn trái cấm rồi mới đau khổ, mới bị đày ra khỏi miền vĩnh phúc. Thiếu phụ còn mong được phạm tội nữa, nàng đang nuôi tiếc bóng tôi và tử sinh!

Triết Hựu chợt đứng dậy, cương quyết và dứt khoát, vòng tay xá hai người con gái:

- Tôi được nhị vị công nương cho y phục, cơm nước, thuốc men và chỗ nghỉ. Công đức ấy tôi xin được thành kính dâng lên đáng Cao cả. Một đêm hội ngộ, một khắc tương phùng, tôi xin được kết cỏ ngậm vành bao giờ tìm ra đạo lớn...

Chàng xá mình thật sâu. Thiếu phụ ngược lên nhìn, không nói năng, không ngạc nhiên nhưng đôi mắt là như ẩn chứa cả nỗi buồn thiên cổ.

- Không được đâu công tử ơi, công tử phải ở lại - thiếu nữ chợt chạy đến nắm tay chàng như van lơn - Vì công tử mà tỷ tỷ động đến vết thương lòng mà từ lâu tưởng như đã lành lặn. Vì công tử mà tỷ tỷ phải khóc. Công tử phải ở lại.

Thiếu phụ chợt quay qua nói với chàng:

- Rồi ai cũng phải lên đường cả, không ai có thể ở lại. Thiếp cũng đã lên đường, từ một cuộc đời tuổi xuân đầy nhựa thắm để bây giờ thành người mùa thu cô phụ võ vàng. Rồi thiếp cũng còn phải lên đường nữa để đến cõi miền già nua tuổi xế. Rồi cứ thế lên đường nữa cho đến năm mò. Và phải chăng, như vậy là đã được dừng nghỉ, hay lại phải bắt đầu một cuộc ra đi mới? Một cuộc lên đường mới? Sinh rồi diệt? Diệt rồi sinh? Sinh cực vi diệt dã, diệt cực vi sinh dã?

Đêm đã khuya lắm. Thiếu nữ đã đi nghỉ. Và thiếu phụ vẫn còn nói, nói mãi. Hình như những nỗi niềm u uẩn chất chứa bấy lâu, bây giờ có môi trường

thuận lợi là chàng - một bóng dáng nào đó của người tình cũ - nên đã đổ đầy lai láng như cơn mưa lớn vào lòng trường giang. Chàng yên lặng lắng nghe với thái độ nghiêm trang, thành kính. Chàng tự nghĩ, nhân duyên nào đưa ta đến đây chỉ để ngồi nghe những chuyện tầm thường như vậy, những chuyện nhi nữ thường tình như vậy? Tâm sự này là tâm sự ngàn đời hay là của một vài hoàn cảnh chủ quan riêng lẻ. Bỏ đi thì sợ thất kính, mà ngồi lại thì càng lúc chàng càng cảm thấy tâm mình đâm ra mềm yếu. Hình như có cái gì đó từ nỗi cô đơn ngút ngút trong lòng người thiếu phụ truyền lây qua chàng. Ôi! Nàng là một con chim nhỏ mà cuộc đời là một mùa đông lạnh lẽo, nàng là một chiếc thuyền con mà cuộc đời là một đại dương bão tố hãi hùng...

Thiếu phụ đã không còn nói nữa, chàng nghe một hơi thở dài. Ngoài kia có tiếng vạc đi ăn sương. Đây là ngọn đèn dầu lạc nửa mờ nửa tỏ. Kia là kiếp người và canh tàn tháng lụn... Những tiếng xào xạc của lá, tiếng đế nỉ non vọng vào trong tim chàng.

Thiếu phụ đã ngồi đối diện với chàng từ bao giờ.

Chàng cúi xuống để tránh đôi mắt ân tình mời gọi và hơi thở phập phồng của thiếu phụ. Con sư tử trong chàng đang khản giọng gọi không ra hơi. Chàng nuốt nước bọt:

- Hãy cùng lên đường với tôi, hiền tử! Hãy cùng tôi mạnh dạn bước ra ngoài thời gian hạn cuộc và những buồn đau thúc phược của kiếp người. Hãy từ chối bóng tối và sinh mà lên đường với tôi, hiền tử!

Thiếu phụ lắc đầu:

- Biết bao sa-môn, đạo sĩ đã thất bại, đã thất điên bát đảo trên lộ trình. Đã gục xuống. Đã đứng lên. Rồi lại gục xuống. Những cánh chim non tản loạn giữa bầu trời. Vô ích thôi, công tử. Có kẻ, cuối cùng, lại tìm cái chết thơ mộng hơn, cực lạc hơn là chết trong suối tóc của mỹ nhân, trong vòng tay tình ái.

- Tôi không gục, chàng nói - đồng thời gọi thầm tên sư tử - Tôi đã thắng một lần! Nàng cũng vậy, nàng ơi! Hãy như sư tử chúa và ra đi "xin đừng, xin đừng mọi sự"

Thiếu phụ đã cầm hai bàn tay chàng:

- Thiếp yếu lắm chàng ơi! Thiếp yếu lắm. Trong thiếp bao giờ cũng phục tùng, nô lệ - "Xin vâng, xin vâng đủ mọi sự". Ngay đêm nay, nếu chàng muốn, thiếp cũng xin ... vâng chàng, vì chàng ơi, thiếp cô đơn quá!

Không có tiếng sư tử vọng lại mặc dù chàng đã gọi "sư tử ơi, cứu ta"! Bất thần, một đám mây phủ chụp xuống, cả người chàng chột như ngộp đầy hương, rồi chàng bị siết chặt lại trong đôi tay mềm mại của thiếu phụ...

... Những hơi thở nóng hổi nồng nàn, những kiếm tìm cuồn cuộn, những chiếm hữu dã thú, những đê mê, những chêt chóc, địa ngục, những ngất

ngây, những lạc thú... Tất cả cái ấy đồng đến với chàng, chúng đến một lúc...!

“Chưa bao giờ chàng thấy bóng tôi và tử sinh có giá trị kinh khiếp như vậy.”

---o0o---

CẠM BẦY TINH THẦN

Triết Hựu đứng bất động trước sân ngôi đại tự. Đôi chân nhức mỏi, chàng đứng như vậy cho đến lúc hết nhức mỏi. Trong con nóng như đồ lửa, mồ hôi chảy ra như tắm; chàng đứng như vậy cho đến lúc khô ráo mồ hôi. Đôi mắt chàng nhìn thấy những ảnh tượng quay cuồng, chàng trừng trừng nhìn mãi cho đến lúc ảnh tượng hết quay cuồng.

Con nhức buốt nội tâm đến một lúc nào đó cũng vọng bật, chỉ còn tượng đá, chân không và chàng!

Sự chìm đắm không thể cưỡng lại của một đêm ngủ hoang trong căn nhà lạ với thiếu phụ đang xuân là dấu hiệu sa đọa tột cùng, không thể nào tha thứ được. Con sư tử trong chàng sau đó mới thức dậy, đã lên án chàng mãnh liệt: “Xin đừng, xin đừng”. Xin đừng làm chi nữa, muộn lắm rồi. Bùn đen đã ngập sâu phía bên này khối óc; còn một nửa bên kia đang còn tỉnh thức đây; tỉnh thức để miệt thị, khinh bỉ. Và rồi để tê tái đến tận cùng da thịt. Còn đâu niềm tự hào và hãnh diện đầu đời? Còn đâu sự trong sáng của những thiên thần cánh trắng; đã biết bao lần tung bay trên cõi trời tinh thần cao đại, xanh mây và hoàng viễn? Ôi! Thiên thần đã gãy cánh, hay đôi cánh đã gởi lại trên kia, đành đoạn cho thân xác rơi tuột vào lòng hố thẳm để cùng vọng âm với vô thức tăm tối ngàn đời?

... Hình như đã lâu xa lắm rồi, buổi sáng thức dậy kinh hoàng, ... rằng thế là hết, rằng thế là đã đánh mất thiên đàng, rằng thế là đã ăn trái cấm. Và thế là Thượng đế trong chàng đã xua đuổi chàng xuống trần gian để tạo tác, để lao碌, để khổ, để vui...!

- Tôi cân lường được giá trị hữu tính và hư vô của một đêm vui thú với nàng. Tôi sẽ không chạy trốn trách nhiệm - chàng nhấn mạnh, trịnh trọng và chân thành - Bởi vậy, nàng hãy cho tôi biết nguyện vọng thiết tha nhất của đời nàng, dĩ nhiên là trong khả năng mà tôi có thể đáp trả. Nàng hỏi, là nam nhi đại trượng phu, tôi sòng phẳng và minh bạch về nhân quả. Tôi đang sẵn sàng, hãy nói đi, nàng hỏi!

Thiếu phụ lại đến bên chàng, nhỏ nhẹ, âu yếm, hơi thở thơm như mùi hoa lan. Chàng rùng mình, tất cả đều như mới. Như mới. Khuôn mặt kiều mị, diễm lệ, sạch như một tấm gương, rạng rỡ như đã qua đi ngày tháng đông dài. Đang xuân. Chàng lại rùng mình, lách ra xa người thiếu phụ.

- Xin nàng hãy ban cho tôi một đặc ân: một khoảng cách để tôi có đủ sự khôn ngoan, tinh trí, sáng suốt. Thú thật, bên nàng, sự ngạo nghễ của lý trí phải đầu hàng, sự kiêu hãnh của trí năng phải khuất phục. Nàng đừng so kiếm với một chiến sĩ đã ngã ngựa. Hãy thương hại tôi, nàng ơi...!

Triết Hựu van lơn. Ôi, yếu đuối quá. Sĩ nhục quá. Canh bài này chàng đã thua đến lảng tấy. Đã trắng túi. Một cuộc đời đã rụng. Ôi sao mai! Ôi bình minh! Ôi sương sớm!

- Chàng sợ? - lại cười, nụ cười chết người - Thiếp cũng sợ. Thiếp phạm tội với Thượng đế là đã trở ngăn chàng giữa đường, làm chiếc lồng son để nhốt con chim xanh. Kia là bầu trời, kia là thượng giới... Chàng hãy bay!

Triết Hựu đưa mắt nhìn với vẻ biết ơn, đầy cảm kích.

- Nhưng chàng ơi! - Thiếu phụ lại tiếp - Cả trần gian này có sự lỗ lăm nào mà không làm cho ta khôn lớn và trưởng thành? Sự ban ân nào mà không nhằm vị ngã? Niềm vui nào mà không có nước mắt? Chàng là một thanh niên ưu tú, trí thức há không chiêm nghiệm rằng, nhờ tôi mới biết sáng? Nhờ tử sinh mới có niết-bàn? Nhờ nếm lạc thú ái ân mới biết được sự thanh cao của người thoát tục? Ôi, “nếu chẳng có địa ngục thì thiên đàng buồn tẻ biết bao nhiêu?” Thiếp cảm ơn chàng đã cho thiếp một đêm xuân trọn vẹn. Chàng thấy đó, chàng đã không mất mát gì mà còn được lợi. Cho đi ít, nhận về nhiều; chàng còn than thở, hối hận cái nỗi gì?

Ta không mất mát gì ư? Có thật thế không? Một sự đổi chác mà cả hai bên đều là kẻ có lợi? Nàng được sưởi ấm giác xuân, còn tôi, nhận biết thêm cái cuồng dục cảm giác làm nền tảng cho mọi cuộc sinh tồn? Triết Hựu thấy mình không thể trả lời cho ổn thỏa về điểm này. Nhưng chắc chắn là phía thân xác đang gật đầu đồng ý mà bên tinh thần thì đang khảng khái và cường liệt phủ nhận. Cả đúng sai lưỡng nghịch đồng hiện hữu trong chàng. Chúng làm một cuộc chiến tranh. Và tôi là một bãi sa trường. Ai sống, ai chết không biết, nhưng tôi khổ đau. Điều này là thực nhất. Nàng lợi hay tôi lợi, cái đó không biết; nhưng nàng đang rạng rỡ, đã thỏa mãn. Điều này cũng thực nhất.

Triết Hựu trình bày điều đó cho thiếu phụ nghe. Nàng ôm chàng thân yêu rồi cười ròn rã:

- Ôi, sự ngây thơ của lý trí! Chàng vì hiểu quá cao nên thành ấu trĩ, thiếp nhờ hiểu thấp cho nên đã nói đúng với sự thật đời thường. Có phải chàng nhờ nếm trải được lạc thú ái ân nên mới biết thế nào là sinh tồn và địa ngục. Cả sự huyền hoá của mỵà nữa. Vậy có phải là nhờ đau khổ - ví dụ vậy - mà chàng sẽ thành tựu được hạnh phúc to lớn sau này sao? Còn thiếp có phải vì hạnh phúc một chút - hạnh phúc phù du - mà sau này phải vô võ năm canh để nhớ, để thương, để hờn, để tủi? Đây là chưa kể phải kiêng, phải cử để bảo dưỡng thai nhi chín tháng mười ngày, nếu lỡ...!

Ừ! Quả thật như vậy thì sao? Ta đau khổ đồng thời ta cũng hiểu rõ sức mạnh của bản năng. Còn nàng? Phải. Nàng đã thiệt thòi quá nhiều, đau khổ quá dài ngày.

- Đã biết vậy sao nàng còn bày ra chi chuyện...?

- Vì nghiệp chướng - thiếu phụ bình thân trả lời - Vì không sợ quả cho nên cứ thích gieo nhân. Thiếp có đủ can đảm để chấp nhận hậu quả. Ồ, Giản dị quá!

- Đừng lý luận “địa ngục” với tôi - chàng tức giận nói - Ôi thuyền duyên! Ôi thực nữ! Nàng đừng làm cho tôi nhìn cuộc đời bằng đôi mắt ghê tởm...

Thiếu phụ khẽ thở dài:

- Thôi, chàng hãy ra đi đi, đừng nói đến bổn phận và trách nhiệm nữa. Bổn phận và trách nhiệm hãy để cho những người ở trong cuộc đời... May ra...

Thiếu phụ bỏ lưng câu nói. Dù chàng đã gặng hỏi mấy lượt, thiếu phụ vẫn không trả lời. Nàng chỉ cười, yên vui, bình tĩnh, trong sáng! Cuộc tiền đưa rồi cũng xảy ra giữa ba người. Một chén rượu say... để nhớ. Lại cười! Triết Hựu thẳng thốt nhận chân rằng, không còn dấu vết gì ở nơi thiếu phụ cả. Dấu vết là ở nơi chàng thôi, chàng mang theo bên mình không rời phút giây ấy, hình ảnh ấy, nụ cười ấy, hơi thở ấy. Tất cả. Tất cả. Kể cả ám ảnh tội lỗi nữa. Chàng không đi mà chàng chạy. Cánh tay lụa trắng vẫy vẫy sau hàng đậu xanh. Ôi, một đêm bằng cả cuộc đời. Chàng học được nhiều quá. Nhưng còn điều gì thiếu phụ chưa nói hết? Sao lại là... trong cuộc đời? Và may ra là gì? Chàng sẽ bằng lòng ở trong cuộc đời với những tầm thường và vô vị ấy ư? Chàng sẽ thỏa hiệp với đời sống mà nếu lặp đi lặp lại mãi sẽ đọa làm thú vật? Dĩ nhiên, là một con người với ánh sáng trong tâm, chàng đã cương quyết lễ độ chối từ. Và ra đi. Khi ra đi chàng cũng đã không dám hứa hẹn điều gì nhưng nguyện thầm với lòng là bao giờ tìm ra con đường, chàng sẽ nghĩ đến hai nàng.

Những nơi đã đi qua, những thánh tích, những hang động, những rừng già - không hề thấy bóng dáng các bậc chân sư. Cuộc đời chỉ có hai hạng người: Danh và lợi. “Người xin lửa”, đáng Guru của chàng cũng đã du hành về phương trời nào mất hút. Cuối cùng chỉ còn lại một mình chàng, giữa cuộc đời, lộ trình vô định và vô vọng trước mặt cùng với Thượng đế trên cao.

May mắn thay, ý chí chàng vẫn còn tồn tại. Nhờ ý chí kiên hùng và kiên định này chàng sẽ nhảy qua được hố thẳm của kiếp người.

Một ngày kia chàng đến một ngôi đại tự, nhìn nụ Cười bình an, che chở và bao dung của đức Phật, chàng nảy ra ý định xuất gia. Vết nhơ tâm hồn và thể xác may ra nhờ đời sống thanh cao phạm hạnh sẽ tẩy sạch đi chăng? Đáng Guru của chàng không xuất thân là sa-môn Thích tử đó sao? ... Với ý định như vậy, bây giờ chàng đứng đây, chàng xin nhập viện. Chàng hy vọng lập lại cuộc đời trong sạch và thánh thiện.

Một ngày lên. Mặt trời đỏ hừng hực từ phương đông, thiêu đốt chàng khi lên hướng chánh nam và làm chàng như bốc lửa trên quỹ đạo về phương tây. Đêm xuống, cơn lạnh tràn vào thấm dần từng lớp da thịt bên ngoài rồi len lỏi vào xương tủy. Chùng nửa khuya thì bên ngoài bên trong là một: một khối băng duy nhất. Tuy thế, vị sư già không cho chàng nhập viện.

Từ lâu xa rồi, những du tăng muốn xin nhập chúng, họ ngồi khom lưng với khăn gói tay nải suốt ngày này qua ngày khác ngoài huyền quan, mặc dầu bị cự tuyệt, nhưng những vị sư hành cước ấy vẫn ngồi mãi trong tư thế “đình cật” (*Ngồi cúi gập đầu xuống*) như vậy; với cái kiên cố bất động như vậy, không ăn, không uống, không nắng, không mưa, không ngày, không đêm, không nóng, không lạnh... Có một lúc nào đó họ thắng được vị chủ trì, giám viện chăng?

- Người tuổi trẻ còn đợi đến bao giờ?

Vị tri khách ái ngại hỏi.

- Cho đến bao giờ ngài phương trượng đôi ý.

- Nếu ngài không đôi ý?

- Thì đệ tử còn đứng nữa.

Vị tri khách gật gật đầu:

- Hy vọng cái hữu hạn của ý chí người thắng được cái cương quyết vô hạn của đức phương trượng.

Tiếng chuông công phu sáng đồ hồi. Tiếng kinh vẳng vào tai chàng tưởng như kéo dài đến vô tận. Từng vùng sáng từ các cửa sổ nhảy tủa ra tràn lan trên bực thềm.

Cửa chánh điện được mở ra trong màu sắc huy hoàng: Đại sư phương trượng khoan thai từng bước một đi ra, dáng dấp to lớn của ngài chiếm một khoảng lớn trong mắt chàng. Đến sân, đại sư đưa mắt nhìn ra bóng đêm: người tuổi trẻ vẫn còn đứng bất động ở đấy.

Đại sư lạnh lùng hỏi:

- “Ngài” có lạnh không?

- Đệ tử chiến thắng được cái lạnh.

- Đói?

- Đệ tử coi thường.

- Mệt mỏi?

- Chúng chỉ là pháp sanh diệt.

- Một nhân cách phi thường. Tốt lắm.

Nói xong, đại sư phương trượng quay lưng đi thẳng sau khi ra dấu đóng cửa chánh điện lại. Bóng ngài khuất hút trên hành lang dẫn về hậu điện. Và Triết Hựu còn lại một mình. Rồi một ngày mới lại lên. Mặt trời lại bắt đầu thiêu đốt. Đến trưa, chàng cơ hồ không còn nước để bốc hơi nữa. Đã khô kiệt.

Một chú tiểu chạy ra mang theo một đĩa cơm. Triết Hựu liếc mắt nhìn rồi nghe bụng đói cồn cào. Đã ba ngày ba đêm rồi chàng chưa ăn gì cả, lại không có một giọt nước. Chắc là đại sư phương trượng sai người đem đến cho ta chẳng? Ngài cho ta ăn, thế nghĩa là ngài đã đổi ý? Ý chí ta đã chiến thắng được ngài? Chợt dừng chàng nghe hân hoan vô cùng. Ta sẽ được nhập chúng. Ta sẽ được ngày ngày y bát trang nghiêm đi theo vết chân của đấng Guru ta, làm một sa-môn khổ hạnh cao thượng, đồng thời lại được sống dưới bóng dáng đại bi, bao dung của đức Phật. Và ta sẽ dần dần soi thủng được bóng tối nội tâm kinh khiếp.

- Ngộ Không! Ngộ Không!

Chú tiểu đã đến bên chàng với đĩa cơm trên tay. Chàng vừa định mở miệng hỏi thì một con chó đen lù lù từ lùm cây chạy ra - sủa ăng ăng rồi quẩn quít bên chân chú tiểu.

- Ngộ Không là không cả tiếng kêu nữa nghe mà?

Chú tiểu một tay để đĩa cơm xuống đất, một tay cầm chiếc roi nhỏ đưa lên cao. Con chó đen vẫy đuôi nhưng thấy bóng dáng chiếc roi lại dợm chân thối lui, vừa vẫy vẫy vừa kêu ăng ăng.

- Ngộ Không là không vẫy đuôi, không kêu, không chạy tới, không chạy lui, không roi, không gậy, không cơm, không đói, không ăn. Không cái gì hết nghe mà. “Ngay chữ không cũng không luôn”.

Chú tiểu chăm chăm nhìn vào mặt chó, nhịp nhịp roi dạn dò. Chó nằm phục xuống, bò từng bước ngắn.

- Cả không nằm, không bò, không lết, nghe không? Đồ chó! Mà chẳng Ngộ Không gì ráo trội.

Chó nằm im. Thè lưỡi ngược mắt nhìn chú tiểu. Thở. Yên lặng.

- Ồ, được đó. Coi được đó. Mà đã nhận được “tâm ấn” của tao rồi. Ngay khi mà “ngộ không tất cả” là mà sẽ có “được tất cả”. Đây, cơm đây, canh đây, ăn đi nào!

Triết Hựu quay mặt đi và nuốt nước bọt, nhưng chàng chỉ nuốt được hơi và cái gì chát đắng như muối làm ran rát cả cổ họng. Họ muốn làm cùn nhục ý chí của ta đây. Nhưng ta sẽ thắng, chàng tự nhủ. Đồng thời con sư tử bên trong chàng lại rống lên: “Hãy kiên cường. Hãy cứng. Hãy mạnh.”

Và chàng lại nhìn bất động về phía trước.

Ngộ Không ăn xong, chú tiểu liếc nhìn Triết Hựu nở nụ cười dí dỏm rồi chạy khuất vào bên trong.

Loáng thoáng bên tai chàng, hai vị sư nói chuyện với nhau:

- Y không đói chẳng?

- Chắc không.

- Y có khát không?

- Chắc không.

- Đố đại huynh, cái gì giống hình người mà không đói, không khát?
- Dễ ợt - cái tượng đá.
- Sai rồi, sai rồi. - Giọng cười ha hả rồi hình hích đầy đắc ý - Cái vị du hành giả kia!

Không sao. Chàng nghĩ. Làm một tượng đá bất động giữa trời cao cũng ngạo nghễ lắm chứ. “Trong tiếng nói vô ngôn của tượng đá chứa đựng tám muôn bốn nghìn tòa sư tử, và nơi này là cõi tráng lệ, tịch mặc của đạo ca, của huyền tính” Triết Hựu mỉm cười thâm lặng. Các người biết gì về cái tượng đá đó không? Mây chiều nắng sớm ru ta ngủ. Ngàn năm trước, ngàn năm sau ta chưa một lần chớp mắt nhìn cuộc thiên diễn bể dâu, hoa tàn, nguyệt khuyết, thu úa, lệ dòng...

“Bên ni bờ đá đứng, lệ dòng trôi,
Cánh bèo non héo hắt đường ra khơi...”

Cái tỉnh là mẹ, là người tình mẫu của muôn vật.

Đá bơ ngơ ủ mộng đứng bên lê, Cầu cũ nhớ một lần qua vỹ biệt."
(*"Tảo mộ lênh đênh" thơ của Trần Đới.*)

Nguy nga ở đó, hoảng viển ở đó. Nhưng trong cõi mê mung này, ai một lần thâm ngộ rằng “mình đã là tượng đá tự bao giờ?” - Từ chữ "tượng" của kinh dịch, từ chữ "atman" của Vệ-đà, từ chữ "dhamma" của Gotama – cõi linh thiêng của mỗi người - từ tượng xuất, tượng sinh, từ tượng hữu! “Hốt hê hoảng hê kỳ trung hữu tượng” (*Lão Tử Đạo Đức Kinh.*). Trong không có tượng. Vì thế nên Lão Tử cõi ngược con trâu xanh về rừng. Về rừng là không muôn làm một đám bèo trôi trên sông, không làm một “anh hùng rơm” với thời cuộc, vỗ tay hát ca với phùng ma say chén tục...

“Vô bôn ca những chuyện vong tình,
Tương ngộ hời, anh hùng tứ chiếng,
Kiếm so tài đoạn tóc mỹ nhân.”

Chàng đã không đoạn được, bây giờ phải đoạn. Trò chơi đó không thể lặp lại nhiều lần. Thời gian qua, tử vong đến, ai thương cho ta tuổi già, tóc bạc? Ôi cái tượng đá thân yêu. Chàng gọi thầm. “Gỡ tượng trời vô ngã ca hoang”, chàng lại cười.

Đã mấy lần đầu gói chàng sắp khuy xuống, nhưng nhờ nụ cười thâm lặng ấy nó tạo thành một nội lực sung mãn, nó tạo nên ý chí bất khuất nhắc bổng thân xác chàng lên. Ta phải là “con-người-tinh-thần” với đầy đủ tất cả mọi đức tính cao quý và khiêm hư của nó. Chỉ có trang bị bằng cái tinh thần thiêng liêng ấy mới bay lên được với miền cao, mới hội diện được với chân phúc. Còn thân xác là cái nặng nề trì kéo ta ở lại. Đã một lần ở lại rồi. Đã một lần làm đạo sĩ yếu đuối trong câu chuyện Nữ vương khoái lạc. Dù chết, ta cũng không ở lại nữa. Cái chết ấy là cái chết quang vinh, chết cho chân lý, chết cho Thượng đế. Dù chết nhưng tinh thần ta vẫn đến được bên ngài nhờ

khát vọng hướng thượng không nguôi đó. Ôi, ý chí của ta còn đây; còn tràn trề sinh lực, nó đang bò rần rật, đang hiện hữu khắp nơi: trong dòng máu, trong tủy, trong xương, cả ngoài làn da, cả trên đầu những sợi tóc. Ôi, ta còn đang giàu có quá!

- Phúc thay cho kẻ nghèo. Chỉ có kẻ nghèo mới vào được nước đức Chúa trời.

Câu kinh của Tân ước, đầu từ trên cao chợt rơi xuống như một gáo nước lạnh dội tắt ý chí chàng. Phải nghèo toàn triệt mới về được với nhất thể. Ta còn giàu ý chí quá. Giàu toàn triệt chính là rỗng không nội tâm. Ý chí chính là khát vọng thành tựu. Nó là tham dục và tử vong. Nó tạo ra biến động và chiến tranh đẫm máu thế gian. Ý chí luôn luôn chống đối, xung đột cái hiện thể để hắt cái bóng tối tham dục của nó đến các đối tượng chiếm hữu, ở tha thể.

Nó đóng kín cục bộ các chân lý đối tượng, chân lý ước lệ, chân lý giả định. Ý chí đánh mất tự quy. Là đại ngã mà vong ngã. Ý chí phản bội hiện tính, ôm chữ “da” trong Dasein của Đức triết, ôm vật mà quên tâm, ôm phương mà quên viên trong Trung triết, chạy theo sự sa đọa vật dục của nhị nguyên luận tây phương.

Còn gì nữa không, ý chí? Người đã làm cho con trâu đen rừng rú bản năng thú vật nguyên thủy trong “thập mục ngư đồ” phải tối tăm, xấu xí. Trên bến cội quê nguồn, có biết rằng “trâu người cùng quen”?

“Tiên sách nhân ngư tận thuộc không

Bích thiên liêu quách tín nan thông

Hồng lô diễm thượng tranh dung tuyệt

Đáo thử phương năng hiệp tổ tông.”

(Thập mục ngư đồ – Tuệ Sỹ dịch :

Người trâu roi vọt đều không

Trời xanh vời vợi mù trông chốc mòng

Tuyết khoe trắng giữa than hồng

Cội nguồn quê quán tao phùng một phen.)

"Tận thuộc không" chính là rỗng không, tánh không. Có “tận thuộc không” mới thấy được “trời xanh vời vợi”, mới “tuyết khoe trắng giữa than hồng”, mới “hiệp tổ tông”, mới về được “cội nguồn quê quán”, với nhất thể, bên chân Thượng đế.

Ngộ Không! Tên con chó đen rừng rú nguyên thủy đó nó đã thấy được tên gọi của nó chưa? “Chính danh vô danh tướng” đó chưa? Cái “bản lai diện mục” đó chưa? Ngộ được rồi, ngộ không rồi là có được tất cả. Được ăn, nghĩa là được nhập chúng.

Nghĩ đến đây chàng như một thân chuỗi đũa, ngã xuống đất. Rồi mê man. Ý chí chàng không kiệt quệ, nhưng đã bị tánh không đánh một đòn cuối cùng,

kiệt quệ. Ý chí chàng đã bị cái “chiêu vô chiêu” vô hình, vô ảnh của tánh không vỗ một đòn chí tử và không còn dậy được nữa. Con sư tử bên trong chàng cũng im thin thít luôn.

“Ngay giây phút ấy, thể xác lẫn tinh thần đều vắng bóng nhưng không phải là hoại diệt, là hư vô.”

---o0o---

PHÁP MÔN TRI NGÃ

“Con đã có áo cà sa và bình bát rồi. Và đây là bài học đầu tiên: đi khất thực và thực hành pháp tri ngã. Ba tháng hãy trở về. Nếu không tri ngã được thì đừng có trở về nữa.”

Thế là Triết Hựu từ giã tháng ngày hành điệu cực nhọc gian lao, từ giã ngôi đại tự, từ giã thầy và huynh đệ - làm một cuộc lên đường mới, dần thân mới, đấu tranh mới! Chẳng biết còn định mệnh nào chờ đợi chàng không, ở phía trước?

Một ngày hừng đông chàng đến một thôn làng ven chân núi. Ở đây có con sông nhỏ lượn khúc, có cây lành trái ngọt, vật thực nuôi mạng sẽ được tìm kiếm dễ dàng. Tá túc nơi một miếu hoang, không gần mà cũng không xa xóm, chàng chuẩn bị một chương trình chu đáo để hành đạo.

“Ba tháng dành cho pháp môn tri ngã, nếu không tri ngã được thì đừng có trở về”. Sư phụ nghiêm khắc và khinh thường ta quá. Bài học thật là dễ dàng. Hình như có câu hỏi là có câu trả lời ngay. Những tích lũy của hơn mười năm học đạo đã cho chàng những kiến thức bao la về tri ngã, rớt ráo ở chặng đầu, rớt ráo ở chặng giữa, rớt ráo ở chặng cuối. Nhưng chính những kiến thức hoàn hảo đó ta cũng đã từng xét lại, tra hỏi, cật vấn. Ta gay gắt với từng niệm khởi, ta từng đối thoại tự tâm nội, ta đã từng gạn lọc từng tư tưởng tế vi, như đãi cát tìm vàng, ta đã từng dò tìm và đào bới vào tận cõi miền sâu thẳm nhất của tự ngã, ta đã từng hoài nghi về chính những sở tri, ta đã từng ngồi quên đêm dài chỉ để tìm căn nguyên một niệm bất thiện, một ác pháp. Trên tất cả, ta cũng đã từng viễn ly chúng, đoạn tuyệt chúng bằng cái tuệ giác siêu việt - để đạt những trạng thái thiền định không tầm, không tứ, phi lạc, nhất tâm, tầm mát thư thái, no đầy trong cơn ngây ngất tuyệt trần vô hạn của vô duy. Cái "hữu" ta đã từng đầy áp. Cái "vô" ta cũng đã từng chứng nghiệm. Tất cả nó là gia tài của ta về tri ngã.

Nhưng tất cả những hiểu biết ấy không giải thoát ta ra khỏi những khổ đau và những ràng buộc hữu hạn, Triết Hựu nghĩ. Ta cần phải kiểm soát lại một lượt từ đâu, trước khi bắt đầu đi theo một hệ thống giáo lý khác. Cái biết bấy lâu của ta là cái biết tổng hợp, ta đã đọc quá nhiều kinh sách, nghiên cứu quá nhiều tông giáo; ta đã học quá nhiều ở những chân sư, đạo sư, rồi

cuối cùng ta đã đứng giữa ngã ba đường; và trên cái điểm gặp gỡ tổng hợp đó, ta ngồi một chỗ để lý luận rằng, con đường nào cũng giống nhau. Đây là một sai lầm lớn, bây giờ ta phải ôn lại cái kho tri thức Vệ-đà trước khi thực hành giáo lý khác, ôn lại một cách chín chắn, khách quan hơn.

Triết Hựu vươn vai đứng dậy. Đêm rất đổi dịu dàng. Chàng ngược lên trời nhìn vì sao vừa xuất hiện đầu tiên treo giữa nền xanh ngọc bích. Hương hoa rừng thoảng nhẹ. Một cánh chim đêm vụt tung cánh bay lên cao... Chàng bỗng bồn thần trong dạ. Một tình cảm nào đó cũng vừa tung cánh bay lên trong chàng? Từ một thế giới câm lặng, tịch mịch - một cái gì đó chọt nhô lên - như từ chổi nhất thể và cũng vừa để gọi kêu nhất thể. Sự hiện hữu của nó vừa phủ định mà cũng vừa xác nhận trong tương quan sinh tồn và hủy diệt. Sự tìm kiếm của con người từ sơ thủy về những nguyên nhân vô hình, ẩn mật, đại đồng tính hoặc phổ biến tính, chân phúc, hoặc trường cửu - chỉ là dấu hiệu sa đọa, phân ly giữa mình và nhất thể. Thế giới ấy chẳng phải được nhận biết từ một tự ngã mà phải được ở yên, vô thức như đứa con nằm trong lòng mẹ... Ý nghĩ ấy thật là vô danh trong lòng chàng, hoặc như là một trực giác xẹt qua không gian rồi chìm khuất, vô tăm... Chàng thấy mình như vừa nhận biết một cái gì không rõ nét, một cái gì vừa thoáng hiện trong màn sương rồi mất đi. Và chàng rơi vào một trạng thái như lao đao, hụt hẫng, đánh mất một cái gì, tiếc rẻ...!

Bất giác, chàng đưa tay với mạnh và chụp được một cọng hoa, vò nát trong tay rồi đưa lên mũi ngửi. Một mùi thơm tươi hoang dã được các đầu giây thần kinh tiếp nhận chuyển sâu vào lục phủ ngũ tạng. Chàng ngây ngất và khoan khoái vô cùng.

“Vô thức hủy diệt”, chàng chọt rùng mình lẩm bẫm, rồi chọt nhớ lại trường hợp của Vọng Việt bên bờ suối đạo nào. Ở yên trong nhất thể - nghĩa là giao phó trọn vẹn mọi sinh hoạt cho một sự câm lặng vô thức, không xác định sự hiện hữu của mình, không tri giác sự hiện hữu của mình - thì có khác gì giao phó sự vận hành cho bản ngã, bản năng điều động? Nhưng nếu phê phán hành động dường như tự nhiên và vô tâm ấy của vô thức thì đánh mất sự an bình linh thánh của tâm hồn? Chàng đang an nhàn giữa trời đất đầy ơn triệu này thì “ý thức” chẳng biết ở đâu lại xen vào, cắt đứt dòng trôi chảy hòa bình của tâm nội?

Có một ngụ ngôn Thiền về trường hợp này, chuyện Cóc hỏi Rết bò chân nào trước, chân nào sau. Nếu Cóc không có hỏi các cơ như vậy, thì dù có một trăm chân hay nhiều hơn thế nữa, Rết vẫn bò một cách nhịp nhàng, tuần tự, thứ lớp và suông sẻ biết bao. Nhưng khi mà Cóc đã hỏi, Rết chọt thấy mình lúng túng một cách kỳ lạ, “ừ nhỉ, dĩ nhiên khi bò như vậy hẳn phải có chân nào trước, chân nào sau chứ?”

Sự vận hành nhuần nhuyễn, nhịp nhàng bấy lâu chợt ngưng tất, Rết thấy mình hiện hữu của một đời sống phân tích, hữu lý, hợp lý, phân biệt - nghĩa là khi mà vô thức hoàn toàn giao phó nhiệm vụ cho ý thức - và nhất là sự nhiệt tình, tha thiết với mọi tương quan đồng loại, đồng chủng và sự sinh tồn - thì chắc chắn chị Rết ta sẽ nằm kên ra đấy chứ không còn bò vào đâu được nữa. Ý thức đã hiện diện thì có trăm vạn ngõ ngách cho nó lưu lộ, lần tìm. Nó là cái tạo tác thế gian mà đồng thời cũng là cái hủy diệt thế gian. Nó chính là sinh tử và cũng chính là tên dẫn đầu đi ra khỏi cuộc sinh tử. Đồng ý là “ý thức phải im đi”, nhưng phải im đi theo kiểu nào đó, chứ chẳng phải im đi nghĩa là nhường quyền thao túng cho bản năng. Bản năng là cái thú vật. Ta không thể tìm kiếm thú vật. Bản ngã vừa thần thánh vừa dã nhân, nhưng là hai cái gì thường xung đột - cái đẹp, điều thiện và cái xấu, cái ác - chúng thường hiện hữu thì làm sao chúng đạt trạng thái an bình bằng cách chấm dứt trọn vẹn sự tương tranh của chúng? Bình an đích thực là một cái gì khác thế? Vệ-đà có câu trả lời nào cho trường hợp này không, bằng con đường thực sự chứ không phải luận lý hay mặc khải?

Đêm thứ nhất như vậy là đã qua đi. Chàng chưa có một ánh sáng nào về tri ngã. Buổi sáng, Triết Hựu trở dậy hít thở khí trời tinh sương sau cơn nhập định dài. Chàng thú nhận sự bất lực và yếu đuối của mình khi ẩn trốn trong trạng thái chân không của tâm hồn. Sự quân bình chỉ trở lại khi dứt bật tất cả mọi câu hỏi - nói đúng hơn là mọi tư duy, tư tưởng. Như vậy, cái bình an kia là cái sinh diệt, trạng thái chân không là cái sinh diệt!

Đêm thứ hai, Triết Hựu ngồi ôn lại các kinh nghiệm và hiểu biết quá khứ về tri ngã. Trí nhớ chàng cũng thật là tinh vi, bài học đầu tiên về tri ngã - hay là không khí, khung cảnh được ghi đậm rõ nét trong ký ức không phai lạt, lần xảy ra câu chuyện liên hệ đến vấn đề tri ngã ấy - đến với chàng gần gũi và linh động làm sao... Nơi khu vườn mùa thu khi tất cả lá cây đã ngả màu vàng úa, thì cây tùng, cây hạt dẻ trước cổng vẫn còn xanh um - là nơi mà chim chóc mười phương tụ về, hát ca và rộn rịp tung lượn. Nơi ấy một thời là của chàng, của một chú bé biết buồn sớm và khóc sớm, biết lặng lẽ, âm thầm với những câu hỏi vẫn vơ, vô căn và quá nhiều trọng lượng. Sự khổ đau đến với chàng từ mọi phía, đôi khi chỉ một lời nói nhẹ nhàng, nhưng như là một cơn gió xao, đi qua mặt hồ tự ngã, là có thể nguyên do những buổi đi thơ thần, tìm sự cảm thông, chia sẻ với cội cây, góc vườn, chim, hoa và bướm. Có thể là những khoảng không mênh mông thu hút chàng hơn, bao la, dịu dàng và thân thiết nữa. Tất cả chúng, như kết hợp bởi một tình mẹ bao dung, êm đềm xiết bao! Cá tính này như một cố tật - và Vọng Việt thường nhạo báng chàng là một con người “lãng mạn”. Tại sao thế chứ? Tại sao y dám nói ta là mơ mộng, hão huyền? Ngồi một mình để cho tâm hồn được mở rộng, tung tăng bay nhảy khắp mấy tầng trời, là đánh mất thực tế? Trọn

đòi để tâm loay hoay với những cái trước mặt, những cái nhỏ nhoi ti tiểu như thế gian là kẻ sống thực ư? Lãng mạn cũng là một hình thức “hư vô hóa cuộc đời”, y bảo thế, nhưng ta chưa một lần thấy mình sống với cái không tưởng, mà ta bao giờ cũng sống thực với những tâm niệm của ta. Kẻ tri ngã là kẻ thấy mình tương quan với thực tại, chứ không phải là kẻ chia lìa, cô lập - bạn là kẻ muốn tách lìa ra ngoài thế giới - Y lại còn bảo như thế nữa chứ! Mọi giá trị nhân bản đã nằm khuất sau cánh cửa khi tự ngã được đóng lại. Y lại còn bảo thế nữa chứ! Nhưng quả thật thì ta lúc nào cũng đang mở rộng, có thể là ta mở quá rộng để đón nhận những cái cao viễn hơn mà y không thấy chăng?

Thế nhưng, ta đã tranh luận không thắng nổi y. Và y cũng đã tranh luận không thắng nổi ta. Để giảng hòa, vị thầy khả kính của chúng ta đã bảo rằng: -“Vọng Việt có cái thực của Vọng Việt. Triết Hựu có cái thực của Triết Hựu. Ai cũng thực cả kia mà! Nhưng nếu đã là thực cả, thì tại sao hai cái thực lại phủ quyết nhau? Ôi! Để mười năm sau các con mới hiểu rằng, cả hai nhận thức cũng không đi ra ngoài tự ngã. Cả hai nhận thức đều tự một huyền môn!”

Cái huyền môn ấy vẫn là đóng kín cửa từ bao lâu. Nhưng lúc đó, khi trở về trong khu vườn thâm lặng của mình, chàng đã buồn xiết bao, buồn như thử thầy đã không cho chàng một ánh sáng nào để rọi chiếu vào tự ngã. Câu trả lời vẫn là một cái gì thâm u và đầy bí mật. Câu trả lời đã trả chàng lại với nguyên vị bế tắc và khổ đau. Và như mọi lần, chàng lại tìm đến khu vườn màu xanh muôn thuở ấy:

“Tiếng vỗ cánh chim đêm dạ trường,
Tiếng vỗ cánh chim đêm triều dương,
Vĩnh cửu giảng tay thiên địa tuyệt,
Mênh mang hề... mênh mang hề... thiên địa hoàn lương.”

Tiếng vỗ ấy chàng đã bao năm chờ đợi, thiên địa ấy chàng đã bao năm chờ mong! Có một sức quay nào đó đã đẩy bật chàng ra khỏi khu vườn màu xanh và nhiều chim bướm ấy. Nhưng sự huyền nhiệm đôi khi cũng xuất hiện đúng lúc - sự huyền nhiệm tưởng như là một ân sủng cao cả cứu vớt, bởi đức Krishna cũng đã không thương hăng vác thập tự giá chuộc tội cho

chúng sanh trong từng khoảnh khắc đó sao? Chàng cũng đã từng hoài nghi một hiện thân siêu thế, những năng lực hoặc bí thuật cho thấy sự vô hạn của xác thân sinh diệt, vì ở đó, tuy là tự ngã hữu hạn tràn gian vẫn ảm ập ngài, đầy tràn ngài, thở ra hơi thở chân ngã, tuôn ra cái thông linh và thông huyền của vĩnh cửu. Và ngay chính lúc chàng chờ đợi như vậy, thì Đấng ấy đã đến bên chàng trong vóc dáng một dị nhân tóc dài, hoang sơ và đầy quyền lực. Ôi, thật là hoang sơ và nguyên thủy làm sao là con người ấy, lịch sử không hề lưu dấu trên xác thân y - cả văn minh và hiểu biết nữa - nếu gọi được như

thế - vào ngay chính nơi “khu vườn mùa thu” của chàng. Y ngồi đó, như từ bao giờ, trong thế kiết già, bụi đỏ, suối khe, thung lũng, dã thú, gió sương, không có đêm, không có ngày - ta có thể ngồi được ở xung quanh y mà không sợ làm lẫn - ngồi được tất cả những thứ đó. Chàng run lẩy bẩy và hai chân như sắp khụy xuống - khi đôi mắt y chiếu thoáng qua chàng. Như một gợn sóng xao rồi mất - đôi mắt y chăm chú nhìn một con bướm từ phía xa - hình như có một tia lửa xanh vô hình - ít nhất là chàng cảm nhận thế - đến vây bọc bướm và kéo bướm về phía y với một đường chỉ thẳng. Qua ánh nắng mặt trời, một đám bụi phấn từ đôi cánh bướm vương vãi ra - như một dấu hiệu bất lực, thua cuộc trước một gọi kêu vô danh bất khả cưỡng chế. Bướm nằm im giữa không gian, đôi cánh đập mệt mỏi, nhưng khoảng cách giữa bướm và người không thể thay đổi. Chàng ngạc nhiên quá, há hốc mồm ra không còn ngậm lại được nữa. Những quyền lực siêu nhiên đã có thật. Chàng sửng sò và kính phục xiết bao.

- Chú nhỏ! Hẳn là chú thích trò chơi này lắm?

Vị dị nhân đã thu tia mắt lại, bướm đảo một vòng rồi lượn mất ra phía bờ rào.

- Trò chơi ư? Chẳng phải thế đâu. Đây là cả một cái gì huyền nhiệm. Phải chăng ngài là Đấng đã làm chủ được ngoại giới, hoặc là đã tìm ra được bí quyết siêu nhiên của tự ngã, đã nhiếp phục tự ngã hay là một cái gì tương tự như thế?

- Hay lắm, chú nhỏ. Ta sẽ thảo luận với nhau ở điểm này. Làm chủ ngoại giới và nhiếp phục tự ngã nó liên hệ với nhau đến thế ư?

- Tôi không biết một tí gì về những điều tương tự - nhưng những kẻu gọi từ nơi kinh điển, thầy học, cha tôi và bằng hữu - cho tôi một chút tư duy như vậy. Ồ! Điều đó sai ư? Hay cả là một sự huyền nhiệm?

- Hay lắm. Thế thì lại khác. Ta lại nói đến huyền nhiệm: Ngoại giới, tự ngã đều là Đấng ấy.

- Quả là điều mới mẻ. Vậy thì Đấng ấy có thể làm được mọi sự. Và là tất cả. Tôn giả là một kẻ đã được biểu hiện từ ngài, nên tôn giả cũng là kẻ làm được mọi sự?

- Không phải ta làm đâu. Khi tiểu ngã linh thông được với đại ngã thì vĩnh cửu, năng lực và chân phúc sẽ đến cho y.

- Vậy là tôn giả đã thành tựu được Đấng ấy?

- Đừng nói thế mà phạm đến ngài. Ta không có. Tự ngã ta không có. Tất cả đều là Đấng ấy.

- Thưa Tôn giả, hình như có một cái gì mâu thuẫn ở đây, vì Thầy tôi nói rằng: “Có vọng tưởng mới sáng hóa trần gian. Đấng ấy không vọng tưởng.” Khi Tôn giả điều khiển bướm hoặc biểu thị những năng lực siêu nhiên qua

các hình tượng thế gian - Tôn giả có một mảy may tư niệm, vọng tưởng nào chăng?

Vị đệ nhân cau mày, nói khề:

- Chú chưa hiểu được, chú nhỏ. Nhưng chú có đồng ý với ta rằng, những việc làm như vừa rồi, chẳng phải thường nhân mà làm được?

- Phải. Đây là một cái gì không phải người, một cái gì ưu việt và tối thắng.

- Hơn thế nữa, đây là kẻ mà tự ngã đã làm một với ngài.

- Tự ngã! Tự ngã! Bây giờ ngài hãy nói đến điều ấy: Tự ngã. Tôi thích đề tài này lắm. Và chẳng, tất cả những cái gọi là vĩnh cửu, chân phúc, đáng ấy, năng lực siêu nhiên đều có sự tham dự của tự ngã? Tôn giả ơi! Từ lâu tôi chưa được học, được hiểu nhiều về điều này: Tôi là ai? Tự ngã là gì? Tôn giả có thể có những

câu trả lời minh bạch về điều ấy?

- Thầy người chưa dạy cho người ư?

- Phải chẳng đây là điều quá trọng đại so với một đầu óc nhỏ bé và đàn độn như tôi? Thầy tôi thường nói thế. Cha tôi cũng bảo thế nữa. Và hầu như ở nơi cha tôi, vấn đề tự ngã phải để dành cho những ngôi sao điểm phúc hơn. Nhưng nếu tôi không học được nhiều lắm nơi thầy, nơi cha, thì tôi học nơi bằng hữu, nơi những vị sa môn, du sĩ, đạo sĩ thường gặp trong rừng, trong miếu, nơi thành phố, hoặc tại đây... nơi "khu vườn mùa thu" thân thiết của tôi! Thưa tôn giả! Tôi không còn bé nữa đâu, quả thật tôi không còn bé nữa đâu!

- Người hãy nói tất cả những điều tương tự như vậy cho ta nghe, những cái gì nó thúc hối bên trong người, để người biết rằng người đã là người lớn!

- Phải rồi! Chắc chắn tôi không còn nhỏ bé nữa. Tôi đã từng lớn với đêm, với ngày. Tôi đã từng lớn lên với sự kêu gọi giục giã của hư vô đi qua thân xác, tế bào, tóc xanh và tuổi tác. Tôi không còn nhỏ bé nữa - khi nhìn những cơn gió viển du mỗi lần tình cờ lang thang qua ngôi vườn này; qua rặng trúc đầy lá lục; để lại vài cành khô rơi, mùi hương hoang dã, sa mạc, núi lớn và sông hồ...! Chắc chắn là tôi không còn nhỏ nữa, khi đã biết băng khuâng một ngày sao hoàng hôn lại đến quá sớm, bầu trời sao lại quá đổi bao la, mùa thu sao lại quá đổi dịu dàng... và tại sao những thiếu phụ lại nhìn mơ màng bên ngoài cửa sổ? Như thế đó, tôi không còn nhỏ bé nữa, nếu không muốn nói là đời tôi không có sự nhỏ bé, không có tuổi thơ và sự hồn nhiên, chỉ có khổ đau, màu vàng, ưu tư và bất hạnh - khu vườn trong tôi là khu vườn mùa thu khắng khiu và gầy trơ những xác lá, không có một con chim nào, và hoàn toàn không có một tiếng hát bình minh vui tươi nào của chúng! Tôn giả có thể tưởng tượng đi.Ồi! Đùi hiu và thể lương làm sao, - như một nghĩa địa, như một địa cư cỏ dại mọc đầy, vô chủ và không có cả một vết chân người, một sinh vật sống, dù là một hơi thở dế giun, tĩnh vật...!

Tôn giả ơi! Hãy cho tôi được học tự ngã, để tôi được biết tôi là ai, từ cõi hư vô nào mà đến, vì nguyên nhân nào mà có mặt? Lại có mặt ở đây chứ không ở một nơi nào khác, một định mệnh khác? Rồi có mặt để làm gì? Có ích cho ai không? Có hữu dụng hơn một loài rơm rác? Rồi sao lại phải bệnh, phải tử, phải già? Tôn giả ơi! Sách vở, kinh điển không trả lời rõ ràng, dứt khoát. Thầy tôi thì cứ trả lời ờ ờ, hàng hai. Cha tôi cũng thế. Những Đấng, những Vị mà tôi đã từng gặp cũng không trả lời khác hơn. Hay là vì chính họ cũng không biết họ là ai, hoặc là nguyên nhân của mọi hiện hữu! Ôi, tôi tha thiết biết là bao nhiêu về vấn đề tự ngã? Ngài, tôn giả là đấng có nhiều quyền lực, hay là đã linh thông với Đấng ấy, hẳn là tôn giả hiểu rõ hơn ai hết cả chứ? Tôn giả là đấng không phải người, đã ở trên hết, thần thông quảng đại xiết bao, tôn giả hãy cho tôi rõ những điều trên, vì chung, nó chính là cái hư vô kinh hoàng và khủng khiếp; nó nuốt chửng tôi, và sinh thực cả thiên địa này! Hỡi ngài, hãy cho tôi hiểu tự ngã để tôi chạy thoát hư vô...

- Người đã đem hư vô đến. Quả thật vậy, một ngọn gió hư vô lạnh lùng! - Vị dị nhân dịu dàng nói - Kẻ biết về tự ngã không còn những ưu tư như vậy. Chính những ý thức như vậy tách rời người ra khỏi vô biên!

- Thừa tôn giả, bởi vậy, tôi muốn tìm về ngài, về với Đấng vô biên ấy.

- Không được. Kẻ nào “dùng tự ngã” để tìm hiểu ngài là tăng thượng mạn. Tự ngã tìm kiếm Thượng đế là tự ngã đã lìa đấng linh thánh trong sạch, thanh tịnh về trong cái trần tục, nhiễm ô của tự ngã. Người thật là phạm thượng!

- Ô hay! Tôi có phạm thượng bao giờ? Tôi chẳng may may nào tỏ ra là mình khinh mạn. Tôi thành kính tìm kiếm ngài. Và chẳng, kinh điển cũng dạy rằng, tự ngã là Đấng ấy? Vậy thì muốn tìm kiếm ngài phải cần biết tự ngã hoặc dùng tự ngã chứ!?

- Phải nói ngược lại: “Đánh mất tự ngã thì Đấng ấy mới hiện lộ.”

- Đánh mất tự ngã? Thượng đế ôi! Làm thế nào để đánh mất tự ngã, khi ý niệm đánh mất đã là tự ngã rồi?

- Cái trò lý luận trẻ con. Đây không là lý luận mà là cái gì siêu việt hơn thế. Là thực chứng. Chú nhỏ! Chú có cần thấy rõ cái kinh nghiệm đánh mất tự ngã không?

- Ôi! Tuyệt vời xiết bao! Muốn lắm chứ!

... Triết Hựu chợt rùng mình rồi nhìn ra màn đêm. Và bây giờ thì đêm đã khuya lắm rồi. Những hồi tưởng của chàng bị đứt đoạn do một cái rùng mình từ quá khứ hiện khởi về. Cái rùng mình đã gần mười năm mà cường độ như còn rung động mãnh liệt cả châu thân. Như còn tiếp diễn mãi, vận hành liên li theo dòng trôi chảy ngấm ngấm của vô thức. Chàng không còn nhớ rõ vị dị nhân đã làm gì sau khi bắt chàng ngồi kiết già trước mặt... Rồi đột nhiên, như một luồng điện cực mạnh truyền khắp các tế bào, rồi chàng bắt

tỉnh - bất tỉnh trong một trạng thái sáng suốt - Và khi ấy, có phải là kinh nghiệm đánh mất tự ngã chẳng mà mọi ý thức về ngoại giới hoàn toàn vắng mặt, chỉ có một cơ quan nào đó ở phía bên trong, bật hé một cánh cửa để phát lộ vùng tâm nín ngàn đời của vô thức... Một thứ ánh sáng trong và vàng pha rọi trên những hình ảnh những khuôn mặt, những cảnh đời... Thứ lớp, thứ lớp từng chiếc ảnh được trải ra, bức khác kế tiếp, tuần tự thay đổi nhau đi qua, đi qua... Đây là một cuộc đời. Đây là hai cuộc đời... Khi là người cùng đinh, khi vua quan, trưởng giả, con gái, con trai, giữa chiến trường, trong lò thiêu súc vật, trong ngục hình, hoan lạc, tử biệt sinh ly, đầu rơi máu chảy... Mỗi cuộc đời mỗi khác. Mỗi hình thể mỗi khác. Giàu sang, hạ liệt có khác. Nhưng vẫn có một cái gì chung chung, nền tảng, như chỉ từ một chiếc khuôn duy nhất nhưng sự sơn phết, bồi đắp mà dị biệt... Cái ấy nó không hề hủy hoại qua các cuộc diệt sinh, thăng trầm. Cái ấy là gì? Là cái thâm sâu nhất, cái linh hồn, cái chủ tể, hoặc là tự ngã nguyên vẹn sơ thủy chẳng?

Sau giây phút ấy, chàng đã ngời yên, bất động, bàng hoàng... Một tình cảm mâu thuẫn, nửa sợ hãi, nửa bình an - nửa xót đau, nửa hoan lạc trộn lẫn trong đám sa mù hỗn mang. Tuy thế, có cái gì đổi khác và mới lạ quá. Ôi, cái kinh nghiệm ấy quý giá làm sao - nếu không do quyền năng hoặc huyền nhiệm - thì làm sao chàng tìm ra được dù lặn lội một đời?

- Hình ảnh nào cũng là người cả, có phải vậy không? Nhưng không thể xác định rõ ràng cái nào là người cả! Điều ấy xác nhận người không thật hữu - người là những cái gì bao che, cái gì vay mượn từ lục đại, đóng vai các vở tuồng, gỡ khuôn mặt này khoác khuôn mặt khác, có phải thế không? Nhưng trong sự đổi thay, sinh diệt ấy; vẫn có một tồn tại tính; vô diệt, vô sinh, thường hằng, bất biến - cái ấy cũng là tự ngã nhưng không còn tên là tự ngã nữa. Người là cái ấy, là Atman, là chân như !(Tat tran asi) Vị dị nhân sau tiếng nói thoáng đã đi mất. Triết Hựu bản thân như vừa ra khỏi cơn mơ. Phải, chỉ như là cơn mơ thôi. Y đã đến, đã đi, hiện hữu ở đây, hữu hình, hữu thanh - mà vẫn như chưa hề có mặt! Không còn dấu vết gì ở nơi này cả: khu vườn mùa thu vẫn chim và lá xanh, ngôi nhà nằm khuất phía sau vẫn tịch mịch, lặng lẽ. Không có gì khác. Có gì vừa xảy ra trong tâm chàng, với kinh nghiệm thoáng thấy như thực như hư kia - là khác với cuộc đời cũ xưa trước mặt? Tuy chưa giải đáp cho chàng hết mọi nguyên nhân khổ đau, nhưng ít nhất chàng đã thấy rõ mình: phải bị đày ải qua các kiếp sống, phải chịu luân hồi trong các cõi, trong những xác thân trần tục, phải nhận chịu định luật nhân quả nghiệp báo đắng cay. Niềm tin đã đến với chàng - nhưng là niềm tin xót đau quá! Nếu sự thoát ra, bước ra hoặc cởi bỏ được định mệnh kia là trở về với nhất thể - thì tại sao, trước đó, từ một sơ thủy xa xăm nào, y lại từ chối nhất thể và ra đi? Y phải cần học điều gì, trải qua kinh nghiệm nào, hay

chỉ ở trong một thời gian lưu đầy hạn lượng? Và mỗi sinh mệnh, trên lộ trình thống khổ kia, có tự chuyển hóa mình một cách tức khắc, quy hồi trong một sát-na quê hương xưa, từ đó y lưu lạc? Cái vọng tưởng nào lôi kéo y ra đi? Hay y bị đẩy bật ra từ sức ly tâm vũ cuồng của dục tính? Nếu đừng đi, đừng về thì có hơn không? Trải qua một cuộc hành trình vào viễn mộng vô ích, vô vọng và đầy máu xương để rồi cuối cùng - lại tìm về sự nghỉ ngơi và an lạc ngay từ điểm mà nó ra đi! Kinh nghiệm mà vị dị nhân cho chàng quý báu quá, nhưng đồng thời lại bóc trần truồng, trải ra trước mặt chàng những sự thật không dám nhìn nhận, tủi hổ, khô hài và bi thảm làm sao! Nếu bảo Thượng đế sáng hóa trần gian - hàm nghĩa là Thượng đế đã vọng tưởng - thì quả thật, ngài đã bày ra cái trò chơi “bất khả tư nghị”. Cái trò chơi gì kỳ lạ quá! Sáng hóa trần gian rồi lại phải mất công đi cứu chuộc, lặn lội tử sinh để đem cháu con lưu lạc trở về! Khi trở về hết, và có lẽ không có việc gì làm, ngài lại cho chúng ra đi? Và cứ thế, cứ thế - đây là trí tuệ của ngài, là đại bi của ngài? Cái công của ngài không đủ đền bù cái tội, cái tội là để cho cháu con ăn nuốt nhau, chém giết nhau, thù hận nhau! Cứ thế - cứ thế - và là cái trò luẩn quẩn loanh quanh làm sao?

... Những đêm tiếp theo, Triết Hựu đắm mình trong những câu hỏi tương tự. Rồi Tri Ngã là biết về tự ngã như vậy, biết là nó có vô biên tính, Thượng đế tính, biết là nó vừa diệt sinh vừa trường cửu. Là Atman và Bràhman. Nhưng cái biết này không do luận lý, suy lý - không do tri thức mà do cảm nhận của trực giác. Câu chuyện hạt muối bỏ trong nước của Áo-nghĩa-thư nhằm giải thích trường hợp này, nhưng sự giả thích ấy thiếu sót làm sao, nếu không muốn nói là ngây thơ nữa. Muối bỏ trong nước, muối tan. Muối vẫn có đấy nhưng ta không lấy ra được: Đắng ấy cũng có đấy nhưng ta không tri nhận được. Nhưng khi ta không tri nhận được bằng cảm giác thì ta tri nhận được bằng tri giác. Nếu ta không tri nhận được bằng tri giác thì ta tri nhận được bằng cảm giác. Tri giác và cảm giác chúng có từ một chủ năng. Ta không tri nhận được muối nhưng ta cảm giác được muối: Ta ném được muối nghĩa là ta vẫn cảm giác được Đắng ấy! Ngay khi chàng thấy rõ mình đi qua từng cuộc đời trong những hình thức khác nhau, quả thật mọi ý thức quan năng đều vắng mặt - thì cái biết ấy là gì? Phải chăng là của một cái gì siêu việt hơn cả lý trí, là trực giác, đôi mắt thứ ba, đôi mắt tâm linh, đôi mắt vô thức? Nhưng dù là đôi mắt nào đi nữa cũng không thoát ra được ngoài tự ngã. Vẫn có sự tham dự của tôi, của tự-ngã-tôi! Sự tìm kiếm của chàng, nỗ lực của chàng rồi để hoàn trả về với chính chàng: Cái tôi, cái tự ngã lung linh, chập chờn, không biết là thực, không biết là hư, ở đây mà không biết là ở đâu, chụp bắt không được, sờ mó không được!

Bao tháng bao ngày tiếp theo, chàng cũng không ngớt kiếm tìm tự ngã. Vị Thầy khả kính của chàng ân cần trả lời:

- Làm sao mà tìm ra được tự ngã hờ con, như muối tan trong nước, con có thể lấy ra được đâu!

- Con không tin là con không thể tìm ra được tự ngã, khi biết rằng nó có ở trong con! Vẫn có cái gì như là tự ngã chứ?

Chàng lại lần thân hỏi. Vị Thầy vẫn nhẫn nại trả lời:

- Cái mà con gọi là tự ngã - đây là cái mà con vay mượn được của mảyà: Nhận thức, ý thức, tư tưởng, trí khôn, kinh nghiệm, thói quen, ký ức, tập quán... Đã là vay mượn thì chẳng phải là cái chân thật, cái có sẵn, đến một lúc nào đó con phải hoàn trả lại. Của mảyà thì phải trả lại cho mảyà. Của César thì phải trả lại cho César. Địa, thủy, hỏa, phong, hư không và thức là cái cần phải trả về trước khi đến quê hương. Cái mà con không hề trả về, cái ấy là của con, là sơ thủy của chính con.

- Vậy thì vẫn có tự ngã. Cái ấy gọi là tự ngã đó chứ!

- Tùy ý con. Nhưng cái ấy không tên gọi, nó phải được thể hội trong im lặng và vô ngôn. Nó ở ngoài thế giới danh ngôn, biểu tượng.

- Nó phải ở trong cái biết không hờ thầy?

- Phải nói như thế này: Cả cái biết và cái không biết cũng không ở ngoài cái ấy.

- Sao kỳ vậy, kể cả cái “không biết” ư? Có ví dụ nào để minh thị điều này không hờ thầy?

- Có chứ. Này, con hãy nghe!...

“Có một người con trai bà-la-môn ham muốn sự hiểu biết. Hôm nọ, người cha thông thái, hiền triết gọi y đến rồi cho y mười hai năm lương thực để đi tầm sư học đạo. Người con trai đôi mắt mở rộng, vùng trán sáng ngời tin tưởng, hớn hờ lên đường. Và sau mười hai năm, y trở về.

- Sao con? Thế là con đã học hết tất cả mọi trí khôn của nhân loại?

Người con trai từ tốn trả lời:

- Thưa cha! Quả thật, con chẳng dám vọng ngôn để trả lời rằng là không phải.

- Ôi! Quý hóa thay, hiền nam tử. Vậy ra con đã thu trí khôn của nhân loại vào “trong cái biết” của con!

- Thưa cha! Quả thật vậy!

Người cha là bà-la-môn thông thái chợt mỉm cười rồi cất giọng trịnh trọng:

- Nay ta cũng cho con thêm mười hai năm lương thực nữa, để đem “cái biết” ấy - cái biết quán thông kim cổ của con - để học “cái không biết”!

Người con trai ngạc nhiên, lắp bắp:

- Học cái không biết? Thưa cha, đúng là học cái không biết đấy chứ?

- Đầu óc cha cũng chưa đến nỗi làm lẫn để không biết ý mình muốn nói gì. Phải rồi, đem “cái biết để học cái không biết”, cha cũng cho con thời hạn mười hai năm! Người con trai thông thái im lặng giây lâu rồi trả lời:

- Không những con mà cho chí cả nhân loại này, những đầu óc thiên tài, vĩ đại nhất, uyên thâm nhất hoặc bác học, mẫn tuệ nhất - thừa cha - cũng đành chịu thôi - chẳng thể học cái không biết.

- Thật vậy sao, con trai yêu quý?

- Quả thật vậy, thừa cha, xin cha hãy dạy con. Cha hình như muốn dạy con điều gì?

Bây giờ người cha mới cất giọng ôn tồn, nhỏ nhẹ hỏi con:

- Con học để làm gì? Ý cha muốn hỏi về cứu cánh của sự học?

- Để biết về tự ngã. Để tìm về ngài.

- Vậy thì con hãy ra vườn hái một trái sung! Người con trai y lời.

- Con hãy bỏ trái sung ấy ra.

Người con vâng theo.

- Con thấy gì trong đó?

- Những hạt nhỏ lăn tăn.

- Bây giờ con lấy một lưỡi dao nhỏ hơn rồi bỏ cái hạt lăn tăn ấy ra làm hai nửa.

Người con ngạc nhiên làm theo.

- Con thấy gì trong đó?

- Con không thấy gì. Chỉ là cái “trống rỗng”.

Người cha hiền triết nhìn con thật là âu yếm:

- Con ơi! Cái ấy! Con chính là cái ấy!”

... Vị thầy kể xong câu chuyện, im lặng. Triết Hựu cũng im lặng. Hồi lâu, chàng dè dặt hỏi:

- Như vậy, cái ấy ở ngoài cái biết?

- Hơn thế nữa, ở ngoài cả cái không biết.

... Câu chuyện được ôn lại của mười năm học đạo đã đưa chàng đến bờ tường, đến vực thẳm! Chàng cứ loay hoay mãi về “cái biết” của mình, về tri ngã, trong lúc cái ấy, Đấng ấy, chân ngã ở ngoài mọi cuộc đuổi bắt. Hầu như cả trọn ngày, trọn đêm - chàng treo sinh mệnh mình ở nơi cái móc điểm tối hậu đó - ở nơi sợi chỉ mỏng manh không có một điểm tựa nào còn lại giữa hư không. Vật thực chàng dùng rất ít. Và hình như ở giai đoạn này, nhu cầu ăn uống không còn cần thiết cho chàng lắm. Chàng đã đầy ứ ở bên trong. Đã ngọt ngào. Tri ngã là tri cái gì? Câu hỏi vừa là đầu tiên vừa là tối hậu đó, cần phải được lưu thông, cần phải được khai dẫn, không thì chàng sẽ bị vỡ tung ra, như một quả bong bóng mà sức căng đã đến độ chót. Trọn vẹn kinh điển Vệ-đà không có tia sáng nào để chọc thủng qua bức tường đen ngịt tối tăm kia, để chàng liễu thông cái ấy, tìm ra chính mình, tri ngã. Tất cả mọi kho tàng trí khôn của nhân loại đều thuộc về cái biết, cái phải bị trả về, nghĩa là cái tử sinh, luân hồi, vay mượn trong các kiếp đọa đày. Thế hội chân ngã,

nghĩa là tri ngã trọn vẹn, phải vượt qua cái biết và cả cái không biết, rồi dung nhiếp hài hòa luôn cả hai thực tại tương xung ấy!

Ôi! Thế nhưng, những điều ấy nó có nằm ngoài cái biết đâu!

Triết Hựu xả thiền và đứng dậy. Thật ra là chàng xả tư duy. Đầu óc chàng lũng bùng khó chịu. Bên trong hình như sắp bung ra, vỡ ra, nứt ra. Chàng thở một hơi dài và theo thói quen, chàng lại tìm về sự an trú trong cõi vô duy. Chàng để tâm nhẹ nhàng trôi chảy, không cố gắng, không tập trung tư tưởng, không phản kháng, không cưỡng bức mình, kiếm tìm, phê phán... Chàng để cho những tâm niệm tuần tự đi qua. Rồi chàng hướng ra phía con đường, bước đi, dưới ánh trăng lung linh. Chàng đi. Thế thôi. Không hề chuẩn bị, mục đích, tác ý. Chàng đi, như một chiếc xác mộng du. Không có một ý chí nào. Con gió núi mát lạnh thổi qua, rì rào, rì rào. Chàng hầu như biết mà không biết. Hay có thể là cái biết ấy cũng trôi đi ngay như đám mây đi qua mặt hồ. Cái giây phút vô duy trong chân không khác với cái vô duy của ý thức. Chân không thì toàn vẹn là vắng bật, ngưng dứt ý thức. Vô duy của ý thức là cái hoàn toàn không có chủ tâm, không có ý thức tư duy về đối tượng, ngoại cảnh và nội tâm đều hiện hữu, nhưng là hiện hữu hòa bình, không phân biệt, nhận thức có duyên cảnh, hiện lên. Nhưng hiện lên rồi diệt, không thử hỏi vì sao, không hề nghĩ đến nguyên nhân và hậu quả. Cả cái biết và cả cái không biết đồng có mặt nhưng nó không kích bác nhau, xâm lăng nhau. Ôi! Chắc chúng đã nhìn nhận ra là chúng cùng một mẹ, một cha, cùng tổ tông, gốc gác. A, kinh nghiệm gì đây, ngay giây phút này, trong chàng có đầy đủ cả cái biết và cái không biết! Chàng ngồi lại. Như một cái gì lóe sáng lên, sáng làm sao, sáng lạ lùng. Màu xanh biếc xẹt qua tâm thức. Cái gì đây? Bầu trời như đổi khác, trong, xanh và cao hơn? Cây cối, vạn vật huy hoàng, rõ nét và gần gũi hơn? Chúng hiện hữu như là “chúng là”, nguyên vẹn, trình tuyền, sơ khai, không bao che bên ngoài một nhãn hiệu nào cả, chưa ai phết lên đấy một lớp sơn - lớp sơn tên gọi và chữ nghĩa, ý nghĩa - nguyên thủy “như thời tượng”, bởi sau thời tượng là tử sinh:

Ngàn xưa ai gọi danh

Thân gầy con nước trôi

Ngàn xưa ai gọi danh

Bên vàng sinh tử trôi...

Triết Hựu chợt run bắn người lên khi thấy tất cả đều đổi mới, như sau một cơn mưa, mọi sự đều tạnh ráo - câu hỏi, tư duy và sự khổ đau - tất cả đều tạnh ráo. Cả pháp giới đều sạch trơn, bóng lộn. Màn đen của đêm cũng bóng lộn. Các vì sao pha thêm lân tinh, nhấp nháy, mỉm cười, mời gọi... A! Cái gì đây chứ? Kinh nghiệm gì đây chứ? Phải chăng chàng vừa thể hội được cái vẹn toàn?

Triết Hựu mỉm cười sáng láng rồi ngồi im, đầy tròn, no đủ. Chàng nhắm mắt lại. Nhắm mắt lại rất lâu. Rất lâu. Cái gì đây chứ? Mới lạ làm sao? Ta đã thật sự tri ngộ chăng? Hay là đã thể ngộ cái ấy? Và cái ấy là trọn vẹn con người chàng? Những thao thức, đau khổ, bất an đầu đời, những thánh thiện, tội lỗi, hối hận... kể cả những giọng nói, tiếng cười, những khuôn mặt khác nhau, kỷ niệm, thói quen... Tất cả như những giọt nước kế tiếp nhau trôi chảy. Và chúng lại liên kết với nhau thành một dòng liên tục. Thế nhưng, ngay giây phút này đây, chúng không may mắn liên hệ gì đến chàng hết, đến chân ngã thâm sâu. Chúng qua lại như đám khách trần. Chúng ở trọ vội vã rồi ra đi. Rồi người khách khác lại đến, phong trần có, phong lưu có, hiệp khách có, thi nhân có, đạo sĩ có, sa-môn có, thiên đường có, địa ngục có, súc sanh có, ngạ quỷ có, hân hoan có, hốt hải có, trầm mặc có, nghiêm trang có... Họ đến rồi họ lại lên đường, vô định và không dấu tích. Đôi khi còn lưu lại một vài giọt lệ, vài tiếng cười, nhưng rồi cũng mất, cũng quên. Chàng là quán trọ bên cầu, chúng nhân còn lại, bất động giữa những bể dâu, an nhiên giữa bão tố, im lặng giữa những loạn động hải hùng. Như một chứng nhân đời đời vô định, lạnh lùng như một đỉnh núi đá - thu dọn, vun quén lại chiếc sân đồ nát, sửa sang lại con đường - rồi chờ người khách khác đến. Rồi họ lại ra đi. Chàng đã từng nghe người ta kể - trong đám khách giang hồ ấy - về từng cuộc đời, chí lớn, thành bại, mối tình thiên thu, chén rượu, cuộc cờ, niềm tin, thủy chung và sự phản trắc... - đôi khi cũng ngậm ngùi một chút, chia sẻ với họ một vài cái nhìn cảm thông, cạn với họ một vài chén trà giữa những đêm trường khuya khoắt...

Họ đến rồi họ đi. Chỉ riêng chàng là kẻ chưa hề đến chưa hề đi! Chúng sinh chúng diệt nhưng chàng là kẻ chưa hề sinh, chưa hề diệt! chân ngã chàng vốn đã vĩnh cửu và bất tử từ bao giờ!

Bình minh cũng vừa mới lên. Suốt đêm chàng đã không ngủ được. Không cần ngủ. Chàng hân hoan hướng đến mặt trời, hít mạnh một hơi thanh khí vào buồng phổi... “Ta hít cả phương đông vào cơ thể này. Ta hít một hơi là ta đã thu gọn hằng hà sa số nền minh triết, mặt trời và mặt trăng vào trong một hạt trần vi. Vô lượng hạt trần vi ta kết tụ lại vào trong một mảnh lân hư trần. Và ngay cả một phần triệu của mảnh lân hư trần này cũng không còn dính trong buồng phổi của ta. Ta thôi chúng. Ta thở ra. Ta quẳng hết chúng về với pháp giới như thị. Ta rỗng rang. Ta phản bản hoàn nguyên. Ta còn lại cái không hề trả về. Ta tự do tối thượng và hoàn toàn giải thoát.”

Và rồi chàng hát. Hát về cái giờ tìm gặp lại cái quê hương đã từng lưu lạc. Hát về cái giờ "hội quy nhất thể" ấy.

Lạc thú thay vũ trụ này dừng lại

Lạc thú thay nổi tịch mịch khôn cùng

Tiếng hát nay đưa ta về với nhất thể vô chung

Ta hóa hiện thành vô lượng vi trần cõi Phật
Dòng sông lớn chảy trong ta
Cả đại hà ngưng tịch
Sát na tâm hóa hiện chấp tay chào
Ta quỳ xuống và chiêm ngưỡng ngôi sao
Ôi! Vạn trần nguy nga bừng thánh thể
Trái đào tiên cắn say và nhạc trời thiên nữ
Bừng mắt xanh rọi suốt cõi vô cùng
Ôi Phật quang và Như lai hóa thân
Từ không luân về nhất điểm
Từ huyền hữu tuyệt điểm
Có ta chờ thấp sáng cõi trần sa
Nam thiệm bộ châu
Bắc cu lưu châu
Tây ngưu hóa châu
Đông thắng thần châu
Quý cả xuống
Nhạc hoa đàm suối sao lưu ly
Ta đã kinh hành qua tám vạn địa ngục a tỳ
Cũng đã kinh hành qua hằng sa thiên đảo
Nơi nào cũng điểm ảo
Nơi nào cũng bông lai ngọc nữ khúc nghệ thường
Hoan lạc trong ta
Mặt trời và triều dương.
Lớn dậy từng hàng hiện thân Bồ tát
Ta thuyết pháp ở cung trời vô sắc
Tượng đá thành nước mắt
Và hư vô thành lá xanh
Ta xâu ý tưởng thành chuỗi ngọc châu, anh lạc
Cúng dường cúng dường tam thân
Cúng dường cúng dường vô lượng vi trần
Và tam thiên Phật sát
Trời sắc giới ta làm con thuyền nhỏ
Chở mấy triệu kim cang
Về xây thành Phật trí
Ta đã vô ngại dạo chơi trong thánh đế
Rồi cũng vô ngại già từ
Ta vượt mây chạy qua đông hải thăm diệu âm
Chạy về Đâu-suất cười Di Lạc
Vũ trụ hãy nghe ta

Giờ là giờ huy hoàng Phật nhật
Ta chống tích trượng gõ cửa Diêm đình
Tuyết làm tan lửa đỏ
Vũ trụ hãy nghe ta
Giờ là giờ ngộ
Từ hội quy để đi đến vô quy
Vô lượng nghĩa cũng là vô lượng bất tư nghì
Bến diều trạm
Thuyền không tải nguyệt...

Hát xong, chàng cất tiếng hú dài. Tiếng hú như được kết tụ từ vô lượng kiếp tích uất, tăm tối, si mê, đảo điên - nay đã phóng vọt, tuôn trào – thành một cơn lốc mạnh, rì rào... rì rào, xa dần... xa dần... chạy qua rừng, qua suối, qua núi, qua khe - xuống bình nguyên, làng mạc, đại dương - rồi mất tích. Vô thanh. Rồi nhập thể vào mười phương cõi.

Rồi chàng hòa tan. Hòa tan. Không còn một trọng lượng nào về chân không. Những đốm sáng của chân không bắt đầu thu nhỏ lại. Chỉ còn như đầu mũi kim. Rồi mất. Ý thức chìm dần vào vô thức. Một trạng thái ngây ngất từ trung tâm điểm của thân kinh hệ tỏa ra, lan ra, thấm dần đến từng chân tơ kẽ tóc. “Một trạng thái tịch diệt niết-bàn”. Chàng xuất thần, nhập đại định.

Triết Hựu đứng bất động như vậy trước cửa miếu rất lâu. Rồi kéo dài cả hai hôm. Khi chàng mở mắt ra thì một ngày mới đã lên. Tri giác và cảm giác bắt đầu trở lại. Bây giờ, cả vũ trụ như chỉ hiện hữu có một mình chàng. Núi Tu Di nằm dưới thấp. Chân chàng được mọc từ địa ngục a-tỳ mà đầu chàng đụng đến cõi trời phi tướng. Hai tay chàng sờ Tây cực bên này và Đông cực bên kia... Chàng cao chón chở, cao uy nghi! Chàng to lớn đứng chật cả ba ngàn cõi!

Chàng nghĩ là mình đã về đến đích, xông xáo đã lắng dứt, tử sinh đã yên nghỉ. Triết Hựu định quay vào miếu để an hưởng trạng thái “giải thoát” thì nghe tiếng gọi liên hồi từ đồi cao đổ xuống...

-Bràhman ơi... ơi! Bràhman ơi... ơi!

Bràhman! Tại sao ai lại gọi Đấng ấy như vậy? Phút chốc, một người thanh niên vận khổ, tóc rũ xuống vai, hàm râu quai nón, tay cầm một chiếc roi sòng sọc chạy đến.

- Tỷ-kheo! Người có thấy con Bràhman của ta chạy qua đây không?

Triết Hựu há hốc mồm:

- Con Bràhman? Tôn huynh muốn nói gì?

Gã thanh niên đập mạnh cây roi xuống đất, mắt nhướng lên, hét lớn vào tai chàng:

- Con Brahman! Tỷ-kheo, người có điếc không?

- Nghe rồi. Tôi nghe rồi, thưa tôn huynh. Nhưng tôi chưa hiểu rõ tôn huynh muốn ám chỉ gì khi gọi là con Bràhman?

- Ám chỉ cái gì đâu. Con Bràhman thì ta gọi là con Bràhman...

Nghĩ mình là một con người đã giác ngộ, nên Triết Hựu ôn tồn hỏi lại:

- Tôi hiểu là tôn huynh đã gọi đúng tên con Bràhman không lầm lẫn và chẳng ám chỉ gì. Nhưng tôi xin thưa là, tôi không biết con Bràhman là con gì, vì người ta thường hiểu theo tính cách tượng trưng, quy ước với nhau tự ngàn xưa thì Bràhman là Đấng ấy, Đấng sáng tạo chủ, hóa sanh chủ...

- A! Vậy hả? Vậy hả? - Người thanh niên chột cười ồ ồ - Xin lỗi, xin lỗi ngài tử-kheo!

Triết Hựu cũng cười:

- Vậy ra tôn huynh cũng là đạo sĩ, đang đi tìm Đấng ấy, đang gọi kêu Đấng ấy?

Người đàn ông cau mặt lại giận dữ:

- Đấng ấy à, Đấng Bràhman ấy à? Nó đã hành hạ ta khổ sở hơn nửa cuộc đời... Ta giận quá nên ta đã đặt tên cho con cừu của ta...

Triết Hựu lại một lần nữa há hốc mồm ra.

Người thanh niên hươu mạnh chiếc roi giữa không khí:

Ngài tử-kheo! Đừng nói tiếng Đấng ấy với ta. Ta không có Đấng ấy. Đấng ấy chính là ta. Ta không cần Đấng ấy. Thôi, ngài tử-kheo! Ta không nói nữa. Đấng ấy đã làm ta thành nửa điên, nửa dại...

Triết Hựu nhủ thầm: tự chủ, tự chủ. Rồi nói:

- Xin tôn huynh hãy nói nữa đi! Tôi xin rửa lòng để lắng nghe tất cả những điều ấy.

Chột nhiên người thanh niên cười ha hả, cười hình hích rồi lại cười khà khà. Cười đến chảy nước mắt.

- Ôi chao ôi, ngài tử-kheo, người tốt lắm! Ôi chao ôi, ngài tử-kheo, người tốt lắm. Nhưng để ta coi như thế nào đã...

Người thanh niên đứng dậy, chậm rãi phủi những vết dơ dính dưới khó, sau lưng - rồi đến gần bên Triết Hựu. Y đưa mắt nhìn ngắm chàng, từ đầu đến chân... Sau đó, thân thiện kéo chàng ngồi xuống, cặn kẽ hỏi về tất cả mọi kiến thức, tư duy mà chàng đã tích lũy được... Người thanh niên lại càng chăm chú hơn khi nghe đến những sở đắc mà chàng đã chứng nghiệm...

- Bạn lành! Bạn đã đi lầm đường!

Người thanh niên đột ngột cất tiếng, giọng nói không có vẻ gì là bỡn cợt cả.

- Xin tôn huynh cho biết cao kiến? Triết Hựu dịu dàng hỏi.

Người thanh niên lại xẵng giọng:

- Thật may cho ngài đã gặp được tôi... Nhưng bây giờ thì ngài hãy bỏ đi những từ kiểu cách như cái “tôn huynh” và cái “cao kiến” ấy đi!

Triết Hựu lặng người, quả thật là chàng đã sử dụng những từ có vẻ quá khách sáo... Bèn nói:

- Vâng! Vậy thì xin huynh đài chỉ giáo? Huynh đài bảo tiểu đệ đi làm đường? Quả thật là có thể biết rõ có con đường không làm và có con đường để làm?

- Dẹp đi! Xưa lắm rồi. Đừng nhai lại cái luận điệu ấy nữa. Đừng bắt chước cái luận điệu ấy nữa. Thiệt là xưa như trái đất!

- Xin huynh đài...

- Dẹp đi! Cái đó cũng dẹp đi nữa! Nào là huynh ông, huynh đài, tề sĩ, tiện sĩ, hiền sĩ, tôn giả... Những cái kiểu cách ấy! Những đống phân chữ nghĩa, văn vẻ, khách sáo ấy - vứt đi! Quý nhau lắm thì dùng huynh huynh đệ đệ là được rồi. Nói đi! Muốn nói chi thì nói. Tất cả đều được phép nói, được quyền nói. Nhưng nói sao cho nó dễ nghe, cho nó thanh thoi, đừng gò bó trong danh từ, chữ nghĩa. Đừng lý luận. Mà nói thật, nói thẳng, nói từ trong ruột nói ra. Nói từ tim từ óc. Nói đầy tràn. Nói chất ngất. Nói chân thật. Nói chân tình. Nói tuốt luốt. Nói đi. Nói đi. Ngài tử-kheo! Người bạn lành!

Người thanh niên nở nụ cười thật hiền. Triết Hựu nghe mát lòng mát dạ vô cùng. Và cũng gần gũi, thân thiết người thanh niên kỳ lạ này vô cùng. Gần gũi, thân thiết, yêu thương nhau đâu từ trong vô lượng kiếp.

- Huynh bảo rằng tiểu đệ đi làm đường?

Người thanh niên kéo chàng ngồi xuống:

- Phải. Làm đường thì chắc chắn rồi... nhưng để đó rồi hãy hay...

Nói xong y đưa mắt nhìn quanh quất:

- Mà này bạn lành ơi! Đã đến giờ Ngọ của tử -kheo rồi đấy. Chắc không có gì ăn cả đây chứ?

- Tiểu đệ nhập định chẳng biết.. đã mấy hôm nay rồi.

Người thanh niên cười lớn:

- Phải mà. Phải mà. Ta nói có sai đâu! Nhập đại định, chứng ngộ nhất thể, thể nhập cái ấy chớ gì? Hồng. Hồng. Cái ấy có “xơ múi” gì đâu? Tàn đom đóm mà tưởng mặt trời. Hồng!

Triết Hựu tuy ngạc nhiên nhưng cũng chỉ mỉm cười thâm thoi, chàng nghĩ “ai ăn, người ấy mới biết no!”

- Người em! Đợi một chút nghe. Để lão huynh đi kiếm cái ăn. Một lát thôi. Cái “ghê gớm” kia chẳng “ghê gớm” gì đâu!

Triết Hựu rùng mình, chưa kịp hỏi thì y đã phóng nhanh vào rừng, khỏe như một loài thú núi. Một hồi sau y mang về rất nhiều trái cây và củ rừng.

- Ăn đi, người em, lão đệ! Những thứ này ở “Cuồng phong lâm” của ta đều có sẵn! A! mà này, lão đệ! Con Bràhman của ta đã trở về, ta đã xiềng nó lại. Ta đã xiềng “Đấng ấy” lại!

Cả hai vừa ăn vừa nói chuyện.

- Thế nào là con Bràhman? Và thế nào là “Cuồng phong lâm”? Lão huynh giải thích đi chứ?

- Í à! Xin lỗi! Xin lỗi người em thật tình - y xuýt xoa - Ta có một con cừu, và ta đang dạy cho nó cách làm sư tử, và ta đặt tên cho nó là Bràhman. Ồ! Giản dị vậy thôi! Giản dị xiết bao! Và chẳng, Đấng ấy cũng có hai bản tính, vừa cừu non vừa sư tử? Trong sư tử có cừu non và trong cừu non có sư tử. A! Mà sao ta triết lý ba xu làm gì vậy cà? Ồ! Con cừu của ta, mỗi lần ta dạy cho nó cách làm sư tử trông nó ngô nghê không chịu được. Ngô nghê quá xá cỡ! Ồ! Là cừu thì y cũng chỉ là cừu thôi, mỗi thứ, mỗi loại vẫn “có cái gì là của chính hấn chứ” Ồ! Sao ta không để cho “hấn là chính hấn?” Đây là chuyện Bràhman. Còn chuyện “Cuồng phong lâm” nữa nhỉ. Người ta thường gọi lão huynh đây là Quái-đầu-đà. “Quái” thì phải ở với “Cuồng” thôi, có phải? Giản dị thế thôi!

- Gọi cừu bằng tên của Đấng ấy là điều khiêm nhã, nếu không muốn nói là xúc phạm đến ngài. Tại sao lão huynh không dùng một cái tên khác? Triết Hựu thấy mình cũng thích dùng chữ “lão huynh”, “lão đệ”, và dùng lúc nào không hay.

- Tại lão đệ chết nơi danh từ, chữ nghĩa. Còn lão huynh là kẻ đã vượt qua, đã bỏ chúng mà đi. Tại lão đệ còn dính kẹt nơi hình danh và sắc tướng, còn ta là kẻ đã ở ngoài mọi chân trời! Thôi. Mà khoan đã. Chuyện ấy để sau. Lão đệ hãy ăn đi, ăn một bụng cho thiệt no. Cái rồi còn đi tắm nữa. Lão đệ có ngứa tắm không? Tắm cho nó sạch sẽ mát mẻ. Mà tắm cũng là tự “tướt mình ra khỏi mọi tình đất” hoặc là để cho lỗ chân lông tiếp nhận nguyên khí của trời đất. Tắm không? Bên kia có một con suối. Ồ! Thần tiên làm sao. Ngọt lịm. Ngọt không chịu nổi. Mà trong cũng không chịu nổi. Ồ. Đẹp cũng khiếp đảm. Cứ tưởng tượng là những khi trí óc loạn xạ ngẫu không chịu ở yên, cứ hỏi và đáp, cứ Thượng đế và nhất thể, cứ tiểu ngã và đại ngã, cứ tinh thần và thân xác, cứ địa ngục và thiên đường, cứ... ồm ồm như vậy thì ô-lô-hô... ừm! Đấy! Chúng sẽ đi đời nhà ma!

Lòng của Triết Hựu cũng cảm thấy như mở hội:

- Rồi sau đó, lão huynh còn gỡ giúp cái kẹt cho tiểu đệ với nhé!

- Ồ. Gỡ ngay. Gỡ cứ nhắc nui chứ lị? Tắm không? Đi tắm một “phát”. Lão huynh cũng có một người em, suýt soát như lão đệ vậy, cuộc đời tầm đạo của y cũng ly kỳ gay cán thiên địa trăng sao không chịu được. Ồ thiệt là “hậu sinh khả ứ” làm sao! Tim đạo? Ồ! Cứ như là ngao du trong viễn mộng lãng đãng khói sương vậy thôi. Rồi ta sẽ kể cho nghe. Hay lắm. Hay khiếp đảm!

CHUYỆN KỂ CỦA QUÁI-ĐÀU-ĐÀ

“Trang viện họ Thạch ở về ngoại ô thành Ba-la-nại, kiến trúc theo lối cổ, thời A-dục. Bố cục kết cấu, phương vị, góc cạnh, đường nét, hình thể không tìm thấy là chỉ duy một nền văn minh nào. Hình như là cả một công trình tổng hợp, ẩn tàng nhiều triết lý sâu xa.

Nhìn tổng quát trang viện ta thấy có rất nhiều hình tròn to nhỏ khác nhau, nằm kề bên những hình thể khác nhau. Và chung quanh đa diện là những hình đá chạm nổi chư thần và chư thiên. Chính giữa trang viện được đưa nhô lên cao theo lối hình tháp - nhô lên cao rồi thắt eo lại. Ở vị trí hầu như cực tiểu đó, phóng vọt lên một hình tháp thứ hai, cao chón chở rồi lơ lửng bên hông một khối tròn. Cái cực đại ở đây hầu như được bẻ lại, giảm trừ do một tượng thần nữ Kàlì bốn tay hai mặt. Một tay cầm thanh gươm, một tay xách sọ người - như án ngữ con đường truyền thông, liên lạc với không gian. Chính sự có mặt của thần Kàlì ở đây - như là một phản kháng siêu hình, nói lên một cái gì “không được hình thành, phải bị dang dở”. Vì, thay vì khối tròn phải được tiếp giao ở một trụ thẳng nhọn, lên cao - “bắt buộc” như vậy theo lối kiến trúc Nam phương. Kết cấu toàn bộ kiến trúc là cổ truyền, nhưng những đường nét hoàn toàn bị pha trộn bởi những hình thoi, hình tam giác, đa giác, vay mượn đặc chế của nền văn minh Hy Lạp - tạo nên một sắc thái đặc thù dày công sáng tạo.

Châu xung quanh tháp chính là những toà nhà nhỏ, án ngữ theo phương vị của chòm sao đại hùng tinh. mỗi con sao là những hình khối bát giác nằm trên những nền hình vuông. Tháp cũng thắt eo lại, nở ra khối tròn. Một con rồng vàng ôm quanh khối tròn rồi vươn móng chới với ra giữa không gian. Phương là hình vuông, viên là hình tròn. Phương ở dưới, viên ở trên - rõ ràng là mô phỏng hình dáng con Rùa (lưng tròn bụng vuông) của vua Thần Hy trong huyền sử kinh dịch Trung Hoa. Hình tròn là thái cực. Rồng là một con vật thiêng liêng tượng trưng cho sự tương giao hoà bình giữa âm dương, kiên và khôn, con người và đạo - vì thủy tổ của rồng là rắn (Xà hóa Long). Rắn ở dưới đất, rồng ở trên trời. Rồng và thái cực là của văn minh cực đông - nhưng rồng mà ôm thái cực cũng là một phản kháng siêu hình khác, nếu không muốn nói là ngạo khí của một sinh vật hữu hạn muốn ôm tròn vô hạn?

Hai phản kháng siêu hình nói lên một thực tại cực kỳ mâu thuẫn: sự hữu hạn không bao giờ được phép vươn lên vô hạn (Thần hủy diệt đứng án ngữ con đường truyền thông). Và sự hữu hạn (khi đã thâm hội mật nghĩa hòa bình âm dương tượng trưng là rồng) thì có thể ôm gọn lớn vô hạn (thái cực) ở trong lòng.

Còn tượng trưng của chòm sao đại hùng tinh và bắc đẩu là gì? Hướng bắc có phải là cội nguồn của sắc tộc Aryen, của giới cấp bà-la-môn được ân sủng

của thánh kinh Vệ-đà, từ phương bắc đổ xuống xâm lấn dân bản xứ Dravidiens? Hướng bắc là hãy trở về nguồn, ai trở về nhà này, hay mỗi người hãy tự trở về nguồn cội? Hay hơn thế nữa, kêu gọi một sự thăm dò tận nguyên tính? Ý thức cái quê hương sơ thủy đã rơi mất của mỗi hiện hữu?

Còn một mặt nghĩa nào về hướng bắc nữa không? Các rợ Mãn, Mông, Nguyên, Thanh xâm lấn bình nguyên Trung Hoa, chiếm lấy nền văn minh nông nghiệp của Phục Hy, Thần Nông, Kinh Dịch - để bây giờ các dân tộc phương đông thuở xưa cùng một gốc nguồn, không còn nhìn thấy anh em cùng thủy tổ?

Một sự phân hóa do óc chinh phục thiên nhiên - chinh phục chứ không phải là hài hòa - để tạo nên các trạng thái phân ly giữa con người và thiên nhiên, giữa con người và xã hội, giữa tự thể và tha thể?

“Dương trung hữu âm căn, âm trung hữu dương căn”, do vậy, dương là cái mạnh hình thức bên ngoài mà yếu cái bên trong, còn âm có nội lực vững vàng bên trong (dương) mà yếu cái bên ngoài. Trở về bắc cũng là một phản kháng siêu hình khác nữa: Đảo lộn toàn bộ sự vận hành của vũ trụ. Mà vũ trụ tất không thể đảo lộn, nó “như vậy là như vậy” từ vô thủy đến vô chung. Vậy thì đây có phải là “đảo lộn lại cái nhìn”? Cái nhìn của tuệ giác, ở một cấp độ nào đó của tâm linh, lật ngược dòng, nhìn ngược chiều - lật ngược tất cả mọi tư duy, quan kiến, thói quen, kinh nghiệm, truyền thống, lịch sử, thời đại, hiểu biết - để đến bờ kia, xuất ra ngoài cái không thể xuất vừa tại vừa siêu, sinh diệt mà hữu tồn, không mà tức sắc?

Mười tám năm rồi, kiến trúc của toàn bộ trang viện để lại không biết bao nhiêu dấu hỏi trong óc mọi người. Trên kia là những câu trả lời, những luận giải hoặc là những nghi vấn của một vài thức giả có thẩm quyền về kiến thức. Vì trang chủ là một nhà đạo đức, thông thái; cùng người bạn của ông ta, kẻ kiến tạo ra nó là một điêu khắc gia, một kiến trúc sư, một nghệ sĩ, một nhà thơ, một hành giả Yogi - những nhân vật như vậy không thể tạo tác một công trình vô ý nghĩa! Mà ý nghĩa ở “đại thể” thì nhìn thấy, nhìn ở phương vị nào cũng thấy, cấp độ tâm linh nào cũng thấy, nhưng đi vào từng phần chi tiết, từng cá thể, từng bộ phận thì mông lung mờ mịt - không biết nó tượng trưng cho cái gì, nói lên cái gì - đôi khi trông có vẻ rời rạc và thừa thãi nữa. Có những hiện hữu trông có vẻ tương quan với nhau, nhưng đồng thời chúng cũng có vẻ phủ nhận nhau. Vừa chấp nhận vừa chối bỏ! Không có thể xác định một hiện hữu ở ngoài mọi tương quan, nhưng đồng thời, từng bộ phận riêng lẻ vẫn hàm tàng một cái gì độc lập, tự chủ, riêng là nó, tự nó đã có ý nghĩa đặc thù, nói lên ý nghĩa cá biệt!

Dấu hỏi to lớn hơn là hình như công trình của tòa trang viện chưa hẳn là đã hoàn bị! Ở mỗi nơi hình như còn thiếu cái gì đó mà không biết thiếu cái gì. Nếu một nghệ sĩ giàu óc tưởng tượng thì y có thể tùy ý ghép thêm vào tòa

kiến trúc bất cứ hình thể nào, đường nét gì - mà tòa kiến trúc vẫn không vì thế bị sai lệch ý nghĩa. Từ một ý nghĩa cố định nó khơi mở biết bao nhiêu ý nghĩa khác - nó là vậy nhưng không chắc chắn là phải vậy, nó có thể khác - Đây là bài toán nhức óc của tòa trang viện họ Thạch - mà chưa có lời giải nào là sai cũng chưa có lời giải nào là đúng.

Đã mười tám năm rồi.

Một đêm kia, trang chủ họ Thạch gọi con trai đến nói chuyện:

- Con ạ! Đã mười tám năm nay, cha đợi chờ phút giây này - phút giây con đúng mười tám tuổi - để kể lại một chuyện xưa. Chuyện xưa nhưng mà nay, nhưng mà còn mãi. Con yêu quý, hãy lắng nghe!

Con trai trang chủ là một thanh niên mặt ngọc, nước da xanh, ốm yếu, mảnh mai, đặc biệt là có đôi mắt rất sáng - lóng lánh như có thần - Y chăm chú nhìn cha, lễ độ, im lặng.

- Con có khả năng về hội họa. Hội họa chỉ là sự mô phỏng thiên nhiên, bắt chước công trình sáng tạo của thần Bràhma. Ở phương diện ấy, hội họa mang ý nghĩa siêu hình: giữa con người với đời sống tại thế hữu hạn, sự diễn đạt khuôn đong và hữu hạn - cùng thiên nhiên với sự bao la chón chở, siêu nhiên, xuất thế và vô hạn của nó. Nói theo thuật ngữ truyền thống Vệ-đà là giữa Atman và Bràhman, giữa tiểu ngã và đại ngã. Cả hai bên có sự liên hệ với nhau như thế nào? Đó là bước lần tìm của triết học, của tôn giáo, cũng là chất liệu gợi hứng vô biên cho các nghệ sĩ gia về điêu khắc, hội họa, văn chương, thi ca...

Như con thấy, công trình của tòa trang viện này được sinh ra trong tinh thần đó, thuở cha mẹ vừa hứa hôn. Người sáng tạo là một nghệ sĩ uông việt, tài hoa, một nhà tư tưởng và cũng là một hành giả Yogi danh tiếng lẫy lừng. Y như là một con người toàn diện. Cha có một người bạn như vậy cũng hãnh diện, suốt một đời, hay còn hơn thế nữa.

Con ơi! Một đêm kia, sau cuộc đàm đạo giữa chúng ta, lão nghệ sĩ nói với cha rằng:

- Thạch lão đệ! Chúng ta là những hiện hữu bất toàn trong thế giới bất toàn. Nhưng nhờ bất toàn thế giới mới vĩnh cửu. Từ xưa đến nay, Thạch lão đệ có thấy một vĩ nhân, một siêu nhân nào để lại đời đời một tác phẩm bất toàn chưa? Bất toàn trong ý nghĩa “thành tựu cái bất toàn” chứ không phải chịu ở dưới định luật bất toàn?

- Xin lão huynh chỉ giáo?

- Mọi công trình, sáng tạo phẩm của nhân loại đều đã thành hình, đã hoàn tất? Đấng giáo chủ nào đó đã hoàn tất một hệ thống giáo lý. Đấng đạo sư nào đó đã hết bản phận dẫn dắt môn đồ. Nhà giáo dục khởi thảo xong một quy chế, một chương trình đào tạo. Một người cha đã hết trách nhiệm với người con. Nhà văn buông bỏ cái bút xuống sau một tác phẩm dài ngày. Ta

vừa xong một cuộc đàm đạo. Đứa tớ gái đã nấu xong một bữa cơm... Phải thế? Phải thế? Tất cả đều ước mong đi về cái hoàn tất, cái thành tựu. Dù được hay không được, nhân loại cũng chạy đua về cái hoàn tất ấy. Họ bảo, chỉ có điều ấy mới nói lên giá trị tại thế trong tương quan giữa con người và lịch sử...! Một cơn mưa đã tạnh. Mặt trời đã gác sau chân núi. Cây cối đã cho hoa và lá trong mùa xuân. Con rùa biển đã sinh xong trứng giữa bãi cát... Phải thế? Phải thế? Vì tất cả đã hoàn tất nên sau đó là sự chết! Phải, nếu không là sự chết thì cũng là những trạng thái gì tương tự như thế! Là những cái gì tiếp diễn ngay sau đó. Là sự suy đồi, là thoái hóa, là hỗn loạn, là ly biệt, là xa căn, một chuyển trạng, sự buồn nản, cái no ứ, màu vàng, cằn cỗi, tử vong và đau khổ... Phải mà! Sau cái hoàn tất là sự trống rỗng, cái thất nghiệp, cái thờ thẩn khi không có việc gì làm..., là gì đi nữa thì cũng hàm ẩn ý nghĩa tương tự: sự chết!

Lão đệ ơi! Cái thế giới này thật kỳ lạ! Nó mà yà làm sao ấy! Nó luôn luôn tập trung nỗ lực, ý chí chiến đấu để đạt mục đích: cái hoàn toàn. Nhưng khi đạt cái hoàn toàn là gì? Là sự chết! Chân lý của nó là gì? Tranh đua để đi tìm cái chết! Không kỳ lạ sao chứ? Thế giới này nó như vậy đấy! Vô ích, vô vọng và xuẩn ngốc như vậy đấy!

Con ơi! Lão nghệ sĩ đã làm kích động tâm ta dữ dội... Cái nhìn của lão kỳ dị quá. Lão đã làm sáng lại kinh điển, cái sự sống và cái bề sâu. Có cái gì quá mới mẻ phía sau ngôn ngữ ấy làm cho ta run lên, hốt hoảng. Ta không biết mình đang đứng ở đâu, hiện hữu ở thế giới nào? Ôi! Ta chân không và ngộp thở.

Qua thời gian uống cạn một chung trà, đôi mắt lão nghệ sĩ sáng rực lên, người lão như to lớn hơn, giọng nói xuyên sâu hơn, như một mũi tên lao thẳng vào vùng tâm linh dày đặc của ta! Ôi! Tiếng nói ấy!

- Bản phận cuối cùng và tốt bậc của nghệ sĩ là “lao thẳng vào dòng sông bất tử, uống cạn giọt nước đầu nguồn”, tạo cái sinh động nhịp nhàng cho thế giới tĩnh chỉ, ngưng đặc của hiện hữu.

Lão nghệ sĩ lại im lặng, khoảng cách im lặng chỉ như vừa đủ thời gian ngưng tất của một gợn sóng trên mặt hồ.

Lão đệ ơi! Có những khi ta đứng rất lâu nhìn vào một khoảng mờ trên đỉnh núi - khoảng mờ do sương, tuyết hoặc mây. Khoảng mờ ấy được dấu kín và óc tưởng tượng của ta được tự do bay nhảy, luận lý, dự đoán, phỏng chừng, xác định! Thế giới đó vì là thế giới chưa biết - nên thật là muôn màu và vô hạn! Phải vậy không? Thế giới ấy không bao giờ chết, nó sống mãi, nó sống mãi theo với cái óc tưởng tượng của con người! Óc tưởng tượng của con người phong phú chừng nào, phức tạp chừng nào - thì thế giới ấy cứ y như vậy được sinh ra... sinh ra mãi... vô cùng vô tận... Và ta cũng được thẩm quyền tranh cãi với nhau mà không ai dám bảo người khác sai, cũng chẳng

dám khẳng định là mình đúng. Nếu thật sự có người đã đến nơi vén mở khoảng mờ ấy - nếu quả có điều đó thật - thì y cũng ra đi với sự bí mật trong lòng, vì nếu có năm kẻ mù sờ voi thì y cũng chỉ là kẻ mù thứ sáu thôi - thế gian sẽ bảo y như thế!

Một tòa kiến trúc, một tác phẩm - giá trị ở chính khoảng mờ, hoặc là cái không hiện hữu lộ liễu, trần trụi mà người ta có thể chụp bắt được bằng giác quan. Phía sau đời sống, là khoảng mờ ấy. Là sự chết. Ta không biết gì về phía đằng sau nó cả. Ôi! Vì vậy mà nó mới vĩnh cửu, hấp dẫn và lôi cuốn xiết bao!

Con ạ! Khi ấy ta không hiểu rõ ràng lắm những điều lão nghệ sĩ nói. Những lý luận của lão nghệ sĩ quá thiên về tổng hợp, nên cũng mù mờ như chính cuộc đời mù mờ của lão. Ta hoàn toàn không chụp bắt được khoảng mờ ấy!

- A... ha... ha...! Nhưng phía sau các cuộc hoàn tất là sự chết, đồng thời không là sự sống sao? Một giáo lý, một chế độ chính trị, một tác phẩm, một bữa cơm, chiếc trứng của rùa trên hoang đảo? Ấy không là bắt đầu những sinh hoạt trần gian sao? Không là sự sống sao? Ôi! Bí mật ở đây, màu nhiệm ở đây mà mà yà cũng chính là ở đây!

- Thạch lão đệ! Ai cũng làm cái việc hoàn thành thì lão sẽ để lại một tác phẩm “không hoàn thành”! Ai cũng khổ cầu cái hoàn toàn thì lão sẽ để lại một tác phẩm bất toàn! Hà... hà! Trước khi “trở về nguồn cội”, thì ta sẽ: “Thành tựu một cái bất toàn, nói lên giá trị bất toàn trong cái toàn thể bất toàn. Ấy là cái mà bên Phật giáo có vị Phật gọi là Bất Không Thành Tựu Như Lai vậy...”

Nhưng... Hỡi ôi!

Kẻ đến ngang đó, trang chủ họ Thạch im lặng một cách đột ngột. Người thiếu niên anh tuấn bờ ngõ nhìn cha, thấy trong đôi mắt của lão trang chủ ứa ra hai hàng lệ đỏ. Y kính trọng niềm xúc động ấy của cha nên không tò mò hỏi han gì. Lặng lẽ, chờ đợi...

- Lão nghệ sĩ giữ đúng lời hứa, nghĩa là trang viện này được thành tựu trong ý nghĩa “không thành tựu”. Nhưng hỡi ôi! Cũng chính vì thành tựu “cái bất toàn” đó nên lão nghệ sĩ đã ra đi. Đã ra đi vĩnh viễn.

Người thiếu niên anh tuấn hai mắt chột sáng lên, lóng lánh một cách kỳ lạ, nhưng chỉ một thoáng sau đã trở lại bình thường. Y vẫn không hề hỏi một tiếng nào!

- Trang viện được khánh hạ đúng vào ngày cha mẹ thành hôn. Người ta đến dự lễ rất đông. Hình như có đủ cả các giới tai mắt thành Ba-la-nại, một phần vì nể lời mời của cha, một phần là để chiêm ngưỡng công trình kiến trúc kỳ dị của lão nghệ sĩ. Trong lúc mọi người đang trầm trồ bàn tán, khen cái đường nét này, thắc mắc cái bố cục kia... thì lão nghệ sĩ từ trên lầu cao chạy

xuống, khuôn mặt tái xanh, thở hổn hển. Lão chạy tới chạy lui, nhìn phía bên này tháp, nhìn phía bên kia tháp, rồi đột ngột la lớn:

- Ta phải làm cho nó “không được thành tựu”, ta phải làm cho nó “đúng thực là bất toàn”.

Chẳng ai hiểu ý lão nghệ sĩ muốn nói gì. Khi ấy lão đang cầm trong tay một cái búa lớn, ý chừng như đang định đập phá một cái gì! Mọi người hết hoảng đở xô lại hỏi nguyên cớ hoặc tìm cách ngăn cản. Cha đến gặp lão đúng lúc ấy Lão nói chậm rãi, tinh trí, sáng suốt:

- Ta đã phản bội thần Shìva, đồng thời lại phản bội luôn cả thần Vichnou. Lão đệ ơi! Đáng lý ra ta không còn trở lại trần gian này nữa, bởi không còn việc để làm, bởi tâm thức không hề còn mảy may dính líu một sự việc gì đang còn dang dở. Ân oán giang hồ, tình nghĩa áo cơm ta đã hoàn tất. Ta cứ tưởng là tâm ta đã niết-bàn. Nhưng hồi ôi! Bây giờ thì hỏng rồi! Ta phải trở lại trần gian mất thôi. Ta phải trở lại để làm lại từ đầu. Từ đầu, nghĩa là tiếp tục lại cái gì đang còn dang dở! Thành tựu cái bất toàn! Nhưng thật ra - đã gọi là bất toàn thì làm sao thành tựu? Vậy mà ta lại đã tự đắc ngông cuồng muốn thành tựu cái bất toàn! Ôi! Khôi hài chưa? Ngu xuẩn chưa? Lý luận đã làm cho ta tử sinh. Trí thức đã làm cho ta luân hồi. Sự khôn ngoan đã làm cho ta vô minh, đại dột.

Lão nghệ sĩ lả ra trong tay mọi người. Chẳng mấy người hiểu rõ cái thâm sâu vô lượng trong cái ưu tư của lão nghệ sĩ. Sau khi được cứu tỉnh, Lão lại đứng đăm đăm nhìn trang viện, nhìn không chớp mắt. Lão đứng bất động như vậy rất lâu.

Con ơi! Cha rất ăn năn là không được gặp lão nghệ sĩ lần cuối cùng. Cả ngày hôm đó cha phải bận bịu với rất nhiều lễ lượt phiền phức, tiếp đón khách khứa, họ hàng, cho đến khi công việc tạm ngưng dứt thì gia nhân cho biết là lão nghệ sĩ đã ra đi. Lão gọi lời vĩnh biệt! Lão vào rừng? Vào non cao động vắng để ẩn tích mai danh? Vào sơn cùng thủy tận để thành tựu đạo lớn? Nào ai biết được. Nhưng quả thật, con ơi, từ độ ấy, cha đã mất đi một người bạn khả kính! Một người bạn mà, từ tuổi tác đến đức hạnh, đến trí tài, đều đáng bậc huynh trưởng hay hơn thế nữa: bậc thúc phụ!

Bí mật, nguyên do của sự ra đi của lão nghệ sĩ còn ẩn kín đến nay. Chẳng biết là có ẩn kín trong chiếc hộp này không, thì chỉ có con may ra mới hiểu được!

Nói xong, lão trang chủ lấy ra một hộp vuông vức, chiếc xinh xắn, trịnh trọng để lên bàn, trước mặt người con trai. Thấy hộp như thấy lại người xưa, lão lại cảm xúc để rơi vài giọt lệ.

- Gia nhân trao lại cho cha chiếc hộp này với lời dặn dò kỳ lạ của lão nghệ sĩ: “Nếu bí mật của sự chết, nếu bí mật của “khoảng mờ” mà ta tiên tri không lầm lạc, thì mười tám năm sau, lão đệ hãy trao chiếc hộp này cho

người con trai rồi hãy kể câu chuyện về tòa trang viện, về cuộc đời của lão nghệ-sĩ-bất-toàn này cho y nghe... Rồi chỉ có y mới là kẻ có thẩm quyền về sự bất tử! “Con ạ! Hôm nay, gọi con đến đây, là để ta hoàn thành tâm nguyện của người xưa, chiếc hộp này, cha chưa dám mở lấy một lần!”

Người thiếu niên anh tuấn kính cẩn đưa tay nhận chiếc hộp, nét mặt thoáng chốc biến đổi. Y đã hai lần đổi sắc mặt từ khi ngồi hầu chuyện đến bây giờ.

Mười tám năm trôi qua rồi, mà con ơi, thiệt như là giấc mộng đầu hôm. Lão nghệ sĩ ra đi mà để lại cho không biết bao nhiêu người dân thành Ba-la-nại những nghi vấn cũng như những cảm hoài xa xót. Cha lại nôn nóng đợi chờ đến phút giây này biết bao nhiêu? Tại sao lão nghệ sĩ lại biết rằng, cha sẽ có con trai đầu lòng? Và bí mật chiếc hộp lại là bí mật “sự chết”, bí mật của “khoảng mờ” mà chính tự thân con biết? Kẻ có liên hệ gì không đến lão? Cha nghĩ rằng, nếu lão nghệ sĩ nói đúng, thì con sẽ là kẻ tiếp tục một tiên tri từ quá khứ, con là kẻ đi nốt đoạn đường của lão nghệ sĩ đang còn dang dở, phải chăng? Hay chính con là hậu thân của lão nghệ sĩ?

Người thiếu niên anh tuấn không trả lời câu hỏi của người cha vội. Y vẫn vờ, nhìn ngắm chiếc hộp ở trong tay mãi. Sắc mặt y thay đổi mấy lần. Rồi y lại nhắm mắt lại. Rất lâu. Khi mở mắt ra, y ngừng đầu nhìn nóc tháp rồi nói:

- Hình như tất cả ngọn nguồn của vấn đề là ở nơi thanh gươm của đức huyền mẫu Kàli, phía chóp nóc tháp chính. Cha có khi nào nghĩ như thế không?

Y vẫn chưa mở hộp ra. Và đây là câu nói đầu tiên của y.

- Con ơi! Cha cũng biết một phần! Mười lăm năm trước đây, cha thường thắc mắc tại sao lão nghệ sĩ lại bố trí đức huyền mẫu Kàli và thanh gươm ở đó – ở cái phần mà nó phải vươn lên cao bởi một trụ thẳng vót để tiếp giao luồng linh điển của vũ trụ! Lão nghệ sĩ đã chặt đứt mối cảm thông, cảm ứng của đất trời bởi bà vợ của đức thần hủy diệt Shiva. Câu hỏi phổ thông của mọi người là, công trình ở nóc tháp hình như chưa được hoàn thành. Con ơi, thật là kỳ diệu làm sao - một đêm kia, cha mới “thật sự hiểu thế nào là sự dang dở, sự bất toàn” hoặc tất cả những ẩn nghĩa trong câu chuyện xa xưa của lão nghệ sĩ.

Người thiếu niên anh tuấn chột nhứ mày nghĩ ngợi một lúc rồi hỏi:

- Xin cha hãy nói cho con nghe về tất cả những gì mà cha gọi rằng hiểu, rằng biết - về những gì mà cha đã từng tư duy sâu kín nhất mà cha chưa hề nói với ai. Con cần nghe tất cả những điều ấy.

- Nói chứ. Nói chứ. - Lão trang chủ thấy vẻ mặt nghiêm trọng của con, vội vã trả lời - Con yêu quý! Cha sẽ nói hết. À! Nói bắt đầu từ chỗ nào nhỉ. À! Thôi! Cứ nói hết. Nói bắt đầu từ khi con mới ba tuổi. Phải! Lúc ấy, con mới chập chững biết đi. Cách đây đã mười lăm năm! Cái hôm gặp lão

khách thương kỳ lạ ấy. Phải. Bắt đầu từ hôm ấy, cha mới lãnh hội thấm thía ý nghĩa về sự bất toàn, dang dở của cuộc đời....

Lão trang chủ tăng hắng lấy giọng rồi bắt đầu kể:

- Thuở đó, con vừa chập chững biết đi. Hôm ấy có người khách thương từ miền xa đến, y mang rất nhiều hàng hóa, có trên một trăm cỗ xe. Tất cả hàng hóa đều là vật quý, có rất nhiều thứ được sản xuất ở nước ngoài. Người ta để ý nhiều nhất là những hàng tơ lụa và những tấm thảm.

Cha có mặt trong những người đi xem và để ý một tấm thảm thêu những con rồng vàng. Đây là sản phẩm của Trung Quốc và là đồ ngự dụng, con nhà dân giả thường không được phép dùng. Thấy con rồng vàng, cha chợt nghĩ đến lão nghệ sĩ, đã một thời bôn ba sang vương quốc ấy để đọc thi và đọc dịch. Thấy vật, tưởng đến người xưa, cha có ý định mua tấm thảm ấy để an trí vào nơi tôn nghiêm nhất - hoặc là nơi thờ tự - nó ở nơi phía thượng lầu tây - nhìn ra khoảng núi rừng trùng điệp... Cha bèn trả giá để mua thì người khách thương cười khinh không trả lời. Hồi lâu, hình như khó chịu vì cha cứ trả giá cả, y hỏi một cách xác xược rằng: ông có được bao nhiêu đồng tiền vàng? Gia đình ta tuy không giàu có hơn ai nhưng cũng thuộc hàng trưởng giả chứ - thế là cha xin trả một ngàn đồng tiền vàng - số tiền ấy là cả một phần gia tài của ta rồi. Ban đầu y cũng tỏ vẻ ngạc nhiên, Nhưng sau y vẫn lắc đầu, bảo rằng, cho dù mười ngàn đồng tiền vàng nữa y cũng không bán. Mười ngàn đồng tiền vàng? Quả là không thể tưởng tượng được. Thế là cha đành tiếc rẻ và trở về nhà.

Đêm đó, trời đổ mưa. Cha vừa cầu kinh xong thì gia nhân vào cho biết là có một người khách xin được gặp mặt. Sau khi uống cạn ly nước thánh cha đến phòng khách thì thấy người khách thương đang ngồi chờ. Quả là kỳ lạ. Y đã tìm đến nhà. Và là để bán tấm thảm chăng?

- Chẳng hay ông đã đổi ý kiến? Một ngàn đồng tiền vàng - để mua một tấm thảm! Hẳn không phải ai cũng có thể làm được?

- Không. Tôi không phải đến đây để bán tấm thảm. Ông làm! Tôi đến cũng không phải vì một ngàn đồng tiền vàng. Ông làm! Bỏ ra cả một phần gia tài để mua một tấm thảm xa xỉ, đây không là điều ngạc nhiên đáng tìm hiểu sao?

- Hóa ra ông đến chỉ vì ngạc nhiên mà tìm hiểu thôi sao?

- Phải! Tôi đến chỉ để tìm hiểu rằng, quý phu nhân xấu đến mức nào, hung dữ đến mức nào mà ông phải bỏ ra số tiền lớn để mua tấm thảm ấy?

Tưởng tai mình nghe lầm, cha gặng hỏi lại:

- Ông đến để tìm hiểu rằng, hiền thê của tôi xấu đến mức nào và hung dữ thế nào sao? Sao kỳ vậy? Chuyện ấy nó có liên hệ gì đến tấm thảm và những ngàn đồng tiền vàng?

- Có chứ. Có chứ. Nếu không muốn nói là chỉ có điều ấy mới liên hệ! Ông không biết sao, tôi là một người đàn ông diễm phúc. Diễm phúc vì có một người vợ xấu như ma, lại hung dữ như quỷ. Từ khi lấy nàng về, vì mang phải cái nghiệp nghèo nên tôi luôn bị nàng đánh đập và chửi rủa. Nàng chửi mắng tôi là hạng cùng đinh, lại không có tài, không có chí, không có công danh sự nghiệp. Tôi phải đi làm ăn xa. Năm thứ nhất, tôi đem về cho nàng hai mươi đồng tiền vàng dành dụm được. Nàng bắt tôi nhốt vào phòng tối và mỗi ngày được ăn ba nắm cơm muối và được đánh đập ba lần. Năm thứ hai tôi lặn lội suốt năm trên rừng kiếm gà voi, sừng tê giác, gạc nhung, cao hổ cốt, mật ong và trầm. Tôi đem về cho nàng được ba trăm đồng tiền vàng. Tưởng là sẽ được đền bù xứng đáng, ai ngờ nàng lại cho tôi một trận đòn nên thân! Nàng nói: Nam nhi người ta chí khí phải bay xa ngàn dặm, sức vượt kinh ngư - còn nam nhi của anh chỉ đo bằng ba trăm và hai chục đồng tiền vàng, không hơn thế được! Sau lần thứ hai đó, tủ nhục và ê chề quá, tôi đi thẳng, đi xa, đi mãi miết - quyết là phải có gia tài trăm vạn tôi mới trở về! Người khách thương chợt ngược lên nhìn cha với đôi mắt mệt mỏi. Bây giờ cha mới để ý là y đã dày dạn và phong sương quá đỗi; vùng trán đã cày những vết nhăn quá sâu, nước da đen sạm mà người ta có thể bóc ra ở trên đó - mùi muối mặn của biển, nắng của sa mạc, bụi trần và ngày tháng.

- Ông chủ! Bây giờ gia tài tôi đã có trăm vạn sau hơn ba mươi năm bôn ba lưu lạc xứ người. Tôi giàu đến độ không còn muốn giàu nữa. Và có một điều làm cho tôi bản thân suy nghĩ bấy nay, là không biết bây giờ mình sống để làm gì? Bà vợ sứ của tôi quy đã chết. Tôi không biết trả thù ai, tôi không biết mang gia tài này về xứ để làm gì! Tôi tưởng rằng vợ tôi sẽ chóa mắt, sẽ kinh hãi bởi chí nam nhi của tôi, chí lấp bể vá trời! Tôi đã lặn lội vào triều đình Trung Quốc, bỏ ra hai chục ngàn đồng tiền vàng để mua tám thảm kia - và cả rất nhiều đồ ngự dụng nữa - cốt là để mang về biếu nàng, biếu người vợ ma quỷ của tôi. Ôi! Tám thảm ấy mà dùng để cho nàng lót chân thì tương xứng biết bao nhiêu! Thế mà! Ôi! Vợ tôi đã chết! Nàng đã chết thì đời này, tôi chẳng còn gì là sinh thú nữa!

Người khách buôn già thở dài não ruột. Cha đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Quả thật, phía bên ngoài chân trời có nhiều điều vượt quá sức tưởng tượng của con người. Mới mẻ biết bao! Kỳ dị biết bao! Trường hợp một người đàn bà, không hẳn là trường hợp của tất cả các người đàn bà - cái định kiến thường đem người ta đến những lầm lẫn tai hại.

Con ạ! Sau đó, người khách buôn già cho chúng ta chiếc thảm ấy, y không lấy đồng nào. - Diễm phúc thay cho những ai có bà vợ xấu xa và hung dữ để phấn đấu với cuộc đời - y nói - Các nàng cần phải được biếu những vật quý giá hơn thế nữa trên thế gian. Gia tài này của ông chủ, tựu trung cũng nhờ nàng, có phải?

Con ơi! Cha biết trả lời làm sao cho người khách thương ngu si tội nghiệp ấy hiểu rõ cái lầm lẫn tai hại của y? Cha chỉ nhìn y xót xa, im lặng. Sau rồi y nói tiếp:

- Nếu nàng yêu thương chịu chuộc tôi, thì tôi đâu có cơ hội đi đó đi đây để biết những chân trời xa rộng, sa mạc, đại dương, sông hồ và núi non hùng vĩ? Lại biết được cả những quốc độ có những kinh thành hoa lệ, có cả yêu thương đùm bọc lẫn cả tình đời phản trắc? Ồ! Tôi đã học được không biết là bao nhiêu, tôi thấy, tôi nghe, tôi nhìn cũng không biết là bao nhiêu. Nhiều lắm! Ông chủ ơi! Nếu không có nàng thì tôi chỉ là gã đàn ông hủ lậu quê mùa, lại chỉ là tên cùn đing tay trắng hạ tiện. Cho hay, cái gì là hung dữ, xấu xa, độc ác - đều là nguyên nhân hoặc là lộ trình tiến thân - cho nam nhi trên đời này cả. Nhưng mà ông chủ ạ! Nếu vợ tôi đừng chết?

Đến đây cha mới bắt đầu để y vì trong câu nói của y đã hàm ẩn sự khôn ngoan của kinh nghiệm sống. Cha bèn hỏi:

- Nếu vợ ông không chết thì sao? Ông hãy nói tiếp đi?

- Chẳng sao cả! Nếu vợ tôi không chết, thế thôi! Nếu vợ tôi không chết và con đường thương mãi của tôi cứ lờ rờ cứ lổ? Cứ lờ, cứ lổ rồi tiếp diễn mãi như thế, tiếp diễn mãi không cùng. Đừng thành công! Đừng đến đoạn cuối. Đừng chấm dứt với gia tài hàng trăm vạn thì hay biết bao nhiêu? Có gia tài hàng trăm vạn trong tay là đồng nghĩa với sự buồn nản, khổ đau và sự chết. Tôi không còn sống được nữa ông chủ ạ! Sống thì phải làm gì, còn tôi là kẻ không còn biết sống để làm gì!

Con ơi! Thật là kỳ dị xiết bao! Con có thể tưởng tượng được điều này không: Thế là ý nghĩa ẩn mật sâu xa về sự bất toàn và sự không thành tựu của lão nghệ sĩ - cha đã tìm được lời giải ở nơi câu chuyện của lão khách thương ngớ ngẩn ấy!

Lão trang chủ kể đến ngang đây thì dừng. Thiếu niên nói:

- Con cũng hiểu, thưa cha! Nhưng hình như cha vẫn còn muốn nói thêm gì về điều ấy nữa chứ?

- Phải mà! Cha còn muốn nói nữa. Ngày hôm sau, lão khách thương đã tự tử bên đồng hàng hóa trăm vạn của y. Rồi câu chuyện được truyền tụng không ngớt qua cửa miệng của mọi người.

Ôi! Cấm cảnh thay thân phận của một kiếp người. Tối hôm sau, nhân một đêm trăng sáng, cha cứ đi thơ thẩn mãi ngoài vườn không ngủ được. Hình ảnh và câu chuyện của lão khách thương ám ảnh cha dữ dội. Hóa ra, con người, suốt đời chiến đấu được là nhờ động lực của hư vô! Lão khách thương suốt ba mươi năm bị đẩy bật ra khắp góc bể chân trời là nhờ cái “không thành”. Nhờ cái “không thành” thì y mới sống! Cái không thành, cái không thành, cha lẩm nhẩm trong miệng như vậy rồi ngược mắt lên nhìn nóc tháp. Một luồng điện xẹt qua và rung động trọn vẹn tâm thức của cha. Đức

thần hủy diệt và thanh gươm ở đấy đang lấp lánh dưới ánh trăng, huy hoàng và rạng rỡ làm sao. Nhờ có ngài thì đời sống này mới tiếp diễn được liên tục, mới có thể giới và sự vĩnh cửu. Sự bất toàn mà lão nghệ sĩ đã cru mang một đời có phảng phất dấu hiệu của “ý thức trầm luân” như cha vừa thấy đấy không? Một cái gì phản nghịch quá với tuyệt đối, như là một cái gì “khước từ tuyệt đối”, để cam phận, hoặc reo ca, dù hãi hùng, dù bi tráng, nước mắt hoặc tử vong, khơi vơi và viễn mộng - nghĩa là chấp nhận trọn vẹn dòng đời, lòng đời hữu hạn, dù nó có thông khổ thể lương đến mấy chăng nữa?

Con ơi! Con hiểu ý cha muốn nói gì chứ? Sự bất toàn và vĩnh cửu, lão nghệ sĩ có nghĩ như thế không? Nỗi đau đớn hoằng viễn của lão vào lúc cuối đời có còn để lại một dấu tích nào bên trong chiếc hộp kia không? Và về sự bất toàn, duy nhất chỉ có từng ấy hay là còn gì khác nữa?

Thiếu niên anh tuấn chột nhếch môi cười:

- Cha đã ngộ về sự bất toàn ấy, con rất vui mừng. Còn lão nghệ sĩ, thừa cha, y chỉ là kẻ loay hoay. Kẻ đang còn tìm kiếm.

Người cha ngạc nhiên:

- Hóa ra con cũng đã từng tư duy về những điều tương tự ư?

- Thừa cha! Phải. - Người thiếu niên gật đầu mạnh mẽ - Con là một họa sĩ nửa vôi, nửa mùa - ai cũng thường bảo con như thế. Thừa cha, bởi là họa sĩ, kẻ chuyên mô phỏng thiên nhiên, bắt chước thiên nhiên, đúng như cha nói - nên không có hình ảnh nào của ngoại giới mà con không chụp bắt với đôi mắt thịt của con, đôi khi bằng cả tâm nhãn nữa. Tòa trang viện này, là vật đã liên hệ thiết cốt với con trong mười tám năm nay. Con cùng nói, cùng thờ và cùng vui buồn với tác phẩm bất toàn này, từ khi có nhận thức và tư duy. Con đã hiểu từ trong thâm sâu trực giác, rằng là nó với con cùng chung một sinh mệnh. Có nó thì con mới hiện hữu và ngược lại. Trực giác này nó mạnh mẽ dường bao? Mạnh mẽ như một xác tín, một khẳng định mà không biết nguyên do tại đâu: Con không hiểu. Con không cần hiểu. Thừa cha, cũng vì vậy, nhờ nó mà con đã hoàn thành những bức tranh tuyệt mỹ và vĩ đại - nếu không muốn nói là cổ kim hạn hữu.

Người cha chột cười xòa:

- Những tác phẩm vĩ đại? Con có nói giỡn không chứ? Những bức tranh với dăm ba đường nét không thành hình của con, vẽ xong rồi lại xé bỏ?

Giọng thiếu niên vẫn trang nghiêm:

- Con không phải thiếu lễ độ để nói với cha rằng: cha là một nhà đạo đức, một học giả thông thái.

- Cha chưa hề bị lăm tai vì những tên gọi của người đời.

- Thừa cha! Con tin chắc cha có một phong thái thanh cao, một nội tâm thanh tịnh đáng kính như vậy.

Người cha tò mò hỏi:

- Quả đáng quý thay con ta! Nhưng con ơi, hình như con sử dụng ngôn ngữ cùng tư tưởng tinh tế quá, cha không nắm bắt được ý nghĩa!

- Thưa cha! Ý con muốn nói rằng, cha không phải là một nhà nghệ sĩ.

- À! Vậy ha - người cha lại cười vui - hồi xưa, lão nghệ sĩ cũng đã từng bảo cha như vậy. Có phải ý con muốn nói rằng, vì cha không phải là nghệ sĩ nên không thể hiểu nổi những bức tranh của con?

- Phải. Thưa cha! Lại còn hơn thế nữa, cha còn chưa hiểu rằng, con đã từng vẽ đêm, vẽ ngày. Con vẽ những bức tranh vĩ đại giữa không gian, khi con ngồi một mình nhìn ra phía cửa sổ, dưới xa kia là sông Gangà sóng vỗ tận chân trời xanh thẳm, và xa nữa, xa tít phương bắc là dãy tuyết sơn phủ mây trắng xóa. Con lại vẽ những bức tranh tuyệt mỹ tự tâm hồn, tự tâm nội đầy tràn chất ngát. Con lại còn vẽ nữa cả trong những giờ thánh tẩy, trong lúc tọa thiền, ngoạn thiên, cho đến cả những lúc ngoạn du. Và cha ơi! Nhờ vậy con mới biết chắc rằng, lão nghệ sĩ đã không nói sai khi bảo công trình mình đã hỏng.

- Cha cũng chưa hiểu rõ lắm, từ chuyện vẽ tranh của con qua chuyện bắt toàn của lão nghệ sĩ.

- Lão nghệ sĩ muốn dùng những chất liệu bất toàn, sự kiện bất toàn, dữ kiện bất toàn - để hoàn thành ý nghĩa bất toàn trong thế giới bất toàn. Ở phương diện này, lão nghệ sĩ đã thành công. Nhưng than ôi! Cũng chính vì thành công cho nên ý nghĩa ẩn mật đã trở nên thất bại!

- Con hãy nói rõ hơn? Có phải thế giới sự vật vốn tĩnh chỉ, trong lúc trò diêu hóa của màyà vốn biến động, thay đổi diệt sinh trong từng giây khắc?

- Cha nói đúng! Nhưng đây mới chỉ là tiền diện của vấn đề. Chiều sâu thẳm của nó là: Lão nghệ sĩ đã thất bại khi “không hoàn toàn diễn đạt cái bất toàn”. Công trình trang viên là một phủ định chiều sâu tâm chứng của tác giả. Đến phút cuối cùng, ánh sáng ấy mới lóe lên nên Lão nghệ sĩ muốn đập phá cũng phải.

- Nhưng đập phá cũng là chối bỏ, phủ định. Chối bỏ, phủ định cũng là hình thức khác của thành công?

- Thưa cha, cha nghĩ đúng. Lão nghệ sĩ cũng đã có nghĩ đến điểm đó nên lão đã ngần ngại bất quyết. Con cũng chính vì điểm này mà bị bế tắc trong thời gian gần đây. Điều khác là một cái gì tĩnh chỉ, một cái gì không còn biến hóa nữa, một cái gì chết - trong lúc vũ trụ là cái sống động không cùng. Thiên nhiên, tên gọi khác của đạo, là cái bao la, huyền nhiệm, kỳ diêu, nó là thế giới muôn màu muôn vẻ, trùng trùng và mới lạ trong từng giây khắc - Thế giới ấy, điều khác làm thế nào chụp bắt hoặc mô phỏng trên mặt đá, mặt gỗ ù lì xám ngoét? Như vậy, đạo gồm hai mặt tĩnh, mặt động. Thái cực sinh lưỡng nghi, nhất âm nhất dương chi đạo. Một âm thôi, nghĩa là tĩnh thì vũ

trụ sẽ tiêu trầm - sẽ chỉ là thanh gươm và đầu người vừa mới chặt của huyền mẫu Kàli, còn thiếu bàn tay kia đầy ơn phúc che chở và sáng hóa của bà. Vũ trụ vừa là thần Shiva vừa là thần Vichnou. Hai vị thần này ở dưới quyền điều động của thần sáng tạo (Brahma). Cho nên, sáng tạo nghĩa là vừa sinh thành vừa hủy diệt, vừa xây dựng vừa đập bỏ. Ấy là sinh và tử vậy! Nhờ sinh nhờ tử mới tạo thành nguồn sống hằng cửu.

Thật ra, điều ấy cũng chẳng có gì là mới mẻ cả. Cha ơi! Nhưng mà từ khi con ngộ lý này, con không còn muốn tiếp tục công trình của lão nghệ sĩ nữa, con quay qua vẽ, nghĩa là con muốn vượt cái bế tắc của lão. Những bức tranh vẽ của con, không bao giờ thành hình, vì thành hình là dấu hiệu của sự chết. Con là một nghệ sĩ sáng tạo, vậy thì con phải là thần Vichnou (hoàn thành) vừa là cả thần Shiva nữa (xé bỏ). Nhưng khi mà tay con vừa xé bức hình, con hiểu rằng mình đã sai lầm một cách trọng đại, như lão nghệ sĩ đã từng sai lầm: chối bỏ tác phẩm! Ôi! Thừa cha! Sao con lại điên rồ, ngu xuẩn, kiêu căng đến mức như vậy: dám chối bỏ tác phẩm của mình? Hủy diệt công trình của một hiện hữu?

Điều ấy mới thoát trông thì thật là giản dị và vô hại, nhưng khi đi sâu vào ta mới thấy nó kinh khiếp dường bao! Cha ạ! Vạn vật vốn tự sinh tự hóa. Tự sinh tự hóa nói lên chân lý tự do và nhân bản. Khi để cho vạn vật tự nhiên sinh hóa là dấu hiệu của đạo đức hằng cửu, vì mỗi hiện hữu sẽ tự tác tự thọ trong tác động nhân quả qua lại giữa nhau; nhưng khi mà ta tạo một “tác động” cho vạn vật sinh hóa, góp tay góp sức bởi ý đồ, mưu cầu hoặc tham vọng quý quyết là ta đã tạo thêm nước mắt và tử vong cho cuộc đời. Mới đây, con có lãnh hội một số triết thuyết nền tảng phía bên kia trời tây. Những tư tưởng đó xoay quanh lý tưởng này: chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội, tư tưởng cũng như con người. Nền tảng vẫn là âm dương mâu thuẫn và xung đột của Trung triết, vẫn là thần Shiva và Vichnou của Vệ-đà. Họ chỉ thấy một diện của thực tại và không thấy được diện thứ hai: xung khí dĩ vi hòa. Huyền mẫu Kàli vừa là thần sanh đẻ vừa là thần giết chóc. Họ không thấy sự cần thiết quân bình của hai năng lực âm dương đó, nên đời sống của họ là những cuộc bạo động dài ngày trong lịch sử - hay hơn thế nữa - dẫn nhân loại đến chỗ diệt vong, chặt đứt gốc rễ trở về quê hương của con người, càng ngày càng sa đọa và vong bản! Họ chỉ thấy “chân lý đối tượng” và “chân lý mâu thuẫn” nên họ tiếp sức cho thế lực này hủy diệt thế lực kia và bảo là đây mạnh bánh xe lịch sử, đẩy mạnh bánh xe tiến hóa! Lấy con người để khống chế xã hội hay lấy xã hội để khống chế con người - đều vô tình đi ngược lại định luật âm dương vận hành tương hỗ của Trung triết - đi ngược lại lộ trình sáng tạo vi diệu của thần Brahma - nghĩa là phản bội chân-lý-toàn-diện, phản bộ tự nhiên, phản bội đạo vậy. Họ là kẻ vô luân, vô đạo và cuồng tín nhất trên thế gian! Giáo lý nào, nghệ thuật sáng tạo phẩm nào mà không

nhằm cưỡng ép, bức bách, khống chế - mà ở trong tinh thần gọi kêu, khơi mở tâm thức tự giác thâm sâu, nương và chuyển cuộc đời - thì giáo lý ấy, nghệ thuật sáng tạo phẩm ấy chính là vẽ đẹp, thiên thu, màu xanh, trái cây và cơm bánh cho con người trần gian khổ nạn này. Con xé bỏ bức tranh của mình, lão nghệ sĩ đập bỏ công trình của tòa kiến trúc - thì từ trong thâm sâu của tự ngã chỉ là kẻ nguy-đạo-đức, nguy-nghệ-sĩ mà thôi!

Con vượt bỏ Tây phương, vượt bỏ lão nghệ sĩ nhưng con chưa vượt được “ý niệm vượt bỏ”! Thế là con vẫn còn kẹt trong nhị nguyên, mâu thuẫn, xung đột, nghịch chiều. Khổ đau trong con vẫn còn tồn tại.

Cha ơi! Để tìm lối thoát, con quay qua vẽ bằng tâm, tâm họa chứ không còn là bút họa nữa. Con vẽ trời đất, trăng sao, núi đồi, thung lũng, cây cối, khe, suối, sương mù.... Con phóng trên nền trời, trong tâm tưởng những màu sắc đẹp lạ kỳ. Nó đẹp hơn cả thực tại. Nó vượt xa thực tại. Con sung sướng miên man, con phỉ lạc biết bao nhiêu! Giai đoạn này con không cần ăn, không cần uống, vì con đã tự no đủ. Con sống no đầy, phỉ lạc trong thế giới tâm tưởng của riêng con!

Người thiếu niên anh tuấn im lặng đột ngột qua một hồi say mê trình bày con đường tâm chứng của mình qua hội họa. Người cha đi từ ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác. Trước mặt ông, đứa con trai chợt trở nên to lớn phi thường. Người ta thường gọi ông là một nhà đạo đức, một học giả - nhưng quả thật là nhỏ bé và hủ lậu quá so với thế giới này - cái thế giới nghệ sĩ trẻ trung - họ đi theo con đường của họ - con đường có bướm có chim, có nhật nguyệt; con đường được lát bằng những tấm thảm xanh như nhung của cây cỏ, da trời và biển rộng. Ôi! Thế giới của ta nhỏ hẹp quá - thế giới của chữ nghĩa, văn tự và kinh điển đã khô chết tự ngàn xưa. Cái thế giới không có lấy một hơi thở, một tiếng gà kêu, một con chim thành linh cất tiếng hót rộn rã giữa bình minh xanh, giữa hoàng hôn vàng. Phải. Cái thế giới chết của những chồng sách vở vô tri, không có cả một cơn gió khô, một đài hoa rụng, một chiếc lá úa. Dù khô, dù úa, dù rụng nhưng nó vẫn là dấu hiệu của sự sống. Ôi! Vĩ đại biết bao nhiêu là thế giới ấy! Không ngờ cuối cuộc đời tàn phế và khô nở của tâm hồn, ta lại có thêm chất nước, cỏ hoa, vị ngọt để lấy thêm sinh lực cho cuộc ra đi dài hạn...!

Nghĩ đến đây, lão trang chủ hân hoan quá, ông ôm chầm lấy người con trai:
- Kỳ lạ thay, con ta! Đáng kính đáng yêu biết mấy là con ta. Lối nào cũng về La Mã. Đồng quy nhi thù đồ. Cho đến bây giờ cha mới hiểu mật nghĩa ấy.

Đã từ lâu, nguyện vọng của cha chỉ được gói ghém trong chiếc hộp này, biết được bí mật của nó trước khi nhắm mắt - nhưng nay thì đã được khơi mở rộng lớn hơn, có kích thước vũ trụ hơn - ấy là bí mật của dòng đời, của lòng đời. Đạo là ở chỗ ấy, kỳ vĩ và tuyệt mỹ biết bao nhiêu.

Người thiếu niên anh tuấn khuôn mặt vẫn lạnh lùng, trầm mặc, trang nghiêm. Ở nơi y không có dấu hiệu nào chứng tỏ một con người bị tình cảm chi phối. Y đang tự chủ, đang trọn vẹn với thế giới nào đó của riêng y!

Niềm hân hoan vừa mới chớm nở trong lòng của lão trang chủ chợt tàn úa đi ngay bởi con người “tịch mịch bất khả tư nghị” của thiếu niên.

Người cha ân cần hỏi:

- Con vẫn đang còn nghi vấn về điều gì? Thế giới nhiệm màu và tuyệt mỹ biết bao nhiêu?

Người thiếu niên anh tuấn trầm giọng đáp:

- Con cũng đồng ý với cha như vậy: thế giới nhiệm màu và tuyệt mỹ biết bao nhiêu! Nhưng thưa cha, cũng giống y như trong những tranh vẽ của con: thế giới nhiệm màu và tuyệt mỹ biết bao nhiêu!

- Vậy sao con ... còn có vẽ “tịch mịch” đến như vậy?

- Thưa cha! Tại sao thì con đã nói rồi đấy chứ! Thế giới nhiệm màu và tuyệt mỹ thật, nhưng nó chỉ thực tại ở trong tranh vẽ mà thôi, nó chỉ thực tại ở trong "tâm" và "tưởng" thôi!

Người cha há hốc mồm.

Người con tiếp:

- Con đã từng có những bức tranh ở trong tâm và tưởng, nó đẹp hơn cả thực tại, nó vượt quá thực tại, nhưng chưa bao giờ nó đẹp như là thực tại.

Thưa cha! Thế giới đó, tâm và cảnh, nó một hay là hai? Là một thì không thể được, là hai cũng chẳng phải. Vì sao? Vì tâm vẫn phân biệt được cảnh, từ chủ năng ta nhận biết được ngoại giới khách quan thì chúng chẳng thể là một được. Và nếu là hai cái cách biệt, thì mỗi cái riêng tự nó hiện hữu, độc lập chẳng liên hệ gì đến nhau. Mà có thật nó không liên hệ với nhau chẳng, thưa cha? Nếu không liên hệ thì con đã chẳng xúc động thật tình vì một cảnh sắc huy hoàng của bình minh, sự dịu dàng và đầy ơn phúc của lá xanh và những cơn gió dịu hiu đầu thu và động lăn tăn trên đầu cây, ngọn cỏ! Hình như phải bảo rằng, ngoại cảnh quyết định cho các trạng thái tâm, nó liên hệ tương quan như bóng với hình, không có cái này thì không có cái kia và ngược lại.

Nhưng than ôi, thưa cha! Khi con vẽ bằng tâm và tưởng, thì những bức tranh đó đã tách rời thế giới cụ thể khách quan để nhảy vào thế giới nội cảnh. Nó là cái bóng của chiếc ảnh thực, nó là hình ảnh mô phỏng không rõ nét hoặc chẳng hoàn toàn trung thành thiên nhiên. Qua lăng kính tâm chắc nó đã đổi khác đi. Như vậy có ích gì không những bức tranh vẽ của con, thưa cha? Mặc dầu các đường nét có hồng viển cách mấy, có nguy nga cách mấy, nó cũng chỉ là cái bóng mờ của thực tại, một cái gì mờ lung, ảo diệu, một cái gì không bao giờ đúng y là thực tại, như nó là thực tại. Con là cái ấy. Người là chân như. Vẽ-đà bảo thế. Chân như là như chân như thực. Nhưng làm thế nào để hiểu rõ như chân như thực là gì? Như chân như thực là một thế giới

mà ta chẳng thể nào chụp bắt được, vĩnh viễn là như thế, thừa cha!

Người cha thở một hơi dài:

-Thế là thế nào? Lại rồi ren đến thế ư? Té ra con vẫn chưa đạt được cái gì sao? Cha đi từ bờ ngõ này đến bờ ngõ khác.

Con ơi! Kinh điển có lý luận, có tư tưởng, có con đường, nhưng là một cái gì dễ dàng và khả tri hơn thế. Các giáo chủ uyên thâm nhất của truyền thống Vệ-đà cũng trích dẫn cái câu đã trở thành thời thượng, sáo ngữ ấy: Người là chân như. Phải chăng, đây là một thông điệp kêu gọi ý thức tự quy, trở về cái thâm sâu nhất của tự ngã? Và đây, người là cái ấy, ở trong cái bản ngã sinh diệt đó chứ không là đâu hết. Các nhà luận giải và chú giải trong Áo-nghĩa-thư khi đề cập đến các cấp độ tâm linh thì họ tuân tự nói như thế này: Đầu tiên là ý thức bình phàm, cái ý thức chìm đắm và thụ hưởng các đối tượng vật chất. Từ ý thức ấy, con người tiếp xúc, kinh nghiệm ngoại giới. Rất có thể vì nó chẳng thể đạt được những phúc lạc thâm sâu, tế vi - nên nó đành phải chuyển hướng vào bên trong: và đây là trình độ thức giác thứ hai. Đây tạm gọi là thức giác nội giám, cái Yoni, cái chủ tể. Ta thì ta gọi đây là cái dòng sông, chủ khách câu vong. Nhưng còn một thức giác cuối cùng nữa, thức giác siêu việt, viên mãn, tri giác và suy tưởng có hiện hữu ở đây, nhưng không còn có tên là tri giác và suy tưởng nữa. Bất khả diễn đạt. Cái vô nhị và an tĩnh.

Con ơi! Suốt đời cha cũng nghiên cứu, cũng vẽ vời bằng thế giới tâm tưởng này nọ, nhưng cái biết của cha qua kinh nghiệm sách vở ấy chắc gì đã vượt qua được cái biết của con? Có thể cha sử dụng ngôn ngữ, cách diễn đạt, tuân tự phân tích hoặc tổng hợp - sẽ được mọi người đồng ý hơn - vì cái ấy vốn đã phổ thông, cái có sẵn từ nghìn đời. Nhưng con thì lại khác, con đi bằng con đường của chính mình, không nô lệ vào lẽ thói cũ, đầy sáng tạo. Con có hình ảnh và ngôn ngữ của riêng con. Nhưng con ơi, có một điều chắc chắn là trình độ giác ngộ của cha, đến đâu, cha biết - còn trình độ giác ngộ của con, đến đâu, cha không biết. Mọi tìm kiếm của con đều mới lạ, hấp dẫn và lôi cuốn cha. Còn cha ư? Cha lần mò theo con đường cũ,

con đường không sáng tạo, con đường mang vẻ đẹp đã phé tàn, thành quách lâu đài đều cũ kỹ, rêu phong, những bức tượng phủ đầy bụi, những cánh cửa sắt lâu đời đã rỉ sét. Có còn một hơi thở, một sự sống nào ở đây không? Đôi khi cha tự hỏi lẫn thân như vậy. Hay đây là một bảo tàng viện, dấu tích vàng son của một thời đại chỉ còn cái gì là vô danh như tên gọi của nó trong lịch sử? Đấng Bràhman ư? Ngài ở đâu, mà nơi đây chỉ còn treo cái giá áo và vương miện của ngài:

“Tại ba phần ấy, một phần ngài ngự.

Ở nơi phần chót, ba phần là của Bràhman

Để thực nghiệm cái có và cái không

Ngài có hai bản tính”

Phải. Ngài có hai bản tính.

Con ơi! Cái gì vậy? Đây có phải là mật thư cho những ai đi đến kho tàng, là chìa khóa mở cánh cửa sắt? Con ạ! Cha cũng đã bỏ công khá lâu để đi tìm mật nghĩa ấy. Con đường này cha đã không có cách gì vượt qua, kiếm tìm, khám phá. Con đường hầu như ai cũng biết, cũng đều tin chắc là sẽ đến đất hứa, nhưng rồi hình như lại lạc cả vào vùng đất trịch. Người ta có quyền hoài nghi như vậy lắm chứ? Vì ai cũng có thể có thẩm quyền - mà đồng thời - chẳng ai có đủ thẩm quyền cả. Còn thế giới của con, con đường của con, biết đâu là con đường tắt? Con đường với chức năng và thẩm quyền của kẻ sáng tạo? Sao vậy? Con đừng làm cho cha thất vọng, con đường của con vẫn hứa hẹn có nhiều ánh sáng chứ?

Thiếu niên anh tuấn lắc đầu, giọng buồn bã:

- Theo truyền thống Vệ-đà thì có ba con đường thật. Con đường hành động, con đường chiêm ngưỡng thờ phượng và con đường trầm tư và thiền định. Các nhà luận giải càng ngày càng chia ngõ chia vách và làm cho con đường trở thành mờ mịt và rắc rối thêm. Như cha biết đó, con có một người bạn - là Thiếu Quang - y là một nhà luận giải cấp tiên, uyên thâm Vệ-đà và thông bác nhiều giáo lý khác ngoài truyền thông. Y là kẻ đầy lòng mạo hiểm, y hoài nghi cả những luận giải của cả những bậc được coi là trí tuệ nhất. Và hầu như y đã phá bỏ tất cả mọi con đường. Rồi khám phá một con đường mới lạ hẳn. Nhưng y mới phát quang một đoạn đường rồi lại bối rối trước con lộ mà y mới khám phá ra: một con đường hẹp. Con đường này hoang liêu và cô tịch quá, lại là con đường dốc ngược, duy nhất một người lên. Y cứ đứng ở đấy mãi, phân vân bất quyết - vì trước mặt y chẳng hứa hẹn một bình nguyên nào cả: đấy là hướng Tây, hướng của mặt trời khô bỏng, của sa mạc. Đến đây là tự hủy chính mình. Mà giải thoát có phải là tự hủy chính mình. Mà giải thoát có phải là tự hủy? Tự hủy bản ngã với ý nghĩa siêu hình? Y không biết. Con không biết. Không có ai trả lời! Mà duy chỉ có lộ trình đó: lộ trình vô dục. Còn tất cả con đường đều là con đẽ của mànha thôi!

Cha ơi! Y bảo rằng, các nhà luận giải đang múa may trên mép rìa của thực tại, đang bò quanh miệng chén mà không biết trung tâm điểm là đâu. Làm gì có con đường hành động? Có nhận thức rồi mới có hành động chứ? Hay ý kinh bảo rằng, nhận thức chính là hành động? Có thể y là đồ đệ của Brentano bên kia trời Tây khi cho rằng, ý-hướng-tính là thuộc tính của ý thức nhằm tác động đến đối tượng! Nhưng sau đó y lại hỏi ngược lại thầy: nếu không có các đối tượng ngoại giới thì ý-hướng-tính do đâu tồn tại? Nói đúng ra, y thường lý luận ngược xuôi, sử dụng các triết thuyết, các tư tưởng như tay ảo thuật dùng làm phương tiện đối đãi với nhau - chứ y là kẻ phá hoại. Phá hoại toàn triệt. Y còn nói rằng, con đường hành động của ta và duy

thực, duy nghiệm của bọn quỷ trắng có gì khác nhau? Mà nói đến duy thực, duy nghiệm thì quả là ngây thơ làm sao khi hiểu rõ pháp giới là cả một vận hành tương quan? Ấy, đây, bây giờ, khi bảo vậy là y đã lôi Husserl ra để đối chứng với Brentano: “mọi công trình khảo cứu của tôi, đều được hướng dẫn bởi trọng trách xây dựng một cách hệ thống tính cách tiên thiên của mỗi tương giao này”.

Cha ơi! Nếu nói theo ngôn ngữ của Đông phương ta, thì đây là sự tương giao giữa tâm và vật, theo Phật giáo là lý duyên khởi vậy. Như thế, duy vật luận (duy thực, duy nghiệm) đã nói lên cái ấu trĩ của mình, mà duy-tâm-luận cũng ngu ngốc không kém: cả hai đều chưa hiểu mối tương quan trùng trùng của vạn hữu. Kẻ nào “duy-hành-động” thì kẻ đó chưa bước ra khỏi thế giới vật thể, còn lông lá và chưa có nhân tính. Còn con đường chiêm ngưỡng thờ phượng? Từ một tâm thức yếu đuối, y nương tựa vào những hình ảnh phù du bên ngoài. Phân tích kỹ thì tuy ý-hướng-tính của y nhắm đến các đối tượng bên ngoài, nhưng thật ra là để huân tập, làm vững mạnh đối tượng ấy ở bên trong y. Nhưng vững mạnh là vững mạnh cái gì? Vững mạnh một đáng, một ngài, một cảnh, một cõi? Tâm y tưởng tượng hoặc tạo ra một hình ảnh, và y lấy hình ảnh đó để tôn thờ! Đây, y làm cái gì vậy? Thái độ ám thị này chưa phải là lối giải quyết trường cửu của kẻ trí. Y bảo vậy. Cuối cùng, chỉ còn con đường trầm tư và thiền định. Trầm tư và thiền định không phải là tìm kiếm kinh nghiệm hoặc hiểu biết. Kinh nghiệm và hiểu biết chỉ nhằm tô bồi và tích lũy bản ngã. Và chẳng, kinh nghiệm và hiểu biết là cái “có sẵn” trong y, chứ không phải là cái mới lạ đây trẻ trung của sự sống? Và chẳng, tất cả chúng chỉ là hiện tượng sinh diệt bọt bèo? Nếu hiểu trầm tư và thiền định là nhằm phá vỡ cái lớp bản ngã thâm sâu, thiêu hủy các giả tướng vay mượn của cuộc đời - đốt cháy ý thức thường nghiệm - để cho cái-tôi-siêu-thể, cái chân ngã lộ diện nguyên hình - thì may ra không phản bội truyền thống tâm linh tuệ giác Ấn Độ. Chính Husserl bên kia trời Tây cũng bảo con người trở về với “ý-thức-siêu-nghiệm”, thì đã hẳn biết bỏ vật, bỏ tâm, bỏ những biểu tượng, ký hiệu để thâm đạt yếu tính của thực tại. Có thể con đường giảm trừ hiện tượng học của y không nói lên một thẩm quyền nào về trực giác - sự lãnh hội không do ý thức thường nghiệm – nhưng cũng nói lên được điều này: mọi chân trời tư tưởng đều có thể gặp nhau. Khác chẳng là cái thực chứng và không thực chứng, trí thức và tâm linh, lý luận và thể nghiệm vô ngôn. Cho hay, trí thức có thể với tới những bến bờ ngoài khả năng của y. Đôi khi nó lại có thể hiểu bằng trực giác nữa nhưng không đủ thẩm quyền về những trực giác ấy. Các nhà thuần túy tâm linh học họ xây dựng cơ sở từ bến bờ này - chỗ mắt tích, vô tâm bất lực của lý trí - và họ gọi là tôn giáo, đạo học. Những điều mà triết học khoanh tay thì tôn giáo và đạo học giải thích, nói ra, “như-thị-thuyết”.

Cha ơi! Nền văn minh tâm linh cao cả của Vệ-đà bây giờ đã sa đọa thành một triết học, một triết lý. Người ta đang bàn cãi với nhau, tranh cãi với nhau: hành động này vị tha, hành động kia vị kỷ, cách chiêm ngưỡng này có phước báo lớn, có công năng lớn, có lợi ích lớn hơn cách chiêm ngưỡng thờ phượng kia... Tất cả những lý luận của họ xem ra hợp lý dường bao - nhưng quả thật - không nói lên được, không phát quang được cái trực giác thâm sâu, cái tồn tại vinh quang và giềng mối cho mọi sinh hoạt, mọi hiện hữu: Tuệ giác và chân ngã. Chẳng có tiêu chuẩn bản căn và phổ biến cho toàn thể thế gian - hễ thế - nhưng mà các tông phái con đẻ của Vệ-đà họ đưa ra từng tiêu chuẩn, từng giá trị, từng con đường mà không biết rằng: con đường, tiêu chuẩn, giá trị là những cái nhằm hủy diệt nhau! Đây cũng là giai đoạn của thời-cơ-chủ-nghĩa xuất hiện, tạo thành những bức bình phong, nhãn hiệu trá ngụy để khuynh loát và tranh giành ảnh hưởng. Ở Ấn Độ này tẻ lắm cũng có vài triệu vị thần. Và thế là dĩ nhiên, có thần của tôi hơn thần của anh. Thần này cho tài, thần này cho lộc, thần kia cho phước, thần nọ cho thọ. Ôi! Sao mà rối rắm vậy? Đạo là nâng trần gian lên, lôi con người lên - mà con người thì lôi đạo xuống để phục vụ cho những mục đích đê hèn và vị kỷ của họ!

Phải chăng, từ tất cả những dữ kiện đó, từ tất cả mọi sinh hoạt mênh mang đó, tất cả mọi con đường đó... cuối cùng, đều do tâm? Tâm là chủ? Tâm tạo tác? Vậy cái Tâm ấy mới là cái bản căn chứ? Mới là cái cốt tủy chứ? Cứ chạy theo nhánh, theo ngọn mà bỏ quên gốc, không biết quay đầu trở lại, quay về nguồn, trở về chính mình. Trở về chính mình, trở về tâm. Thưa cha, nhà luận giải Vệ-đà cấp tiến nọ đã có công chặt đứt tất cả những ngành ngọn để đem về một gốc tâm duy nhất. Nhưng than ôi, thưa cha! Cuối cùng, y là kẻ còn tâm chứ không còn cảnh!

Thế là thế nào? Còn Tâm không còn Cảnh! Té ra bây giờ ta mới thấy rõ, loay hoay cho lắm thì y cũng chưa bước ra khỏi cái duy-tâm-luận hoặc là bình diện thứ hai của thức giác trong Áo-nghĩa-thư. Làm thế nào để bước qua giai đoạn thứ ba, để rồi bước vào thức giác thứ tư là cái vô nhị và an tĩnh đời đời?

Thưa cha! Trọn bộ thánh kinh Vệ-đà không nói con đường cho chúng ta đi, thẳng hoặc có nói đến con đường nhưng không nói cách đi như thế nào. Nhưng nói đến con đường tất lại rơi vào nhị nguyên thuyết, tranh luận - đọa vào duy vật, duy tâm, duy danh, duy thực, duy nghiệm... Đây là một cái gì bất khả, là một cái gì đồ vỡ, một cái gì thất bại, một cái gì bất toàn!

Thiếu niên anh tuấn nói xong, người cha trầm mặc rất lâu. Thời gian ngưng lại. Mảnh trăng sơ huyền lơ lửng trên cao, giữa bầu trời xanh thẫm. Một cái gì rất cao, rất xa không thể với tới, không bao giờ với tới! Gió thổi hiu hiu

nhè nhẹ khua gợn lặn tẩn, xào xạc, xào xạc đầu đó trong không gian, rồi chìm mất. Đêm lại yên tĩnh, dịu dàng, mênh mông, rất cao và rất xa...!

---o0o---

ĐI VÀO HUYỀN NGHĨA

Họ đều là kẻ lên đường, đang lên đường, lão nghệ sĩ, lão trang chủ, thiếu niên anh tuấn và Quái-đầu-đà. Nhưng họ có thẩm quyền nào về tâm linh, hay chỉ là những kẻ đang lặn mò quờ quạng trên lối về tự tánh? Đều có trải qua hoang mang, nghi ngờ, bế tắc, an lạc hoặc khổ đau?

Triết Hựu mơ màng nghĩ ngợi. Trong thời gian quen biết với Quái-đầu-đà, cả hai đã từng bàn cãi với nhau rất nhiều vấn đề. Tình thân êm đềm có đến với họ, nhưng lộ trình đi lên lại càng mù mịt! Câu chuyện về tòa trang viên, về thanh gươm, về sự bất toàn, về chiếc hộp - mà Quái-đầu-đà cho biết bên trong chỉ là một bình trà cổ - đã đưa chàng đến những biên giới mông lung hơn, ảo dị hơn. Chàng cũng mơ hồ rằng là, có thể có nhiều con đường thật, có nhiều phương diện và có nhiều góc cạnh khác nhau của chiếc vạn hoa kính duy nhất thật - nhưng từ nơi ấy chàng thấy gì? Lý trí, luận lý và sự loay hoay! Gã thiếu-niên-anh-tuấn-tịch-mịch trong câu chuyện dù là lão nghệ sĩ tái sinh đi nữa - đúng như lời y kê - thì có giúp cho chàng một ánh sáng nào về sự giải thoát - hay là cả một cái gì quấn quanh và bi tráng dường bao! Tất cả đều có thật, nhưng những sự thật ấy chỉ giúp thêm dữ kiện cho sự thật này nổi bật thêm lên: sự khổ đau, trống rỗng và tịch tịch của đời sống! Vĩnh cửu và chân phúc ư? Nó vẫn ở đâu đó, trên mây, trong đám sương vàng huyền hoặc; đầu đó, băng lãng trên lớp khói mù của sông nước chiều hôm; chòn vòn trên ý thức, lãng vãng trong tâm niệm; dầu mặt đầu đó sau cái tà huy và hoàng hôn của cuộc lữ. Khó thay! Khó thay!

Triết Hựu lại thở dài. Biết bao nhiêu lần rồi chàng đã thở dài, sau lần chứng ngộ “nhất thể” ấy! Quái-đầu-đà đã phá vỡ lớp vỏ an toàn của chàng, đã đưa chàng về với cái hoang mang và hỗn loạn đầu đời.

- Không vong ngã thì cũng là đại ngã thôi, lão đệ! Không là cái tôi-vong-tính thì cũng là cái tôi-tuyệt-đôi thôi, bạn lành! Tâm thức giải thoát là phải từ nơi cái ý thức thường nghiệm này, thường hằng tiếp xúc với ngoại giới mà nó vẫn an lạc và vô nhiễm! Y bảo thế. Nhưng y đã là kẻ chứng nghiệm chưa hay rốt lại chỉ là nhà luận giải? Chàng hoài nghi quá. Quả thật, họ và chàng đã gặp gỡ nhau ở rất nhiều điểm về kiến giải, suy tư và thiên định. Nhưng nhiều điểm cũng chưa thể nói lên một cái gì chung quyết vì trong chân lý “đa số không tuyệt đối”! Nhà kiến trúc cũng đến được bên bờ, nhà thơ cũng đến được bên bờ, nhà họa sĩ cũng đến được bên bờ – điều đó không

sai - nhưng đâu mới thật là bển bờ? Hay bển bờ của người này không phải là bển bờ của người kia?

Lão nghệ sĩ đã lặn lội một đời khá dài trên đường tìm kiếm, tốn khá nhiều sinh lực và tế bào não - rồi cũng chết đứng nơi chỗ “tự thành” cuối cùng của y. Thế giới đều đi đến chỗ hoàn tất - hoàn tất là sự chết - thế mà lão lại cố buông bỏ cái tâm niệm đeo níu còn lúc nhúc không chịu lặng yên. Nhưng an nghỉ vĩnh viễn theo nghĩa ấy thì có khác gì hư vô? Sự tái sanh, do cường độ năng lực của các tư tưởng - dù lão nghệ sĩ có thể biết được bằng khả năng nào đó của mình - thì lão cũng không thể nào chấm dứt được tâm niệm đeo níu. Lão không thể nào kiểm soát được cái vùng vô thức thâm sâu hằng diễn và bất tức. Và như vậy, mọi nỗ lực của lão, hữu hạn và vô hạn, đạo và đọa tính, hoàn toàn và bất toàn - là một cái gì dường như vô ích và phù phiếm. Một lối chơi của bọn trí thức trưởng giả, khoe khoang và hợm hĩnh làm sao? Một công trình thành tựu cái bất toàn như một thách thức với Thượng đế, một sự vuron vọt vào thế giới bình lặng như chân. Một khước từ hữu hạn để lao thẳng đời mình vào một bển bờ được sự tưởng tượng cao đại và phong phú của trí năng. May mắn thay, lão hồng chân vì cái tâm thức giải thoát, lão lại với được đầu mỗi tái sanh. Và gã thiếu niên lại tiếp tục bước tới những bển bờ mà lão đã có công sáng tạo từ kiếp trước. Gã thiếu niên từ chối kiến trúc và bút họa vì nó không phô diễn được tình-cảm-động của pháp giới. Các tâm niệm vẽ vờ của gã xem chừng cũng mông lung, mờ mịt và bất thực xiết bao - nhưng bản căn của trí tuệ xem chừng gã đã trưởng thành, biết dung nhiếp hài hòa hai trạng thái động tịnh của vạn hữu! Cái tư duy của gã cũng đi đến bờ vực như ta vậy. Chưa ai bước ra khỏi được thế giới ý nghĩa, biểu tượng hoặc tượng trưng - dù lý trí biết. Chàng đã nói rõ điều ấy với Quái-đầu-đà thì y bảo rằng:

- Vậy thì lão đệ cũng muốn dùng ý nghĩa để vượt qua ý nghĩa. Trùng phức làm sao. Phải là một “hành động tâm linh” mới với tới được cái nền tảng.

- Lão huynh muốn khai dẫn điều gì?

- Cái thấy.

- Cái thấy chính là hành động tâm linh ư?

- Phải. Cái thấy giải quyết trọn vẹn mọi vấn đề. Cái thấy đảo hoán tận căn mọi sai lầm, chấp thủ cũng như ngu xuẩn của chúng ta. Hình thức biểu tượng, ý nghĩa thì hãy để dành cho các nhà kiến trúc, triết gia... và cuộc đời.

- Cảm ân lão huynh đã chỉ giáo. Nhưng “cái thấy” có như thực chuyên hóa được cá nhân và xã hội? Có thay đổi được tận bản căn những nhiễm ô của chúng ta không?

Khi hỏi như vậy, Triết Hựu đã rùng mình nhớ lại sự sa đọa của chàng. Các pháp diệt nhưng không diệt. Nó vẫn hiện hữu ở đây, đâu đó phía bên trong

vô thức, duyên cảnh, nó sẽ hiện hành ngay - đầy đủ bóng dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh...

- “Cái thấy” mỗi người mỗi khác. “Cái thấy” thường bị che lấp bởi kiến thức, thói quen, kinh nghiệm riêng tư của mỗi người. Vứt bỏ toàn triệt mọi riêng tư, chủ quan - ta sẽ đạt cái "thấy khách quan". Và cái thấy-khách-quan ấy được gọi là “cái-thấy-vô-nhiễm”, “cái-thấy-trung-thực”, cái thấy-viên-giác”.

Triết Hựu lại thở dài. Chẳng có gì mới lạ cả trong cái mớ chữ nghĩa ấy. Tất cả mọi nỗ lực tư duy của nhân loại hầu như chỉ để nói lên cái bế tắc của hữu hạn, cái cùng đường của hữu hạn, sự bi đát của hữu hạn. Đi vòng quanh hoặc là đến bờ vực rồi đứng đấy. Ở đấy. Nhiễm ô, tục lụy, tội lỗi vẫn đầy ứ bên trong, chật cứng bên trong - không có cái thấy siêu việt nào có khả năng đem chúng ra hết. Một vài trạng thái nào đó của thiền định, một vài ánh sáng nào đó của tâm thức, lóe lên - rồi người ta rêu rao với nhau là đạt cái này, đắc cái nọ, chứng nghiệm cái này, chứng nghiệm cái kia - nhưng khi trở về với thức thường nghiệm, con người vẫn là cái gì bất an và đau khổ.

Buổi chiều hôm đó, chàng kiếm một tảng đá và dựng thẳng lưng như một bức tường. Đây là lần cuối cùng, chàng nghĩ, phải thấu suốt tự ngã hoặc làm chủ tự ngã, không có thể kéo thêm dài ngày một cách vô ích nữa. Nếu không thành công, chàng sẽ từ bỏ nó như từ bỏ một đại họa. Đừng nghĩ đến cái ăn cái uống nữa, sinh tử đang thúc hối bên lưng. Đây là lần cuối cùng, phải nỗ lực để đẩy tư duy đến bến bờ của nó. Không lẽ lý thuyết Vệ-đà chỉ đưa ta đến đó: Hòa đồng với đại-ngã-vũ-trụ? Hòa đồng với đại ngã là để cho cái tôi, cái tiểu ngã mất tích vào một đại dương lớn, rồi tôi sẽ không còn tôi? Chàng đã chứng nghiệm điều này, giây phút ấy không còn xung đột thật, nhưng nó vẫn là cái phù du, thoáng mát. Sau trạng thái ấy, pháp vẫn lôi cuốn chàng đi nếu sự tỉnh giác không đủ chín muồi để tạo một lực tự phát. Hay là chàng phải gạn lọc mọi nhơ bợn, như một mặt nước lắng trong? Khi lắng trong sẽ thấy rõ suốt tự ngã? Cái thấy làm sao thay đổi tận bản căn được? Chàng đã thấy quá nhiều rồi. Và cũng có lúc chàng đã thấy với tâm vô nhiễm. Nhưng chuyện đó hiếm hoi làm sao. Như một khoảng xanh họa hiếm trên bầu trời mùa đông. Như vài giọt nắng họa hiếm dưới đám rừng dày. Sự an lành nhỏ nhoi quá giữa đời sống này, trong tâm thức chàng. Bầu trời mùa xuân vẫn như vậy và mặt trời vẫn huy hoàng và lồng lộng ở trên cao...

Triết Hựu xả thiền khi mặt trời đã gác chân núi. Nội tâm đã yên lặng, dịu dàng. Chàng đi kinh hành dọc theo con đường nhỏ nhìn hoàng hôn bắt đầu sẫm màu trên vạn vật. Ừ! Cứ thế, tâm ta hình như đang lắng lại, những câu bợn đã ngủ yên. Dòng tâm ta trôi chảy nhẹ nhàng và thanh lặng làm sao. Nếu chàng không hiểu trước thì chàng sẽ tưởng là đang hòa đồng với đại

ngã vũ trụ. Ô! Không phải vậy đâu. Chàng đã làm lẫn tai hại. Nó chỉ là sự trôi chảy bình lặng của con sông khi chưa qua ghềnh, xuống thác. Nó sẽ reo ca, nó sẽ giận dữ, nó sẽ trải mình đầy đục tính giữa đại dương để giao hoan với mặt trời. Tâm chàng đó. Tự ngã của chàng đó. Nhưng không. Hãy ở yên. Hãy ở yên như vậy.

Với tâm bình lặng, Triết Hựu đi mãi. Một cơn gió mạnh lùa qua làm rơi xào xạc những chiếc lá. Vạn vật như huyền voi đêm, một màu nhờ nhờ. Tâm chàng ngay giây phút này nó cũng huyền như vậy, không rõ nét. Hãy bỏ tất cả tư duy và chỉ bước, nhìn và lắng nghe. Ô! Đừng khởi lên vấn đề gì cả. Không có vấn đề gì cả. Nội tâm vốn không có vấn đề, các pháp vốn không có vấn đề: nó duyên sanh rồi diệt. Ô! Hãy để yên. Đừng hỏi. Đừng trả lời. Chỉ bước, nhìn và lắng nghe.

Mặt trăng ló ra khỏi cụm mây trắng. Có tiếng động lạ sạt về phía trái con đường, một cánh chim tung cánh lên cao và chùm cây lay động... rồi hai bóng người hốt hải bỏ chạy. Ô! Và chàng sửng sờ, kinh ngạc. Đứng lặng: Vì đây rõ ràng là Quái-đầu-đà và một cô gái!

Chàng đứng lặng như vậy rất lâu.

Đến khuya, Triết Hựu mới về đến am. Chàng cẩn thận trải tấm tọa cụ rồi ngồi thẳng lưng, tham thiền trở lại. Một chốc, chàng lại mở mắt ra. Đứng dậy. Đi kinh hành một chốc rồi quay vào. Chàng không ngồi yên được. Tại sao vậy? Có chuyện gì vậy? Sau cuộc đi dạo chàng thấy gì mà lại bức rức, xốn xang, đăm chiêu và tư lự như vậy?

Không thể như thế được, chàng tự nghĩ. Y là kẻ lên đường, một con người từ bỏ sản nghiệp và vợ con! Rồi cuối cùng lại trở về với cái ấy? Làm sao chàng quên câu chuyện đó được, câu chuyện kể về một nhà luận giải Vệ-đà cấp tiến, một chàng thanh niên đầy dũng khí, kẻ dám thử thách với hư vô, đấu chiến với Sinh Tử, lại sẩy chân và sa đọa một cách đê tiện như vậy!

- Ô! Bạn thấy không? Tất cả mọi người đều từ chối định mệnh của mình. Nhưng kẻ cứu mang định mệnh mới là kẻ từ chối định mệnh một cách khăng liệt nhất. Không có gánh nặng nào trên vai y. Bạn thấy đó. Tất cả đều là nụ cười và sự bình yên. Nước mắt ư? Đây là những hạt ngọc long lanh của cuộc đời. Là vẻ đẹp của một chuyện tình. Đây là vẻ đẹp xót xa và vẻ đẹp tàn úa của ngọn lá vàng trên cây xanh. Vẻ đẹp! Ô! Bạn ơi! Sự bất toàn, thanh gươm và đức thần hủy diệt. Thiên thu ở đây. Đáng kính và đáng yêu xiết bao. Thế mà tôi đã từ giã nó, từ bỏ mái nhà, đồng nội để về đây làm một người rừng. Tôi là một kẻ vô luân.

- Một kẻ vô luân? Huynh đài hãy cẩn thận về danh từ. Kẻ quá khinh xuất về ngôn ngữ, không cân lường được giá trị, thể tính của ngôn ngữ thì y là một kẻ vô luân đích thị. Nhưng kẻ từ bỏ mái nhà và đồng nội không phải là vô luân. Là một cái gì cao vời và miên viễn.

- Cao vờ và miên viễn ư? Nói dóc! Cao vờ và miên viễn chính là đời sống này. Cái bình thường tâm với mọi tương quan. Bạn đừng lý luận với tôi. Bạn là đứa trẻ con. Tôi đã dấn lên những thánh tích tâm linh, đền đài, núi, biển, tế bào não, tuổi tác và chữ nghĩa. Tôi đã đi đến chỗ cuối cùng ấy. Và chỗ cuối ấy là hư vô. Tôi đã gặp hư vô, dốc cao, sa mạc và mặt trời cháy lửa. Bạn thử tưởng tượng đi, bạn sẽ bị đốt cháy thành than. Ở đây. Bạn sẽ bị nuốt chửng. Bạn sẽ bị cuốn lốc vào lòng đại dương sâu. Bạn sẽ bị biến mình thành hư không. Bị chẻ vụn ra bởi lưỡi búa của đức thần hủy diệt. Ô! Cánh cửa thật hẹp và đỉnh cao ấy, chỉ có giá trị khơi mở một vấn đề, một cánh cửa tự do cho tâm thức. Bạn sẽ đến đấy, đúng, nhưng đấy là ở đây, tại thế gian này! Nói đúng hơn, vắn vẽ hơn, quê hương ở chính trong viễn mộng. Điều này để dành phần thưởng cho những hiện sinh can đảm và vô biên liêu lĩnh dám rơi tỏm đời mình, tính mệnh mình vào dòng nước xoáy, tung mình giữa khoảng không lồng lộng. Định mệnh thắt buộc ta ở mỗi lần mở mắt, chỉ có vậy mới mong bước ra! Đừng bước ra ngoài trái đất. Nên nhớ. Nên nhớ. Đừng bước ra ngoài trái đất! Nên nhớ. Nên nhớ!

- Huynh đài hình như đã phủ nhận trọn vẹn cuộc đời “hành hương tâm linh” của mình, đã dừng lại, đã thất bại hay là đã thỏa hiệp vớimaya. Cái đó tùy. Nhưng tôi là kẻ còn ra đi và còn tìm kiếm. Thất bại hoặc thỏa hiệp không có trong tôi. Tôi phải đến đất Hứa dù biết rằng mình sẽ bị cháy thành than...

- Ra đi và tìm kiếm? Hẳn ai không là thế? Tôi vẫn ra đi và tìm kiếm. Nhưng tôi không còn đi tới nữa. Tôi đi lui. Nhưng tôi không đi bằng tư duy và suy tưởng. Trong bước đi của tôi có hơi thở, máu xương, nước mắt và cả ma quỷ. Còn trong bước đi của bạn có mặt trăng, sương mù, hư vô, thánh thần và tế bào não. Ô! Bạn sẽ ra ngoài trái đất, người em tội nghiệp của tôi?

- Cảm ân huynh đài đã chỉ giáo. Nhưng đây chỉ là cái thấy của một người. “Cái thấy riêng tư”.

- A ha ha! Hay! Thật là “gây ông đập lưng ông”.

Được lắm. Đây nhé! Cái lối đi ra ngoài trái đất ấy cũng cần thiết lắm. Ô! Thật là ta không thể nào tưởng tượng được sự hỗn loạn và chật chội khi con người không nhìn ra ngoài trái đất. Ô! Quả đất sẽ ra sao nếu chẳng có cái hư không nâng đỡ y? Thế giới sẽ như thế nào nếu toàn là ma quỷ? Núi non, sông suối sẽ như thế nào nếu không có gió mưa, cỏ cây và sương mù? Và tâm hồn ta sẽ thế nào nếu không có: “Lung linh nguyệt chiếu đầy sao, mộng mơ hé cửa trần lao mỉm cười”? Cần thiết, cần thiết tât. Nhưng mà, “xin chàng lãng tử vào chơi, đêm nay thu lạnh, đất trời nên duyên!”

Cái trí thì chỉ để mà nương tựa, còn cái tình là để mà sống. Tất cả kinh điển mười phương phải được biến thành những hạt mưa nhỏ long lanh trên mái tóc nhỏ yêu kiều của mùa xuân. Ô! Thơ, hoa lá, chim, sương khói, mây trời, tư tưởng phải kết dệt thành những thể tính băng lãng chấp đôi cánh tôi bay

lang thang hí du ba ngàn cõi. Ô! Và bạn ơi! Vậy là hết câu hỏi, hết tư duy, hết ngôn ngữ. Bây giờ tôi chỉ cần sống. Và sống là tình, là thơ, là thiên thu, là chí mỹ. Dĩ nhiên cả chí thiện nữa.

- Huynh đài không còn cả sư buông thả ngông cuồng cho tự ngã ư?

- Ô! Đừng nói xóc! Người em ôi! Tôi thương người em lắm. Tự ngã ư? Quý giá gì nó? Một con bọ hung cũng có tự ngã vậy. Đại ngã ư? Một con bọ chét cũng có đại ngã vậy. Atman? Brahman? Tiếng “Om” linh thánh? Cái đó không phải nằm trên mây, không phải ở trong những ngôi đền quanh năm trầm hương nhang khói. Mà nó ở đây, ở trong dòng đời tục lụy này. Bạn phải bơi vào đấy để học tự ngã.

- Đừng điên. Đừng lý luận thân xác như thế. Rồi huynh đài sẽ khổ đau.

- Ai khổ đau? Hả? Ai khổ đau đã chứ? Vả chăng, tự do và đau khổ là một vận hành biện chứng? Nô lệ và hạnh phúc là một vận hành biện chứng thứ hai?

Bạn muốn gì? Tự do? Nô lệ? Hạnh phúc hay đau khổ?

- Có ai lại đi tìm nô lệ và đau khổ bao giờ?

- Ôi! Thật là ngu si làm sao. Ngu si không thể tưởng tượng được. Tự do và hạnh phúc không thể đứng bên nhau. Kẻ nào muốn tự do thì phải kham nhẫn cả triệu mùa hỏa ngục, phải chất nặng cả hàng vạn núi lửa trên vai. Bạn là một hiện sinh tự do ư? Thì bạn cứ kiếm tìm, cứ lên đường, tôn sùng cái tôi tối thượng, cái tôi vô biên, cái tôi tuyệt đối - và bạn phải cắn răng bịt mũi hứng chịu mười sáu ngàn quả trứng thối của thế gian. Được chưa? Hãy là tự do đi! Còn hạnh phúc ư? Muốn hạnh phúc thì cũng phải còng lưng lại, cúi đầu xuống. Tự do thì ngừng mặt mà đập qua than hồng, niềm sỉ nhục - còn hạnh phúc thì phải biết lòn tròn kẻ chợ. Ô! Không phải sao? Phải biết quỳ gối lạy vợ. Phải biết nói lời giả dối nịnh nọt người tình. Ô, em đẹp lắm tuy rằng em xấu như ma. Ô! Anh cao thượng quá mặc dù anh là tên đĩ bợm. Thế đó, thế đó. Phải nói ngược lại hết. Phải sống ngu như bò, dơ như heo, giả dối như sêu, gù gù như bò cạp, dâm như dê, lệt đệt như vịt, oác oác như quạ, bươi móc như gà... Còn nữa thôi? Hay là phải còn nhịn bụng cho con no? Phải sống nô lệ trong các quy ước của xã hội. Phải lao tâm, lao lực, đầu tắt mặt tối hầu kiếm đồng tiền vàng cho gia đình thân quyến? Đồng ý chưa? Đây là hạnh phúc. Và hạnh phúc được định nghĩa là nô lệ vậy. Cũng được định nghĩa là đau khổ vậy. Còn ta ư? Tự do và hạnh phúc đều là cỏ rác. Thượng đế và phạm thể đều là dê và trư. Ta là kẻ tìm về mình. Tìm về mình và học chính mình.

... Ô! Có lẽ vậy. Hôm đó, y đã trình bày mọi sự một cách thật rõ ràng nhưng chàng đã vô tâm quên bằng đó thôi. Y đã phơi mở cả con người y để cho ta thấy sự thật bên trong. Nhưng có lẽ nào? Có lẽ nào một con người với trí tuệ và tâm linh dường ấy lại làm những việc lén lút ám muội? Y đã từng từ bỏ

hai người vợ xinh như mộng để đến núi rừng này trong hình thức người không phải người, dã thú không phải dã thú để hò hẹn với người đàn bà vô danh nào đó trong bụi rậm? Cái dáng hối hả của y và cái dáng luống cuống của người đàn bà – có một cái gì làm cho chàng ghê tởm. Y tập phạm tội? Phạm tội để làm gì chứ? Để học gì nơi cái phạm tội ấy? Để tìm học chính mình? Chỉ nguy biện thôi. Chàng không thể nào tha thứ được. Cái đó gọi là học thân xác. Cái đó gọi là học bản năng. Cái đó gọi là học thú vật.

Suốt đêm, Triết Hựu không chợp mắt được. Có quá nhiều hình ảnh lẫn mộng mị lan man đã đến với chàng. Hình ảnh của một người đã đi lên đỉnh núi cao rồi lại phải chúc đầu xuống, rơi vào lòng một chiếc hố đen ngòm, sâu thẳm. Một bóng người đi trên miền gió ngược, tà y phát phới dưới bóng mặt trời hồng, có cái gì hiên ngang và kiêu hãnh quá, rồi chột sa chân, rồi hút mất, rồi đêm tối đã nuốt chửng y. Ô! Không phải, y đã gục ngã. Đã nằm ngoan hiền trên chiếc giường thất bảo của nữ vương khoái lạc...! A! Nhưng sao ai rồi cũng như vậy cả? Từ cha, từ mẹ, từ em gái, Vọng Việt, hai người tỳ nữ, hai người con gái giữa dòng? Họ thấy đều là hiện thân của thân xác, nghĩa là bóng tối, địa ngục và tử sinh? Bây giờ là Quái-đầu-đà. Dáng dấp hiên ngang, cường tráng, mặt trời, biển và núi - lịch sử một thời đi khắp miền Trung Ấn vắn đạo, từng cắm những nhánh liễu (tượng trưng sự thách đố) - ở các thị trấn hữu danh có rất nhiều luận sư, chân sư và danh gia. Thế mà... thế mà... y lại gục ngã nơi đây, nơi xó xinh hang hốc của một khu rừng, trong vòng tay của một người đàn bà, rồi hối hả, then thùng lúi đi như một tên đạo tặc. Ô! Thật là không thể hiểu được! Thật là tội tệ biết bao nhiêu?

May ra, trước mắt chàng vẫn còn hai người là vẫn còn vẹn tuyền, trinh trắng: Sư phụ và vị sa-môn đầu-đà. Ô! Mà phải. Đá thì nhiều mà ngọc vốn hiếm. Kẻ trí thì ít mà người ngu thì nhiều. Cuộc đời này hơi đầu mà vuốt đuôi chó!

Gần sáng, chàng ngủ được một chốc. Ô không, chàng mê. Chàng bị một cơn ác mộng. Giữa con đường đầy lửa đỏ rực, nóng cháy sém da thịt, chàng hối hả băng mình chạy. Nhưng kinh hãi thay, một con rắn lớn thè lưỡi đỏ hồng về phía chàng. Khoảng đường hẹp quá và hai bên là vực thẳm. Rắn càng lúc càng lớn và phì phò tiến lại, mùi tanh tươi xông lên nồng nặc. Không còn ngõ thoát, chàng định quay về lối cũ. Lửa đã cháy xèo xèo tóc râu, y áo và da thịt, nhưng chàng đã cắn răng để dẫm qua những cục than hồng. Nhưng ô kìa, đằng sau cũng có một con rắn lớn tương tự đang nằm khoanh tròn bịt mắt cả lối đi. Khiếp đảm quá. Đã tuyệt lộ rồi. Chàng hét to lên một tiếng rồi bất tỉnh. Bất tỉnh trong cơn ngủ là tỉnh lại sau cơn mê. Mùi tanh của rắn và mùi khét của da thịt hình như còn phảng phất đâu đây. Trái tim đang còn đập bồi hồi. Vùng trán hâm hấp nóng. Có lẽ chàng đã bị cảm. Đã hai ngày rồi chàng không ăn gì. Giác ác mộng kinh hoàng quá. Chàng là kẻ đã cùng

đường. Mọi cánh cửa đều đã bị chặn lại. Tri ngã. Tri ngã. Chàng chẳng thể tri ngã được nữa rồi. Bây giờ chàng không còn biết gì nữa hết. Không thấy gì nữa hết. Tối om. Vĩnh viễn không còn biết đâu là đến, đâu là đi. Định mệnh sẵn đuổi sau lưng, niềm bất an sừng sững ở hiện tại và hư vô nghìn nghịt ở đằng trước. Địa ngục nào đây mà chàng đang bị vây tròn? Đây là cõi miền tịch lặng chân phúc linh thánh? Tự do và đau khổ là một vận hành biện chứng. Ô! Không phải y đã từng nói như vậy rồi sao? Tự do tâm linh là sự cứu chuộc và đóng đinh trên cây thập tự giá của Christ. Phải mang vác thập tự giá và ra đi hành hương qua hết mọi bên miền biên cõi của đất trịch. Cô đơn, bão, vực, lửa, máu, nước mắt, nỗi buồn và hoang hôn. Biết đâu phải sinh thực cả rễ cây, củ rừng, niềm đau và dã thú? Thế gian đều là bọ ma qui ở chung lộn với những tên ác hạnh cùng kẻ phạm tội. Chúng đều là thân quyến với nhau. Muốn làm bậc linh thánh thì ta phải hứng chịu mười sáu ngàn quả trứng thối, vác cả trần gian này lên vai để đi qua sa mạc. Dám lắm. Dám lắm. Ô! Chết còn sướng hơn là phải đầu hàng, bại trận một cách nhục nhã, vô liêm khiết. Nhưng mà chàng còn có một niềm tin, một hơi sức, một nhịp đập của con tim để lên đường nữa không, hay những chiếc xương sườn của ta đã bắt đầu phé mục?

Triết Hựu ngồi bật dậy, có đứng thẳng, nhưng rồi lại ngã vật xuống. Tứ chi mỗi rời, xương cốt kêu răng rắc. Đầu óc choáng váng, tai lùng bùng. Mọi vật quay cuồng trước mặt. Thầy ôi! Sư phụ ôi! Sao bây giờ con cô đơn quá, con yếu đuối quá. “Hãy kham nhẫn, hãy kham nhẫn”, con sư tử trong chàng bấy lâu ngủ yên bây giờ chợt gọi lên nho nhỏ. Gọi một tiếng rồi cũng đi đâu mất, bỏ chàng trợ trợ một mình với nỗi buồn khổ vô hạn. Chàng thấy mình trôi nổi đảo lộn giữa màu vàng, sền sệt bùn và máu. Chàng như mê đi, mê đi. Hình ảnh cha, hình ảnh mẹ, hình ảnh em gái lại xuất hiện dụi dàng bên chàng. Ô! Họ xuất hiện dụi dàng làm sao! Một cánh tay nâng đầu chàng dậy. Cánh tay của người tình hoang, của em gái hay mẹ? Và còn đôi mắt nữa. Đôi mắt bao la, ngọt ngào và ủi an biết mấy. Mẹ ơi, mẹ! Và chàng thấy mình biến thành trẻ thơ trong lòng chiếc nôi nhỏ. Người cha lại xuất hiện, gương mặt nghiêm khắc lạnh lùng. Rồi tất cả mọi người đi cầu kinh, chàng nằm yên lặng hít mùi hương và trầm, bôi lợi thoải mái trong chiếc chăn bông ấm cúng. Căn nhà của mẹ và của cha thanh bình và êm ả quá, có cả ngọn khói chiều, bánh kẹo cùng quà xuân xanh đỏ. Một ngày xuân có mưa từng sợi nhỏ li ti, em gái chàng từ Ba-la-nại về khoe với chàng cái y khăn quàng mới thêu kim tuyến, có vị thần ngọc nữ óng ánh chiếc vương miện màu vàng rờng! Ô! Sao yêu kiều và hoan lạc quá. Mẹ ơi mẹ! Con khát nước. Chàng được uống nước rồi sau đó, uống sữa và cơm đê hò. Rồi mẹ chàng ca cho chàng nghe khúc ca chiến thắng của thần Krishna trong hiện thân lão đánh xe cho vị vua trẻ ngoài chiến trận. Tiếng ca mỗi lúc một thấp xuống, không

còn rõ lời mà chỉ thoang thoảng những âm thanh ngọt ngào quyến rũ. Âm thanh của mẹ hòa lẫn âm thanh của em gái chàng thuở xưa bên suối với khúc ca tình ái! Rồi lại hòa lẫn khúc hát của người con gái chăn dê mỗi buổi chiều nào chàng đi kinh hành qua núi. Người con gái có đôi má hồng và đôi mắt long lanh tình tứ quá. Chàng đã vội cúi xuống tránh làn thu thủy rồi bước đi...! Nhưng sao lạ, dù chàng cố xua đuổi bao nhiêu thì hình ảnh cô gái trong tâm chàng càng hiện rõ nét. Tiếng ca phiêu diểu, phiêu bồng, như vuốt ve, như mơn trớn làm cho ngọn gió chiều đã phải dấy tình nhẹ nhàng đến mơn man vùng ngực cao mịn màng. Triết Hựu nóng bừng mặt và chột ngời bật dậy. Ồ! Kinh hoàng quá. Ma vương đã đến quyến rũ ta trong cơn đau ngật ngậy này. Ồ! Hình như có ai vừa ra khỏi nơi chàng ngủ? Mùi thơm kỳ lạ của tóc, của da thịt con gái - mà chàng không thể đánh hơi làm - đang còn tản mạn đâu đây. Ồ! Còn cả cơm đê hồ lưng đĩa! Ta đã làm gì trong cơn mê? Ai đã cho ta ăn trong lúc ta bất tỉnh nhân sự? Ai đã nâng đầu ta dậy rồi hát cho ta nghe? Ồ! Còn cả hơi ấm ở đây nữa, hơi ấm của một người con gái. Chàng hoảng quá. Người con gái nào đã đến săn sóc ta khi ta đau? Khi ta cảm thấy cô đơn lẫn thống khổ cùng cực? Khi ta đang thèm khát một mái nhà? Một tuổi thơ? Một sự an ủi dịu dàng của mẹ? “Xin vâng, xin vâng”, con cừ non bên trong chàng lại cất lên tiếng gọi yếu ớt. Bây giờ chàng đã nhu nhược quá rồi...!

Chàng nằm lả xuống và cảm thấy hai cánh tay mình run run. Đến chiều, quả có người con gái trở lại: người con gái chăn dê. Chàng ngược mắt nhìn ra và thản nhiên chờ đợi.

- Cảm tạ thượng đế! Quả là chàng đã qua khỏi cơn nguy hiểm.

Người con gái mang theo một chiếc giỏ, bước đi nhanh nhẹn, đôi chân có những ngón hồng.

- Hồi sáng, thiếp đi qua núi, nghe trong miếu có tiếng người mê sáng la hét. Bước vào thấy chàng. Ồ! Tội nghiệp quá. Phần cơm của thiếp chàng chỉ dùng được một ít. Ồ! Tội nghiệp cậu tuổi trẻ tu hành cô độc.

Người con gái nở nụ cười như đóa hoa hồng nở buổi sáng rồi ngồi xuống bên chàng, đưa tay sờ trán:

- Còn nóng lắm. Lại hâm hấp mồ hôi nữa. Đừng nhúc nhích, cứ nằm im.

Người con gái quay lại, lấy trong giỏ ra một nắm lá, đưa mắt nhìn ngược xuôi, chợt thấy cái bát sắt ở trên bệ thờ, nàng nhanh tay lấy xuống, bỏ lá vào. Triết Hựu định cản lại nhưng không còn kịp nữa. Nàng đang giả nhỏ nắm lá bằng viên đá trong cái bát đi khát thực hằng bữa của chàng! Cử chỉ nào của nàng cũng lạnh lẽ, hoạt động, toát ra một sinh lực hồn nhiên, nhịp nhàng, như được tuôn phát bởi một cái gì của tuổi trẻ ở bên trong. Ồ! Nhưng mà rồi, một ngày mai nào đó cũng chỉ còn lại một nắm cốt khô thôi chứ có hay hướm gì! Thân xác đẹp đẽ ngọc ngà ấy chỉ là cái bì da, bên trong đựng máu

mủ, nước tiểu, nước dơ, đờm, rãi, phần, ngu si, tình dục, giận dữ lẫn khinh mạn... mà thôi!

Triết Hựu xoay mình nằm ngửa nhìn lên nóc miếu. Người con gái lại đến bên chàng, mùi thơm tỏa ngát trong không gian, êm đềm và gần gũi. Nàng lại hát véo von một khúc ca tình ái mà chàng đã được nghe thoảng trong cơn mê. Lấy chiếc khăn mặt của mình, nàng bỏ lá vào trong rồi nhẹ nhàng, cẩn thận cột lên trán chàng.

- Rồi sẽ khỏi ngay, cung ạ! Ô! Không, sa-môn chứ! Một chú sa-môn tí hon dễ thương! Ô! Chàng sa-môn ơi! Rồi thiếp sẽ hát cho chàng nghe khúc ca bên núi khi đức huyền mẫu Kàli tỏ tình với thần Shiva.

- Có đoạn ấy đâu. Thánh kinh Vệ-đà làm gì có đoạn tỏ tình ấy?

- Có chứ! Những kẻ đạo đức giả, giả vờ không thích tình ái, cao thượng róm đã bỏ đoạn ấy đi. Những tên “cù lằn” ấy, chúng chẳng hiểu gì về thú yêu thương cả.

- Đừng đùa thế cô bé ạ! Vệ-đà là thánh kinh, là cõi tinh thần sáng láng.

- Ô! sa-môn! Đừng lý luận hợm hĩnh. Không có tình ái, yêu thương sao lại có chuyện Kàli là vợ của thần Shiva? Chàng thông minh đến độ ngốc nghếch. Thôi, im đi cung! Để thiếp hát cho chàng nghe.

“Đấy chỉ là ý nghĩa tượng trưng.” Chàng định cất tiếng cãi lại nhưng người con gái đã hát rồi.

“Mù sương xuống che mắt vòm trời sao lộng lẫy

Ôi! Tình đẹp như mây hồng

Ôi! Tình tuyệt như sao băng

Thuở thiên địa sinh

Ta cùng chàng chia tay

Thuở thiên địa sinh

Ta cùng chàng gặp gỡ

Đấng chủ tể là nhất chân

Người chia ta làm hai ngã

Đấng chủ tể là muôn năm

Đem ta về chân ngã

Ôi! Chàng ôi!

Chiếc búa thần của chàng đâu

Bửa cái cầu tạo hóa

Sinh lực Pràna

Niềm hân hoan của cỏ

Ôi! Chàng ôi!

Lời hẹn hò một trăm năm

Thần huy hoàng cùng thần bất tử

Với lọng vàng của Purusha

Ta là thần ngã
Có bao giờ lập?
Có bao giờ che?
Những vòm trời sao lộng lẫy
Trong khối tình ta vô biên
Trong khối tình ta toàn phúc.
Ôi! Chàng ôi!
Gió thổi từ vì sao ngẫu
Ôi! Chàng ôi!
Mây sa từ vì sao quế
Sương quyện khối tình sương
Mây níu khối tình mây
Ta hợp mà ly
Ta ly mà hợp
Ý lực và uyên nguyên
Phạm thể đâu?
Ai là ngài, khả tri?
Tịch viên đâu?
Ai là người, khả lượng?
Hữu tồn là giác linh
Giác linh là nẻo tử
Ai tương hợp
Ấy tương ly
Shiva hỡi, chàng hỡi!
Bắt nhịp cầu mà qua
Bỏ nhịp cầu mà đến
Mối tình ta tình vân
Sao khuê và sao khuyết
Ta làm bản hòa ca
Hủy thể chính So'ham
Thần linh trong thân xác
Shiva hỡi, chàng hỡi
Atman! “Om! Om! Om!”

...

Đến ngày thứ ba thì Triết Hựu lành hẳn bệnh. Mỗi sáng, mỗi chiều, cô gái chần dê đều đến sẵn sóc chàng, cho chàng cơm cháo và thuốc men. Chàng định đi khát thực trở lại vào ngày thứ tư, sau đó chú tâm vào đề mục thiền định hầu lấy lại sức thăng bằng nội tâm sau mấy ngày ốm bệnh. Chàng đã sa đọa tận cùng. Lại xanh xao quá đỗi. Chàng lên án mình dữ dội, đồng

thời lại thấy nhớ nhung, thân thiết làm sao những bước chân, nụ cười, mùi hương, tiếng ca, bàn tay của nàng!

Buổi sáng, chàng để tâm trôi chảy nhịp nhàng, muốn không còn mảy may tư niệm nào, muốn tư tưởng hãy diệt mất đi, muốn vô duy cả cuộc đời. Nhưng chàng đã bất lực - khi một cơn gió qua, rơi rụng xào xạc những chiếc lá khô, chàng lại quay mặt lại nhìn, tưởng là nàng đến. Chàng thẹn đỏ mặt, rồi bần thần, mệt mỏi nằm xuống. Nhưng khi có nàng, chàng lại thấy mình nghiêm trang và đứng đắn dường bao.

- Tôi đã lành bệnh, xin cảm ân nàng. Có lẽ tôi sẽ đi khát thực và trở lại thiên đình vào ngày mai. Nàng đừng để mắt thì giờ vì tôi nữa.

Người con gái đưa tay sờ trán rồi sờ ngực chàng:

- Ô! Đã lành bệnh đâu. Người còn nóng mà tim lại đập nhanh quá. Vậy là thêm một cái bệnh yếu tim!

Chàng cố gượng và lách ra xa người con gái.

- Sao vậy? Đừng trở mình. Hãy nằm yên! Rồi thiếp sẽ hát cho chàng nghe.

“- Ôi! Chàng ôi!

Gió thổi từ vì sao ngâu

Ôi! Chàng ôi!

Mây sa từ vì sao quế

Sương quyện khối tình sương

Mây quyện mối tình mây

Ta hợp mà ly

Ta ly mà hợp

Ý lực và uyên nguyên

Phạm thể đâu?

Ai là ngài, khả tri?

Ai là ngươi, khả lượng?

Hữu tồn là giác linh

Giác linh là nẻo tử

Ai tương hợp

Ấy tương ly

Sa-môn hỡi... chàng hỡi!

- Đừng hát nữa! Tôi van cô. Đừng hát nữa. Tôi là sa-môn.

Cô gái cười khúc khích:

- Sa-môn không là người sao? Sa-môn không có tình sao?

- Cô đã làm cho tôi phạm giới, cô có biết không?

Nói xong, chàng chảy nước mắt, người con gái lại lấy khăn lau cho chàng.

- Giới luật gì đâu mà phạm! Hãy thôi khóc đi cưng! Ô! Chú nhỏ sa-môn hãy nín khóc đi. Sáng nay ta lại có cái ăn tuyệt vời. Đặc ân của chủ mẫu đó!

- Chủ mẫu nào?

- Đức mẹ tình ái của ta. Sáng nay ông chủ bà chủ đi tạ thần vì sinh được con trai. Thiếp là tỳ nữ trong nhà nên cũng được vài cái bánh ngon.

Nói xong, người con gái lấy từ trong xách ra hai chiếc bánh to còn nóng, hương vị mùi nếp thơm nồng ấm và dịu dàng.

- Thiếp đã nhanh tay mượn tạm của nữ thần hai cái thôi. Chàng một, thiếp một. Thế là vừa đôi. Ôi! Mẹ tình ái! Diễm phúc và hoan lạc xiết bao!

Triết Hựu chột sa sầm mặt lại:

- Nàng lại trộm cắp nữa, không biết xấu hổ ư?

Người con gái lấy ngón tay trỏ “nhí” vào trán chàng:

- Xấu hổ là xấu hổ cái trán này, cái mặt này, con mắt này. Xấu hổ là xấu hổ ở trong ấy!

Triết Hựu đỏ bừng cả đôi má vì thiếu nữ đã thấy chàng nhìn trộm nàng. Chàng nhắm mắt lại, muốn độn thổ đi. Ôi! Xấu hổ quá. Chàng đã sa đọa đến tột cùng tâm tưởng. Tất cả tiếng gọi kêu lý-trí-tinh-thần-sư-tử đều đã vô hiệu lực. Chàng đã hiện nguyên hình là một con người xấu xa, đê tiện. Ô! Mà sao giá trị của tử sinh và bóng tối nó vĩ đại quá. Từ lâu ta đã bao che bên ngoài thế giới này một lớp tinh thần sáng láng, một lớp tinh thần linh thánh và cao thượng. Ta nhốt nó lại. Ta không dám nhìn mặt nó. Ta khóa lấp hoặc cố tình chối bỏ, nhưng không vì thế mà nó mất đi. Những tình cảm, ghét mẹ, ghét cha, em gái cùng Vọng Việt phải chăng chỉ là phản ảnh của bên trong chàng? Sự xung đột xảy ra là bởi chàng dối trá không nhìn ra chính mình? Sự khổ đau xảy ra là do chàng không dám sống thực? Sợ rằng mình là một con người thân xác bản năng? Sợ rằng mình không là kẻ phi thường? Ôi! Rõ ràng là tinh thần và lý trí là những chiếc chạm bẫy bằng vàng. Nó tỏa ra ánh sáng lửa. Ở xa là hào quang trình tuyền chân phúc mà ở gần là nhiệt độ đốt cháy người. Nó đã lôi cuốn ta, hấp dẫn ta chạy thất điên bát đảo - để cuối cùng, suýt bị đốt thành than! Ô! Nơi cõi tinh thần cũng có chạm bẫy, người sẽ bị hủy diệt ở đây. Con chim trắng một hôm nào mộng mị đã cất lời tiên tri báo triệu mà ta nào có biết. Ta sẽ không thể bay đến đó bằng sức mình. Ta sẽ bị rơi xuống đại dương sâu. Ngoài đảo xa kia, đấng Guru của ta cất cánh phụng hoàng, nhưng mà quả thật, ngài đang hiện hữu trên mặt đất trần gian này, đầu trần chân đất, ăn xin từ nhà này sang nhà khác, khổ hạnh, vô dục và bình dị xiết bao. “Bần tăng là kẻ bình thường, nên chỉ xin sống cuộc đời bình thường. Xin ăn, bần tăng đã có bát, bước đi, bần tăng đã có đôi chân, suy tư, bần tăng đã có trí vô tri.” Ô! Ngài đã không nói vậy rồi sao? Ta muốn cao thượng hơn đấng Guru của ta ư? Ô, Không phải đó sao? Sao bấy lâu ta lại từ chối thân xác? Từ chối thân xác là một cái gì nghịch lý nên khổ đau. Đã bao nhiêu năm ta đã tạo nên một bãi chiến trường khôn nguôi giữa tinh thần và thân xác mà không làm nên được một trạng thái êm dịu bình hòa. Ta lại muốn chạy bắt vô hạn? Ta là gì mà dám chạy bắt vô hạn? Cả

tin thần lẫn thể xác đều là cái hữu hạn, sinh diệt mà ta lại mất công tìm kiếm vô hạn và bất tử. Ô! Thật là đại ngã mạn làm sao? Rõ ràng là ta đã cuồng vọng thái quá khi từ chối mọi hiện hữu. Cả trần gian há chỉ là cái gì vô ích và phù phiếm, mà ít nhất cũng lập căn từ một giá trị ngàn đời nào chứ?

Ta từ bỏ tất cả và ra đi. Ta oanh liệt quá mà đồng thời lại ngu si quá. Bất tử là ở đây, bây giờ, ở ngay chính trong sinh tử. Chân phúc là ở đây và bây giờ, ở nơi cõi hỗn mang tạo loạn và thống khổ này. Dòng đời là sự vận hành nhịp nhàng của tất cả mọi hiện hữu, hỗ tương qua lại xuống lên, vào ra. Ta là một khả thể bất ly, định mệnh buộc chặt từ khi vừa mở mắt. Vậy mà ta đã không thấy. Ta đã làm một nỗ lực đi ra ngoài thế gian để tìm kiếm hư vô. Quái-đầu-đà đã nói đúng: Ở đây là cái dốc cao, mặt trời lửa và sa mạc - bạn sẽ bị đốt cháy thành than. Ta đã đến đây và biết. Nó có giá trị khai mở một cánh cửa tự do cho tâm thức, để cho tâm thức vươn đến tuệ giác. Là cái không còn bị nô lệ bởi tư tưởng và thức. Tuệ giác không phải bước đi bằng té bào não mà phải bước đi bằng hơi thở và trái tim nóng hổi, phải cọ xát lên thực tại bằng cả tứ chi và thân thể. Ô! Vọng Việt cũng nói đúng nữa. Ta đi bằng đầu óc mà vào cuộc đời. Ô! Y là Vọng Việt mà thật ra chẳng "vọng việt" chút nào, Ta là Triết Hựu mà ta chẳng "triết hựu" chút nào. Ta đã vọng việt qua suốt bao nhiêu chặng đường chỉ để biết rằng tên mình chính là triết hựu từ bao giờ. Cha ta cũng là kẻ tiên tri định mệnh của ta, vậy mà ta đã nguyên rủa ông. Mẹ ta nữa. Ôi! Xin mẹ hãy tha thứ cho con. Và Triết Nguyệt, ta đã khinh bỉ em. Khi em chấp nhận cuộc đời tại thế. Vọng Việt ơi, rồi người vẫn là kẻ minh triết, vẫn đúng là giáo chủ Minh triết giáo, người vẫn là kẻ đến đích trước ta. Ô! Có lẽ chưa phải là vậy, y chỉ là kẻ mới thấy cái giới hạn của mình. Tuy ta đã biết cảm thông và tha thứ cho tất cả, nhưng biết đâu, điều này cũng là cạm bẫy? Biết đâu con đường lại có cái gì huyền nhiệm nữa? Phía trước con đường, phải tới tận nơi rồi mới thấy, mới biết?

Bây giờ chàng mới như thực thấy rằng, mình đã từ chối tất cả cái gì đang hiện hữu rồi lại đi tìm kiếm một cái gì không rõ mặt. Định mệnh sau lưng, ta thường gọi thế, nhưng định mệnh là định mệnh nào, cái gì làm nên định mệnh? Ta không biết, không ai biết. Bây giờ thì phải biết cảm thông và tha thứ cho cuộc đời vì trong ta cũng chính là cuộc đời. Điều kiện phát sanh đến cho mẹ, cho cha như vậy, nếu là chàng - thì chàng có đi ra ngoài thông lệ? Bước ra khỏi từ lực của nam châm, là sức hút của trần lao và thế tục, mà bản chất của mỗi tự hữu vốn là một cái gì tương ứng - thuộc tính của đại dương sinh tử kia - cái nhấp nhô lên xuống của những hiện hữu trong sức quay điên đảo và vũ cuồng của vô minh và dục tính. Điều kiện phát sanh đến cho chàng, như với người con gái chăn dê, thì ai là kẻ đủ sức để bước ra khỏi tương quan. Chàng nhìn mình và thấy rõ ràng như vậy, mặc dầu, bên

ngoài chàng có vẻ là một con người tinh thần ghê gớm và cao thượng nhất - kể từ chồi thân xác!

Nhưng bên trong vẫn là thế tục, là cuộc đời, là điều kiện tất yếu của mỗi hiện hữu trên mặt đất. Điều ấy ghê gớm quá, nó có thể làm co rúm lại tâm hồn thánh thiện của kẻ lên đường. Nhưng đây là giá trị, là định mệnh của hữu hạn, của mỗi hiện sinh trong dòng trôi chảy vô biên của hữu hạn.

Triết Hựu thở một hơi dài. Mọi vấn đề hầu như đã lắng dứt, đã yên nghỉ!?

Buổi chiều, chàng chờ đợi người con gái chần chê trở lại để giã từ ra đi. Chàng sẽ trở lại ngôi đại tự để trình bày pháp môn tri ngã cho thầy nghe, đồng thời sám hối những tội lỗi của mình. Ô! Không có vấn đề gì nữa. Ta là một con người tầm thường, bình thường, như thường thôi. Thế là nhẹ hẫng. Ta từ đâu tới ư? Đây là vấn đề của vô hạn. Rồi ta sẽ về đâu ư? Dĩ nhiên là do nhân duyên và điều kiện. Các pháp đều do nhân duyên và điều kiện - thì ta là gì? Không phải là ta đang ở trong dòng pháp ư? Các pháp đều sinh diệt mà ta lại muốn mình phi diệt phi sinh ư? Ô! Mê vọng quá, đồng thời lại tham lam vô tận vô độ nữa.

Tim chân phúc, bắt tử trong ý nghĩ bấy lâu của ta, chỉ chứng tỏ cuộc đời này không thỏa mãn đủ lòng khát khao vô bờ bến của dục vọng. Tất cả những danh từ như toàn thiện, tuyệt đối, chân ngã, chân đế - sự hiện hữu của chúng là để làm cân bằng lại cán cân cuộc đời, níu kéo lại một cái gì đó đã quá đà, đã nghiêng lệch. Ta phải thấy rõ sự thăng bằng ấy ở trong chính ta - tinh thần ở bên này cực đoan và vật chất ở bên kia cực đoan. Sự bình an không phải là đấu tranh giữa chúng mà là sự giàn hòa. Là sự thấy biết minh triết. Nội tâm phải là khung trời bao dung của tình mẫu, của đất; để cho chúng nhõn nhõ, hát ca, vui đùa hồn nhiên, không hận thù, không ích kỷ, không oan trái, không khi mạn, không tham vọng điên cuồng. Nội tâm phải bát ngát, mênh mông để sẵn sàng tha thứ cho những hạt bụi nổi, những hạt cát bay, mưa sa và gió chướng. Sự thăng bằng ấy cần thiết quá. Sự thăng bằng ấy được gọi là vô tranh và vô dục, là bình an và dừng nghỉ. Trung đạo của đức Phật, trung dung của Khổng cũng không đi ngoài lý trên. Do vậy, không thể có con đường từ chồi thân xác, hoặc cưỡng chế nó theo một thể cách, một phương pháp nào. Chỉ có sự hòa điệu, thấy rõ mình một cách như thực để lên đường; nhưng không phải lên đường bằng sự xung đột và cô lập mà phải bằng trái tim mở rộng đầy yêu thương, bao dung và tha thứ; bằng vòng tay mát dịu tình người; bằng nụ cười hồn nhiên lạc phúc như hoa cỏ; bằng đôi mắt sáng ngời tin tưởng và vắng lặng; bằng bước đi vững chãi lần khiêm nhu của một người đã bước ra khỏi mọi giá trị; bằng vùng trán mông mênh phẳng lặng của bầu trời dịu dàng mùa thu... Và trên tất cả, là giềng mối bản căn, là trí tuệ, đại bi của đức Phật vậy.

Suốt buổi chiều và một đêm, người con gái không thấy đến, Triết Hựu quyết định dời ở lại đến ngày hôm sau. Chàng không có hành trang, hành lý gì lắm: bình bát, tam y và chiếc tọa cụ! Đời sống này giản dị và thanh tịnh xiết bao, như mây trời và cánh hạc. Và hết. Triết Hựu đưa mắt nhìn theo lối mòn quen thuộc. Mặt trời đã lên cao. Thường thì nàng hay đến vào giờ này, cho dê và bò ăn ngoài cánh đồng cỏ rồi nàng đi vào như luồng gió với tiếng ca trong trẻo của những hạt sương mai. Hương hoa rừng, hương nội cỏ tràn vào là nàng xuất hiện. Thường thì ít khi chàng thấy lắm. Phải từ giã nàng, dù sao thì ta cũng nhờ nàng mà vượt qua được cơn bệnh hoạn do sự bế tắc tâm linh mà có. Ô! Có lẽ nàng cũng sẽ buồn biết bao nhiêu. Nhưng làm sao hơn? Ta đã nguyện đem cuộc đời hèn mọn cỏ rác này hiến dâng cho thượng đế, nghĩa là cho đại ngã và đại thể, thì chắc hẳn không thể để riêng cho một người. Tình yêu tuyệt vời thật nhưng ta đã có tình yêu khác, tình yêu viên dung và viên mãn của đạo lớn. Tình yêu này không phải là dừng chân nơi một quán trọ, một chân cầu; mà mãi mãi lên đường, mãi mãi phong sương và cát bụi, mãi mãi với nhật nguyệt, trời cao, sông hồ và biển rộng. Ta lên đường, chưa hẳn là hóa độ ai, chưa hẳn là để cho mình thành ra cao thượng hơn đời - mà lên đường bằng trọn vẹn con người mình, sự hào sảng của đại dương, sự ngậy ngát của núi cùng sự hoan lạc của mùa xuân. Ta là người của mọi bến bờ, mọi quê hương.

Cô gái vẫn không thấy đến. Chàng nôn nao trong lòng. Bước tới bước lui và nhìn. Ô! Quả thật nàng là một con chim sơn ca nhỏ. Ở bên nàng ta như tươi trẻ lại. Chú nhỏ sa-môn! Ngạo thật. Tóc ta đã có vài sợi lốm đốm bạc. Nàng nhí nhảnh và quá dịu dàng. Ấm cúng biết bao nhiêu là mấy ngày bên góc núi này. Đây là một kỉ niệm đẹp. Đừng nghĩ đây là ma, đây là kỉ niệm đẹp. Thế gian này cần nó như cần mùa xuân và hơi thở. Ta không phải là người ngoài thế gian. Sứ mạng của mùa xuân là cho lộc và cho hoa, sứ mạng của nàng là cho ta thêm sinh lực cùng niềm vui trên cuộc đời này. Nhưng ta là sa-môn, và sa-môn là phạm hạnh. Mà phạm hạnh nghĩa là xả ly, nên ta sẽ không chấp thủ, ái trước bất cứ cái gì trên trần gian này cả. Nàng hãy đến và ta sẽ nói lời xả ly, sẽ giã từ. Chắc nàng sẽ nhìn ta ngạc nhiên, say đắm, đổ lệ. Rồi ta sẽ giải thích cho nàng nghe thế nào là tình yêu vị kỷ của thế gian, những tình yêu buộc ràng và đau khổ, những tình yêu đem đến nước mắt, đôi khi cả thù hận nữa. Nàng hãy hi sinh tình yêu nhỏ hẹp của mình để rồi sẽ gặp lại ta trong khối tình vô biên.

Triết Hựu một lần nữa lại nôn nóng trong lòng. Bất giác chàng khoa chân bước theo con đường nhỏ về làng, con đường mà hằng bữa chàng đã đi khát thực. Những xóm nhà ở phía dưới xa kia và đây là một vùng hoang quanh, có những cánh đồng cỏ xanh ven chân núi. Trên cánh đồng, và dọc theo con lộ là nơi gặp gỡ chơi đùa của trẻ chăn dê, chăn bò... Chàng đưa mắt

một lượt, cố ý, không hy vọng, kiếm tìm bóng dáng cô gái nơi cánh đồng ấy. Có một bọ trẻ đang đổ xô lại chỗ lùm cây. Triết Hựu lại nôn nao trong lòng rồi bước nhanh đến hướng ấy. Bò và dê vẫn đứng đĩnh đạc cỏ một cách bình yên và thoải mái.

Chàng đã đến nơi đám đông, bọn chúng dạt ra.

- Ông sa-môn đến! Hãy cứu chị Paduma!

- Rắn độc cắn.

- Chị Paduma đã chết rồi.

Chàng đứng sững lại. Paduma! Paduma! Liên Hoa! Liên Hoa! Nàng đã chết ư? Cô gái nằm nghiêng một chân co lên, khuôn mặt tái xanh. Chàng quỳ xuống rồi nắm tay nàng. Cánh tay sung phù và tím bầm. Chàng nghe như còn nhịp đập yếu ớt ở hõ khâu tay của nàng. Người con gái chột co rúm người lại, các bắp thịt ở trên mặt cũng thế. Nhân dạng người con gái hoàn toàn biến đổi. Sự sống ở trong nàng như muốn cựa mình để thoát ra. Triết Hựu thấy mình bình tĩnh hơn cả chàng tưởng, tuy trái tim chàng dường như co thắt lại. Chàng không hề chảy một giọt nước mắt. Ô! Thế là dấu hiệu tiêu vong của một cuộc đời! Một kiếp thanh xuân đã đi về hủy diệt! Những cánh bướm trắng nhón nhơ trong mắt chàng đang bay vào vùng mặt trời lửa. Những cọng cỏ non vừa lên xanh mẫm mẫm thì một trận mưa tuyết phủ ập xuống. Triết Hựu muốn che mặt đi nhưng rồi lại mở trừng ra nhìn khuôn mặt đã xám ngoét của cô gái. Chàng không biết mình phải làm gì, bối rối và lúng túng làm sao. Trước cái chết chàng như cảm thấy mình bất lực hơn.

- Paduma! Paduma! Chú sa-môn đây. Chú sa-môn đang ngồi bên nàng đây, Paduma!

Chàng gọi nhỏ, chú tâm vào sự sống mong manh đang còn nhúc nhích ở nơi đôi mắt nàng.

- Paduma! Sa-môn sẽ hát bài ca tình ái của chủ mẫu cho nàng nghe nhé!

Và thế là không kể đến mọi người, trẻ nít, người lớn đã bắt đầu bu lại, chàng cất tiếng hát:

“Ôi! Nàng ôi!

Gió thổi từ vì sao ngân

Ôi! Nàng ôi! Mây sa từ vì sao quế

Sương quyện khối tình sương

Mây quyện khối tình mây...

Tiếng hát của một sa-môn - mới hát lần đầu tiên trong đời này - nghe có một cái gì thật thà, ngô nghê và bi thảm làm sao! Giọng chàng ồ ề, kéo hơi như nhựa, đôi khi lại lên cao đột ngột. Và đôi khi, không phải chàng hát - mà chàng hét! Đám đông cười ô!

Nhưng không, một lúc sau, họ đã thật sự bị lời ca cuốn hút, vây chặt, nghẹt thở. Ôi! Bài ca tuyệt vời làm sao, nhất là được thở ra, tuôn phát ra từ một

lòng ngực trinh tuyền, trong trắng, nhiệt tình, trọn cả tâm hồn. Ô! Và bây giờ chàng không còn ngồi nữa, mà chàng đứng dậy, mở rộng vòng tay ra như ôm trọn cả vũ trụ vào lòng, như nói chuyện với thượng đế trên cao:

Ta hợp mà ly

Ta ly mà hợp

Phạm thể đâu?

Ai là ngài, khả tri?

Tịch viên đâu?

Ai là ngươi, khả lượng?

...

Ôi! Tình đẹp như mây hồng

Ôi! Tình tuyệt như sao băng

Thuở thiên địa sinh

Ta cùng chàng gặp gỡ

Thuở thiên địa sinh

Ta cùng chàng chia tay...

Paduma hỡi! Nàng hỡi!

Mối tình ta tình vân

Sao khuê và sao khuyết

Ôi! Nàng ôi!

Lời hẹn hò một trăm năm

Thần huy hoàng và thần bất tử

... Ôi! Nàng ôi!

Sương quyện khối tình sương

Mây quyện khối tình mây...

Chàng hát tới hát lui mãi. Hay chỉ là hát những đoạn nào còn lưu lại trong tâm thức. Chàng hát một cách say sưa, chỉ có chàng, thiên địa và một khối tình. Ngay giây phút ấy, thế gian vắng mặt. Danh lợi, quyền uy, địa vị, vương tước, phải trái, hơn thua, khen chê, atman, bóng tối, ánh sáng, tinh thần, thân xác, vong ngã, đại ngã, chân tri, chân phúc... đều vắng mặt cả. Chỉ có duy nhất một trái tim mở rộng yêu thương, chất ngất, đầy tràn, thồn thức và đau khổ...

Chàng hát. Và bắt đầu những hình ảnh quay cuồng trước mặt. Những giọng nói, tiếng cười, dáng đi của nàng đều hiển hiện rõ ràng trong chàng. Rồi hình ảnh ấy lại vội tan biến bởi những miệng núi lửa, dốc cao và sa mạc. Từng cõi chết đìu hiu, hoang vắng, thê lương lại hiện ra. Nàng ngồi trên con tuấn mã bay qua một miệng vực, lửa từ bên dưới bốc lên cháy xém mái tóc và mảnh sari trắng phật theo chiều gió ngược. Những con chim cánh đen chao lượn trên cao rồi đâm bổ xuống những xác chết, hót những tiếng hót náo nùng, tha đi những ngón tay hồng, những ngón chân hồng. Con cú đứng

chơ vơ trên đầu một mồm đá rúc lên từng hồi dài; mỗi âm thanh là mỗi mũi gai nhọn đâm sâu vào trái tim chàng làm chàng đau nhức, té xỉu rồi ngã xuống.

Ồ! Có những tiếng nói xa xôi nào bên tai, rồi một tiếng hú khác từ xa đến gần. Paduma đã chết. Chị Paduma đã bị “người rừng” công đi. Chàng không nghe tiếng rõ lắm, nhưng ý thức trong chàng đã bắt đầu động đậy. Ông sa-môn này điên chắc!Ồ! Điên vì tình, thú vị làm sao. Y ở nơi cái am kia đã mấy tháng nay. Rất nhiều lời bàn tán về chàng như vậy. Chị Paduma cho y bánh, sữa và ái tình; nhưng thật sự chị là vợ của “người rừng” kia, vợ dộc bờ dộc bụi. Triết Hựu lúng búng trong tai và chàng đã ngồi bật dậy như là một lực tự phát.

- Paduma! Paduma!

Chàng hét hoảng gọi. Đám đông cười ồ.

- Paduma của ông sa-môn, “người rừng” đã mang đi rồi ạ!

Không còn xác Paduma ở đây nữa. Đám đông lẻ tẻ bỏ đi. Một vài lời bàn tán là còn lại. Rắn mai tại chỗ, rắn hổ về nhà, gớm thật. Không. Một con rắn xanh chỉ nhỏ bằng mút dứa. Tiếc là không có “thầy rắn” ở đây, chị ấy có thể được cứu sống. Tội nghiệp Paduma! Gái chưa chồng. Xí chưa chồng! Chưa chồng mà lại năm ba bảy ông. Năm với ba là tám, tám với bảy là mười lăm; trong đó có kẻ lão “người rừng hồi nãy không? Chưa kể, lão người rừng với gã sa-môn này chưa kể...

Triết Hựu ngồi trên mặt tại chỗ, cố gắng đừng cho lọt vào tai tất cả những lời bàn tán tục tĩu sau đó của họ. “Người rừng” mà họ vừa nói, chàng dư biết là ai. Ủ! Quả thật ta không ngờ nàng trong trắng dường ấy mà rồi bên trong lại quá tệ hại; một người con gái như nàng có thể là kẻ đồng lõa với bóng tối để làm những việc lén lút được chăng? Chàng đã bị tổn thương quá nặng nề mất rồi. Cuộc đời này chúng đã khinh mạn vấy bùn ô ướ lên trái tim trinh bạch của chàng. Ma quỷ đã vỗ tay và cười cợt trong lần thất bại và khánh kiệt toàn diện này. Khánh kiệt tất cả mọi gia tài; niềm tin, hy vọng, lối đến, lối về. Ôi! Thanh gươm của đức Kàli mới bạo tàn, vô nhân, kinh khiếp dường bao. Một chút yêu thương vừa mới chớm nở thì thần Shiva đã cho người đến tước đoạt đi. Chẳng còn vòm trời nào nữa cả. Những vòm trời đầy sao đã tắt. Những đám mây trôi bàng bạc, nhẹ nhàng, vô ưu, vô lự cũng không còn nữa. “Mây quyện khỏi tình mây, sương quyện khỏi tình sương.” Tất cả làmaya. Tất cả đều không thực.

Trái tim, khối óc, mọi quan năng đã bắt đầu đông lại, kết tụ thành một sự sống ráo hoảnh; một sự sống không còn liên hệ với mọi sự sống, hay đã mất hút, mù tăm vào một đại dương nào. Những ý nghĩ cựa quậy sau những lớp tế bào não, nhưng nó không còn đủ sức đứng lên để gọi kêu sự hiện hữu nữa. Chúng đã bệnh hoạn, tật nguyên, ghẻ lở; thân thể chúng đã mọc đầy

mụn độc do sự trước nhiệm khi hít thở, va chạm thế giới lý niệm và tư tưởng. Mấy cái mụn đỏ hồng, bầy nhầy thịt thối, xác ma của quá khứ hắt hiu tương ứng với quạ, kên kên và những chú ruồi xanh. Đó! Thế giới tư duy của chàng! Bịt chặt cửa sổ tâm linh lại, những cái xác tử thi lại thò đầu vào, qua những vuông song bằng kiếng đỏ thúc hối sự hủy diệt và tối tăm lên đường. Và; bây giờ, trong từng khoảnh khắc, từng khoảnh khắc; khi đời sống im tiếng, co mình, lặng lẽ - thì mật nghĩa đời sống lại đến với chàng. Từ trong cái hương vị âm ướt và hôi hám của sự chết chóc, qua lớp lá vàng úa phủ đầy, qua những hiện hữu vô danh xa lạ với đôi mắt lơ đãng vẩn đục, đáng đi hốt hải; qua lớp ống khói đã đặc đầy cả hàng triệu kỷ nguyên tâm thức đổ tuôn ra; nức mầm ra: mộng và thực, thiệt và hư - từ trong thai bào một mẹ một cha. Ôi! Vô lượng mật nghĩa cứ thay phiên nhau, thứ lớp, chồng chất; sự êm đềm, sự mỉa mai, sự tủi hổ,

khó khăn và quanh vịnh - biên giới từ ánh sáng qua bóng tối; từ bóng tối qua ánh sáng; thiên đường và địa ngục; sống và chết. Những thân thể trần trụi ôm nhau đứ đờn, hát ca cuồng loạn; máu rỉ ra từ đôi vú căng sữa; gươm và đao cọ xát nhau bật lên những tiếng cười ngất ngây hoan lạc. Cái thế giới tưởng là riêng biệt có hào quang, trật tự, xán lạn, thiện và mỹ - bỗng dừng đìu hiu và hoang vắng vô cùng - chẳng có thể cứu chuộc được trần gian; khi mà, từ sát na của nạn tính, mọi hiện hữu đã từ chối nhất thể và ra đi; nghĩa là từ "đỉnh cao" để bước xuống cõi "lãng đãng mù sương".

Khi đã thấy rõ tất cả những điều ấy, chàng thấy mình chìm lắng vào một cõi hoang sâu, tách rời đồng loại, tìm ra chính mình từ một sơ thủy xa xăm, thuở chưa có vũ trụ và tinh cầu. Từ ngón chân lên đến đỉnh đầu chàng, chọt nức ra sự vĩnh cửu - và thân xác đi qua các cuộc hóa sinh phải bị vỡ đi, bị thiêu đốt - để đưa con mới mẻ là chân ngã lộ hiện nguyên hình là "khuôn mặt tôi" - mà chưa ai quen biết, cả trần gian này. Nó bước ra, "con người nội tâm" ấy, kẻ lạ mặt chưa hề có một lịch sử, đời sống, kiến thức, tình yêu thương cũng như lòng cừu hận. Y lặng lẽ đến bên chàng, nụ cười hồn nhiên như đứa con đỏ; quỳ xuống và cảm tạ chàng. Y mấp máy môi - và rồi, địa cầu sụp xuống; lịch sử, thời đại, kỷ nguyên sụp xuống - bởi vì nó không hề có trọng lượng. Nhưng thế giới ba ngàn không chịu đựng nổi sức nặng ghê gớm của đôi chân y: vô dục, vô duy và tịch mặc. Ôi! Nó hoang dã, ngây thơ, vô luân và vô tính làm sao?

Khi Triết Hựu đứng lên thì "con mộng lớn" cũng vừa tan biến. Cánh đồng cỏ đã qua một đêm rồi, một đêm hay cả hàng đại kiếp của trái đất thì nó cũng không hề khác hơn. Hình như có sương đọng trên vai chàng, thấm lạnh. Màu xanh lam trải trong tầm mắt. Phía xa xa, trời đất một màu bụi đục, khói mây trộn lẫn, tan nhòa, bàng bạc...

Chàng cất bước chân thứ nhất trong đời! Phải, bây giờ mới chỉ là bước chân thứ nhất thôi! Chàng mới bắt đầu sống lại, tỉnh giấc qua giấc ngủ hằng triệu năm, hay hơn thế nữa; hoặc là qua cơn mộng mê của mấy kiếp ngân hà; hoặc hơn thế nữa; từ cõi chết vô danh, kinh khiếp, huy hoàng, lạng lẽ, bí mật và tối đen. Chàng cất bước chân thứ hai, thời gian ngừng lại, như chưa hề qua một sát na nào hay cũng như bước ra từ vĩnh cửu. Ôi! Bước chân không hề máy động, không một niệm nào bị phóng đi! Nó bước đi, trầm tĩnh và kiêu hùng của một đỉnh núi. Nó bước đi mà vẫn yên trụ từ khởi điểm, dường như bôn ba, lưu lạc mà nó vẫn chưa rời quê hương một phút giây nào. Ô! Nó không hề chiếm một khoảng không gian nào ở phía trước. Bây giờ chàng mới biết rằng, chàng vốn là một chiếc bóng từ bao giờ!...

Đến một ngọn đồi cao thì chàng đứng lại. Chàng đưa mắt nhìn khắp bốn phương trời. Nội tâm chàng bây giờ là vũ trụ, đồng thời là một cái gì trình tuyền không vấy bẩn một hạt bụi; không nói vạn hữu ở trong hay bên ngoài, nhưng nó đầy đủ cả, sinh đồng thời hay chưa sinh thì cũng y nhau. Nhưng "con người nội tâm" thì quả thật, chưa hề có ý niệm sinh và chưa hề có một quê hương.

Chàng vốn chưa được sinh ra và chưa hề có một quê hương.

---o0o---

HẾT